

JON KRAKAUER

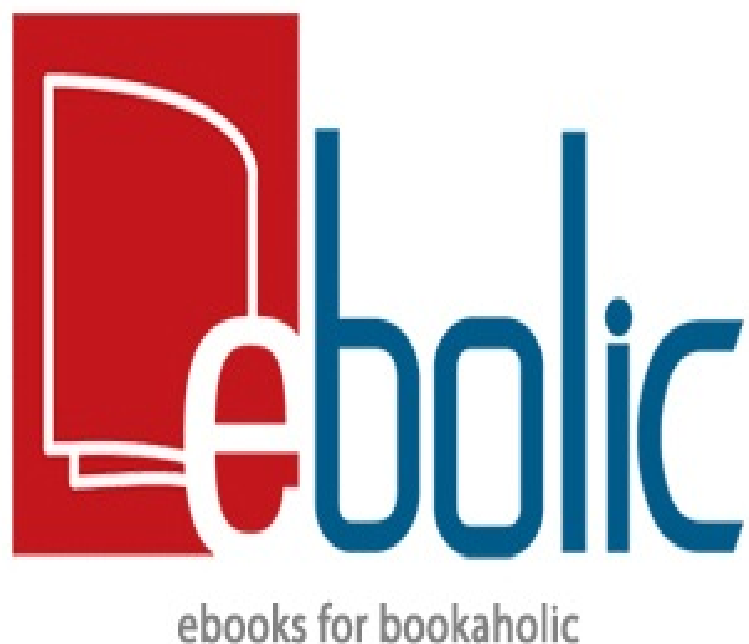


Hồi ký về thảm họa Everest

Tan biến

Tác phẩm: **Tan biến**
Nguyên tác: **Into thin air**
Tác giả: **Jon Krakauer**
Thể loại: **Phi hư cấu, Hồi ký**
Dịch giả: **Phan Tri Nguyễn**
Nhà xuất bản: **Trẻ**
Năm xuất bản: **02/2009**

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com



Dự án Ebolic #2

Shooting: **Hanki**

Typing: **QuynhChi, Fuurin, My, Dlgofly, Vân Anh, Yokenj**

Checking: **Mai Anh, Yokenj**

Leading & Packaging: **Tornad**

Ngày hoàn thành: **12/4/2017**

Ebolic là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận sách.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

Các đoàn thám hiểm chinh phục đỉnh Everest mùa xuân 1996

Chương 1: ĐỈNH EVEREST

Chương 2: DEHRA DUN, ẤN ĐỘ

Chương 3: PHÍA TRÊN BẮC ẤN ĐỘ

Chương 4: PHAKDING

Chương 5: LOBUJE

Chương 6: TRAM CĂN CỨ NÚI EVEREST

Chương 7: TRAI MỘT

Chương 8: TRAI MỘT

Chương 9: TRAI HAI

Chương 10: MẮT LHOTSE

Chương 11: TRAM CĂN CỨ

Chương 12: TRAI BA

Chương 13: TRIỀN ĐÔNG NAM

Chương 14: ĐỈNH NÚI

Chương 15: ĐỈNH NÚI

Chương 16: ĐÈO NAM

Chương 17: ĐỈNH NÚI

Chương 18: TRIỀN ĐÔNG BẮC

Chương 19: ĐÈO NAM

Chương 20: MŨI GENEVA

Chương 21: TRAM CĂN CỨ EVEREST

Thay lời kết: SEATTLE

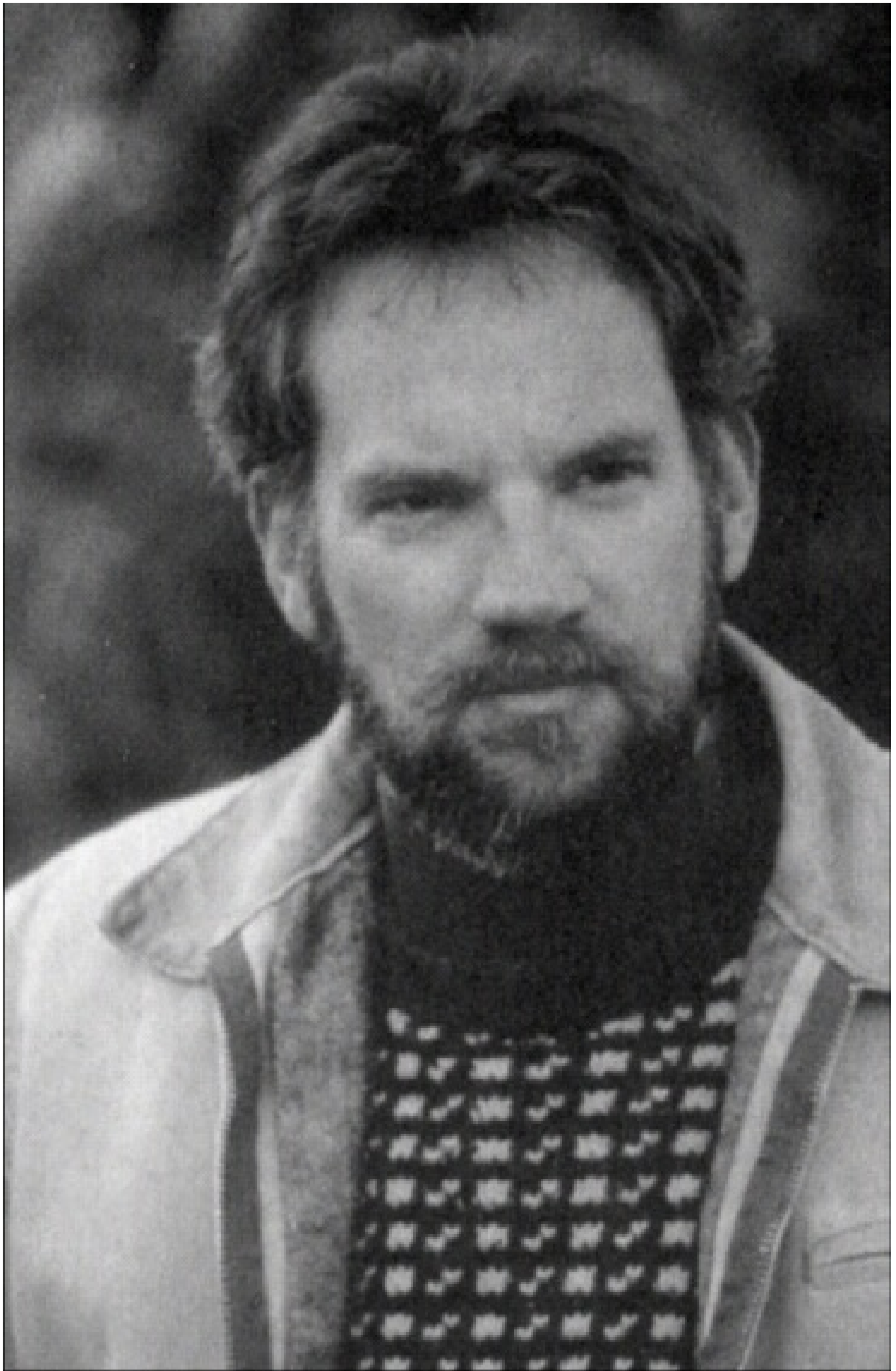
Lời chú

Thương tặng Linda;

Và để tưởng nhớ Andy Harris, Doug Hansen, Rob Hall, Yasuko Namba, Scott Fischer, Ngawang Topche Sherpa, Chen Yu-Nan, Bruce Herrod, và Lopsang Jangbu Sherpa.

Con người đùa giỡn với thảm kịch bởi vì họ không tin vào sự tồn tại của thảm kịch, mặc dù nó đang thực sự diễn ra trong thế giới văn minh.

José Ortega y Gasset



JON KRAKAUER, tác giả của ba quyển sách, bao gồm *Eiger Dreams* và bestseller *Into the Wild*, là biên tập viên cộng tác của tạp chí Outside. Ông và vợ sống tại Seattle, Hoa Kỳ.

LỜI GIỚI THIỆU

Tháng 3 năm 1996, tạp chí Outside cử tôi đến Nepal để tham gia và viết sách về việc leo núi Everest có người hướng dẫn. Đoàn chúng tôi gồm tám người và được nhà leo núi nổi tiếng người New Zealand, Rob Hall dẫn đường. Ngày 10 tháng 5, mặc dù đoàn cũng lên được đỉnh núi nhưng chúng tôi đã phải trả một cái giá cực kỳ đắt.

Trong số năm bạn đồng hành của tôi thì bốn người, trong đó có cả Hall, đã bỏ mạng trong một cơn bão ác hiểm nổi lên đột ngột khi chúng tôi vẫn còn ở trên cao gần đỉnh. Khi tôi xuống tới Trạm Căn cứ (Base Camp), tổng cộng chín nhà leo núi của bốn đoàn thám hiểm đã chết, và đến cuối tháng thì Everest đã tước đi thêm ba mạng người nữa.

Tôi bị sốc nặng sau chuyến thám hiểm và cảm thấy vô cùng khó khăn khi bắt tay vào viết bài báo. Tuy vậy, năm tuần sau khi trở về từ Nepal, tôi cũng xoay sở để gửi bản thảo đến Outside và nó được in trong số tháng 9 của tạp chí. Sau khi gửi xong bản thảo, tôi đã cố gắng không nghĩ đến Everest nữa, nhưng điều đó khó khăn hơn tôi hình dung. Qua một màn sương mù những cảm xúc hỗn độn, tôi cố gắng giải thích chuyện gì thực sự đã xảy ra trên núi, và tôi vẫn bị ám ảnh nặng nề bởi cái chết của những người bạn đồng hành.

Tôi đã cố gắng viết bài báo chính xác nhất trong khả năng, trong điều kiện hạn nộp bài không thể thay đổi, trình tự các sự kiện phức tạp đến nản lòng và trí nhớ của những người sống sót bị lệch lạc do kiệt sức, thiếu oxy và cả bị sốc. Trong quá trình nghiên cứu của mình, có lần tôi đã nhờ ba thành viên khác nhớ lại một sự việc xảy ra phía trên đỉnh núi mà cả bốn chúng tôi đều chứng kiến. Thế nhưng không ai trong chúng tôi có thể nhất trí với nhau về những dữ kiện quan trọng như thời gian, những điều đã nói hoặc thậm chí là ai đã có mặt khi ấy. Vài ngày sau khi báo lên khuôn, tôi phát hiện ra bài viết của mình có vài sai sót. Đa phần là những điểm không chính xác nhỏ, điều không thể tránh khỏi dưới áp lực thời gian trong nghề báo. Tuy nhiên, tôi đã mắc phải một lỗi không nhỏ chút nào và nó đã gây đau buồn dữ dội nơi bạn bè và người thân của một trong những nạn nhân.

Một điều nữa cũng làm tôi không kém phần thất vọng bên cạnh những sơ sót trong nội dung bài báo chính là việc nhiều chi tiết đã phải lược bỏ đi vì không đủ chỗ. Thật ra Mark Bryant, tổng biên tập tạp chí Outside, và Larry Burke, chủ bút, đã ưu ái cho câu chuyện của tôi đặc biệt nhiều trang – đến 17.000 từ, tức là nhiều gấp 4 đến 5 lần một bài báo thông thường. Nhưng ngay cả như vậy thì tôi vẫn cảm thấy tường thuật của mình quá vẫn tắt đến

nổi độc giả không thể có được sự phán xét chính xác về bi kịch đã xảy ra. Chuyến leo núi Everest đã lay động tận gốc rễ cuộc đời tôi và tôi cảm thấy một điều quan trọng là mình có trách nhiệm phải viết lại đầy đủ chi tiết những gì tôi đã trải qua, mà không bị giới hạn bởi vài dòng ngắn ngủi trên báo. Quyển sách này là kết quả của sự thôi thúc đó.

Vấn đề ý thức của con người không ổn định khi lên cao đã làm cho cuộc nghiên cứu trở nên khó khăn. Để tránh việc dựa quá nhiều vào nhận thức và trí nhớ của mình, trong nhiều dịp khác nhau, tôi đã tiến hành phỏng vấn thật chi tiết hầu hết các thành viên chủ chốt của đoàn thám hiểm. Khi có điều kiện, tôi cũng đối chiếu với những đoạn ghi âm bộ đàm được giữ tại Trạm Căn cứ, nơi mọi người có thể suy nghĩ tỉnh táo hơn. Những độc giả quen thuộc với tạp chí Outside sẽ dễ dàng nhận ra nhiều điểm khác biệt giữa bài báo đã đăng và nội dung quyển sách này, đa phần nằm ở những cột mốc thời gian. Điều đó là do đã có những thông tin mới được phát hiện ra kể từ lúc xuất hiện lần đầu trên tạp chí Outside.

Các biên tập viên và tác gia mà tôi kính trọng đều khuyên rằng tôi không nên vội vã viết ra quyển sách này. Nói chung, họ khuyên tôi nên để lại hai ba năm sau, có một khoảng lùi nhất định để có được cái nhìn khách quan hơn đối với cuộc thám hiểm. Lời khuyên của họ hết sức hợp lý nhưng cuối cùng chính tôi lại quyết định phớt lờ đi – phần lớn bởi vì những gì đã xảy ra luôn ám ảnh lương tâm tôi. Lúc đấy tôi nghĩ rằng viết quyển sách này ra sẽ giúp tổng khứ Everest ra khỏi cuộc đời tôi.

Nhưng tất nhiên tôi đã không làm được điều đó. Hơn thế nữa, đối với tôi, độc giả sẽ khó thể thưởng thức được trọn vẹn một tác phẩm nếu nhà văn viết ra nó như một cách để trút nỗi lòng của mình, giống như trường hợp của tôi. Nhưng tôi cũng hi vọng những gì tôi trình bày sẽ có được chút giá trị vì tôi đã trải lòng mình ngay trong những giây phút bối rối và đau buồn này, khi thảm kịch chỉ như vừa mới xảy ra. Tôi muốn câu chuyện của mình sẽ có được vẻ chân thật thô mộc, lạnh lùng mà tôi e rằng sẽ không còn tồn tại dưới lớp bụi thời gian và trong lòng người đã nguôi ngoai.

Trong số những người khuyên tôi đừng vội vã viết quyển sách này, một số trước đó cũng đã khuyên tôi đừng nên đi đến Everest. Sự thật có rất, rất nhiều lý do đúng đắn thuyết phục tôi không nên đi, nhưng nỗ lực chinh phục đỉnh Everest là một hành động về bản chất không thể lý giải được bằng lý trí – nó là sự thắng thế của khát vọng trước những tính toán đúng sai. Những ai nghiêm túc tính chuyện chinh phục đỉnh Everest phải là những người hầu như không chịu tác động bởi những tranh luận của lý trí.

Sự thật rõ ràng là tôi hiểu rất rõ nhưng vẫn quyết định tham gia chuyến

đi. Và như vậy, tôi cũng có một phần trách nhiệm trước cái chết của những người bạn tốt bụng – điều này đã ám ảnh tâm trí tôi trong một thời gian dài.

Các đoàn thám hiểm chinh phục đỉnh Everest mùa xuân 1996¹

Đoàn thám hiểm có người hướng dẫn Adventure Consultants

Rob Hall – Người New Zealand, trưởng đoàn kiêm hướng viên trưởng

Mike Groom – Người Úc, hướng dẫn viên

Andy “Harold” Harris – Người New Zealand, hướng dẫn viên

Helen Wilton – Người New Zealand, quản lý Trạm Căn cứ

Bác sĩ Caroline McKenzie – Người New Zealand, bác sĩ tại Trạm Căn
cứ

Ang Tshering Sherpa – Người Nepal, thủ lĩnh nhóm Sherpa leo núi

Ang Dorje Sherpa – Người Nepal, thủ lĩnh nhóm Sherpa leo núi

Lhaka Chhiri Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Kami Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Tenzing Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Arita Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Ngawang Norbu Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo
núi

Chuldum Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Chhongba Sherpa – Người Nepal, đầu bếp Trạm Căn cứ

Pemba Sherpa – Người Nepal, Sherpa tại Trạm Căn cứ

Tendi Sherpa – Người Nepal, phụ bếp Trạm Căn cứ

Doug Hansen – Người Mỹ, khách leo núi

Dr. Seabom

Beck Weathers – Người Mỹ, khách leo núi

Yasuko Namba – Người Nhật, khách leo núi

Bác sĩ Stuart Hutchison – Người Canada, khách leo núi

Frank Fischbeck – Người Hong Kong, khách leo núi

Lou Kasischle – Người Mỹ, khách leo núi

Dr. John Taske – Người Úc, khách leo núi

Jon Krakauer – Người Mỹ, nhà báo và khách leo núi

Susan Allen – Người Úc, người dẫn đường

Nancy Hutchison – Người Canada, người dẫn đường

Đoàn thám hiểm có người hướng dẫn Mountain Madness

Scott Fischer – Người Mỹ, trưởng đoàn kiêm hướng dẫn viên trưởng

Anatoli Boukreev – Người Nga, hướng dẫn viên

Neal Beidleman – Người Mỹ, hướng dẫn viên

Bác sĩ Ingrid Hunt – Người Mỹ, quản lý Trạm Căn cứ, bác sĩ của nhóm

Lopsang Jangbu Sherpa – Người Nepal, thủ lĩnh nhóm Sherpa leo núi

Ngima Kale Sherpa – Người Nepal, thủ lĩnh nhóm Sherpa ở Trạm Căn cứ

Ngawang Topche Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Tashi Tshering Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Ngawang Dorje Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Ngawang Sya Kya Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Ngawang Tendi Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Tendi Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Pemba Sherpa “Bu” – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Jeta Sherpa – Người Nepal, Sherpa tại Trạm Căn cứ

Pemba Sherpa – Người Nepal, phụ bếp Trạm Căn cứ

Sandy Hill Pittman – Người Mỹ, nhà báo và khách leo núi

Charlotte Fox – Người Mỹ, khách leo núi
Tim Madsen – Người Mỹ, khách leo núi
Pete Schoening – Người Mỹ, khách leo núi
Klev Schoening – Người Mỹ, khách leo núi
Lene Gammelgaard – Người Đan Mạch, khách leo núi
Martin Adams – Người Mỹ, khách leo núi
Dr. Dale Kruse – Người Mỹ, khách leo núi
Jane Bromet – Người Mỹ, nhà báo

Đoàn thám hiểm MacGillivray Freeman IMAX/IWERKS

David Breashears – Người Mỹ, trưởng đoàn kiêm đạo diễn
Jamling Norgay Sherpa – Người Ấn Độ, phó trưởng đoàn và diễn viên
Ed Viesturs – Người Mỹ, diễn viên và nhà leo núi
Araceli Segarra – Người Tây Ban Nha, diễn viên và nhà leo núi
Sumiyo Tsuzuki – Người Nhật, diễn viên và nhà leo núi
Robert Schauer – Người Áo, nhà quay phim và nhà leo núi
Paula Barton Viesturs – Người Mỹ, quản lý Trạm Căn cứ
Audrey Salkeld – Người Anh, nhà báo
Liz Cohen – Người Mỹ, quản lý sản xuất phim
Liesl Clark – Người Mỹ, nhà sản xuất phim và tác giả kịch bản

Đoàn thám hiểm Đài Loan

“Makalu” Gau Ming-Ho – Người Đài Loan, trưởng đoàn
Chen Yu-Nan – Người Đài Loan, nhà leo núi
Kami Dorje Sherpa – Người Nepal, thủ lĩnh nhóm Sherpa leo núi
Ngima Gombu Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi
Mingma

Tshering Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

**Đoàn thám hiểm của báo *Sunday Times*
*Johannesburg***

Ian Woodall – Người Anh, trưởng đoàn

Bruce Herrod – Người Anh, phó trưởng đoàn kiêm nhiếp ảnh gia

Cathy O’Dowd – Người Nam Phi, nhà leo núi

Deshun Deysel – Người Nam Phi, nhà leo núi

Edmund February – Người Nam Phi, nhà leo núi

Andy de Klerk – Người Nam Phi, nhà leo núi

Andy Hackland – Người Nam Phi, nhà leo núi

Ken Woodall – Người Nam Phi, nhà leo núi

Tierry Renard – Người Pháp, nhà leo núi

Ken Owen – Người Nam Phi, nhà báo và người dẫn đường

Philip Woodall – Người Anh, quản lý Trạm Căn cứ

Alexandrine Gaudin – Người Pháp, trợ lý tổ chức

Bác sĩ Charlotte Noble – Người Nam Phi, bác sĩ của đoàn

Ken Vernon – Người Úc, nhà báo

Richard Shorey – Người Nam Phi, nhiếp ảnh gia

Patrick Conroy – Người Nam Phi, phóng viên phát thanh

Ang Dorje Sherpa – Người Nepal, thủ lĩnh nhóm Sherpa leo núi

Pemba Tendi Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Jangbu Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Ang Babu Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Dawa Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

**Đoàn thám hiểm có người hướng dẫn Alpine
*Ascents International***

Todd Burleson – Người Mỹ, trưởng đoàn và hướng dẫn viên trưởng

Peter Athans – Người Mỹ, hướng dẫn viên

Jim Williams – Người Mỹ, hướng dẫn viên

Bác sĩ Ken Kamler – Người Mỹ, khách leo núi và bác sĩ của nhóm

Charles Corfield – Người Mỹ, khách leo núi

Becky Jonhston – Người Mỹ, người dẫn đường và nhà viết kịch bản phim

Đoàn thám hiểm International Commercial

Mal Duff – Người Anh, trưởng đoàn

Mike Trueman – Người Hong Kong, phó trưởng đoàn

Michael Burns – Người Anh, quản lý Trạm Căn cứ

BS. Henrik Jessen Hansen – Người Đan Mạch, bác sĩ của đoàn thám hiểm

Veikka Gustafsson – Người Phần Lan, nhà leo núi

Kim Sejberg – Người Đan Mạch, nhà leo núi

Ginge Fullen – Người Anh, nhà leo núi

Jaakko Kurvinen – Người Phần Lan, nhà leo núi

Euan Duncan – Người Anh, nhà leo núi

Đoàn thám hiểm Himalayan Guides Commercial

Henry Todd – Người Anh. Trưởng đoàn

Mark Pfetzer – Người Mỹ. nhà leo núi

Ray Door – Người Mỹ, nhà leo núi

Đoàn thám hiểm một người của Thụy Điển

Gôran Kropp – Người Thụy Điển, nhà leo núi

Frederic Bloomquist – Người Thụy Điển, nhà làm phim

Ang Rita Sherpa – Người Nepal, sherpa leo núi và thành viên đoàn làm phim

Đoàn thám hiểm một người của Na Uy

Petter Neby – Người Na Uy, nhà leo núi

Đoàn thám hiểm có người hướng dẫn New Zealand, Malaysia, Pumori

Guy Cotter – Người New Zealand, trưởng nhóm và hướng dẫn viên

Dave Hiddleston – Người New Zealand, hướng dẫn viên

Chris Jillet – Người New Zealand, hướng dẫn viên

Đoàn thám hiểm Pumori/Lhotse American Commercial

Dan Mazur – Người Mỹ, trưởng đoàn

Jonathan Pratt – Người Anh, đồng trưởng đoàn

Scott Darsney – Người Mỹ, nhà leo núi và nhiếp ảnh gia

Chantal Mauduit – Người Pháp, nhà leo núi

Stephen Koch – Người Mỹ, nhà leo núi và trượt tuyết

Brent Bishop – Người Mỹ, nhà leo núi

Diane Taliaferro – Người Mỹ, nhà leo núi

Dave Sharman – Người Mỹ, nhà leo núi

Tim Horvath – Người Mỹ, nhà leo núi

Dana Lyngne – Người Mỹ, nhà leo núi

Martha Lyngne – Người Mỹ, nhà leo núi

Đoàn thám hiểm vệ sinh Everest của Nepal

Sonam Gyalchen Sherpa – Người Nepal, trưởng đoàn

Trạm xá của Hiệp hội Cứu hộ Himalaya (ở làng Pheriche)

Bác sĩ Jim Litch – Người Mỹ, bác sĩ

Bác sĩ Larry Silver – Người Mỹ, bác sĩ

Bác sĩ Cecile Bouvray – Người Pháp, bác sĩ

Laura Ziemer – Người Mỹ, trợ lý

Đoàn thám hiểm Cảnh sát Biên phòng Ấn Độ Tây Tạng (leo từ hướng Tây Tạng)

Mohindor Singh – Người Ấn Độ, trưởng đoàn

Harbhajan Singh – Người Ấn Độ, phó đoàn và nhà leo núi

Tsewang Smanla – Người Ấn Độ, nhà leo núi

Tsewang Palijor – Người Ấn Độ, nhà leo núi

Dorje Morup – Người Ấn Độ, nhà leo núi

Hira Ram – Người Ấn Độ, nhà leo núi

Tashi Ram – Người Ấn Độ, nhà leo núi

Sange Sherpa – Người Ấn Độ, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Nadra Sherpa – Người Ấn Độ, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Koshing Sherpa – Người Ấn Độ, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Đoàn thám hiểm Nhật Bản Fukuoka (leo từ hướng Tây Tạng)

Koji Yada – Người Nhật, trưởng đoàn

Hiroshi Hanada – Người Nhật, nhà leo núi

Eisuke Shigekawa – Người Nhật, nhà leo núi

Pasang Tshering Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Pasang Kami Sherpa – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Any Gyalzen – Người Nepal, thành viên nhóm Sherpa leo núi

Chương 1: ĐỈNH EVEREST

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 1996

8.847 MÉT

Dường như có một rào cản vô hình quanh những đỉnh núi cao nơi đây mà không một ai có thể vượt lên được. Dĩ nhiên, nguyên nhân thật sự nằm ở chỗ từ độ cao 8.847m trở lên, tác động của áp suất không khí thấp lên cơ thể con người nghiêm trọng đến mức làm cho việc leo núi gần như bất khả thi, một cơn bão nhỏ cũng có thể gây chết người. Điều kiện thời tiết và mặt tuyết hoàn hảo nhất cũng chỉ cho họ một cơ hội thành công nhỏ nhoi nhất, và không một đoàn thám hiểm nào có thể quyết định trước được ngày chinh phục đỉnh...

Người ta không lấy làm ngạc nhiên khi đỉnh Everest không hề chịu khuất phục con người chỉ sau vài nỗ lực đầu tiên; thật ra, nếu việc chinh phục đỉnh đơn giản như vậy thì các nhà leo núi hẳn sẽ cảm thấy ngạc nhiên và rất buồn lòng, bởi vì nó không còn là một ngọn núi vĩ đại nữa. Có lẽ chúng ta đã trở nên hơi kiêu ngạo với những công nghệ tiên tiến như đôi đế dính và giày cao su, với kỷ nguyên chinh phục dễ dàng bằng phương tiện cơ giới. Chúng ta đã quên rằng Everest vẫn đang nắm giữ chiếc chìa khóa mà các nhà leo núi cần để đi đến thành công và nó sẽ chỉ trao cho họ khi nó muốn mà thôi. Còn lý do nào khác khiến cuộc phiêu lưu này quyến rũ các nhà leo núi đến như vậy?

Eric Shipton, 1938

Phía trên ngọn núi ấy

Chùi những bông tuyết bám vào mặt nạ oxy, khẽ rung mình vì những cơn gió lạnh, tôi nhận ra mình đang đứng trên nóc nhà của thế giới, một chân ở Nepal, còn chân kia trên đất Trung Quốc. Tôi lơ đãng nhìn xuống thung lũng Tây Tạng bao la và mơ hồ nhận thấy cảnh vật ở phía dưới thật hùng vĩ. Tôi đã mơ về phút giây với những cảm xúc dâng trào này nhiều tháng rồi. Và giờ đây, cuối cùng tôi cũng đã đặt chân đến đây, thực sự đứng trên đỉnh của ngọn Everest. Nhưng lúc này, tôi không còn đủ sức lực để có thể tận hưởng phút giây mơ ước đã lâu này.

Lúc đó vào khoảng đầu giờ chiều ngày 10 tháng 5 năm 1996. Tôi đã không ngủ trong suốt 57 giờ liền. Thức ăn mà tôi cố nuốt trong ba ngày trước đó là một tô mì ramen² và một vốc sôcôla M&M nhân đậu phộng. Chúng ho suốt nhiều tuần trước đó đã làm cho tôi bị rạn hai xương sườn, nên mỗi một việc thở cũng là một sự cố gắng đầy khó nhọc. Ở độ cao 8.847m trên tầng đối lưu, hầu như có rất ít không khí cung cấp đến não. Vì thế tư duy của tôi lúc ấy không hơn gì một đứa trẻ nhỏ. Thật sự, tôi không còn một cảm giác gì khác ngoài trừ sự lạnh lẽo và mệt mỏi.

Tôi đến đỉnh Everest sau Anatoli Boukreev vài phút. Boukreev là một hướng dẫn viên leo núi người Nga, đang làm việc cho một đoàn thám hiểm thương mại Mỹ. Ngay phía sau tôi là Andy Harris, hướng dẫn viên của đoàn New Zealand mà tôi đang tham gia. Tôi chỉ mới biết Boukreev, nhưng đã quen với Harris từ sáu tuần trước đó. Tôi nhanh tay chụp cho Harris và Boukreev bốn tấm ảnh đứng trên đỉnh núi, rồi quay lại và xuống núi. Lúc ấy đồng hồ của tôi chỉ 1 giờ 17 chiều, nghĩa là tôi chỉ ở trên nóc nhà của thế giới chưa đến năm phút.

Ít phút sau, tôi dừng lại để chụp một tấm ảnh nhìn xuống Triền Đông Nam (Southeast Ridge), đường chúng tôi đã leo lên. Khi tôi đang chỉnh máy ảnh về phía vài nhà leo núi đang leo lên, tôi chú ý đến một thứ gì đó mà tôi trước đây tôi không để ý. Nhìn về phía nam, khi mới cách đó một giờ đồng hồ, bầu trời vẫn còn hoàn toàn quang đãng, tôi thấy một đám mây khổng lồ đang che khuất các ngọn Pumori, Ama Dablam và những đỉnh khác xung quanh ngọn Everest. –

Sau đó – khi sáu thi thể đã được xác định, và cuộc tìm kiếm hai người nữa đã bị hủy bỏ và bác sĩ đã buộc phải cắt bỏ bàn tay phải bị hoại tử của người đồng đội Beck Weathers của tôi – người ta đặt câu hỏi khi thời tiết bắt đầu xấu đi, tại sao các thành viên đoàn leo núi trên cao hơn vẫn không nhận thấy được dấu hiệu nào? Tại sao các hướng dẫn viên leo núi Himalaya kỳ cựu vẫn tiếp tục leo lên, và đưa các thành viên nghiệp dư tương đối ít kinh nghiệm – những người đã bỏ ra đến 65.000 đô la để được dắt lên đỉnh Everest an toàn – vào cái bẫy chết người rõ ràng rành rành?

Không ai trả lời thay cho hai trường đoàn gặp nạn bởi cả hai người đều đã chết. Nhưng tôi có thể làm chứng rằng vào thời điểm đó, buổi chiều định mệnh ngày 10 tháng 5, tôi không thấy có bất cứ dấu hiệu nào cho thấy một cơn bão chết người đang tiến đến. Theo những gì còn đọng lại trong trí nhớ thiếu oxy của tôi lúc đó, những đám mây đang bay lượn lơ lửng trên thung lũng tuyết khổng lồ phía tây³ (Thung lũng Tây) trông rất nhẹ nhàng, hiền lành và thừa thớt. Lấp lánh trong một buổi trưa nắng chói chang, trông chúng không khác gì những luồng khí đối lưu ngưng tụ vô hại mỗi buổi chiều lại bốc lên từ thung lũng bên dưới.

Khi tôi bắt đầu leo xuống núi, tôi vô cùng lo lắng, nhưng sự lo lắng của tôi không chút liên quan gì đến thời tiết: vừa mới kiểm tra đồng hồ đo trên bình oxy, tôi phát hiện ra nó gần cạn. Tôi cần phải nhanh chóng xuống núi.

Phần sống núi trên cùng của Triền Đông Nam có dạng vi cá bằng đá dài và mảnh, phủ đầy tuyết và uốn lượn khoảng một phần tư dặm giữa đỉnh núi và đỉnh phụ được gọi là Đỉnh Nam (South Summit). Chỉnh phục triền núi

hình răng cưa này không phải là một vấn đề kỹ thuật khó khăn gì, tuy nhiên lối đi lại cực kỳ cheo leo. Mười lăm phút sau khi rời đỉnh núi, với những bước dò dẫm cẩn trọng qua một vực thẳm sâu 2.134m, tôi đến được Bạc Hillary khét tiếng, một hẻm núi nhô ra đòi hỏi người leo núi phải có kỹ thuật. Khi tôi bám chặt vào sợi dây thừng và chuẩn bị đu xuống, tôi chứng kiến một cảnh tượng nguy hiểm.

Gần 10 mét bên dưới, tôi trông thấy hơn 12 người đang xếp hàng dưới chân Bạc Hillary. Ba người trong số họ đã bắt đầu leo lên sợi dây mà tôi chuẩn bị dùng để leo xuống. Trong tình huống như vậy, tôi chỉ còn một lựa chọn là tháo móc ra khỏi sợi dây cố định chung và tránh sang một bên.

Vụ “kẹt dây” này là do các nhà leo núi từ ba đoàn khác nhau: đoàn mà tôi đang tham gia – gồm các khách leo núi trả tiền, trưởng đoàn là nhà leo núi nổi tiếng Rob Hall; một đoàn khác do người Mỹ Scott Fischer dẫn đầu; và thêm một đoàn phi thương mại của Đài Loan. Di chuyển chậm như sên ở độ cao 7.925 mét, đám đông từ từ nhích lên Bạc Hillary từng người một, trong khi tôi lo lắng đợi đến lượt mình.

Rời đỉnh Everest sau tôi một lúc, thế nhưng bây giờ Harris cũng đã nhanh chóng đến ngay sau tôi. Khi ấy, tôi quyết định nhờ Harris mở ba lô của tôi để tắt van bình oxy nhằm bảo toàn lượng oxy hiếm hoi còn lại. Trong vòng 10 phút sau đó, rất bất ngờ là tôi cảm thấy cực kỳ thoải mái. Trí óc tôi bỗng trở nên minh mẫn. Tôi thậm chí cảm thấy bớt mệt hơn khi để bình oxy mở. Thế rồi, đột nhiên tôi cảm thấy nghẹt thở. Mắt tôi mờ đi và đầu tôi quay cuồng. Tôi sắp sửa bị ngất đi.

Vào thời điểm đó, do đã bị choáng vì hạ oxy huyết nên thay vì khóa van bình oxy của tôi, thì Harris đã mở lớn hết cỡ. Vì thế bình oxy nhanh chóng cạn hết. Tôi còn một bình dự trữ ở Đỉnh Nam, ở bên dưới nơi đó khoảng 76 mét. Nhưng để xuống được đó tôi phải leo xuống một quãng đường chênh vênh nhất trên toàn bộ hành trình mà không có bình oxy.

Và trước hết tôi phải đợi cho đám người phía dưới dẫn ra bớt. Tôi gỡ bỏ mặt nạ oxy giờ đây đã vô dụng ra, và dùng rìu leo núi (ice axe) bổ mạnh vào triền băng và từ từ leo xuống. Đụng mặt những người đang leo lên, hai bên chúc mừng nhau bằng những câu vô vị, nhưng trong thâm tâm tôi đang phát cuồng: “Nhanh lên nào! Nhanh lên nào! Trong lúc các người loanh quanh ở cái chỗ chết tiệt này thì não tôi đang chết đi hàng triệu neuron thần kinh đây!”, tôi nài nỉ thầm trong bụng.

Phần lớn các nhà leo núi trèo ngang qua tôi thuộc đoàn của Fischer, thế nhưng phía cuối của đám diễu hành ấy, hai thành viên của đoàn tôi cuối cùng cũng xuất hiện: Rob Hall và Yasuko Namba. Người phụ nữ ngần ngại và kín

đáo 47 tuổi này chỉ còn 40 phút nữa thôi sẽ trở thành người phụ nữ lớn tuổi nhất chinh phục được đỉnh Everest, đồng thời là người phụ nữ Nhật Bản thứ hai chinh phục Thất đỉnh (Seven Summits) – bảy đỉnh núi cao nhất của bảy châu lục. Mặc dù chỉ cân nặng 41 kg, thể nhưng dáng dấp nhỏ bé ấy lại chứa đựng một quyết tâm dữ dội: đến mức gây sừng sốt, Yasuko đã lên đến đỉnh núi được nhờ vào lòng khao khát cháy bỏng.

Tiếp sau đó, tôi lại thấy Doug Hansen đang tiến lên Bạc Hillary. Doug là thành viên trong đoàn của tôi và là một nhân viên bưu chính ở ngoại ô Seattle. Anh nhanh chóng trở thành người bạn thân nhất của tôi trong chuyến đi này. “Nó nằm trong túi đây!” tôi cố la lên trong tiếng gió thổi. Doug lăm bằm gì đó phía sau lớp mặt nạ oxy mà tôi không nghe rõ. Anh bắt tay tôi một cách yếu ớt rồi tiếp tục leo lên.

Ở cuối của sợi dây là Scott Fischer. Tôi cũng từng biết Fischer khi chúng tôi cùng sống ở Seattle. Sức mạnh và nghị lực của anh đã trở thành một huyền thoại – vào năm 1994, Fischer đã leo đến đỉnh Everest mà không dùng bình oxy – vì thế tôi thấy hơi ngạc nhiên không hiểu vì sao anh lại leo chậm đến thế và khi Fischer mở mặt nạ oxy ra chào tôi, anh trông có vẻ không được tỉnh táo lắm. “Bruuuuuuce!”, Fischer thở khò khè, cố tạo ra nét mặt vui tươi, và cất lên lời chào thân mật quen thuộc của anh. Lúc ấy tôi có hỏi Fischer có ổn không, anh khẳng định mình vẫn ổn: “Chỉ bị trễ một chút thôi vì vài lý do vớ vẩn. Không có gì đâu, chuyện nhỏ ấy mà!”. Khi Bạc Hillary cuối cùng cũng đã vắng người, tôi móc dây đai vào sợi dây màu cam, đu người qua bên kia Fischer khi anh dồn sức lên chiếc rìu leo núi và bám tiếp lên bạc đá.

Sau 3 giờ chiều thì tôi xuống được Đỉnh Nam. Vào lúc đó, sương mù đang bao phủ đỉnh Lhotse cao 8.511m và chóp hình kim tự tháp của đỉnh Everest. Thời tiết đã không còn hiền hòa nữa. Tôi chộp lấy một bình oxy mới, gắn vào bộ điều áp của mình và vội vã leo xuống tiếp trong đám mây mù đang trở nên dày đặc. Chỉ một lúc sau khi tôi rời Đỉnh Nam, trời bắt đầu có tuyết rơi và tầm nhìn giảm xuống một cách tột hại.

Phía trên kia 122 mét theo chiều thẳng đứng, nơi đỉnh núi vẫn tắm trong ánh mặt trời rực rỡ, dưới bầu trời vẫn còn trong xanh, các bạn đồng hành của tôi vẫn còn mải mê ghi lại khoảnh khắc họ đứng trên đỉnh của hành tinh này, vẫy cờ, chụp ảnh và tiêu phí những giây phút quý báu. Không ai trong số họ có thể ngờ rằng một điều khủng khiếp đang đến gần. Không ai ngờ rằng vào cuối cái ngày dài thăm thẳm đó, mỗi giây phút đều đáng giá.

Chương 2: DEHRA DUN, ẤN ĐỘ

NĂM 1852

681 MÉT

Cách dãy núi đang độ mùa đông một đoạn xa, tôi nhận ra bức tranh mờ ảo về đỉnh Everest trong tác phẩm Cuốn sách về những điều kỳ diệu của Richard Halliburton. Nó là một sự mô phỏng khôn khéo trong đó những đỉnh núi lởm chởm nhô lên trắng xóa trên nền trời tối đen và nhếch nhác một cách kỳ lạ. Bản thân đỉnh Everest, đứng phía sau những ngọn núi khác, xem ra cũng không có vẻ là đỉnh cao nhất; nhưng cũng chẳng sao. Theo truyền thuyết, nó vẫn là đỉnh núi cao nhất. Những giấc mơ chính là chìa khóa để đi vào bức tranh đó, nó cho phép một đứa bé bước vào, đứng trên triền núi gió lộng, từ đó leo lên đỉnh, bây giờ không còn ở xa nữa.

Đó là một trong những giấc mơ sẽ đến một cách tự nhiên khi ta trưởng thành. Tôi chắc chắn rằng giấc mơ của tôi về đỉnh Everest không chỉ là giấc mơ của riêng tôi; đỉnh núi cao nhất trên trái đất, không thể tới được, xa lạ với tất cả mọi trải nghiệm, sẽ là mục tiêu cho nhiều đứa trẻ và nhiều người trưởng thành mong muốn vươn tới.

Thomas F. Hornbein

Everest: Sườn núi phía Tây

Các chi tiết thực sự của câu chuyện này không rõ ràng, việc thêm thắt của truyền thuyết làm nó trở nên mơ hồ. Tuy nhiên, đó là vào năm 1852, và bối cảnh chính là văn phòng của Cuộc tổng đo đạc lượng giác toàn Ấn Độ tại trạm miền núi phía bắc Dehra Dun. Theo lời kể lại đáng tin cậy nhất về những gì đã xảy ra thì một người thư ký vội vã vào phòng của ngài Andrew Waugh, Tổng trưởng đo đạc Ấn Độ và la lên rằng một “computer” tại Bengali có tên là Radhanath Sikhdar, công tác tại Cục Đo đạc Calcutta, đã “phát hiện ra ngọn núi cao nhất thế giới”. (Vào thời của Waugh, người ta dùng từ “computer” để chỉ một công việc chứ không phải để chỉ một chiếc máy). Ba năm trước đó, các chuyên viên đo đạc đã đặt tên cho ngọn núi này là Đỉnh XV khi họ lần đầu tiên đo được góc đứng của nó sử dụng một *máy kinh vĩ*⁴ 24 inch, ngọn núi này nhô lên từ sườn của dãy núi Himalaya thuộc vương quốc cấm Nepal.

Trước khi Sikhdar thu thập các số liệu đo đạc và thực hiện các tính toán, chẳng ai nghĩ có gì đáng nói về Đỉnh XV. Sáu điểm đo đạc mà từ đó người ta lập lưới tam giác để đo đạc đỉnh núi nằm ở phía bắc Ấn Độ, cách ngọn núi này hơn 160km. Đối với các chuyên viên đo đạc ngọn núi này, trừ Đỉnh XV, còn lại tất cả mọi đỉnh khác đều bị che khuất bởi nhiều vách núi đá ở tiền cảnh, một vài vách núi tạo ảo giác chúng to lớn hơn thực tế. Nhưng theo các

tính toán lượng giác tỉ mỉ của Sikhdar (ông cân nhắc các yếu tố như độ cong của Trái đất, độ khúc xạ của khí quyển và độ lệch của dây dọi), Đỉnh XV nằm ở độ cao 8.840m⁵ trên mực nước biển; đó là điểm cao nhất hành tinh.

Đến năm 1865, chín năm sau khi những tính toán của Sikhdar được thừa nhận, Waugh đặt tên cho Đỉnh XV là Núi Everest nhằm tôn vinh ngài George Everest, người tiền nhiệm của ông. Tại thời điểm đó, những người Tây Tạng sống tại phía bắc của ngọn núi hùng vĩ này đã có một tên gọi ngọt ngào dành cho nó – ngọn Jomolungma, có nghĩa là “nữ thần, mẹ của trái đất”, còn những người Nepal sống ở phía nam thì gọi nó là ngọn Sagarmatha, “nữ thần của bầu trời”. Nhưng Waugh đã không ngó ngàng tới những tên gọi địa phương đó (cũng như chính sách khuyến khích việc duy trì tên gọi địa phương hoặc cổ xưa), và đã gán cho ngọn núi cái tên Everest.

Một khi Everest được xác định là ngọn núi cao nhất trái đất, việc có người quyết định chinh phục nó chỉ còn là vấn đề thời gian. Sau khi nhà thám hiểm người Mỹ Robert Peary tuyên bố đã đến được Bắc cực vào năm 1909 và Roald Amundsen dẫn đầu một đoàn thám hiểm Na Uy đến Nam cực vào năm 1911, đỉnh Everest – được coi là “cực” thứ ba – trở thành mục tiêu của những người khao khát muốn khám phá Trái đất. Theo lời của Gunther O. Dyrenfurth, phóng viên thời sự và cũng là một nhà leo núi có nhiều ảnh hưởng trong thời kì đầu của lịch sử leo núi, chinh phục ngọn Everest chỉ là “vấn đề nỗ lực của con người, một mục tiêu không có chỗ cho sự bỏ cuộc dù phải gặp bao nhiêu thất bại”.

Tuy nhiên những thất bại này không phải là không đáng kể. Sau khám phá của Sikhdar vào năm 1852, 15 đoàn thám hiểm đã nỗ lực, 24 người đã bỏ mạng và 101 năm đã trôi qua trước khi ngọn Everest cuối cùng cũng được chinh phục.

* * *

Đối với những nhà leo núi và người am hiểu địa chất, Everest không phải là một ngọn núi tuyệt đẹp. Nó có dáng vẻ lùn, mập và nhiều chỗ méo mó. Nhưng bù lại những khiếm khuyết về mặt kiến trúc đó, bề ngoài của nó thẳng đứng và cao hơn hẳn các ngọn núi khác.

Nằm ở biên giới giữa Tây Tạng và Nepal, vươn cao hơn 3.658m phía trên các thung lũng dưới chân núi, ngọn Everest hiện ra lờ mờ như một khối hình chóp ba mặt phủ tuyết trắng và đá sọc đen. Tám đoàn thám hiểm đầu tiên tới ngọn Everest là người Anh, tất cả đều cố gắng leo lên ngọn núi từ sườn phía bắc thuộc Tây Tạng – không phải vì đây là nơi dễ leo nhất mà bởi vì vào năm 1921 chính quyền Tây Tạng đã mở cửa biên giới lâu nay vẫn

đóng chặt cửa mình cho người nước ngoài, trong khi Nepal vẫn không làm điều đó.

Những người đầu tiên leo lên ngọn Everest đã phải đi bộ miệt mài 643km từ Darjeeling băng qua cao nguyên Tây Tạng chỉ để đến được chân núi. Hiểu biết của họ về những ảnh hưởng chết người do độ cao cực đại gây ra là rất ít ỏi và dụng cụ của họ cũng hết sức thiếu thốn nếu so với các tiêu chuẩn hiện đại. Nhưng đến năm 1924, một thành viên của đoàn thám hiểm thứ ba của người Anh, Edward Felix Norton, đã lên đến độ cao 8.573m so với mặt nước biển và chỉ còn cách đỉnh núi 274m nhưng không thể tiếp tục vì kiệt sức và tuyết dày đặc. Đó là một kỳ tích đáng kinh ngạc mà hầu như mãi tới 29 năm sau không ai vượt qua được.

Tôi dùng từ “hầu như” bởi vì những gì đã xảy ra 4 ngày sau cuộc chinh phục đỉnh núi của Norton. Vào buổi bình minh ngày 8 tháng 6 năm 1924, hai thành viên của đoàn thám hiểm người Anh – George Leigh Mallory và Andrew Irvine, khởi hành từ điểm cắm trại cao nhất hướng về đỉnh núi.

Mallory, tên của ông đã gắn liền với ngọn Everest, chính là đầu tàu của ba cuộc chinh phục đầu tiên lên đỉnh núi. Trong một chuyến đi diễn thuyết tại Mỹ, chính ông là người đã trả lời một cách cay cú: “Bởi vì nó ở đó” khi một nhà báo nằng nặc đòi biết lý do tại sao ông lại muốn chinh phục đỉnh Everest. Vào năm 1924, Mallory khi đó là một vị hiệu trưởng 38 tuổi đã lập gia đình và có 3 đứa con. Là một người thuộc tầng lớp thượng lưu, ông cũng là một người có con mắt thẩm mỹ và là một người duy tâm với sự nhạy cảm đầy lãng mạn. Vẻ thanh nhã, dễ gần và ngoại hình nổi bật của ông đã khiến ông trở thành người được Lytton Strachey và quần chúng tại Bloomsbury yêu mến. Khi ở cao trên ngọn Everest, Mallory và những người bạn của mình đã đọc to cho nhau nghe các tác phẩm của William Shakespear, từ *Hamlet* cho đến *King Lear*.

Trong khi Mallory và Irvine chậm chạp bò lên đỉnh núi vào ngày 8 tháng 6 năm 1924, sương mù phủ kín nửa trên của ngọn núi đã khiến cho những đồng đội ở bên dưới không thể theo dõi diễn biến. Vào 12 giờ 50 trưa, các đám mây tách ra trong giây lát và một đồng đội của ông là Noel Odell đã thoáng nhìn thấy rất rõ Mallory và Irvine đang ở trên cao phía đỉnh núi, trễ hơn 5 giờ so với dự tính nhưng đang “di chuyển một cách chủ động và nhanh nhẹn” hướng về phía đỉnh núi.

Tuy nhiên, tới đó cả 2 nhà leo núi đã không trở về trại, và không ai còn thấy Mallory cũng như Irvine nữa. Kể từ đó đã có nhiều tranh cãi dữ dội về việc liệu một trong hai nhà leo núi hay cả hai đã chinh phục được đỉnh núi hay chưa trước khi bị dãy núi nuốt chửng và đi vào huyền thoại. Xem xét kỹ lưỡng các chứng cứ, chúng ta có thể thấy rằng câu trả lời là không. Bất luận

thể nào đi nữa, do thiếu những chứng cứ xác thực, họ không được công nhận là những người đầu tiên chinh phục được đỉnh núi.

Đến năm 1949, sau hàng thế kỷ không tiếp cận được, Nepal đã mở cửa biên giới của mình cho thế giới bên ngoài và một năm sau đó chế độ mới tại Trung Quốc không cho người nước ngoài vào Tây Tạng. Do đó những người muốn leo lên đỉnh Everest đã chuyển sự chú ý của mình sang mạn nam của dãy núi. Mùa xuân năm 1953, một đoàn thám hiểm lớn của Anh với lòng quyết tâm cao và được trang bị những thiết bị tối tân dành cho một chiến dịch quân sự, đã trở thành đoàn thám hiểm thứ ba nỗ lực chinh phục đỉnh Everest từ Nepal. Ngày 28 tháng 5, sau hai tháng rưỡi với những nỗ lực phi thường, một nền trại đã được đào sơ sài vào Triền Đông Nam và một căn lều được dựng ở độ cao 8.504m. Sáng sớm ngày hôm sau, Edmund Hillary – một người New Zealand cao kều, và Tenzing Norgay – nhà leo núi người Sherpa dày dặn kinh nghiệm, đã khởi hành leo lên đỉnh núi, có sử dụng bình oxy để thở.

Chín giờ sáng, họ lên đến Đỉnh Nam, họ dõng theo một sống núi dài hẹp đến chóng mặt dẫn lên đỉnh núi. Thêm một giờ leo nữa, họ đã đến chân của một bậc đá mà theo Hillary mô tả là “một thử thách cực kỳ khủng khiếp trên sống núi – một khối đá cao khoảng 12,2m. Khối đá nhẵn và dường như không có chỗ bám này hẳn đã là một thử thách thú vị vào chiều thứ bảy đối với các nhà leo núi chuyên nghiệp tại vùng hồ Lake District, nhưng tại nơi này nó là một chướng ngại thật sự đối với chút sức lực yếu ớt của chúng tôi”.

Trong khi Tenzing giăng dây thừng một cách đầy lo lắng phía bên dưới, Hillary lên người vào một kẽ nứt giữa khối đá và một rìa tuyết trắng đứng ở bên cạnh nó, và rồi ông bắt đầu nhích dần lên trên cái mà về sau này được gọi là Bậc Hillary. Việc leo lên rất vất vả và nguy hiểm, nhưng Hillary kiên trì cho tới khi... Ông sẽ kể tiếp sau đây:

Cuối cùng tôi cũng có thể trèo lên đỉnh của khối đá và lê từ từ ra khỏi kẽ nứt tới một rìa đá rộng. Tôi nằm thở một lúc và lần đầu tiên tôi thực sự cảm nhận được sự quyết tâm cao độ mà giờ đây không gì có thể ngăn cản được chúng tôi chinh phục đỉnh núi. Tôi đứng vững trên rìa đá và ra hiệu cho Tenzing leo lên. Trong khi tôi cố gắng hết sức kéo sợi dây thừng, Tenzing luồn lách leo lên theo kẽ nứt và cuối cùng kiệt sức đổ gục xuống trên đỉnh khối đá như một con cá không lò mới bị kéo lên khỏi mặt nước sau khi đã vùng vẫy cất lực.

Chiến đấu với cơn mệt mỏi, hai nhà leo núi tiếp tục hành trình lên sống

núi nhấp nhô phía trên. Hillary tự hỏi:

Đó là một điều khá ngu ngốc, liệu chúng tôi còn đủ sức để leo lên đến đỉnh hay không. Tôi vượt qua một mô đá nữa và thấy sống núi phía trước chúc xuống và tôi có thể nhìn rất xa về phía Tây Tạng. Nhìn lên trên tôi thấy chóp tuyết tròn. Thêm một vài nhát rìu, một vài bước thận trọng, và rồi Tensing (nguyên văn) và tôi đã ở trên đỉnh.

Và như vậy, ngay trước buổi trưa ngày 29 tháng 5 năm 1953, Hillary và Tenzing đã trở thành những người đầu tiên đứng trên đỉnh ngọn Everest.

Ba ngày sau đó, tin tức về cuộc chinh phục đã đến tai Nữ hoàng Elizabeth ngay trước khi bà đăng quang và tờ *Times* của London là tờ báo đầu tiên đăng tin này vào sáng ngày 2 tháng 6 trong số buổi sáng của mình. Bản tin này được gửi về từ Everest theo dạng điện tín mã hóa (nhằm tránh việc các đối thủ cạnh tranh có thể có tin trước tờ *Times*) bởi một phóng viên trẻ có tên là James Morris, người mà 20 năm sau đã trở thành một tác giả được nhiều người yêu thích. Ông đã chuyển đổi giới tính và đổi tên thánh thành Jan. Bốn thập kỷ sau cuộc chinh phục vĩ đại, Morris đã viết trong tác phẩm *Đỉnh Everest: Cuộc chinh phục đầu tiên và bản tin sốt dẻo đã đưa Nữ hoàng lên ngôi* như sau:

Bây giờ thật khó tưởng tượng nước Anh đã chào đón hai sự kiện trùng hợp lạ lùng (lễ đăng quang của Nữ hoàng và cuộc chinh phục đỉnh Everest) trong niềm vui sướng như thế nào. Vươn lên từ tình trạng thất vọng buộc bụng vốn đã đeo bám họ từ sau Thế chiến thứ hai, cùng lúc phải đối mặt với sự sụp đổ đế chế vĩ đại của mình và sự suy giảm sức mạnh không thể tránh khỏi trên thế giới, người Anh đã phần nào tự an ủi mình rằng việc lên ngôi của một vị nữ hoàng trẻ sẽ là dấu hiệu cho một sự khởi đầu mới – một thời đại Elizabeth mới, như báo chí vẫn gọi như vậy. Ngày đăng quang, ngày 2 tháng 6 năm 1953 sẽ là một ngày của niềm hy vọng và sự vui mừng, ngày mà tất cả thần dân ái quốc trung thành của nước Anh tìm thấy một khoảnh khắc quan trọng nhất biểu hiện cảm xúc của chính mình: điều kỳ diệu của những điều kỳ diệu, vào chính ngày này họ nhận được tin từ một nơi xa xôi – thực ra là từ nơi biên giới của đế chế cũ – rằng một nhóm các nhà leo núi người Anh đã chinh phục được mục tiêu thám hiểm cuối cùng trên Trái đất – nóc nhà của thế giới...

Khoảnh khắc này đã gợi lên nhiều cảm xúc trong lòng người dân Anh – sự tự hào, lòng yêu nước, sự luyến tiếc quá khứ đã mất của chiến tranh và sự gan dạ, niềm hy vọng vào một tương lai tươi sáng... Nhiều người lớn tuổi hồi tưởng lại một cách tường tận về ngày đó, về khoảnh khắc khi họ đang chờ đợi cuộc diễu hành đăng quang sẽ diễn ra tại London trong một buổi sáng mưa phùn, thì họ nhận được cái tin kỳ diệu rằng đỉnh cao của thế giới đã là của họ.

Tenzing trở thành anh hùng dân tộc khắp Ấn Độ, Nepal và Tây Tạng – mỗi nước đều tuyên bố ông là vị anh hùng của riêng họ. Được Nữ hoàng phong tước Hiệp sĩ, ảnh của Ngài Edmund Hillary được in trên tem thư, truyện tranh, sách, phim ảnh, bìa tạp chí. Chỉ sau một đêm, từ một người nuôi ong có khuôn mặt lưỡi cày vùng Auckland, ông đã biến thành một trong những người nổi tiếng nhất trên đời.

* * *

Hillary và Tenzing đã leo lên ngọn Everest một tháng trước khi tôi được mang thai, do đó tôi không thể chia sẻ cảm giác tự hào và kinh ngạc đã lan truyền khắp thế giới – một sự kiện mà một người bạn lớn tuổi hơn của tôi nói rằng về lý thuyết có thể so sánh với lần đầu tiên con người đặt chân lên mặt trăng. Tuy nhiên, một thập kỷ sau đó một cuộc leo núi Everest tiếp theo đã giúp tạo nên bước ngoặt của cuộc đời tôi.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 1963, Tom Hornbein – một bác sĩ 32 tuổi quê ở Missouri, và Willi Unsoeld – một giáo sư thần học quê Oregon, đã chinh phục đỉnh Everest từ Triền Tây đầy khó khăn, vốn chưa từng có ai leo trước đây. Cho tới lúc này ngọn núi đã được chinh phục bốn lần bởi mười một người, nhưng Triền Tây được xem là khó khăn hơn rất nhiều so với hai lộ trình đã được thiết lập trước đó: Đèo Nam lên Triền Đông Nam hay Đèo Bắc lên Triền Đông Bắc. Cuộc leo núi của Hornbein và Unsoeld đã và sẽ tiếp tục xứng đáng được ca ngợi như một trong những kỳ công vĩ đại nhất trong biên niên sử leo núi.

Vào cuối ngày chinh phục đỉnh của họ, hai nhà leo núi người Mỹ phải leo qua một tầng đá dốc và dễ lở – đó là Dải Vàng khét tiếng. Để vượt qua được vách đá này, người leo núi cần phải có sức mạnh khủng khiếp và kỹ năng leo tốt; chưa ai có thể vượt qua một thử thách khó khăn về mặt kỹ thuật như vậy ở độ cao cực đại này. Khi đã ở trên đỉnh của Dải Vàng, Hornbein và Unsoeld tự hỏi không biết khi về mình có xuống được không. Họ kết luận rằng khả năng cao nhất để xuống núi được an toàn là leo lên đỉnh và xuống bằng con đường Triền Đông Nam vốn đã được nhiều người sử dụng. Đó là

một kế hoạch cực kỳ táo bạo vì trời đã tối, địa hình lại không quen thuộc và bình oxy đang cạn nhanh.

Hornbein và Unsoeld leo tới đỉnh núi vào lúc 6 giờ 15 tối, ngay khi mặt trời đang khuất bóng, và đã buộc phải nghỉ đêm ngoài trời trên độ cao hơn 8.534m – vào thời điểm đó nó là trại cao nhất trong lịch sử. Đó là một đêm giá lạnh, nhưng may mắn thay là không có gió. Mặc dù các ngón chân của Unsoeld bị tê cứng và sau đó phải cắt bỏ nhưng cả hai nhà leo núi vẫn còn sống sót để kể lại câu chuyện của mình.

Lúc đó tôi đã được chín tuổi và đang sống tại Corvallis, bang Oregon nơi cũng là quê hương của Unsoeld. Ông ấy là một trong số những người bạn thân của cha tôi, và thỉnh thoảng tôi có chơi đùa với những đứa con lớn của ông – đó là Regon, lớn hơn tôi một tuổi và Devi, nhỏ hơn tôi một tuổi. Vài tháng trước khi Willi Unsoeld khởi hành đi Nepal, tôi đã chinh phục được “ngọn núi” đầu tiên của đời mình – một ngọn núi lửa xấu xí tại dãy Cascade bây giờ đã có cáp treo để lên tới đỉnh – cùng với cha tôi, Willi và Regon. Không có gì đáng ngạc nhiên khi thiên anh hùng ca năm 1963 về đỉnh Everest vẫn còn vang vọng to và lâu đến thế trong trí tưởng tượng thời niên thiếu của tôi. Trong khi các bạn tôi thần tượng John Glenn, Sandy Koufax và John Unitas, thì những người hùng của tôi chính là Hornbein và Unsoeld.

Tôi âm thầm nghĩ về việc một ngày nào đó tôi sẽ tự mình leo lên đỉnh Everest; và hơn một thập kỷ sau đó nó vẫn là một niềm khao khát cháy bỏng. Ngay khi mới bước vào tuổi 20, leo núi đã trở thành tâm điểm trong cuộc sống của tôi hơn tất cả mọi thứ khác. Chinh phục được đỉnh một ngọn núi đã trở thành một thứ gì đó rõ ràng, cụ thể và đầy quyết tâm trong tôi. Những hiểm nguy có thể xảy ra đã khiến việc leo núi trở thành một mục tiêu đầy thử thách mà cuộc sống bình thường của tôi không có được. Tôi nôn nao trước những thay đổi ý nghĩa của sự tồn tại trong cuộc đời con người.

Leo núi cũng mang lại ý thức cộng đồng. Trở thành một người leo núi nghĩa là gia nhập vào một xã hội hết sức duy tâm có tính độc lập, hầu như không được chú ý và không bị ảnh hưởng bởi nhịp sống xung quanh. Đặc tính của môn leo núi được khắc họa bởi sự cạnh tranh khốc liệt và lòng tự tôn đậm chất nam nhi; các thành viên của môn này phần nhiều quan tâm đến việc gây ấn tượng với nhau. Leo đến đỉnh của một dãy núi bất kỳ được coi là không quan trọng bằng việc đã leo lên đó như thế nào: tên tuổi của bạn sẽ được nhắc đến khi chọn con đường nguy hiểm nhất, với ít dụng cụ nhất, theo cách dũng cảm nhất có thể tưởng tượng được. Không ai được khâm phục nhiều hơn những “độc thủ” tự do: những người nhìn xa trông rộng leo núi một mình mà không cần dây an toàn hay dụng cụ nào khác.

Trong những năm đó, tôi sống để leo núi, tồn tại với thu nhập năm hoặc sáu ngàn đô la một năm; tôi làm thợ mộc và người đánh bắt cá hồi thương mại cho đến khi có đủ tiền cho chuyến đi kế tiếp tới Bugaboos, Tetons hay dãy Alaska. Nhưng đến khi 25 tuổi, tôi đã từ bỏ giấc mơ chinh phục đỉnh Everest từ khi còn bé của mình. Lúc này, các tay leo núi kiểu Alp sành sỏi có khuynh hướng chê bai đỉnh Everest là “một đồng xỉ” – một đỉnh núi thiếu những thách thức chuyên môn hoặc vẻ lôi cuốn thâm mỹ để có thể trở thành một mục tiêu đáng chinh phục đối với những nhà leo núi “nghiêm túc” – danh xưng mà tôi đang rất khao khát đạt được. Tôi bắt đầu coi thường dãy núi cao nhất thế giới này.

Điều này có nguyên nhân từ việc đến đầu những năm 1980, lối lên núi dễ nhất – đi qua Đèo Nam và Triền Đông Nam đã được leo hơn một trăm lần. Những người trong nhóm và tôi gọi Triền Đông Nam là “Đường dành cho bò”. Thái độ coi khinh của chúng tôi lại được củng cố thêm vào năm 1985, khi Dick Bass – một người Texas giàu có 55 tuổi chỉ với chút ít kinh nghiệm leo núi – đã được một tay leo núi trẻ kiệt xuất có tên là David Breashears đưa lên đến đỉnh. Đây là một sự kiện được rất nhiều báo lá cải quan tâm.

Trước đây, nói chung đỉnh Everest là lãnh địa của những nhà leo núi xuất sắc nhất. Theo lời của Michael Kennedy, biên tập của tờ tạp chí *Climbing*: “Thật là một vinh dự khi được mời tham gia vào một đoàn thám hiểm Everest và điều này chỉ xảy ra sau khi bạn đã có một thời gian dài leo những đỉnh núi thấp hơn, và việc thực sự chinh phục được đỉnh Everest sẽ đưa nhà leo núi đó lên một vị thế cao hơn trong lĩnh vực leo núi”. Cuộc leo núi của Bass đã khiến mọi thứ thay đổi. Với việc chinh phục được đỉnh Everest, Bass đã trở thành người đầu tiên chinh phục được tất cả bảy đỉnh núi cao nhất⁶, một kỳ công đã giúp ông ta nổi tiếng khắp thế giới. Nó đã khiến rất nhiều người leo núi nghiệp dư theo dấu giày của ông và đẩy đỉnh Everest vào một kỷ nguyên “hậu hiện đại”.

Seaborn Beck Weathers giải thích bằng giọng đặc sệt của miền Đông Texas trong chuyến đi tới Trạm Căn cứ trên đỉnh Everest của ông ta vào cuối tháng 4 rằng: “Đối với những người lớn tuổi theo kiểu của Walter Mitty như bản thân tôi, Dick Bass là một nguồn cảm hứng”. Là một nhà nghiên cứu bệnh học 49 tuổi tại Dallas, Beck là một trong những khách hàng tham gia vào chuyến thám hiểm có người hướng dẫn vào năm 1996 của Rob Hall. “Bass đã cho thấy rằng, đỉnh Everest nằm trong khả năng của những người bình thường miễn là bạn có sức khỏe tốt và có sẵn nguồn tài chính. Theo tôi, khó khăn lớn nhất chính là bạn phải nghỉ việc một thời gian và rời xa gia đình trong vòng hai tháng”.

Các ghi nhận đã cho thấy, đối với rất nhiều nhà leo núi, việc rời bỏ các

công việc hằng ngày cũng như việc phải chi tiêu nhiều tiền của không phải là các chướng ngại không thể vượt qua. Hơn nửa thập kỷ vừa qua, số lượng người đến bảy ngọn núi này tăng chóng mặt. Và để đáp ứng nhu cầu, số lượng các doanh nghiệp thương mại cung cấp những cuộc leo núi có người hướng dẫn lên bảy ngọn núi này, đặc biệt là ngọn Everest cũng tăng tương ứng. Đến mùa hè năm 1996, đã có 30 cuộc thám hiểm lên sườn núi Everest, ít nhất mười cuộc trong số này được tổ chức nhằm kiếm tiền.

Chính phủ Nepal nhận thấy rằng quá nhiều người kéo đến Everest đã gây ra những vấn đề nghiêm trọng về mặt an toàn, thẩm mỹ và ảnh hưởng đến môi trường. Để giải quyết vấn đề này, các bộ trưởng của Nepal đã đưa ra giải pháp nhằm vừa hạn chế số người đến đây vừa mang lại nguồn ngoại tệ mạnh cho đất nước còn nghèo nàn này: tăng phí leo núi. Vào năm 1991, Bộ Du lịch Nepal thu phí 2.300 đô la đối với một nhóm leo núi Everest không phân biệt số lượng thành viên. Đến năm 1992, phí này đã tăng lên 10.000 đô la cho một nhóm tối đa chín thành viên và 1.200 đô la nữa đối với mỗi thành viên cộng thêm.

Nhưng những người leo núi vẫn kéo tới Everest bất chấp mức phí cao hơn này. Mùa xuân năm 1993, nhân kỷ niệm 40 năm cuộc chinh phục đầu tiên, một số lượng kỷ lục đã được ghi nhận là 15 đoàn thám hiểm với tổng cộng 294 nhà leo núi cố gắng chinh phục ngọn Everest từ phía Nepal. Mùa thu năm đó, Bộ Du lịch Nepal nâng mức phí thêm lần nữa tới con số đáng kinh ngạc 50.000 đô la cho một nhóm không quá năm thành viên và thêm 10.000 đô la cho mỗi thành viên tiếp theo với giới hạn là bảy thành viên. Thêm vào đó, chính phủ Nepal cũng ra chỉ thị trong mỗi mùa chỉ có tối đa bốn nhóm được phép leo lên sườn núi Everest thuộc Nepal.

Tuy nhiên có một điều mà các bộ trưởng Nepal không tính đến, đó là Trung Quốc chỉ thu phí 15.000 đô la đối với một nhóm (không giới hạn số lượng thành viên) để được phép leo lên đỉnh Everest từ Tây Tạng và không hạn chế số lượng nhóm trong một mùa. Do đó, số người leo núi Everest từ Nepal đổ dồn về Tây Tạng, khiến hàng trăm người Sherpa mất việc. Trước sự kêu la phản đối sau đó, đến mùa xuân năm 1996, Nepal đã phải đột ngột hủy bỏ giới hạn bốn nhóm leo núi trong một mùa. Và khi họ đang thực hiện điều này, các bộ trưởng lại tiếp tục tăng mức phí – lần này là lên 70.000 đô la cho một đội tối đa bảy thành viên cộng thêm 10.000 đô la cho mỗi thành viên tiếp theo. Qua việc mười sáu trong số ba mươi nhóm thám hiểm đã leo Everest từ sườn núi thuộc Nepal mùa xuân rồi, ta có thể thấy rằng chi phí xin phép cao không phải là một cản trở đáng kể.

Thậm chí ngay cả khi tác động tai hại của mùa leo núi trước mùa mưa năm 1996 chưa diễn ra thì sự phát triển nhanh chóng của các chuyến leo núi

thương mại trong hơn một thập kỷ trước đó đã là một vấn đề nhạy cảm. Những người thủ cựu cảm thấy khó chịu khi đỉnh núi cao nhất thế giới bị bán cho những gã nhà giàu – một vài người trong số này nếu không có dịch vụ hướng dẫn thì sẽ gặp khó khăn ngay cả trong việc leo lên một đỉnh khiêm tốn như núi Rainier. Còn những người theo chủ nghĩa truyền thống than vãn rằng Everest đang bị hạ thấp giá trị và bị xúc phạm.

Những người này chỉ ra rằng, do sự thương mại hóa đỉnh Everest, đỉnh núi một thời linh thiêng giờ đã bị lôi vào vũng lầy pháp lý Mỹ. Vì đã trả một khoản tiền hào phóng để được hộ tống lên đỉnh Everest, một số khách leo núi sau đó đã kiện người hướng dẫn của mình vì không lên được tới đỉnh. Peter Athans – một người hướng dẫn có tiếng vốn đã thực hiện mười một cuộc hành trình lên Everest và đã bốn lần lên được đỉnh – than rằng: “Đôi khi bạn vớ phải một vị khách nghĩ rằng họ đã mua một chiếc vé bảo đảm lên đến đỉnh Everest. Một số người không hiểu được rằng một chuyến thám hiểm Everest không giống như một chuyến tàu ở Thụy Sĩ”.

Đáng buồn thay, không phải vụ kiện nào cũng không có cơ sở. Những công ty yếu kém và tai tiếng đã không ít lần không thể cung cấp được hỗ trợ cần thiết như đã hứa, như bình oxy chẳng hạn. Trong một vài chuyến thám hiểm, người hướng dẫn lên tới đỉnh một mình mà không có người khách hàng nào khiến cho những khách hàng cay đắng này nghĩ rằng họ được dắt theo chỉ để nhằm trả tiền hóa đơn. Năm 1995, người đứng đầu một chuyến thám hiểm thương mại đã bỏ trốn với hàng chục ngàn đô la của khách hàng ngay trước khi cuộc hành trình bắt đầu.

* * *

Tháng 3 năm 1995, tôi nhận được cuộc điện thoại từ một biên tập viên của Tạp chí *Outside* đề nghị tôi tham gia vào một chuyến thám hiểm có người hướng dẫn sẽ khởi hành năm ngày sau đó và viết một bài báo về tình trạng thương mại hóa ngọn núi đang phát triển rất nhanh và về những cuộc tranh luận kèm theo. Tạp chí không dự định để tôi lên tới đỉnh, các biên tập viên đơn giản chỉ muốn tôi ở lại Trạm Căn cứ và tường thuật lại câu chuyện từ Sông băng phía đông Rongbuk, tại chân núi thuộc Tây Tạng. Tôi cân nhắc nghiêm túc đề nghị này – thậm chí tôi đã đặt chuyến bay và chúng ngửa theo yêu cầu – nhưng vào phút chót tôi quyết định từ chối.

Nếu chỉ nhìn vào sự coi thường của tôi đối với ngọn Everest trong những năm qua, người ta có thể nghĩ rằng về mặt nguyên tắc tôi đã từ chối một lời đề nghị như vậy. Thực ra, cuộc gọi từ tạp chí *Outside* đã bất ngờ khơi dậy lòng khao khát mạnh mẽ đã bị chôn vùi từ lâu trong tôi. Sở dĩ tôi từ chối lời đề nghị là vì tôi nghĩ sẽ hết sức khó chịu khi phải trải qua hai tháng trên

ngọn Everest mà lại không được đi quá Trạm Căn cứ. Nếu tôi đi đến vùng xa xôi đó của trái đất và phải xa gia đình trong tám tuần lễ, tôi muốn có cơ hội được leo lên ngọn núi.

Tôi đã hỏi Mark Bryant, biên tập viên của *Outside* xem liệu ông có thể cho hoãn chuyến đi này lại mười hai tháng nữa được không (để tôi có đủ thời gian để chuẩn bị thể lực cần thiết cho cuộc hành trình). Tôi cũng hỏi xem liệu tạp chí có chấp nhận đăng ký cho tôi một dịch vụ hướng dẫn có tiếng tăm hơn – và chịu chi phí 65.000 đô la – nhằm đảm bảo rằng tôi sẽ thực sự chinh phục được đỉnh núi. Tôi đã không hy vọng là Bryant sẽ chấp nhận kế hoạch này. Tôi đã viết hơn sáu mươi bài cho tạp chí *Outside* trong mười lăm năm qua, và chưa bao giờ nhận được phí đi lại cho các công việc của mình nhiều hơn 2.000 – 3.000 đô la.

Bryant gọi lại cho tôi vào ngày hôm sau sau khi đã bàn bạc với chủ bút của *Outside*. Ông ta nói tờ tạp chí không chịu bỏ ra 65.000 đô la nhưng ông và các biên tập viên khác nghĩ rằng việc thương mại hóa đỉnh Everest là một câu chuyện quan trọng. Ông khẳng định nếu như tôi nghiêm túc trong việc cố gắng chinh phục đỉnh núi, *Outside* sẽ tìm cách giúp tôi thực hiện việc đó.

* * *

Trong suốt ba mươi ba năm coi mình là một nhà leo núi, tôi đã thực hiện nhiều chuyến đi khó khăn. Ở Alaska, tôi đã thiết lập một lộ trình mới trên ngọn Mooses Tooth, và thực hiện một cuộc leo núi đơn độc lên đỉnh Devils Thumb, trải qua ba tuần lễ đơn độc trên một đỉnh băng xa xôi. Tôi đã thực hiện nhiều cuộc leo núi băng khá cao ở Canada và Colorado. Gần cực nam của Nam Mỹ, nơi gió thổi vào đất liền như “chiếc chổi của Chúa” – hay “*la escoba de Dios*” như người dân địa phương ở đây vẫn gọi, tôi đã vượt qua một khối đá granit nhọn, hiểm trở cao hàng dặm có tên là Cerro Torre. Bị những cơn gió có tốc độ 185 km/h càn quét và sườn phủ đầy sương muối, một thời (dù không còn nữa) Cerro Torre là ngọn núi khắc nghiệt nhất trên thế giới.

Nhưng những việc này đã xảy ra nhiều năm rồi, một số thậm chí cách đây vài thập niên, khi tôi còn ở độ tuổi hai mươi, ba mươi. Bây giờ, tôi đã 41 tuổi, đã qua lâu rồi cái thời leo núi đỉnh cao; râu đã bắt đầu bạc, răng đã yếu đi, và bụng đã thêm gần 7kg mỡ. Tôi đã kết hôn với người con gái mà tôi hết mực yêu thương và cô ấy cũng rất yêu tôi, và đang có một công việc khá tốt; lần đầu tiên trong cuộc đời mình tôi đang có một cuộc sống trên mức nghèo khổ. Tóm lại, lòng khao khát leo núi trong tôi đã thui chột đi bởi những cảm giác hài lòng nhỏ bé vốn đang làm tôi hạnh phúc hơn.

Vả lại, chưa có cuộc leo núi nào tôi đã từng thực hiện trong quá khứ lên

đến một độ cao đáng kể. Thật sự tôi chưa bao giờ ở trên độ cao quá 5.243m – thậm chí còn không cao bằng Trạm Căn cứ của Everest.

Là một người mê nghiên cứu lịch sử môn leo núi, tôi biết rằng đỉnh Everest đã cướp đi sinh mạng của 130 người kể từ khi người Anh lần đầu tiên đến ngọn núi này vào năm 1921. Con số này xấp xỉ với tỷ lệ cứ bốn người leo lên được đỉnh thì có một người thiệt mạng. Tôi cũng biết rằng những người đã ngã xuống này khỏe mạnh hơn tôi nhiều và có nhiều kinh nghiệm trên cao hơn tôi. Nhưng tôi phát hiện ra rằng giấc mơ thời niên thiếu không dễ dàng phai tàn nhưng những suy tính lại dễ bị phớt lờ. Cuối tháng 2 năm 1996, Bryant gọi cho tôi nói rằng có một chỗ dành cho tôi trong đoàn thám hiểm Everest sắp tới của Rob Hall. Khi ông ấy hỏi liệu tôi có muốn thực hiện chuyến đi không, tôi đã đồng ý ngay lập tức.

Chương 3: PHÍA TRÊN BẮC ẤN ĐỘ

NGÀY 29 THÁNG 3 NĂM 1996

9.144 MÉT

Tôi đã kể cho họ nghe câu chuyện ngụ ngôn một cách cộc lốc. Tôi bảo tôi đang nói về Hải Vương tinh, một Hải Vương tinh bình thường, không phải Thiên đường, bởi vì tôi không biết gì về Thiên đường. Do đó bạn sẽ thấy câu chuyện ám chỉ bạn, không phải cái gì khác mà chính là bản thân bạn. Hiện giờ có một khối đá lớn ở tít trên kia và tôi phải cảnh báo bạn rằng con người khá ngu ngốc trên Hải Vương tinh, lý do là vì mỗi người sống nhờ buộc mình vào một sợi dây. Và một vài người trong số họ, tôi rất muốn nêu đích danh, tuyệt đối quyết tâm sống chết với ngọn núi đó. Các bạn sẽ không thể tin nổi một điều là dù sống hay chết, có ích hay vô ích, những người này đã hình thành thói quen sử dụng thời gian rồi cũng như tất cả sức lực của mình để đuổi theo những đám mây vinh quang của họ lên và xuống những vách núi dốc nhất trong vùng. Và cuối cùng họ trở về cảm thấy hạnh phúc. Họ có thể như vậy lắm, bởi vì thật thú vị là ngay trên Hải Vương tinh, hầu hết bọn họ đều đuổi nhau khá an toàn trên những vách núi dễ leo. Nhưng dù sao chẳng nữa thì họ cũng hạnh phúc. Niềm hạnh phúc ấy có thể thấy rõ qua ánh mắt và gương mặt rạng ngời của họ. Và như tôi đã chỉ ra, chỉ bởi vì đó là Hải Vương tinh, không phải Thiên đường, nơi có lẽ không có việc gì khác để làm.

John Menlove Edwards

Lá thư của một người đàn ông

Sau hai giờ ngồi trên chuyến bay 311 của hãng hàng không Thai Air từ Bangkok tới Kathmandu, tôi rời khỏi chỗ ngồi và bước về phía đuôi máy bay. Gần dãy buồng vệ sinh bên mạn phải của máy bay, tôi cúi mình xuống để nhìn qua một cửa sổ nhỏ ngang thắt lưng, hy vọng có thể nhìn lướt qua một vài dãy núi. Tôi đã không thất vọng: ngoài kia, ở phía chân trời là các đỉnh núi lởm chởm của dãy Himalaya. Suốt thời gian còn lại của chuyến bay, tôi đứng tại chiếc cửa sổ, mê mẩn, quỳ gối trên một chiếc bao rác đầy những lon soda rỗng và thức ăn thừa; mặt của tôi tựa vào cửa kính lạnh cóng.

Ngay lập tức, tôi nhận ra tầm vóc đồ sộ và vượn xa của dãy Kanchenjunga ở độ cao 8.586 m so với mặt nước biển; đây là ngọn núi cao thứ ba trên thế giới. Mười lăm phút sau đó, Makalu, đỉnh núi cao thứ mười lăm trên thế giới xuất hiện và cuối cùng là hình bóng không thể nhầm lẫn vào đâu được của chính ngọn Everest.

Đỉnh màu đen của chóp núi nổi bật trên địa hình trơ trụi; tất cả nhô cao hẳn lên khỏi những sườn núi xung quanh. Nằm cao trong vùng gió xoáy,

ngọn núi rạch một vết cắt sâu dễ thấy vào cơn cuồng phong có sức gió 222,2 km/h, làm tung ra một dải tinh thể băng trải về phía đông trông giống như một chiếc khăn choàng bằng lụa. Khi nhìn ngọn núi này từ trên trời, tôi chợt nhận thấy đỉnh ngọn Everest có cùng độ cao với chiếc máy bay phản lực đã điều áp đang chở tôi. Vào lúc đó, việc tôi định leo lên tới độ cao của chiếc phản lực Airbus 300 bất thành linh làm cho tôi cảm thấy phi lý hoặc còn tệ hơn thế. Lòng bàn tay tôi nhớp mồ hôi.

Sau đó bốn mươi phút, tôi đã ở trên mặt đất tại Kathmandu. Khi tôi đi bộ vào sảnh của sân bay sau khi hoàn tất thủ tục hải quan, một người thanh niên to con, mày râu nhẵn nhụi chú ý đến hai túi đồ nghề của tôi và tiến lại. Nhìn liếc qua tờ giấy có ảnh các khách hàng của Rob Hall, anh ta hỏi tôi bằng giọng New Zealand du dương: “Anh có phải là Jon?” Anh ta bắt tay tôi và tự giới thiệu là Andy Harris, một hướng dẫn viên của Hall, đến để đưa tôi về khách sạn. – Harris, 31 tuổi, nói là có một khách hàng nữa cũng đến trên cùng chuyến bay từ Bangkok này; đó là một luật sư 53 tuổi tên là Lou Kasischke đến từ Bloomfield Hills, bang Michigan. Phải mất một tiếng đồng hồ Kasischke mới tìm được hành lý của mình, do đó trong khi chờ đợi, Andy và tôi trao đổi về những cuộc leo núi mà mình đã thực hiện tại phía tây Canada và bàn về những ưu thế của môn trượt tuyết so với lướt ván tuyết. Khao khát leo núi và niềm đam mê đối với núi non của Andy khiến tôi thấy nuối tiếc quãng đời trước đây, khi leo núi là điều quan trọng nhất, khi mà tôi hình dung cuộc đời mình dưới dạng các ngọn núi mình đã leo và những đỉnh hy vọng sẽ chinh phục một ngày nào đó.

Ngay trước khi Kasischke – một người cao, dáng thể thao với mái tóc bạc và sự dè dặt kiểu quý tộc – từ bàn thủ tục hải quan của sân bay đi tới, tôi hỏi Andy rằng anh đã tới Everest bao nhiêu lần rồi. Anh ta vui vẻ thú nhận: “Thực ra đây là lần đầu tiên, giống như anh thôi. Sẽ rất thú vị khi xem tôi làm thế nào trên dãy núi”.

Hall đã đặt chỗ cho chúng tôi tại khách sạn Garuda, một khách sạn thân thiện và hiện đại tại trung tâm của Thamel, khu vực du lịch nhộn nhịp của Kathmandu trên một con đường nhỏ đầy xe rickshaw (một loại xe kéo) và những người bán dạo. Từ lâu khách sạn Garuda đã nổi tiếng đối với các đoàn thám hiểm đến Himalaya, và những bức tường của nó dán đầy những tấm hình có chữ ký của những người leo núi đã qua đây trong những năm qua: Reinhold Messner, Peter Habeler, Kitty Calhoun, John Roskelley, Jeff Lowe. Bước lên cầu thang về phòng mình tôi đi ngang qua một tấm áp phích bốn màu có tựa “Bộ ba Himalaya” vẽ Everest, K2 và Lhotse – các đỉnh núi cao thứ nhất, thứ nhì và thứ tư thế giới. Được đặt cao nhất phía trên những hình ảnh về các đỉnh núi này, tấm áp phích cho thấy một người đàn ông có râu

quai nón với dây đu trang phục leo núi đang cười. Một chú thích cho thấy đây chính là Rob Hall; tấm áp phích này – nhằm quảng bá cho công ty hướng dẫn của Hall, công ty Adventure Consultants – ra đời vào dịp kỷ niệm kỳ công khá ấn tượng của anh ta: chinh phục tất cả ba đỉnh núi nói trên trong vòng hai tháng vào năm 1994.

Một giờ sau đó tôi được gặp Hall bằng xương bằng thịt. Anh ta cao khoảng 1 mét 90 và gầy như một cây sào. Khuôn mặt anh toát nên vẻ dịu dàng, nhưng anh ấy trông già hơn tuổi 35 của mình, có lẽ là do những nếp nhăn sâu ở khóe mắt hoặc là do dáng vẻ uy quyền mà anh ta thể hiện. Anh ta mặc một chiếc áo sơ mi kiểu Hawaii và một chiếc quần jean Levis đã bạc màu có một miếng vá thêu hình biểu tượng âm-dương chỗ đầu gối. Một mái tóc nâu không chải xoắn ngang qua trán còn bộ râu rậm rạp có lẽ cần phải cắt tỉa.

Với bản tính thích giao du, Hall là một người có tài kể chuyện với sự hóm hỉnh của người New Zealand. Kể một câu chuyện dài liên quan tới một du khách người Pháp, một vị sư và loài bò yak lông lá, Hall đi đến điểm mấu chốt của câu chuyện với một cái liếc mắt tinh quái, dừng lại một nhịp nhằm tạo hiệu ứng, rồi sau đó ngả đầu ra phía sau và cười phá lên, không thể kìm lại sự thích thú của anh trong câu chuyện của chính mình. Tôi thích anh ấy ngay lập tức.

Hall được sinh ra trong một gia đình Công giáo thuộc tầng lớp lao động tại Christchurch, New Zealand; là con út trong số chín người con. Mặc dù có đầu óc khoa học và nhanh nhẹn, nhưng ở tuổi 15 anh đã bỏ học sau khi “đụng” với một giáo viên cực kỳ độc đoán. Năm 1976, anh làm việc cho Alp Sports, một công ty sản xuất dụng cụ leo núi tại địa phương. Bill Atkinson – bây giờ đã là một nhà leo núi và hướng dẫn viên tài năng – nhớ lại: “Anh ấy bắt đầu bằng những công việc lật vạt, đập máy may hay những thứ đại loại như thế. Nhưng nhờ tài tổ chức xuất sắc, vốn đã bộc lộ ngay từ khi còn mười sáu, mười bảy tuổi, Rob đã nhanh chóng điều hành toàn bộ mảng sản xuất của công ty”.

Hall đã từng tập luyện môn thể thao đi bộ leo đồi chăm chỉ trong nhiều năm; còn lúc vào làm cho Alp Sports, ông cũng bắt đầu học leo núi đá và núi tuyết. Atkinson, người bạn leo núi thường xuyên nhất của Hall thời đó, cho hay anh học rất nhanh và “có khả năng tiếp thu kỹ năng và quan điểm từ bất kỳ ai”.

* * *

Năm 1980, khi Hall được 19 tuổi, anh tham gia vào một cuộc thám hiểm leo lên Triền Bắc đầy khó khăn của dãy Ama Dablam, một đỉnh núi cao

6.795m với vẻ đẹp độc đáo cách Everest mười lăm dặm về phía nam. Trong suốt chuyến đi đó – chuyến đi đầu tiên của Hall tới Himalaya – anh đã thực hiện thêm một cuộc leo núi lên Trạm Căn cứ của Everest và quyết tâm một ngày nào đó anh sẽ leo lên ngọn núi cao nhất thế giới. Phải mất đến mười năm và ba lần cố gắng, cuối cùng đến năm 1990 Hall mới chinh phục được đỉnh Everest khi dẫn đầu một đoàn thám hiểm có cả Peter Hillary, con trai của Ngài Edmund Hillary. Trên đỉnh núi, Hall và Hillary thực hiện một cuộc truyền thanh được phát sóng trực tiếp trên toàn New Zealand, và ở độ cao 8.848m, họ nhận được lời chúc mừng từ Thủ tướng Geoffrey Palmer.

Lúc này Hall đã là một nhà leo núi chuyên nghiệp toàn thời gian. Như hầu hết các đồng nghiệp của mình, ông tìm kiếm nguồn tài trợ từ các công ty để thực hiện các cuộc thám hiểm Himalaya tốn kém của mình. Và anh cũng đủ khôn ngoan để hiểu rằng càng nổi tiếng trên các phương tiện truyền thông đại chúng thì càng dễ khiến các công ty mở hầu bao hơn. Và khi điều này xảy ra, anh đã chứng tỏ mình là một người cực kỳ khôn ngoan trong việc làm cho tên mình xuất hiện trên các ấn phẩm và hình ảnh của mình xuất hiện trên truyền hình. Atkinson thừa nhận: “Rob luôn luôn nhạy bén trong việc quảng cáo”.

Năm 1988, một hướng dẫn viên quê ở Auckland tên là Garry Ball trở thành bạn leo núi chính của Hall và cũng là bạn thân nhất của ông. Ball chinh phục đỉnh Everest cùng với Hall năm 1990 và ngay sau khi về tới New Zealand, họ lên kế hoạch chinh phục các đỉnh núi cao nhất tại mỗi châu lục, giống như Dick Bass – nhưng nâng mức khó bằng cách chinh phục cả bảy ngọn núi trong vòng bảy tháng⁷. Đối với đỉnh Everest, đỉnh khó leo nhất trong bộ bảy, nhờ kiên trì theo đuổi, Hall và Ball đã tìm được sự ủng hộ của một công ty điện lớn – công ty Power Build – và họ đã lên đường. Ngày 12 tháng 12 năm 1990, chỉ còn vài giờ nữa là đến hạn cuối của bảy tháng, họ đã lên được đỉnh của ngọn núi thứ bảy – ngọn Vinson Massif ở độ cao 4.897m, điểm cao nhất Nam cực – và được tuyên dương nồng nhiệt tại quê nhà.

Mặc dù thành công như vậy nhưng Hall và Ball vẫn lo lắng về triển vọng lâu dài trong nghề leo núi chuyên nghiệp của họ. Atkinson giải thích: “Để tiếp tục nhận được sự tài trợ từ các công ty, một nhà leo núi phải liên tục nâng cao các thử thách. Chuyến leo núi sau bao giờ cũng phải khó khăn hơn và ngoạn mục hơn chuyến trước đó. Nó sẽ trở thành một sự căng thẳng không ngừng nghỉ, cuối cùng bạn sẽ không còn đủ khả năng để chinh phục thử thách nữa”. Rob và Garry hiểu rằng không sớm thì muộn, họ sẽ không còn khả năng thể hiện phong độ đỉnh cao của mình nữa, hoặc họ sẽ gặp phải một tai nạn không may và tử nạn.

“Vì vậy họ đã quyết định chuyển hướng và đầu tư vào việc hướng dẫn

leo núi. Khi bạn hướng dẫn người khác bạn không cần phải thực hiện các công việc leo núi, thử thách đến từ việc giúp cho khách hàng của bạn lên và xuống núi, việc này mang lại một dạng thỏa mãn khác. Nhưng nó là một nghề ổn định hơn là việc không ngừng đuổi theo các nhà tài trợ. Nếu bạn cung cấp cho họ một dịch vụ tốt, bạn sẽ không bao giờ thiếu khách hàng”.

Trong suốt cuộc hành trình “bảy ngọn núi trong bảy tháng”, Hall và Ball đã cùng lên một kế hoạch kinh doanh hướng dẫn du khách chinh phục Thất Đỉnh. Tin chắc rằng có một thị trường chưa ai khai thác gồm những người mơ ước leo núi có thừa tiền nhưng lại không đủ kinh nghiệm để tự mình leo lên những ngọn núi vĩ đại nhất thế giới, Hall and Ball khai trương một công ty mà họ đặt tên là Adventure Consultants.

* * *

Gần như ngay lập tức họ đạt được một kỷ lục ấn tượng. Đến tháng 5 năm 1992, Hall và Ball đã đưa sáu khách leo núi lên đến đỉnh Everest. Một năm sau đó họ hướng dẫn một nhóm bảy người khác lên đỉnh Everest vào một buổi chiều có bốn mươi người lên đến đỉnh núi trong một ngày. Tuy nhiên, khi họ trở về nhà sau chuyến đi đó, họ đã phải nhận những lời chỉ trích công khai không ngờ từ Ngài Edmund Hillary; ông đã chỉ trích vai trò của Hall trong việc Everest đang ngày càng bị thương mại hóa. Ông gất gỏng rằng việc thu tiền để dắt một đám tay mơ lên đỉnh núi “đang gây ra sự thiếu tôn trọng đối với ngọn núi”.

Tại New Zealand, Hillary là một trong những nhân vật được kính trọng nhất đất nước; khuôn mặt góc cạnh của ông được in trên tờ giấy bạc năm đô la. Hall cảm thấy buồn và ngượng khi bị chỉ trích công khai bởi vị thánh sống – nhà leo núi đã từng là một trong những thần tượng thời niên thiếu của anh. Atkinson cho hay: “Hillary được xem như là một kho báu sống của quốc gia tại New Zealand này. Những gì ông nói rất có giá trị và thật là đau đớn khi bị ông chỉ trích. Rob đã muốn phát biểu công khai để tự bảo vệ, nhưng anh ấy nhận ra rằng đối đầu với một nhân vật được kính trọng như vậy trên các phương tiện truyền thông đại chúng không phải là một giải pháp hay”.

Và rồi, năm tháng sau vụ chỉ trích của Hillary, Hall lại bị choáng váng bởi một sự kiện kinh hoàng hơn: vào tháng 10 năm 1993, Garry Ball tử nạn vì bị phù não (cerebral edema – não bị sưng tấy do độ cao) trong khi đang cố gắng leo lên đỉnh Dhaulagiri cao 8.167m, đỉnh núi cao thứ sáu trên thế giới. Nằm hôn mê trong một căn lều nhỏ trên đỉnh núi, Ball đã trút hơi thở mệth nhọc cuối cùng trong tay Hall. Ngày hôm sau, Hall an táng bạn mình dưới một khe vực.

Trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình tại New Zealand sau chuyến thám hiểm, Hall buồn bã mô tả lại việc anh đã dùng sợi dây leo núi yêu thích của họ để hạ xác Garry xuống vực thẳm của sông băng như thế nào. “Sợi dây leo núi được thiết kế để buộc hai người lại với nhau và bạn không bao giờ được thả nó ra. Nhưng tôi đã phải để nó trượt qua tay mình”.

“Rob bị suy sụp sau cái chết của Garry”, theo như lời của Helen Wilton, người quản lý Trạm Căn cứ của Hall trên ngọn Everest vào các năm 1993, 1995 và 1996. Nhưng anh ấy đã đối diện với nó một cách lặng lẽ. Đó chính là cách của Rob – luôn hành xử tích cực với mọi việc”. Hall quyết tâm tiếp tục điều hành Adventure Consultants một mình. Theo cách làm mang tính hệ thống của mình, ông tiếp tục cải thiện cơ sở vật chất và các dịch vụ của công ty – và vẫn tiếp tục cực kỳ thành công trong việc đưa những người leo núi nghiệp dư lên đỉnh những dãy núi lớn và xa xôi.

Trong khoảng thời gian từ năm 1990 đến năm 1995, Hall chịu trách nhiệm đưa ba mươi chín nhà leo núi lên đỉnh Everest – nhiều hơn ba người so với số người đã lên đỉnh trong vòng hai mươi năm kể từ chuyến leo núi đầu tiên của Ngài Edmund Hillary. Với những gì đã làm được, Hall quảng cáo rằng Adventure Consultants là “công ty dẫn đầu trong lĩnh vực leo núi Everest, đã thực hiện nhiều chuyến leo núi hơn bất kỳ công ty nào khác”. Tập quảng cáo ông gửi tới những khách hàng tiềm năng có đoạn:

Bạn là người có lòng đam mê mạo hiểm. Có lẽ bạn đang nghĩ tới việc đến tất cả bảy châu lục hoặc là đứng trên đỉnh của một ngọn núi cao. Hầu như tất cả chúng ta chẳng bao giờ dám hành động cho ước mơ của mình, và hiếm khi dám nói lên những ước mơ đó, hay là thừa nhận những khát khao vĩ đại trong thâm tâm.

Adventure Consultants chuyên tổ chức và hướng dẫn các cuộc leo núi mạo hiểm. Với kinh nghiệm thực tế trong việc biến ước mơ thành sự thực, chúng tôi sẽ hành động cùng bạn để đạt được mục tiêu của bạn. Chúng tôi sẽ không mang bạn lên núi – bạn sẽ phải tập luyện vất vả – nhưng chúng tôi đảm bảo an toàn cao nhất và thành công cho chuyến mạo hiểm của bạn.

Đối với những ai dám thực hiện giấc mơ của mình, kinh nghiệm của chúng tôi sẽ mang lại cho bạn những điều đặc biệt không thể mô tả bằng lời. Chúng tôi mời bạn chinh phục đỉnh núi của mình cùng với chúng tôi.

Đến năm 1996, Hall thu phí 65.000 đô la một người để hướng dẫn khách

hàng lên tới đỉnh thế giới. Xét về bất kỳ khía cạnh nào, đây cũng là một món tiền lớn – tương đương với tiền thế chấp một căn nhà tại Seattle – và giá này không bao gồm vé máy bay tới Nepal hay các dụng cụ cá nhân. Không có phí của công ty nào cao hơn thế – thực ra một số đối thủ cạnh tranh của anh ấy chỉ lấy bằng 1/3 mức phí đó. Tuy nhiên, nhờ vào tỷ lệ thành công cao phi thường, anh đã không gặp khó khăn nào trong việc tìm khách hàng cho chuyến leo núi này – chuyên thứ tám lên đỉnh Everest. Nếu bạn vẫn nhất định muốn chinh phục đỉnh Everest và có đủ tiền thì Adventure Consultants là sự lựa chọn tốt nhất.

* * *

Vào sáng ngày 31 tháng 3, hai ngày sau khi đến Kathmandu, các thành viên của đoàn thám hiểm năm 1996 của công ty Adventure Consultants bước qua đường băng của Sân bay quốc tế Tribhuvan và leo lên một chiếc trực thăng Mi-17 do Nga chế tạo được Hãng hàng không Asian khai thác. Là một chứng tích của chiến tranh Afghanistan, nó to như một chiếc xe buýt chở học sinh, đủ chỗ cho hai mươi sáu hành khách, và trông giống như nó đã được chế tạo ở sân sau của một căn nhà nào đó. Người kỹ sư chuyển bay đóng cửa lại và đưa cho chúng tôi những miếng bông gòn để bịt tai, và chiếc máy bay khổng lồ lao lên không trung với một tiếng gầm nhưc óc.

Sàn máy bay chật đầy những túi dụng cụ, ba lô và hộp các tông. Chen lấn trong những chỗ trống quanh thân máy bay là hàng tá người ngồi quay mặt vào trong, đầu gối khép chặt vào ngực. Tiếng gầm điếc tai của động cơ khiến cho chúng tôi không thể nào nói chuyện. Đó không phải là một chuyến bay thoải mái nhưng chẳng ai thêm phàn nàn về điều đó.

Năm 1963, chuyến thám hiểm của Tom Hornbein bắt đầu cuộc hành trình dài đến Everest từ Banepa, cách Kathmandu mười hai dặm và phải trải qua ba mươi một ngày đi trên đường mòn mới đến được Trạm Căn cứ. Giống như hầu hết những người leo núi Everest khác chúng tôi chọn cách “nhảy cóc” qua phần lớn đoạn đường dốc và bụi bặm này; theo dự kiến máy bay sẽ thả chúng tôi xuống làng hẻo lánh Lukla ở độ cao 2.743m trên dãy Himalaya. Nếu như không bị rớt máy bay, chúng tôi sẽ rút ngắn hành trình khoảng ba tuần so với quãng đường của Hornbein.

Liếc quanh nội thất rộng rãi của chiếc máy bay, tôi cố gắng nhớ tên những người bạn cùng đi với mình. Ngoài hai người hướng dẫn Rob Hall và Andy Harris, còn có thêm Helen Wilton, một người mẹ 39 tuổi của bốn đứa con, quay trở lại Trạm Căn cứ trong cương vị quản lý mùa thứ ba liên tiếp của mình. Caroline McKenzie – một nhà leo núi và là một bác sĩ tài năng ở cuối độ tuổi hai mươi – chính là bác sĩ của đoàn thám hiểm, và cũng giống

như Helen, cô ấy cũng sẽ không lên quá Trạm Căn cứ. Lou Kasischke, vị luật sư phong nhã mà tôi đã gặp ở sân bay, đã chinh phục được sáu trong số Thất Đỉnh – cũng giống như Yasuko Namba, một giám đốc nhân sự ít nói làm việc tại chi nhánh Tokyo của hãng Federal Express. Beck Weathers, 41 tuổi, là một nhà nghiên cứu bệnh học ba hoa đến từ Dallas. Stuart Hutchison, 44 tuổi, mặc một chiếc áo thun hiệu Ren and Stimpy, là một bác sĩ chuyên khoa tim mạch người Canada trông hơi ốm yếu, đang đi nghỉ sau một cuộc nghiên cứu. John Taske, 55 tuổi, thành viên lớn tuổi nhất trong nhóm chúng tôi, là một chuyên gia gây mê đến từ Brisbane, ông đã bắt đầu học leo núi sau khi rời quân đội Úc. Frank Fischbeck, 53 tuổi, một chủ báo quý phái và sang trọng sống ở Hong Kong, ba lần leo Everest cùng một trong các công ty đối thủ của Hall; năm 1994, ông đã lên tới Đỉnh Nam, chỉ còn cách đỉnh Everest có 101 mét. Dough Hansen, một nhân viên bưu chính người Mỹ, đã leo Everest với Hall vào năm 1995 và cũng giống như Fischbeck đã lên được tới Đỉnh Nam trước khi quay trở lại.

Tôi không biết phải mô tả các bạn đồng hành của tôi là loại người như thế nào nữa. Xét về phong cách và kinh nghiệm, họ trông chẳng có gì giống những tay leo núi chuyên nghiệp mà tôi từng biết. Nhưng họ cũng là những người bạn tử tế và đàng hoàng, và không có cái mặt chuột nào trong cả nhóm – ít ra cũng là ở giai đoạn ban đầu này. Tuy nhiên ngoại trừ Doug, tôi chẳng giống ai trong số các bạn leo núi của mình. Doug trông quắc thước, dẻo dai và có khuôn mặt phong sương và già dặn trước tuổi, khiến người đối diện dễ có cảm giác đây từng là một cầu thủ bóng đá. Thực ra, Doug đã làm nhân viên bưu điện trong hơn 27 năm. Anh kể cho tôi nghe anh đã phải làm ca đêm ở bưu điện và làm công việc xây dựng vào ban ngày để kiếm tiền cho chuyến đi này. Bởi vì bản thân tôi cũng từng là thợ mộc suốt tám năm trước khi trở thành nhà văn – và bởi vì thu nhập của chúng tôi cũng gần như ngang nhau, Doug và tôi tự nhiên có một thứ gì đó khác với những người còn lại, và tôi cũng cảm thấy thoải mái hơn khi trò chuyện với anh, một cảm giác mà tôi không có được với những thành viên khác trong đoàn.

Nói chung, một điều khiến tôi luôn cảm thấy không thoải mái chính là việc tôi chưa từng tham gia vào một đoàn leo núi nào lớn thế này – một đoàn toàn những thành viên xa lạ với nhau. Ngoại trừ chuyến đi Alaska cách đây 21 năm, bao giờ tôi cũng leo núi cùng một hoặc hai người bạn thân mà tôi tin tưởng, còn không là một mình.

Trong leo núi, việc tin tưởng vào đồng đội là chuyện hết sức quan trọng. Hành động của một người có thể ảnh hưởng đến cả nhóm. Một nút thắt không chặt, một sự sẩy chân, một phiến đá rơi, hoặc bất kỳ một hành động bất cẩn nào khác cũng có thể gây hậu quả cho cả thủ phạm lẫn đồng đội của

anh ta. Do đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi các nhà leo núi thường rất thận trọng trong việc nhập nhóm với những người họ chưa biết thiện ý.

Tuy nhiên, niềm tin vào đồng đội là một thứ xa xỉ đối với những người đã ký hợp đồng khách hàng trong một chuyến leo núi có người hướng dẫn; lúc này anh ta phải đặt niềm tin vào người hướng dẫn. Khi máy bay đang hướng đến Lukla, tôi cho rằng mỗi đồng đội của tôi đều hy vọng tha thiết như tôi rằng Hall đã cẩn thận loại những khách hàng không đủ khả năng và sẽ có đủ phương tiện để bảo vệ chúng tôi trước những nhược điểm của người khác.

Chương 4: PHAKDING

NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 1996

2.800 MÉT

Đôi với những người không rề rà, cuộc đi bộ hàng ngày của chúng tôi kết thúc sớm vào buổi chiều, nhưng thường là sau khi sức nóng và đôi chân rã rời buộc chúng tôi phải hỏi mỗi người Sherpa đi ngang qua: “Còn bao xa nữa thì tới trại?”. Sau đó chúng tôi phát hiện ra câu trả lời bao giờ cũng là “Chỉ còn hai dặm nữa thôi, Sah’b..”⁸

Buổi chiều tôi rất yên tĩnh, khói bốc lên khoảng không khí yên tĩnh làm dịu đi bóng tối, ánh sáng nhấp nháy trên triền núi ngày mai chúng tôi sẽ leo, những đám mây che khuất con đường chúng tôi sẽ đi ngày hôm sau. Sự kích thích dâng cao khiến tôi nghĩ đi nghĩ lại về Triền Tây.

Khi mặt trời lặn, có cả nỗi cô đơn, nhưng bây giờ hiếm khi tôi thấy nghi ngại. Rồi tôi cảm thấy nôn nao như thể tất cả cuộc sống của mình nằm lại đằng sau tôi. Một khi đã ở trên núi, tôi biết (hay tin tưởng) rằng tôi sẽ phải tập trung vào các nhiệm vụ trước mắt. Nhưng thỉnh thoảng tôi cũng tự hỏi rằng liệu có phải tôi đã đi một quãng đường dài để khám phá ra rằng điều mà tôi đang tìm kiếm là một thứ gì đó tôi đã bỏ lại sau lưng.

Thomas F. Hombein

Everest: Triền Tây

Từ Lukla, con đường tới Everest hướng lên phía bắc qua rãnh Dudh Kosi, một con sông đầy đá cuội có băng bao phủ. Chúng tôi nghỉ đêm đầu tiên trong chuyến hành trình tại làng Phakding, một khu gồm dăm ngôi nhà và nhà trọ qui tụ trên thềm của một vùng đất bằng trên một con dốc phía trên con sông. Khi trời tối, không khí trở nên hiu hắt ảm đạm và vào buổi sáng, khi tôi tiếp tục lên đường, một lớp sương lạnh lung linh trên lá cây đỗ quyên. Tuy nhiên, khu vực ngọn Everest nằm ở 28 độ vĩ bắc – ngay trên vùng nhiệt đới – nên khi mặt trời lên đủ cao để chiếu xuyên qua hẻm núi, nhiệt độ tăng lên vùn vụt. Tới buổi trưa, sau khi chúng tôi đã băng qua một cây cầu lắc lư treo cao ngang qua con sông – lần qua sông thứ tư trong ngày – mồ hôi mẹ mồ hôi con đã bắt đầu nhỏ xuống cằm và tôi cởi đồ ra chỉ còn mặc quần short và áo thun.

Bên dưới con sông, một lối đi đầy bùn bắt đầu từ bờ sông Dudh Kosi và chạy ngoằn ngoèo lên vách hẻm núi dốc đứng, đi lên xuyên qua rừng thông thơm ngát. Hai đỉnh Thamserku và Kusun Kangru đầy băng tuyết hùng vĩ đâm thẳng lên trời ở độ cao 3,2km phía trên đầu. Đó là một vùng đồng quê

tuyệt đẹp, gây ấn tượng không khác gì những thắng cảnh khác trên Trái Đất xét về mặt địa hình, nhưng nó không hoang sơ và đã chưa từng hoang sơ trong hàng trăm năm nay.

Mỗi mảnh đất có thể canh tác đã được đắp thành bậc thang và được trồng lúa mạch, kiều mạch đắng hoặc khoai tây. Các dãy cờ cầu phúc được căng lên khắp sườn đồi, và những tháp cổ chứa hài cốt của các tín đồ Phật giáo và các bức tường đá mani⁹ được chạm khắc sắc sảo đứng gác ngay cả trên những con đèo cao nhất. Khi tôi đi lên từ dòng sông, con đường bị tắc lại với những người đi bộ, các đàn bò yak¹⁰, các thầy tu choàng áo đỏ, những người Sherpa đi chân đất oằn lưng dưới những bó củi, dầu lửa và nước giải khát.

Chín mươi phút ở phía trên dòng sông, tôi lên tới một sống núi rộng, băng qua một ma trận những bãi thả bò có rào đá bao quanh, và đột nhiên nhận ra mình đang ở trong thị trấn Namche Bazaar, trung tâm xã hội và thương mại của cộng đồng người Sherpa. Tọa lạc ở độ cao 3.444m so với mực nước biển, Namche chiếm hết một vùng trũng rộng lớn và nghiêng trông giống như một chiếc chảo vệ tinh khổng lồ. Hơn một trăm ngôi nhà đột ngột nép mình trên vùng dốc nhiều đá này, được liên kết với nhau bởi một mê cung các con đường nhỏ và lối đi hẹp. Gần phía thấp hơn của thị trấn, tôi tìm thấy Nhà trọ Khumbu. Trước cửa là một tấm mền lớn, được người ta dùng như cánh cửa ra vào. Tôi kéo tấm mền ấy lên và thấy các bạn tôi đang uống trà chanh quanh một chiếc bàn trong góc.

Khi tôi tới đó, Rob Hall giới thiệu tôi với Mike Groom, người hướng dẫn thứ ba của đoàn thám hiểm. Là một người Úc 33 tuổi với mái tóc màu cà rốt và thân hình gầy đét của một vận động viên marathon, Groom là một thợ sửa ống nước tại Brisbane, thỉnh thoảng mới làm hướng dẫn viên. Năm 1987, khi phải trải qua một đêm ngoài trời trong chuyến leo xuống đỉnh Kanchanjunga cao 8.586m, anh ta bị hoại tử chân và phải cắt bỏ tất cả các ngón. Tuy nhiên, việc này không thể ngăn cản anh ta leo núi: anh đã tiếp tục leo lên đỉnh K2, đỉnh Lhotse, đỉnh Cho Oyu, đỉnh Ama Dablam và vào năm 1993 là đỉnh Everest mà không sử dụng bình oxy. Là một người cực kỳ bình tĩnh và thận trọng, Groom là một người đồng hành dễ chịu nhưng rất ít nói trừ phi người khác nói chuyện trước với anh ta; và anh trả lời các câu hỏi rất ngắn gọn với giọng nói chỉ vừa đủ nghe.

Các cuộc chuyện trò trong khi dùng bữa tối phần lớn do ba vị khách bác sĩ khơi mào – Stuart, John và đặc biệt là Beck; và cứ như vậy trong phần lớn chuyến đi. May mắn thay cả John và Beck đều rất hóm hỉnh và làm cho cả nhóm cười bể bụng. Tuy nhiên, Beck có tật hay biến những lời độc thoại của mình thành những lời chê bai đầy khinh miệt những người mắc chứng đái

dâm. Một lần trong buổi tối hôm đó, tôi đã phạm sai lầm khi không đồng ý với anh ta: đáp lại một trong những lời bình luận của anh ta, tôi đã cho rằng nâng mức lương tôi thiếu lên dường như là một chính sách cần thiết và khôn ngoan. Vốn là một người tranh luận có kiến thức và rất khôn khéo, Beck tranh cãi đến cùng lời tuyên bố của tôi, và tôi thiếu những lý lẽ cần thiết để phản bác lại anh ta. Tất cả những gì tôi có thể làm là ngồi yên, không nói được gì và rất tức tối.

Khi anh ta tiếp tục những luận điệu của mình với cái giọng nhè nhè của miền đông Texas về những hành động điên rồ trong chính sách phúc lợi, tôi đứng dậy và rời khỏi bàn để tránh bị bẽ mặt hơn nữa. Khi tôi trở lại phòng ăn, tôi đến chỗ bà chủ quán và gọi một cốc bia. Đó là một người phụ nữ Sherpa nhỏ nhắn và duyên dáng, bà ấy đang chờ những người leo núi người Mỹ gọi món. “We hungry” (Chúng tôi đói), một gã đàn ông có đôi má đỏ nói với bà ấy bằng tiếng bồi giọng quá lớn, và diễn tả hành động đang ăn. “Want eat po-ta-toes. Yak bur-ger. Co-ca Co-la. You have” (Muốn ăn khoai tây, hamburger bò, Coca-cola. Có chứ?). – – “Các ông có muốn xem thực đơn không?”, người phụ nữ Sherpa đáp lại bằng giọng Anh rõ ràng, sắc sảo và mang một chút âm sắc Canada. “Chúng tôi có rất nhiều món. Và còn có thêm bánh táo mới nướng xong nếu các ông muốn dùng tráng miệng”.

Tay leo núi người Mỹ đó không thể hiểu được rằng người phụ nữ da sẫm của vùng núi này đang nói chuyện với anh ta bằng một thứ tiếng Anh của tầng lớp quý tộc được phát âm hoàn hảo, vẫn tiếp tục sử dụng thứ tiếng lóng tức cười của mình: “Men-u, Good, good. Yes, yes, we like see men-u” (Thực đơn. Tốt, tốt. Được, được. Chúng tôi muốn xem thực đơn).

Người Sherpa vẫn là những người bí ẩn đối với hầu hết người ngoại quốc, những người thường có khuynh hướng nhìn họ qua một lớp màn lãng mạn. Những người không hiểu về các dân tộc sống trên dãy Himalaya thường cho rằng tất cả người Nepal đều là người Sherpa, trong khi thực ra chỉ có hơn 20.000 người Sherpa trên toàn Nepal, một quốc gia có diện tích bằng một tiểu bang Bắc Carolina với khoảng 20 triệu dân và hơn năm mươi nhóm thiểu số khác nhau. Sherpa là một dân tộc vùng núi rất nhiệt tâm với Phật giáo; tổ tiên của họ di cư xuống phía nam từ Tây Tạng cách đây bốn hoặc năm thế kỷ. Các ngôi làng của người Sherpa nằm rải rác khắp phần Himalaya thuộc phía đông Nepal, và có thể gặp những cộng đồng người Sherpa tương đối lớn ở Sikkim và Darjeeling, Ấn Độ; nhưng quê hương của người Sherpa chính là Khumbu— một nhóm thung lũng nằm dưới các con dốc phía nam của núi Everest. Khu vực nhỏ bé và vô cùng gồ ghề này không hề có đường sá, xe ô tô hay bất kỳ loại xe cộ có bánh nào.

Việc trồng trọt chăn nuôi rất khó khăn tại những thung lũng cao, lạnh và bao quanh bởi những vách núi dựng đứng, do đó nền kinh tế truyền thống của người Sherpa chỉ xoay quanh việc buôn bán giữa Tây Tạng và Ấn Độ và chăn nuôi bò yak. Sau đó, vào năm 1921, người Anh bắt đầu chuyến thám hiểm đầu tiên của mình tới Everest, và quyết định chọn những người Sherpa làm người hỗ trợ đã bắt đầu làm biến đổi nền văn hóa Sherpa.

Do Vương quốc Nepal vẫn đóng kín biên giới cho tới năm 1949, đoàn khảo sát Everest đầu tiên và tám đoàn thám hiểm sau đó bắt buộc phải tiếp cận ngọn núi từ hướng bắc, qua Tây Tạng, và chưa bao giờ đi qua bất kỳ vùng nào gần Khumbu. Nhưng chín đoàn thám hiểm đầu tiên đó đến Tây Tạng từ Darjeeling, nơi mà nhiều người Sherpa đã di cư tới. Tại đó, họ đã tạo dựng được hình ảnh chăm chỉ, ân cần và thông minh trong lòng những người phương Tây ở đây. Ngoài ra, do người Sherpa đã sinh sống nhiều thế hệ tại những ngôi làng nằm trên độ cao 2.743m cho đến 4.267m, nên về mặt sinh học học thích ứng với những đặc điểm của địa hình trên cao. Theo lời đề nghị của A. M. Kellas, một bác sĩ người Scotland từng leo núi và du hành thường xuyên với người Sherpa, đoàn thám hiểm năm 1921 thuê một số lượng lớn người Sherpa làm phu khuân vác và người giúp việc tại các trại. Thông lệ này đã được đại đa số các đoàn thám hiểm thực hiện trong suốt bảy mươi lăm năm kể từ đó.

Dù sao đi nữa, trong hơn hai thập kỷ vừa qua, nền kinh tế và văn hóa của Khumbu đã trở nên ngày càng gắn bó chặt chẽ với dòng người tham quan và leo núi đổ đến theo mùa, khoảng 15.000 người mỗi năm. Những người Sherpa có kỹ năng leo núi và làm việc trên những đỉnh núi cao— đặc biệt là những người đã chinh phục được đỉnh Everest— được cộng đồng của họ kính trọng. Những người đã trở thành ngôi sao leo núi cũng phải đối mặt với nguy cơ thiệt mạng: kể từ năm 1922 khi bảy người Sherpa bị thiệt mạng vì tuyết lở trong chuyến thám hiểm lần thứ hai của người Anh, một số lượng lớn đáng kể người Sherpa đã bị thiệt mạng trên ngọn Everest— theo kể lại thì tổng cộng là năm mươi ba, tức là chiếm một phần ba tổng số người thiệt mạng ở Everest.

Bất chấp những mối nguy hiểm này, vẫn có sự tranh đua quyết liệt giữa những người Sherpa để giành mười hai đến mười tám suất trong một chuyến thám hiểm Everest bình thường. Công việc được nhiều người tìm kiếm nhất là sáu vị trí cho những người Sherpa leo núi thành thạo. Họ có thể được nhận từ 1.400 đến 2.500 đô la cho hai tháng làm việc nguy hiểm. Đó là một khoản thù lao hấp dẫn tại một quốc gia hãy còn trong cảnh nghèo nàn thê thảm với thu nhập bình quân đầu người hàng năm chỉ khoảng 160 đô la.

Để đáp ứng lượng người leo núi và khách tham quan phương Tây ngày càng tăng, nhiều nhà nghỉ và quán trà mới được dựng lên trên khắp khu vực Khumbu, đặc biệt là tại Namche Bazaar. Trên đường tới Namche, tôi đã bắt gặp rất nhiều người phu khuân vác đang hướng lên núi từ những cánh rừng thấp bên dưới. Họ thò những khúc gỗ mới đốn nặng gần 50kg hết sức cực nhọc; họ được trả ba đô la một ngày cho công việc này.

Những người đã lâu không trở lại Khumbu cảm thấy buồn vì việc bùng nổ du lịch tại đây và những thay đổi tại vùng đất mà những người leo núi ban đầu từng xem như một thiên đường trên Trái đất, một Shangri-la¹¹ thực sự. Toàn bộ các thung lũng đã bị đốn hết cây nhằm đáp ứng nhu cầu về củi tăng cao. Những thiếu niên đi lang thang tại những tiệm chơi *carom* ở Namche thường mặc quần jean và áo thun hiệu Chicago Bull thay vì áo choàng truyền thống. Các gia đình có khuynh hướng dành thời gian buổi tối để tụ tập trước TV – đầu máy xem các bộ phim mới nhất của Schwarzenegger.

Việc biến đổi văn hóa Khumbu không phải lúc nào cũng là tốt, nhưng tôi chưa nghe người Sherpa nào than thở về những thay đổi này. Lượng ngoại tệ thu được từ những người leo núi và tham quan, cũng như trợ cấp từ các tổ chức cứu hộ được tài trợ bởi các nhà leo núi hay khách tham quan này được dùng vào việc xây dựng trường học, bệnh xá, giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em, xây cầu và dẫn điện về Namche và các ngôi làng khác. Người phương Tây có vẻ quá kể cả khi than vãn về quá khứ đẹp đẽ tại nơi này khi mà cuộc sống tại Khumbu đơn giản và đẹp hơn rất nhiều. Còn hầu hết mọi người sống tại vùng đất gồ ghề này thì đều không muốn bị tách khỏi thế giới hiện đại và những dòng người lộn xộn đổ về đây. Họ không muốn trở thành một mẫu vật trong bảo tàng nhân loại học.

Một người đi bộ khỏe, nếu đã thích nghi với độ cao có thể đi từ sân bay Lukla tới Trạm Căn cứ của Everest trong hai hoặc ba ngày. Tuy nhiên, hầu hết chúng tôi đến từ những vùng có độ cao ngang mực nước biển nên Hall đã cẩn thận để chúng tôi di chuyển chậm nhằm giúp cơ thể có thời gian để thích nghi với không khí ngày càng loãng. Hiếm khi nào chúng tôi di chuyển nhiều hơn ba hay bốn tiếng trong một ngày. Vào một số ngày khi lộ trình đòi hỏi chúng tôi thích nghi thêm, chúng tôi hoàn toàn không di chuyển.

Vào ngày 3 tháng 4, sau một ngày thích nghi tại Namche, chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình đến Trạm Căn cứ. Sau khi rời ngôi làng được hai mươi phút, chúng tôi vòng qua một chỗ rẽ và tới một nơi ngoạn mục. Sáu trăm mười mét phía dưới, chảy xuyên qua những nền đá xung quanh, con sông

Dudh Kosi hiện ra như một dải dài uốn lượn lóng lánh. 3.048m phía trên, ngọn Ama Dablam đồ sộ phủ trên thung lũng giống như một con ma hiện hình. Và thêm 2.134m nữa, còn cao lớn hơn cả ngọn Ama Dablam chính là đỉnh Everest băng giá nằm khuất sau ngọn Nuptse. Gần như lúc nào cũng vậy, một làn nước ngưng tụ nằm ngang bốc lên đỉnh núi giống như khói bị đông lại, chống lại sự hung dữ của những cơn gió xoáy.

Tôi chăm chú nhìn ngắm đỉnh núi có lẽ phải đến ba mươi phút, cố gắng tưởng tượng xem nó sẽ như thế nào khi đứng trên đỉnh núi gió quét đó. Mặc dù tôi đã từng leo hàng trăm ngọn núi nhưng Everest thì rất khác biệt so với các ngọn núi tôi đã từng leo đến nỗi tôi không thể tưởng tượng ra được cảm giác đó. Đỉnh núi trông có vẻ rất lạnh, rất cao và rất xa. Tôi có cảm giác dường như mình đang trong một chuyến du hành lên mặt trăng. Khi tôi quay đi để tiếp tục leo tiếp con đường, cảm xúc tôi dao động giữa trạng thái bồn chồn và một cảm giác khiếp sợ gần như bao trùm.

Cuối buổi chiều hôm đó, tôi đã tới Tengboche¹², tu viện Phật giáo lớn nhất và quan trọng nhất Khumbu. Chhonga Sherpa, một người đàn ông hài hước và chu đáo tham gia đoàn thám hiểm của chúng tôi trong vai trò đầu bếp tại Trạm Căn cứ đã đề nghị thu xếp một cuộc gặp với vị *rimpoche* – *Latma su trưởng* đứng đầu Nepal. Chhonga giải thích “đó là một người rất linh thiêng. Ông ấy vừa mới trải qua một quãng thời gian nhập định trong yên lặng – trong ba tháng qua ông không hề nói. Chúng ta sẽ là những vị khách đầu tiên đến thăm ông. Điều này hứa hẹn sẽ rất tốt”. Doug, Lou và tôi mỗi người đưa cho Chhonga một trăm rupi (tương đương 2 đô la) để mua *kata* theo lễ nghi – đó là những chiếc khăn choàng trắng bằng lụa để dâng lên cho vị *rimpoche* – sau đó chúng tôi cởi giày và Chhonga dẫn chúng tôi tới một phòng nhỏ đầy gió phía sau ngôi đền chính.

Ngồi khoanh chân trên một chiếc gối thêu kim tuyến, khoác một chiếc áo choàng màu đỏ tía, ông là một người mập mạp và lùn với một cái đầu trọc bóng. Ông ta trông có vẻ già và mệt mỏi. Chhonga cúi đầu chào ông một cách cung kính, nói chuyện ngắn gọn với ông bằng tiếng Sherpa và ra hiệu cho chúng tôi tiến về phía trước. Sau đó vị *rimpoche* ban phúc cho từng người chúng tôi và khoác lên cổ chúng tôi những chiếc khăn choàng *kata* chúng tôi đã mua. Rồi ông ấy mỉm cười hạnh phúc và mời chúng tôi dùng trà. “Chiếc khăn choàng *kata* này các ông nên đeo cho tới khi lên đỉnh Everest¹³”, Chhonga nói với chúng tôi bằng giọng uy nghiêm, “Nó sẽ làm vui lòng Thượng đế và giúp bảo vệ các ông khỏi nguy hiểm”.

Vì không biết chính xác sẽ phải ứng xử như thế nào trước tái sinh của

một vị Lạt-ma nổi tiếng và cao tuổi, tôi lo sợ sẽ vô ý xúc phạm ngài hoặc lỡ lời không thể cứu vãn được. Khi tôi vừa dùng trà vừa cảm thấy bồn chồn, Đức Lạt-ma lục lọi trong một chiếc tủ kê bên, lấy ra một quyển sách lớn được trang trí đẹp mắt và đưa cho tôi. Tôi chùi đôi bàn tay bẩn của mình vào quần rồi mở nó ra một cách lo lắng. Nó là một album ảnh. Hóa ra là vị *rimpoche* vừa có chuyến du lịch đầu tiên tới Mỹ, và quyển album này là hình về chuyến đi đó: Đức Lạt-ma tại Washington đứng trước đài kỷ niệm Lincoln và Bảo tàng Hàng không và Không gian; Đức Lạt-ma tại California trên bến tàu Santa Monica. Cười rất tươi, ông ấy thích thú chỉ cho chúng tôi hai tấm ảnh mà ông thích nhất trong toàn bộ quyển album: tấm ông chụp với Richard Gere, và một tấm khác với Steven Seagal.

* * *

Sáu ngày đầu tiên của chuyến đi trôi qua trong sự mơ hồ dễ chịu. Con đường đưa chúng tôi đi qua các trảng cây bách xù, cây bu lô lùn, cây thông thanh và cây đỗ quyên, các thác nước cao, các bãi đá cuội đầy mê hoặc, các dòng suối reo. Đường chân trời Valkyrian lờ mờ chồm đầy các ngọn núi mà tôi đã từng đọc khi còn bé. Bởi hầu hết dụng cụ của chúng tôi do bò yak và những người khuân vác mang nên cái ba lô của tôi chỉ có một cái áo khoác, một vài thanh kẹo và máy chụp hình. Không phải mang nặng và không bị hối thúc, tận hưởng niềm vui được đi bộ trên một vùng đất đẹp kì lạ, tôi dường như rơi vào trạng thái như mơ, nhưng trạng thái này hiếm khi tồn tại lâu. Không sớm thì muộn tôi cũng nhớ ra mình đang đi đâu, và bóng của đỉnh Everest vốn luôn trong đầu đã khiến tôi nhanh chóng quay trở lại tư thế sẵn sàng.

Tất cả chúng tôi đều leo bộ theo tốc độ đi của mỗi người, thường xuyên dừng lại nghỉ ngơi tại những quán trà ven đường và nói chuyện với những người qua lại. Tôi thường đi cùng với Doug Hansen, anh chàng nhân viên bưu chính và Andy Harris, một người hướng dẫn trẻ tuổi khá thoải mái của Rob Hall. Andy— người được Rob và những người bạn New Zealand gọi là “Harold”— là một anh chàng to con, cường tráng, có thân hình như một tiền vệ giải NFL¹⁴ với ngoại hình vạm vỡ của các nhân vật trong các mẫu quảng cáo thuốc lá. Trong suốt mùa đông, anh ta làm một người hướng dẫn trượt tuyết. Vào mùa hè anh ta làm việc cho các nhà khoa học tiến hành các cuộc nghiên cứu địa chất tại Nam cực hoặc hộ tống những người leo núi lên dãy Southern Alps ở New Zealand. Khi chúng tôi đi lên theo con đường mòn, Andy nói không ngừng về người phụ nữ đang chung sống với anh, một nữ bác sĩ tên là Fiona McPherson. Khi chúng tôi nghỉ chân trên một tảng đá, anh ta lấy một tấm hình từ trong ba lô và cho tôi xem. Cô ấy là một người

cao, tóc vàng và trông giống một vận động viên. Andy nói rằng anh và Fiona đang cùng nhau xây một căn nhà trên những ngọn đồi bên ngoài Queenstown. Đang sôi nổi kể về chuyện cửa xà và đóng đinh, Andy thú thật rằng khi lần đầu tiên Rob đề nghị anh công việc trên ngọn Everest này, anh ta cảm thấy lưỡng lự không biết có nên nhận lời hay không: “Thật ra rời Fi và ngôi nhà là một việc khá khó khăn. Chúng tôi chỉ mới làm xong mái nhà. Nhưng làm sao có thể bỏ qua một cơ hội để được leo lên ngọn Everest? Nhất là khi anh có cơ hội làm việc bên cạnh một người như Rob Hall”.

Mặc dù trước đây Andy chưa bao giờ tới Everest, nhưng anh ta không xa lạ gì dãy Himalaya. Năm 1985 anh ta đã leo lên một đỉnh núi khó khăn cao 6.683m có tên là Chobutse. Và vào mùa hè năm 1994 anh ta đã trải qua bốn tháng giúp đỡ Fiona điều hành một bệnh xá tại Pheriche, một ngôi làng ẩm đạm và rất nhiều gió ở độ cao 4.267m trên mực nước biển, nơi mà chúng tôi đã nghỉ vào tối ngày 4 và 5 tháng 4.

Bệnh xá này được hỗ trợ kinh phí bởi một quỹ tài trợ có tên là Hiệp hội Cứu hộ Himalaya, có nhiệm vụ chính là điều trị các bệnh có liên quan đến độ cao (mặc dù nó cũng điều trị miễn phí cho người dân Sherpa địa phương) và để hướng dẫn cho những người leo núi biết tác hại tiềm ẩn của việc leo núi quá nhanh và quá cao. Vào lúc chúng tôi đến đó nhân viên của bệnh xá bốn phòng này gồm có một bác sĩ người Pháp, Celice Bourvay, hai bác sĩ trẻ người Mỹ, Larry Silver và Jim Litch, và luật sư môi trường năng nổ Laura Ziemer, cũng là người Mỹ, làm trợ lý cho Litch. Bệnh xá được thành lập năm 1973 sau khi bốn thành viên của đoàn leo núi Nhật Bản không chịu được độ cao và đã thiệt mạng ở vùng lân cận. Trước khi có bệnh xá, các bệnh cấp tính liên quan đến độ cao đã cướp đi sinh mạng của xấp xỉ một đến hai người trong số mỗi năm trăm người đi qua Pheriche. Ziemer nhấn mạnh rằng tỉ lệ đáng báo động này là chưa tính đến những vụ tử vong do tai nạn trong khi leo núi; các nạn nhân thời đó chỉ là “những người đi núi bình thường vốn chưa từng bao giờ mạo hiểm đi ra ngoài những con đường mòn đã có sẵn”.

Giờ đây, nhờ các buổi chuyên đề giáo dục và việc cấp cứu khẩn cấp do các nhân viên tình nguyện của bệnh xá thực hiện, tỷ lệ tử vong đã giảm xuống còn dưới một ca trên mỗi 30.000 người leo núi. Mặc dù những người phương Tây sống có lý tưởng như Ziemer làm việc tại bệnh xá ở Pheriche không được nhận thù lao và thậm chí còn phải bỏ tiền túi mua vé máy bay đến và rời Nepal, nhưng đó vẫn là một công việc danh giá thu hút nhiều ứng viên giỏi từ khắp nơi trên thế giới. Caroline McKenzie, bác sĩ trong chuyến thám hiểm của Hall, đã từng làm việc tại bệnh xá này cùng với Fiona

McPherson và Andy vào mùa hè năm 1994.

Năm 1994, năm Hall chinh phục được Everest lần đầu tiên, bệnh xá này được điều hành bởi một bác sĩ tài năng và tự tin đến từ New Zealand tên là Jan Arnold. Hall gặp cô ta khi anh đi qua Pheriche trên đường lên núi, và ngay lập tức ông đã cảm thấy say mê cô. “Tôi đã hẹn hò với Jan ngay sau khi xuống núi”. Hall nhớ lại trong đêm đầu tiên chúng tôi nghỉ tại ngôi làng, “Trong buổi hẹn hò đầu tiên tôi đã đề nghị Jan đi Alaska và cùng nhau leo lên ngọn núi McKinley. Và cô ấy đã đồng ý”. Hai năm sau đó họ kết hôn; đến năm 1994 và 1995 cô ấy đến Trạm Căn cứ làm bác sĩ cho đoàn thám hiểm. Jan hẳn đã trở lại Everest cùng với đoàn chúng tôi nếu như cô ấy không đang mang thai bảy tháng đưa con đầu lòng. Do vậy mọi việc do bác sĩ McKenzie đảm nhiệm.

Sau bữa tối hôm Thứ năm, đêm đầu tiên của chúng tôi tại Pheriche, Laura Ziemer và Jim Litch mời Hall, Harris và Hellen Wilton, người điều hành Trạm Căn cứ của chúng tôi, ghé thăm bệnh xá để uống chút gì và tán gẫu. Suốt buổi tối hôm đó, cuộc nói chuyện diễn ra theo hướng thảo luận các nguy cơ tiềm tàng của việc leo núi và hướng dẫn lên ngọn Everest, và Litch nhớ lại cuộc thảo luận này rõ đến rợn người: Hall, Harris và Litch hoàn toàn nhất trí với nhau rằng không sớm thì muộn một thảm họa lớn có liên quan đến nhiều khách hàng là điều không thể tránh khỏi. Nhưng Litch, người đã từng leo lên ngọn Everest từ phía Tây Tạng vào mùa xuân vừa rồi cho hay: “Rob tin nạn nhân sẽ không phải là anh ấy; anh chỉ lo lắng rằng sẽ phải cứu những người leo núi ngu ngốc của các đội khác, và rằng nếu tai họa không thể tránh khỏi này xảy ra, anh ta chắc chắn rằng nó sẽ xảy ra ở phía bắc của ngọn núi thuộc Tây Tạng, vốn nguy hiểm hơn nhiều”.

* * *

Vào ngày Chủ nhật, 6 tháng 4, sau khi rời khỏi Pheriche vài giờ, chúng tôi đến đầu dưới của Sông băng Khumbu, một dải băng dài 19,2km “chảy” xuống từ sườn phía nam của ngọn Everest, và như tôi hy vọng— nó sẽ là con đường lên đỉnh núi của chúng tôi. Bây giờ, ở độ cao 4.877m, chúng tôi đã bỏ lại phía sau những mảng xanh cuối cùng. Hai mươi đài kỷ niệm bằng đá đứng thành một hàng âm ỉ dọc theo đỉnh băng tích cuối cùng của con sông băng, nhìn xuống thung lũng phía bên dưới. Đây là các đài tưởng niệm những người leo núi đã thiệt mạng trên đỉnh Everest, hầu hết là người Sherpa. Từ điểm này trở lên, thế giới của chúng tôi sẽ là một dải rộng đơn sắc hoang vắng toàn đá và băng tuyết lộng gió. Và mặc dù đã di chuyển rất chậm nhưng tôi đã bắt đầu cảm thấy những ảnh hưởng của độ cao, nó làm tôi

choáng và khó thở thường xuyên.

Đường đi ở đây vẫn còn bị vùi dưới những lớp tuyết mùa đông rất dày ở nhiều chỗ. Khi băng trở nên mềm ra dưới ánh nắng buổi trưa, móng guốc của những con bò thụt xuống bề mặt đóng băng và chúng nằm ềnh ra. Những người dắt bò nổi nóng đánh những con vật của mình để buộc chúng tiến lên và dọa sẽ quay về. Cuối ngày hôm đó chúng tôi đến một ngôi làng có tên là Lobuje, và kiếm chỗ tránh gió trong một nhà nghỉ cực kì dơ dáy và chật hẹp.

Là tập hợp của nhiều ngôi nhà thấp và ọp ẹp nằm san sát nhau tại rìa của Sông băng Khumbu, Lobuje là một nơi khắc nghiệt, chật chội những người Sherpa và những người leo núi thuộc mười hai đoàn thám hiểm khác nhau, những người đi núi người Đức, các đàn bò đã đuối sức— tất cả đều đang đổ dồn về Trạm Căn cứ của ngọn Everest, vẫn còn cách một ngày đi đường hướng lên trên thung lũng. Tình trạng chen chúc như vậy, theo Rob giải thích, là do các lớp tuyết dày và muôn bất thường đến tận ngày hôm qua vẫn còn ngăn không cho bất cứ một con bò yak nào lên được Trạm Căn cứ. Sáu nhà nghỉ trong ngôi làng đã hoàn toàn kín chỗ. Các căn lều dựng lên chen chúc cạnh nhau trên một vài mảnh đất bùn không bị tuyết phủ. Rất nhiều phu khuân vác người Rai và Tamang từ các đồi thấp dưới chân núi— mặc quần áo sờn mong manh và đi dép hở mũi; họ là những người được thuê để thò hàng cho các đoàn thám hiểm khác nhau— phải ở ngoài trời trong các hang động và dưới những tảng đá trên những con dốc xung quanh đó.

Ba hay bốn nhà vệ sinh bằng đá trong ngôi nhà lều bành toàn phân. Các nhà xí này ghê tởm đến nỗi hầu hết mọi người, cả người Nepal lẫn người phương Tây đại tiện thoải mái ngay trên nền đất bên ngoài. Hàng đống phân người rải rác mọi nơi, dẫm lên chúng là chuyện thường tình. Dòng nước băng tan chảy ngoằn ngoèo qua trung tâm khu định cư này trở thành một chiếc cống mở.

Căn phòng chính của ngôi nhà nghỉ nơi chúng tôi ở có cách giường ngủ bằng gỗ cho khoảng ba mươi người. Tôi tìm được một chỗ ngủ còn trống ở phía trên, giữ đầy bọ chét và rận ra khỏi cái nệm dơ bẩn và trải cái túi ngủ của mình ra. Cạnh bức tường gần tôi là một cái bếp lò nhỏ bằng sắt để sưởi ấm đốt bằng phân bò khô. Sau khi hoàng hôn buông xuống, nhiệt độ hạ xuống dưới âm và những người phu khuân vác kéo nhau từ ngoài trời lạnh lẽo vào nhà để sưởi ấm quanh lò sưởi. Bởi vì phân bò cháy rất tệ cho dù là trong điều kiện tốt nhất nên nó cháy đặc biệt tệ trong điều kiện thiếu không khí ở độ cao 4.938m. Ngôi nhà nghỉ dày đặc khói cay sè, cứ như thể khí thải từ một chiếc xe buýt chạy dầu xả thẳng vào phòng. Hai lần trong suốt đêm đó, bị ho dữ dội, tôi phải bỏ ra ngoài để hít thở không khí. Cho tới sáng mắt

tôi cay sè và đỏ ngầu, hai lỗ mũi tôi đầy bồ hóng, và tôi bắt đầu bị ho khan liên tục, chứng ho này dễ đeo bám tôi cho đến cuối chuyến thám hiểm.

Rob đã dự định cho chúng tôi nghỉ một ngày tại Lobuje để thích nghi rồi sau đó sẽ đi tiếp hơn chục cây số nữa lên Trạm Căn cứ, nơi mà những người Sherpa của chúng tôi đã lên trước để chuẩn bị chỗ dựng trại cho chúng tôi và để bắt đầu thiết lập con đường lên các dốc dưới thấp của ngọn Everest. Tuy nhiên, vào tối ngày 7 tháng 4, có một người chạy mất thở xuống Lobuje báo một tin gây lo âu từ Trạm Căn cứ: Tenzing, một người Sherpa trẻ tuổi được Rob thuê đã rơi xuống một khe băng sâu 45,7m— một đường nứt nơi sông băng. Bốn người Sherpa khác đã kéo anh ta lên khỏi đó. Anh ta còn sống, nhưng bị thương rất nặng, có lẽ đã bị gãy xương đùi. Rob, mặt tái mét, tuyên bố rằng anh và Mike Groom sẽ tức tốc lên Trạm Căn cứ để giúp cứu Tenzing. Anh ấy nói tiếp: “Tôi rất tiếc phải nói với các bạn điều này nhưng tất cả các bạn sẽ phải đợi tại đây với Harold cho tới khi chúng tôi kiểm soát được tình hình”.

Sau đó chúng tôi được biết khi đó Tenzing đang thăm dò con đường phía trên Trại Một. Anh ta đang leo lên một khu vực khá bằng phẳng của Sông băng Khumbu cùng với bốn người Sherpa khác. Năm người đang đi theo hàng một, đó là cách khôn ngoan; tuy vậy, họ lại không sử dụng dây thừng— một vi phạm nghiêm trọng quy tắc leo núi. Tenzing đang di chuyển ngay phía sau bốn người kia, bước đứng vào những nơi họ đã bước thì anh bị vớ lớp tuyết mặt và rớt xuống một khe băng sâu. Trước khi kịp kêu, anh ta đã rơi như một khối đá xuống tầng đáy tối tăm của dòng sông băng.

Việc cứu hộ bằng máy bay trực thăng ở độ cao 6.248m là không an toàn— ở một độ cao như vậy, không khí quá loãng nên không thể nâng quạt máy bay giúp máy bay hạ cánh, cất cánh hoặc lượn trên không mà không gặp nguy hiểm. Do đó, anh sẽ được hạ độ cao 914 mét xuống Trạm Căn cứ theo đường Thác băng Khumbu; đây là nơi dốc nhất và nguy hiểm nhất trên toàn ngọn núi. Sẽ cần rất nhiều nỗ lực để đưa Tenzing xuống an toàn.

Rob luôn đặc biệt quan tâm tới sự an toàn của những người Sherpa làm việc cho anh. Trước khi nhóm chúng tôi rời khỏi Kathmandu, anh đã bắt chúng tôi ngồi nghe một bài giảng nghiêm túc khác thường về việc cần phải tỏ ra biết ơn và có thái độ tôn trọng đúng mực với các nhân viên người Sherpa. Anh ấy nói: “Những người Sherpa mà chúng ta thuê là những người giỏi nhất trong lĩnh vực này. Họ làm việc cực kì chăm chỉ để nhận được những đồng lương không cao lắm so với các tiêu chuẩn phương Tây. Tôi muốn tất cả các bạn nhớ rằng chúng ta sẽ hoàn toàn không có cơ hội nào lên được tới đỉnh Everest nếu không có sự giúp đỡ của họ. Tôi sẽ phải nhắc lại

rằng: nếu không có sự trợ giúp của những người Sherpa, không ai trong chúng ta có bất kỳ cơ hội nào lên tới đỉnh núi”.

Trong một cuộc trò chuyện sau đó, Rob thú nhận rằng trong những năm qua ông đã chỉ trích một số người dẫn đầu các cuộc thám hiểm vì họ đã không quan tâm đến những nhân viên người Sherpa của mình. Năm 1995, một người Sherpa trẻ tuổi đã thiệt mạng trên núi Everest; Hall cho rằng tai nạn này có lẽ đã xảy ra do người Sherpa này “đã được phép leo lên cao trên núi mà không được huấn luyện đầy đủ. Tôi nghĩ việc không để những tai nạn loại này xảy ra là trách nhiệm của chúng tôi, những người điều hành những chuyến đi này”, anh ta nói.

Một năm trước đó, một đoàn thám hiểm có người hướng dẫn của Mỹ đã thuê một người Sherpa có tên là Kami Rita làm đầu bếp. Khỏe mạnh, đầy tham vọng và đang ở độ tuổi 22 hoặc 23, cậu ta đã cố gắng thuyết phục mọi người để được làm việc ở trên cao như một “người Sherpa leo núi”. Đánh giá cao sự nhiệt tình và cống hiến của Kami, một vài tuần sau đó người ta đã đáp ứng nguyện vọng của cậu ta bất chấp việc cậu ấy không hề có kinh nghiệm leo núi và chưa từng được huấn luyện kỹ thuật một cách đầy đủ.

– Ở độ cao từ 6.706m đến 7.620m trên con đường chuẩn có một con dốc băng rất cao và nguy hiểm được gọi là Mặt Lhotse. Như một biện pháp an toàn, các đoàn thám hiểm luôn cột rất nhiều dây cố định vào con dốc này từ trên đỉnh xuống tới chân dốc, và những người leo núi sẽ tự bảo vệ mình bằng cách móc một sợi dây an toàn ngấn vào các sợi dây cố định khi họ leo lên. Kami, vốn còn trẻ, tự phụ và thiếu kinh nghiệm, đã không nghĩ rằng việc đó là cần thiết. Vào một buổi chiều khi cậu ta đang mang một vật nặng lên Mặt Lhotse, cậu ta đã mất điểm tựa trên mặt băng cứng như đá và rơi từ độ cao hơn 609m xuống đáy của con dốc.

– Đồng đội của tôi là Frank Fischbeck đã chứng kiến toàn bộ sự việc này. Năm 1995, anh ta đang thực hiện cuộc chinh phục đỉnh Everest lần thứ ba với vai trò là một khách hàng của công ty Mỹ đã thuê Kami. Frank đang leo lên những sợi dây cố định ở phía trên Mặt Lhotse. Anh kể lại bằng giọng phiền muộn: “Tôi nhìn lên và thấy một người sảy chân ngã từ trên cao xuống, rơi xuống lăn lông lốc. Anh ta hét lên khi rơi xuống qua chỗ tôi và để lại một vệt máu dài”.

Một số người leo núi nhanh chóng chạy lại nơi Kami ngã xuống dưới đáy con dốc, nhưng cậu ta đã chết do bị thương quá nặng khi rơi xuống. Xác cậu ấy được đưa xuống Trạm Căn cứ. Tại đây, theo truyền thống Phật giáo, những người bạn của cậu mang thức ăn đến để cúng cậu trong ba ngày. Sau

đó xác cậu được đưa tới một ngôi làng gần Tengboche và được hỏa táng. Khi xác của Kami được thiêu, mẹ cậu than khóc khôn nguôi và lấy một cục đá nhọn tự đập đầu mình.

Ngày rạng sáng ngày 8 tháng 4, khi Rob và Mike hồi hã tới Trạm Căn cứ để cố gắng đưa Tenzing xuống núi an toàn, Rob luôn nhớ tới hình ảnh của Kami.

Chương 5: LOBUJE

NGÀY 8 THÁNG 4 NĂM 1996

4.938 MÉT

Vượt qua các đỉnh tuyết cao chót vót của Ngõ Ma (Phantom Alley), chúng tôi bước vào nền của thung lũng đầy đá tại đáy của một lòng chảo khổng lồ. Tại đây Thác băng rẽ ngoặt để chảy xuống phía nam tạo thành Sông băng Khumbu. Chúng tôi dựng Trạm Căn cứ ở độ cao 5.425m trên tảng băng tích phía bên tạo nên cạnh ngoài của lối rẽ. Các tảng đá lớn khiến cho nơi này có cảm giác chắc chắn, nhưng những hòn đá lăn dưới chân đã làm thay đổi cảm giác sai lầm này. Tất cả những gì người ta có thể nhìn thấy, cảm nhận và nghe được—Thác băng, băng tích, tuyết lở, sự lạnh giá—đều thuộc về một thế giới không dành cho con người cư ngụ. Không có nước chảy, không có thứ gì mọc lên— chỉ có sự tàn phá và đổ nát... Đây chính là nhà trong một vài tháng tới, cho tới khi ngọn núi được chinh phục.

Thomas F. Hornbein

Everest: Triển Tây

Vào ngày 8 tháng 4 sau khi trời đã tối, bộ đàm cầm tay của Andy kêu lên bên ngoài căn nhà nghỉ tại Lobuje. Đó chính là Rob gọi từ Trạm Căn cứ về, và anh báo một tin vui. Một nhóm ba mươi lăm người Sherpa từ vài đoàn thám hiểm khác phải cần đến cả ngày, nhưng họ đã đưa được Tenzing xuống. Cột anh ta vào chiếc thang nhôm, họ đã xoay xở hạ được anh ta xuống thấp, kéo và khiêng anh ta qua Thác băng. Và bây giờ anh ta đang nghỉ tại Trạm Căn cứ. Nếu thời tiết tốt, khi bình minh lên một chiếc trực thăng sẽ tới và chở anh ta đến một bệnh viện ở Kathmandu. Với sự nhẹ nhõm có thể cảm thấy được, Rob bảo chúng tôi tiếp tục lên đường vào sáng hôm sau và tự đi tới Trạm Căn cứ.

Chúng tôi, những khách leo núi, cũng cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm khi Tenzing được an toàn. Và chúng tôi cũng thoải mái không kém khi được rời khỏi Lobuje. John và Lou đã mắc phải bệnh đường ruột do virus từ môi trường không sạch sẽ xung quanh gây ra. Helen, người điều hành Trạm Căn cứ của chúng tôi, bị chứng nhức đầu dữ dội do độ cao gây ra. Và chúng ho của tôi trở nên trầm trọng hơn đáng kể sau đêm thứ hai ở trong ngôi nhà nghỉ đầy khói.

Đêm nay, đêm thứ ba của chúng tôi ở ngôi làng, tôi quyết định thoát khỏi đám khói lửa độc hại bằng cách ra một chiếc lều dựng ngay bên ngoài mà Rob và Mike đã bỏ trống khi họ lên Trạm Căn cứ. Andy cũng quyết định

ra với tôi. Lúc 2 giờ sáng, tôi bị đánh thức dậy khi anh ta ngồi bật dậy bên cạnh tôi và bắt đầu rên. “Harold, anh ổn chứ?”, tôi hỏi từ trong túi ngủ của mình.

“Thực ra tôi cũng không biết nữa. Đồ ăn hôi tôi hình như có vấn đề”. Một lát sau Andy gấp gáp sờ soạng kéo dây khóa mở cửa lều chỉ vừa kịp để thò đầu và nửa người ra ngoài trước khi nôn thốc nôn tháo. Sau khi trận ói nguôi bớt, anh ta quỳ bất động trên tay và đầu gối của mình trong vài phút, nửa mình vẫn còn ở ngoài lều. Sau đó anh ta nhảy dựng dậy, chạy ra xa vài mét, kéo mạnh quần xuống và bắt đầu đi tiêu chảy dữ dội. Anh ta ở ngoài trời lạnh cả đêm hôm đó, cố gắng tống khứ những thứ ở trong bộ máy tiêu hóa của mình ra ngoài.

Vào sáng hôm sau, Andy trở nên yếu, bị mất nước và run rẩy dữ dội. Helen đề nghị anh ta nên ở lại Lobuje cho tới khi hồi phục lại một chút, nhưng Andy từ chối. “Tôi sẽ không ở lại cái chốn chết tiệt này thêm một đêm nào nữa. Tôi sẽ lên Trạm Căn cứ cùng với mọi người trong ngày hôm nay, ngay cả nếu tôi có phải bò đi”, anh ấy tuyên bố, mặt nhăn nhó và ngồi khum người lại.

Tới 9 giờ sáng, chúng tôi thu dọn đồ đạc và lên đường. Trong khi những người khác bước nhanh lên phía trước, Helen và tôi ở lại phía sau để đi bộ cùng với Andy. Anh đang phải hết sức nỗ lực để bước từng bước. Hết lần này đến lần khác anh ấy phải dừng lại, chống người vào cây gậy trượt tuyết của mình, sau đó tập trung sức lực để cố gắng tiến tới trước.

Con đường này đi lên và xuống những tảng đá mập mạp ở phần rìa băng tích của Sông băng Khumbu nhiều dặm và sau đó dẫn xuống chính con sông băng này. Bọt đá, sỏi thô, các tảng đá granite bao phủ hầu hết phần băng, nhưng thỉnh thoảng con đường này lại băng qua một khoảng nhỏ chỉ toàn băng— một môi trường đông đặc và trong mờ lấp lánh giống như mã não đã được đánh bóng. Nước tan ra chảy mạnh xuống vô số bề mặt và dòng suối ngầm dưới mặt đất, tạo nên âm thanh ùng ục du dương ma quái, vang dội lại xuyên qua thân của con sông băng. Vào giữa buổi chiều chúng tôi đến một khu lạ kỳ gồm những chóp băng cao chót vót và đứng lộn xộn, đỉnh lớn nhất có độ cao gần 30,5m, được mọi người biết đến với tên gọi Ngõ Ma (Phantom Alley). Bị những tia nắng mặt trời chói chang đẽo gọt nên, và lấp lánh màu ngọc lam, những tháp băng này nhô cao lên như những chiếc răng cá mập giữa những mẩu sa thạch, và kéo dài đến hút tầm mắt. Helen, vốn đã đến khu vực này rất nhiều lần, thông báo rằng chúng tôi đã gần tới đích.

Thêm một vài dặm nữa, dòng sông băng rẽ ngoặt về phía đông, chúng tôi

di chuyển chậm chạp đến chỗ quanh của một con dốc dài và trước mặt chúng tôi bày ra một thành phố nhiều sắc màu của những mái vòm nylon. Hơn ba trăm chiếc lều, là nhà ở của nhiều nhà leo núi và người Sherpa thuộc mười bốn đoàn thám hiểm, nằm chi chít trên khu băng tuyết trải đầy đá. Phải mất hai mươi phút chúng tôi mới xác định được vị trí khu lều của chúng tôi giữa khu định cư ngồn ngàng các túp lều. Khi chúng tôi leo lên con dốc cuối cùng, Rob sải bước xuống đón chúng tôi. Anh ấy cười tươi: “Chào mừng mọi người tới Trạm Căn cứ Everest”. Thiết bị đo độ cao trên đồng hồ đeo tay của tôi chỉ 5.364m.

* * *

Ngôi làng đặc biệt này— nhà của chúng tôi trong vòng sáu tuần tới— nằm ở phía đầu của một lòng chảo tự nhiên được tạo ra bởi những vách núi kinh khủng. Các vách đứng bên trên khu trại được trang trí bằng những tảng băng treo; từ nơi này những tảng băng lớn lở ra và rơi xuống liên tục bất chấp ngày đêm. Một phần tư dặm về phía đông, nằm kẹp giữa Vách Nuptse và Vai phía Tây (West Shoulder) của ngọn Everest, Thác băng Khumbu tràn qua một khoảng trống hẹp tạo thành một mớ hỗn độn các mảnh băng lạnh cứng. Vùng lòng chảo mở về phía tây nam, do đó nó nhận được rất nhiều ánh sáng mặt trời; vào những buổi chiều đẹp trời khi không có gió, thời tiết đủ ấm áp để người ta có thể mặc áo thun và thoải mái ngoài trời. Nhưng khi mặt trời lặn xuống phía sau đỉnh Pumori hình nón— một đỉnh núi cao 7.165m ngay về phía tây của Trạm Căn cứ— thì nhiệt độ hạ xuống còn -7 đến -10°C. Về lều của mình vào buổi tối, tôi được thưởng thức một bản nhạc của những tiếng cọt kẹt và những tiếng rạn nứt, điều này nhắc tôi nhớ rằng mình đang ở trên một con sông băng đang trôi.

Hoàn toàn tương phản với sự khắc nghiệt của khu vực xung quanh chúng tôi là vô số các tiện nghi hàng ngày của khu trại Adventure Consultants. Nơi đây là mái nhà của mười bốn người phương Tây— những người Sherpa gọi tất cả chúng tôi là “các thành viên” hoặc “các ông/bà chủ”— và mười bốn người Sherpa. Chiếc lều lộn xộn của chúng tôi, một công trình xây dựng bằng vải bạt rất rộng rãi, được trang bị một chiếc bàn đá lớn, một dàn máy âm thanh nổi, một thư viện, và rất nhiều bóng đèn điện sử dụng năng lượng mặt trời; một chiếc lều thông tin liên lạc liền kề có một máy fax và điện thoại vệ tinh. Một vòi sen được ứng biến bằng một đoạn ống nước nối với một chiếc xô chứa đầy nước đã được các những người làm bếp đun nóng. Cứ cách vài ngày, những con bò lại chở bánh mì và rau quả tới. Tiếp nối một truyền thống từ thời thuộc địa Anh ở Ấn Độ đã được các đoàn thám hiểm xưa thiết lập nên, cứ mỗi buổi sáng Chhonga và cậu bé làm bếp của mình

tên là Tendi lại đến lều của mỗi vị khách để phục vụ chúng tôi trà nóng của người Sherpa khi chúng tôi còn ở trong túi ngủ của mình.

Tôi đã từng được nghe nhiều câu chuyện kể về ngọn Everest đã bị biến thành một đồng rác như thế nào bởi những đám đông kéo đến đây ngày một nhiều hơn, và những đoàn thám hiểm thương mại được cho là thủ phạm chính gây ra việc này. Mặc dù vào những năm 1970 và 1980, ngọn Everest thực sự là một đồng rác khổng lồ, nhưng trong những năm gần đây nó đã được biến thành một nơi khá sạch sẽ— chắc chắn là nơi có người ở sạch sẽ nhất mà tôi gặp kể từ khi rời Namche Bazaar. Và các đoàn thám hiểm thương mại thực sự xứng đáng được khen ngợi về việc thu dọn rác này.

Những hướng dẫn viên, do đưa khách leo núi trở lại ngọn Everest hàng năm, nên có một vai trò quan trọng trong việc vệ sinh môi trường mà những người khách leo núi một lần không có được. Nằm trong chương trình của cuộc thám hiểm năm 1990, Rob Hall và Garry Ball đã dẫn đầu một nỗ lực đưa năm tấn rác xuống khỏi Trạm Căn cứ. Hall và một số đồng nghiệp hướng dẫn viên của mình cũng đã bắt đầu hợp tác với các bộ trong chính phủ tại Kathmandu nhằm đưa ra những quy định khuyến khích những người leo núi giữ cho ngọn núi sạch sẽ. Đến năm 1996, ngoài khoản phí xin phép, các đoàn thám hiểm còn phải nộp một khoản tiền thế chân 4.000 đô la; số tiền này sẽ được hoàn lại nếu như một lượng rác theo quy định được đưa trở xuống Kathmandu và Namche. Thậm chí những thùng chứa phân từ các nhà vệ sinh của chúng tôi cũng phải được mang xuống và tổng khứ đi.

Trạm Căn cứ bận rộn như một tổ kiến. Theo một cách nào đó, khu lều của Adventure Consultants có chức năng như một trụ sở của chính quyền đối với toàn bộ Trạm Căn cứ, bởi vì không ai trên ngọn núi này được kính trọng hơn Hall. Bất cứ khi nào có vấn đề gì— một tranh chấp lao động với người Sherpa, một trường hợp cấp cứu, hay một quyết định quan trọng về kế hoạch leo núi— mọi người đều đến chiếc lều bê bối của chúng tôi để nhờ Hall tư vấn. Và anh hào phóng chia sẻ sự hiểu biết sâu rộng của mình chon gay chính các đối thủ cạnh tranh với anh ấy để giành khách hàng, chủ yếu là Scott Fischer.

Trước đây, Fischer đã từng hướng dẫn thành công một đoàn thám hiểm leo lên một đỉnh 8.000m¹⁵: đó là đỉnh Broad cao 8.046m thuộc dãy Karakoram của Pakistan vào năm 1995. Anh ta cũng đã bốn lần cố gắng leo lên đỉnh Everest và đã một lần lên được đỉnh vào năm 1994, nhưng không phải trong vai trò của người hướng dẫn. Mùa xuân năm 1996 đánh dấu chuyến leo núi lần đầu của anh ta trong vai trò dẫn đầu một cuộc leo núi

thương mại. Cũng giống như Hall, nhóm của Fischer cũng có tám khách hàng. Trại của anh ấy, nổi bật với tấm biển quảng cáo của hang cà phê Starbucks được treo trên một khối đá granite có kích cỡ bằng ngôi nhà, tọa lạc chỉ cách trại của chúng tôi năm phút đi bộ xuôi xuống phía dưới con sông băng.

Những người đàn ông và phụ nữ từ nhiều nơi khác nhau, có cùng một lựa chọn lấy việc chinh phục các ngọn núi cao nhất làm sự nghiệp, đã tự lập nên một câu lạc bộ nhỏ. Fischer và Hall là những đối thủ của nhau trong kinh doanh, nhưng vì đều là những thành viên quan trọng của hội leo núi nên họ thường xuyên gặp nhau. Ở một mức độ nào đó họ còn coi nhau như bạn. Fischer và Hall gặp nhau lần đầu tiên vào những năm 1980 tại ngọn núi Pamir của Nga, và sau đó trải qua một thời gian đáng kể cùng nhau leo lên đỉnh Everest vào năm 1989 và 1994. Họ đã có những kế hoạch chắc chắn nhằm cùng hợp lực và leo lên đỉnh Manaslu— một đỉnh núi khó leo cao 8.163m tại miền trung Nepal— ngay sau khi hướng dẫn những khách leo núi riêng của mình leo lên đỉnh Everest vào năm 1996.

Mối quan hệ giữa Fischer và Hall được thắt chặt thêm vào năm 1992, khi họ tình cờ gặp lại nhau trên đỉnh K2, đỉnh núi cao thứ hai trên thế giới. Hall đang leo lên ngọn núi với người bạn hữu và là đối tác làm ăn của anh, Gary Ball, còn Fischer thì đang đi cùng Ed Viesturs, một nhà leo núi tài ba người Mỹ. Trên đường từ đỉnh núi xuống trong một cơn bão vô cùng lớn, Fischer, Viesturs và một người Mỹ khác là Charlie Mace gặp Hall đang nỗ lực để xoay sở với Ball đã bắt đầu mê man. Ball vừa mới mắc một chứng bệnh nguy hiểm chết người do độ cao gây ra và không thể tự mình di chuyển được. Fischer, Viesturs và Mace đã giúp kéo Ball xuống những sườn dốc bị tuyết lở quét qua ở phía dưới của ngọn núi trong trận bão tuyết, và đã cứu sống được Ball (Nhưng một năm sau đó Ball đã thiệt mạng bởi một chứng bệnh tương tự trên những con dốc của ngọn Dhaulagiri).

Ở độ tuổi 40, Fischer là một người vạm vỡ với mái tóc vàng cột kiểu đuôi ngựa, tràn đầy sinh lực, và thích giao du. Khi còn là một cậu học sinh 14 tuổi ở Basking Ridge, bang New Jersey, Fischer đã có lần tình cờ xem một chương trình truyền hình về leo núi và mê mẩn tâm thần. Mùa hè năm sau, anh đi Wyoming và ghi danh vào khóa học về thiên nhiên hoang dã do Trường Chỉ huy Dã ngoại Quốc gia (NOLS) tổ chức. Ngay sau khi tốt nghiệp trung học, anh chuyển đến định cư ở phía tây, làm huấn luyện viên theo thời vụ cho NOLS, coi leo núi như lẽ sống của mình và không bao giờ hối tiếc.

Khi Fischer được 18 tuổi và đang làm việc tại NOLS, anh yêu một học

viên trong khóa học của mình tên là Jean Price. Họ kết hôn bảy năm sau đó, định cư tại Seattle và có hai người con, Andy và Katie Rose (được 9 và 5 tuổi khi Scott đi Everest vào năm 1996). Price lấy được bằng phi công thương mại và trở thành cơ trưởng của hãng hàng không Alaska Airline. Đó là công việc danh tiếng và có thu nhập cao nên Fischer có điều kiện leo núi toàn thời gian. Thu nhập của cô ấy cũng cho phép Fischer thành lập công ty Mountain Madness vào năm 1984.

Nếu như tên công ty của Hall, Adventure Consultants, cho thấy cách tiếp cận khắt khe và có phương pháp đối với việc leo núi thì Mountain Madness thậm chí còn là một sự phản ánh chính xác hơn về phong cách của Scott. Khi mới bước vào tuổi 20, anh đã nổi tiếng với phương pháp leo núi càn lướt, chấp nhận chấn thương. Trong suốt sự nghiệp leo núi của mình, nhưng đặc biệt là trong những năm đầu sự nghiệp, anh ấy đã sống sót qua nhiều tai nạn khủng khiếp tưởng đã bỏ mạng.

Ít nhất hai lần khi đang leo núi đá— một lần tại Wyoming và lần khác tại Yosemite— Scott rơi xuống đất từ độ cao hơn 24,4 mét. Khi đang làm huấn luyện viên cho một khóa học của NOLS trên dãy Wild River anh cũng ngã từ độ cao 21,3 mét, không hề đeo dây, xuống đáy một khe băng trên sông băng Dinwoody. Nhưng có lẽ cú ngã kinh hoàng nhất xảy ra khi anh mới chỉ là một tay leo núi băng mới vào nghề: mặc dù chưa có kinh nghiệm nhưng Fischer đã quyết định thực hiện chuyến leo đầu tiên lên một thác băng có tên là Thác Bridal Veil tại hẻm núi Provo, bang Utah. Cố gắng leo kịp hai nhà leo núi chuyên nghiệp lên thác băng, Fischer mất điểm tựa ở độ cao 30,5m cách mặt đất và lao thẳng xuống đất.

Trước sự sững sờ của những người chứng kiến cảnh tượng này, anh ta tự đứng dậy và bước đi với những vết thương tương đối nhẹ. Tuy nhiên trong khi bị rơi xuống đất, đầu nhọn của chiếc rìu phá băng đã đâm xuyên qua bắp chân anh ta. Khi chiếc rìu phá băng được rút ra, nó lấy ra một phần mô, để lại trên chân anh một lỗ đủ to để có thể đút một cây bút chì xuyên qua. Sau khi được ra khỏi phòng cấp cứu của một bệnh viện địa phương, Fischer không cảm thấy có lí do gì để phải phí khoản tiền có hạn mình vào việc điều trị thêm, do đó anh đã tiếp tục leo núi trong sáu tháng sau với một vết thương hở và mưng mủ. Mười lăm năm sau anh ấy tự hào khoe với tôi vết sẹo đã lâu— kết quả của lần ngã đó: đó là hai vết bóng loáng, to khoảng một đồng xu quanh phần gân nối giữa hai bắp chân và gót chân của anh ấy.

Don Peterson – một nhà leo núi người Mỹ nổi tiếng đã gặp Fischer ngay sau khi anh ngã từ Thác Bridal Veil – nhớ lại: “Scott luôn bắt mình vượt qua những giới hạn thể chất”. Peterson có thể được xem là cố vấn của Fischer và

cùng leo núi với anh ta theo từng đợt trong hai thập kỷ sau đó. “Nghị lực của anh ấy thật đáng ngạc nhiên. Đau đớn thế nào cũng không hề hấn với anh ấy – anh ấy luôn phớt lờ nó và tiếp tục tiến tới. Anh ấy không phải là loại người sẽ quay lại chỉ vì mình bị đau chân”.

“Scott có một ham muốn cháy bỏng là trở thành một nhà leo núi vĩ đại, một trong những nhà leo núi giỏi nhất thế giới. Tôi nhớ tại trụ sở chính của NOLS có một phòng tập thể dục. Scott luôn vào đó và tập nặng đến mức bị nôn mửa. Anh tập rất đều đặn. Chẳng có nhiều người có nghị lực mạnh mẽ như vậy”.

Người ta bị lôi cuốn bởi nghị lực và sự hào phóng của Fischer, tính chân thật của anh ta, và sự nhiệt tình gần như trẻ con của anh. Mạnh mẽ, giàu cảm xúc và không thích dò xét, Fischer có tính cách lôi cuốn và thích giao du vốn thường đem lại cho anh những người bạn tâm giao; hàng trăm người – gồm cả những người Fischer gặp chỉ một hai lần – coi anh như một người bạn hết sức thân thiết. Anh cũng cực kỳ đẹp trai với vóc dáng của một vận động viên thể hình và những nét đặc trưng của một ngôi sao điện ảnh. Không chỉ những người khác giới bị Fischer lôi cuốn mà còn rất nhiều người khác cũng chú ý đến anh.

Là một người có lòng khao khát mãnh liệt, Fischer hút rất nhiều cannabis (ma túy làm từ cây gai dầu) và uống rượu nhiều hơn mức cần thiết. Một phòng phía sau của văn phòng công ty Mountain Madness hoạt động như một câu lạc bộ bí ẩn cho Fischer: sau khi cho các con ngủ anh ta thích đến nơi đây với những người bạn thân của mình để hút chày tay một tẩu thuốc và xem các tấm phim đèn chiếu chụp những hành động can đảm của họ trên núi cao.

Trong những năm 1980, Fischer đã thực hiện nhiều cuộc leo núi ấn tượng mang đến cho anh ta một ít danh tiếng trong nước, tuy nhiên những người nổi tiếng trong cộng đồng leo núi thế giới vẫn chưa đoái hoài đến anh. Với những nỗ lực có kế hoạch của mình, Fischer vẫn không thể kiếm được tài trợ thương mại nhiều như một số đồng nghiệp nổi tiếng của anh. Anh lo rằng một vài người trong số này không nể trọng anh.

* * *

Jane Bromet – một nhà báo, một người bạn tâm tình và thỉnh thoảng là một cộng sự huấn luyện của anh nói: “Đối với Fischer sự công nhận là quan trọng. Anh ấy khao khát nó. Anh có một khía cạnh dễ bị tổn thương mà hầu hết mọi người không nhận thấy; anh ấy luôn băn khoăn rằng mình không

được nhiều người coi là một nhà leo núi kiệt xuất. Anh cảm thấy bị coi thường và điều đó làm anh đau lòng”. Jane đi theo đoàn thám hiểm của Mountain Madness và nằm ở Trạm Căn cứ để gửi bài về cho tờ *Outside Online*.

Vào thời điểm Fischer đi Nepal vào mùa xuân năm 1996, Fischer đã bắt đầu được chú ý nhiều hơn, điều anh cho là xứng đáng. Phần lớn sự công nhận này là nhờ vào cuộc chinh phục Everest không có bình oxy của anh vào năm 1994. Với tên gọi Đoàn Thám hiểm Môi trường Sagarmatha, nhóm của Fischer đã chuyển gần hai tấn rưởi rác thải xuống núi – điều này rất có ích cho phong cảnh ngọn núi và thậm chí đã trở thành một hành động quảng bá tốt. Vào tháng 1 năm 1996, Fischer dẫn đầu một cuộc leo núi gây quỹ được nhiều người chú ý lên đỉnh Kilimanjaro, ngọn núi cao nhất tại châu Phi. Cuộc leo núi này đã quyên góp được nửa triệu đô la cho tổ chức từ thiện CARE. Chủ yếu nhờ vào cuộc thám hiểm dọn dẹp rác trên đỉnh Everest vào năm 1994 và cuộc leo núi gây quỹ sau đó, anh đã xuất hiện nổi bật và thường xuyên trên các phương tiện truyền thông tại Seattle và sự nghiệp leo núi của anh đang rất thành công tại thời điểm anh lên đường đi Everest năm 1996.

Các nhà báo vẫn hỏi Fischer về những rủi ro đi kèm với công việc leo núi mà anh thực hiện và thắc mắc làm sao anh có thể dung hòa nó với việc làm chồng và làm cha. Fischer trả lời rằng bây giờ anh đã ít mạo hiểm hơn nhiều so với hồi còn trẻ không biết sợ là gì – rằng anh đã trở thành một nhà leo núi cẩn thận và thận trọng hơn nhiều. Ngay trước khi khởi hành đi Everest vào năm 1996, anh đã nói với một nhà văn ở Seattle tên là Bruce Barcott rằng: “Tôi tin tưởng một trăm phần trăm tôi sẽ trở về... Vợ tôi cũng tin tưởng một trăm phần trăm tôi sẽ trở về. Cô ấy không hề lo lắng khi tôi hướng dẫn người khác leo núi bởi vì tôi sẽ có những sự lựa chọn chính xác. Khi tai nạn xảy ra tôi nghĩ đó luôn luôn là lỗi của con người. Do vậy đó chính là điều mà tôi muốn loại trừ. Tôi đã từng gặp nhiều tai nạn leo núi khi còn trẻ. Có thể có những lý do khác nhau, nhưng rút cục vẫn là lỗi của con người”.

Mặc dù Fischer bày tỏ sự tin tưởng, thế nhưng công việc leo núi rày đây mai đó của anh gây nhiều khó khăn cho gia đình của Fischer. Anh rất yêu con, và lúc ở nhà, Fischer là một ông bố hết sức chu đáo. Nhưng việc leo núi đã khiến anh phải xa gia đình nhiều tháng cho mỗi chuyến đi. Anh đã vắng mặt bảy trong số chín sinh nhật của con trai. Vài người bạn của Fischer nói rằng thật ra vào thời điểm anh khởi hành đi Everest vào năm 1996, cuộc hôn nhân của Fischer đã rất căng thẳng.

Nhưng Jean Price không cho rằng việc leo núi của Fischer là nguyên nhân của tình trạng nặng nề trong mối quan hệ của họ. Đúng hơn là những áp lực trong gia đình Fischer– Price đều do những rắc rối cô ta đang gặp phải với chủ của mình: là nạn nhân trong một vụ được cho là quấy rối tình dục, suốt năm 1995 Price bị cuốn vào một cuộc kiện tụng đáng nản chống lại Hãng hàng không Alaska Airline. Mặc dù cuối cùng cũng được giải quyết, nhưng vụ kiện cũng gây âm ỉ và khiến cô mất khoản lương đáng kể năm 1995. Thu nhập từ công việc hướng dẫn của Fischer không đủ để bù đắp lại khoản mất đi ấy. “Lần đầu tiên kể từ khi chuyển đến Seattle, chúng tôi phải đối mặt với những vấn đề về tiền bạc”, cô than vãn.

Giống như hầu hết các đôi thủ khác, Mountain Madness là một công ty có thu nhập thấp kể từ khi ra đời: năm 1995 Fischer mang về nhà chỉ khoảng 12.000 đô la. Nhưng mọi thứ cuối cùng cũng bắt đầu có vẻ sáng sủa hơn, nhờ vào danh tiếng ngày càng tăng của Fischer và những nỗ lực của cộng sự kiêm người quản lý văn phòng của anh, Karen Dickinson. Tài tổ chức và sự điềm tĩnh của Karen bù lại cho phong cách làm việc ngẫu hứng và có phần lập dị của Fischer. Theo dõi thành công của Rob Hall trong việc hướng dẫn leo núi Everest – và đi theo khoản phí khổng lồ mà anh ấy có thể thu được – Fischer quyết định đã tới lúc phải bước chân vào thị trường Everest. Nếu có thể cạnh tranh với Hall, Mountain Madness sẽ nhanh chóng kiếm được lợi nhuận.

Fischer không quá coi trọng vấn đề tiền bạc. Anh ít quan tâm đến vật chất bề ngoài, nhưng khao khát được tôn trọng và nhận thức một cách sâu sắc rằng trong thế giới quan và môi trường mà anh đang sống, tiền là một chuẩn mực để đánh giá sự thành công.

Vài tuần sau khi Fischer trở về thành công từ Everest vào năm 1994, tôi tình cờ gặp anh tại Seattle. Tôi không biết rõ Fischer nhưng chúng tôi có vài người bạn chung và thường gặp nhau tại các vách đá hoặc tại các buổi tiệc của những người leo núi. Lần ấy anh giữ tôi lại để nói chuyện thêm về chuyến tham hiểm Everest có người hướng dẫn mà anh ta đang lên kế hoạch: anh nói tôi nên đi theo và viết một bài báo cho tờ *Outside*. Khi tôi đáp lại rằng việc leo lên núi Everest đối với một người không có nhiều kinh nghiệm trên cao như tôi thật là điên rồ, anh nói: “Này, kinh nghiệm được đánh giá quá cao rồi đấy. Điều quan trọng không phải là độ cao mà chính là thái độ của anh, anh bạn à. Anh sẽ làm tốt thôi. Anh đã từng thực hiện nhiều cuộc leo núi khó khăn– những ngọn núi ấy còn gian nan hơn ngọn Everest. Chúng tôi đã tìm hiểu kỹ càng về Everest, và đã lên kế hoạch hết rồi. Thời buổi này, như tôi đang nói với anh, chúng tôi đã làm sẵn một con đường lát gạch vàng

lên tới đỉnh”.

Scott đã khơi gợi sự thích thú của tôi— thậm chí còn nhiều hơn là anh nhận ra— và anh ấy cứ tiếp tục không ngừng nghỉ. Anh nói tới Everest mỗi lần gặp tôi và không ngừng thuyết phục Brad Wetzler, một biên tập viên tại tờ *Outside*, về ý tưởng này. Vào tháng 1 năm 1996, nhờ vào không ít nỗ lực vận động của Fischer, *Outside* đã cam kết gửi tôi đến Everest— theo Wetzler, có thể như một thành viên trong đoàn thám hiểm của Fischer. Đối với Scott, thương vụ đó đã xem như thành công.

Tuy nhiên, một tháng trước khi khởi hành theo dự kiến, tôi nhận được một cuộc gọi từ Wetzler thông báo có sự thay đổi trong kế hoạch: Rob Hall đã đưa ra một mức phí hấp dẫn hơn nhiều. Do đó Wetzler đề nghị tôi tham gia đoàn thám hiểm Adventure Consultants của Rob Hall thay vì của Fischer. Tôi biết và cũng có cảm tình với Fischer và khi ấy, tôi cũng không biết nhiều về Hall, do vậy lúc đầu tôi còn hơi lưỡng lự một chút. Nhưng sau khi một người bạn leo núi mà tôi tin cậy khẳng định về danh tiếng thật sự của Hall, tôi đã phần khởi đồng ý đi Everest theo đoàn Adventure Consultants.

Một buổi chiều tại Trạm Căn cứ tôi hỏi Hall tại sao anh ấy lại tha thiết muốn có tôi đi theo tới vậy. Anh thẳng thắn giải thích rằng tôi không phải là người mà anh ấy quan tâm hoặc thậm chí anh cũng không hy vọng bài báo của tôi sẽ quảng bá cho công ty của anh. Điều mà anh ta quan tâm chính là tiền quảng cáo rất giá trị mà anh thu được từ thỏa thuận đã ký với *Outside*.

Hall nói với tôi rằng theo những điều khoản của hợp đồng này, anh ta đã chấp nhận chỉ 10.000 đô la trong khoản phí thường lệ của mình bằng tiền mặt; phần còn lại sẽ được đổi bằng những chỗ quảng cáo giá trị trên tờ tạp chí. Những quảng cáo này nhắm vào những độc giả nhiều tiền, nhanh nhẹn và thích phiêu lưu— những khách hàng chủ yếu của Adventure Consultants. Và điều quan trọng nhất là, Hall nói: “Họ là những độc giả người Mỹ. Gần tám mươi đến chín mươi phần trăm thị trường tiềm năng cho các chuyến thám hiểm có người hướng dẫn lên ngọn Everest và Thất Đỉnh nằm ở Hoa Kỳ. Sau mùa này, khi anh bạn Scott của tôi đã trở thành một người hướng dẫn leo núi Everest, anh ta có lợi thế rất lớn so với Adventure Consultants chỉ vì anh ấy có trụ sở tại Hoa Kỳ. Để cạnh tranh với anh ta chúng tôi phải đẩy mạnh việc quảng cáo tại đó”.

Vào tháng 1, Fischer đã rất tức giận khi khám phá ra rằng Hall đã giành

được tôi từ trong tay anh ấy. Anh ta gọi cho tôi từ Colorado, hết sức tức giận, và khẳng định rằng anh ấy sẽ không chấp nhận chiến thắng rơi vào tay Hall. (Cũng giống như Hall, Fischer không cần cố gắng che giấu sự thật rằng tôi không phải là người mà anh ta quan tâm mà chính là những quảng cáo đi kèm). Tuy nhiên, cuối cùng, anh ta đã không thể cạnh tranh với đề nghị của Hall dành cho tờ tạp chí.

Nhưng khi tôi tới Trạm Căn cứ trong vai trò một thành viên của nhóm Adventure Consultants chứ không phải của đoàn thám hiểm Mountains Madness, Scott không hề tỏ ra ác cảm với tôi. Khi tôi xuống trại của anh ấy để thăm, anh rót cho tôi một tách cà phê, vòng tay qua vai tôi và dường như vui mừng thật tình khi gặp tôi.

* * *

Mặc dù thế giới hiện đại cũng để lại nhiều dấu tích trên Trạm Căn cứ, chúng tôi vẫn ý thức được rằng mình đang ở độ cao gần 5km trên mực nước biển. Đi bộ đến chiếc lều bữa bộn vào giờ ăn khiến tôi khó thở trong nhiều phút. Nếu tôi đứng dậy quá nhanh, đầu tôi quay cuồng và có cảm giác chóng mặt. Chúng ho dữ dội và gắt cổ mà tôi mắc phải tại Lobuje ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Tôi bị khó ngủ, một triệu chứng thường gặp của chứng bệnh độ cao. Mỗi tối tôi thức dậy từ ba đến bốn lần thở gấp, có cảm giác như mình đang bị ngạt thở. Các vết xước rất lâu lành. Tôi không còn cảm thấy ngon miệng và hệ tiêu hóa của tôi, vốn phải cần nhiều oxy để chuyển hóa thức ăn, đã không thể tiêu hóa nổi những thứ tôi đã bắt mình phải ăn. Thay vào đó, cơ thể tôi bắt đầu lấy chất bổ từ chính nó. Dần dần tay chân tôi đã bắt đầu teo lại như một cây gậy.

Một số đồng đội của tôi thậm chí còn ăn ít hơn tôi trong điều kiện thiếu không khí và môi trường kém vệ sinh ở đây. Andy, Mike, Caroline, Lou, Stuart và John phải chịu chứng rối loạn tiêu hóa khiến họ phải liên tục đi vệ sinh. Helen và Doug bị những cơn đau đầu kinh khủng. Theo như Doug mô tả lại cho tôi: “Tôi có cảm giác như ai đó vừa mới đóng một chiếc đinh giữa hai mắt tôi”.

Đây là lần thứ hai Doug leo lên ngọn Everest cùng với Hall. Năm trước Rob đã buộc anh ta và ba khách hàng khác phải trở xuống khi chỉ còn cách đỉnh núi 101 mét bởi vì thời gian đã trễ và đỉnh núi bị chôn vùi dưới một lớp tuyết dày và không ổn định. “Đỉnh núi đã ở rất gần”, Doug nhớ lại với nụ cười tiếc nuối. “Tin tôi đi, không có ngày nào mà tôi không nhớ tới chuyện đó”. Năm nay, Hall đã thuyết phục được Doug quay trở lại. Hall cảm thấy rất tiếc khi Doug đã không thể lên tới đỉnh núi và đã giảm phí đáng kể để thuyết

phục anh ta thử một lần nữa.

Trong số các khách hàng leo núi cùng với tôi, chỉ có Doug là đã từng leo núi nhiều chuyên mà không có hướng dẫn viên chuyên nghiệp; mặc dù không phải là một tay leo núi xuất sắc nhưng với mười lăm năm kinh nghiệm, Doug có thể tự mình xoay sở trên các ngọn núi cao. Nếu cho rằng sẽ có người nào đó trong đoàn thám hiểm của chúng tôi lên tới đỉnh núi, tôi tin đó sẽ là Doug: anh ta khỏe mạnh, nhiều khát vọng và anh ta đã từng leo lên cao trên ngọn Everest.

Chưa tới hai tháng là đến sinh nhật lần thứ 47 và đã ly dị được mười bảy năm, Doug kể cho tôi nghe anh ta đã từng có mối quan hệ với nhiều phụ nữ. Nhưng tất cả họ cuối cùng cũng rời bỏ anh ta sau khi đã cố gắng “cạnh tranh với những ngọn núi để giành sự quan tâm của anh”. Vài tuần trước khi khởi hành đi Everest vào năm 1996, Doug đã gặp một phụ nữ trong khi đi thăm một người bạn tại Tucson, và họ đã yêu nhau. Trong một thời gian ngắn họ gửi rất nhiều fax cho nhau, và rồi bằng đi một thời gian Doug không nhận được tin tức gì nữa. “Tôi nghĩ cô ấy đã nhận ra vấn đề và đã đá đít tôi. Cô ấy thật sự rất dễ thương. Tôi đã thật sự nghĩ rằng lần này mọi chuyện sẽ tốt đẹp”, Doug thở dài, trông có vẻ chán nản.

Cuối buổi chiều hôm đó, Doug đến lều của tôi, tay vẫy một bức fax mới nhận và nói: “Karen Marie nói cô ấy sắp chuyển đến sống ở Seattle. Chà! Chuyện này nghiêm túc đây. Tốt hơn hết là tôi nên chinh phục đỉnh Everest và quên nó đi trước khi cô ấy đổi ý”.

Ngoài việc liên lạc với một người phụ nữ mới trong đời mình, Doug dành thời gian còn lại tại Trạm Căn cứ để viết bưu thiếp cho các học sinh trường tiểu học Sunrise, một trường công lập tại Kent, Washington. Các em đã bán áo thun để gây quỹ cho chuyến leo núi này của anh. Doug cho tôi xem nhiều tấm bưu thiếp: “Một số người có những ước mơ lớn, một số người có những ước mơ nhỏ”. Anh ta chỉ bút vào cô gái tên là Vanessa và nói: “Dù cho bạn có giấc mơ như thế nào đi nữa, điều quan trọng chính là bạn không bao giờ ngừng mơ ước”.

Doug thậm chí còn dành thời gian nhiều hơn nữa để viết fax cho hai con đã lớn của anh— Angie, 19 tuổi và Jaime, 27 tuổi. Doug đã một mình nuôi dưỡng chúng, Anh ta ở trong một chiếc lều kế tôi và mỗi khi có fax của Angie đến, Doug lại đọc cho tôi nghe và tươi cười. Anh ta nói: “Anh nghĩ xem, một người như tôi vậy mà cũng có thể nuôi nấng nên người những đứa trẻ tuyệt vời như vậy”.

Trong khi đó, tôi rất ít viết bưu thiếp và gửi fax cho mọi người. Thay vào đó tôi dành phần lớn thời gian của mình tại Trạm Căn cứ để nghiên ngẫm xem tôi sẽ làm thế nào khi ở trên cao hơn của ngọn núi, đặc biệt trong khu vực được gọi là Vùng Chết ở độ cao trên 7.620m. Tôi đã dành nhiều thời gian cho việc học kỹ thuật leo núi đá và núi băng hơn hầu hết các khách leo núi và nhiều hướng dẫn viên. Nhưng sự thành thạo kỹ thuật gần như chẳng là gì cả trên ngọn Everest, và tôi có ít kinh nghiệm ở trên cao hơn so với hầu hết các nhà leo núi khác. Và thật ra, ở Trạm Căn cứ này, tôi đang ở trên cao hơn so với tất cả những nơi khác tôi đã từng đến trong đời mình.

Việc này dường như không làm Hall lo lắng. Hall giải thích sau bảy chuyến thám hiểm Everest, anh ấy đã lập ra một kế hoạch thích nghi đặc biệt hiệu quả; nó sẽ giúp chúng tôi thích nghi với sự thiếu oxy trong khí quyển. (Tại Trạm Căn cứ lượng oxy chỉ xấp xỉ bằng một nửa so với tại mực nước biển, và lên đến đỉnh núi chỉ còn lại một phần ba). Khi phải chống chọi với việc gia tăng độ cao, cơ thể con người thích nghi bằng nhiều cách: từ việc thở gấp, thay đổi độ pH trong máu, cho tới việc gia tăng nhanh chóng số lượng hồng cầu có chứa oxy— một quá trình thay đổi phải mất hàng tuần lễ để hoàn tất.

Tuy nhiên, Hall nhấn mạnh rằng chỉ sau ba lần leo lên Trạm Căn cứ, mỗi lần leo lên cao thêm 610 mét cơ thể chúng ta sẽ thích nghi đủ để cho phép di chuyển an toàn lên đỉnh núi cao 8.848m. Khi tôi thú nhận những lo lắng của mình, Hall đảm bảo với tôi bằng một nụ cười: “Anh bạn à, cho tới nay nó đã có hiệu quả ba mươi chín lần rồi. Và một vài gã leo tới đỉnh cùng tôi trước đây cũng đều lo lắng như anh thôi”.

Chương 6: TRẠM CĂN CỨ NÚI EVEREST

NGÀY 12 THÁNG 4 NĂM 1996

5.364 MÉT

Vận động viên leo núi càng đối mặt với khó khăn và thách thức bao nhiêu thì sau đó anh ta càng thoải mái, dễ chịu bấy nhiêu khi vượt qua được những áp lực ấy. Những nguy cơ mà anh ta phải đối mặt chỉ đơn thuần giúp tăng thêm nhận thức và khả năng hoạt động. Và có lẽ đây chính là cơ chế mới của tất cả các môn thể thao mạo hiểm: bạn chủ động nâng mức nỗ lực và sự tập trung của bản thân nhằm loại bỏ những điều tầm thường ra khỏi tâm trí bạn. Nó là một mô hình thu nhỏ cho cuộc sống nhưng có sự khác biệt: không giống như cuộc sống thường ngày của bạn, khi bạn có thể sửa chữa được sai lầm và có thể tìm kiếm được một thỏa hiệp nào đấy, trong leo núi, các hành động của bạn— dù chỉ diễn ra trong tích tắc đi nữa— cũng nguy hiểm chết người.

A. Alvarez

Chúa tể hoang dã:

Một nghiên cứu về sự tự vẫn

Leo lên ngọn Everest là một quá trình lâu dài và gian khổ; nó giống như một dự án xây dựng khổng lồ hơn là việc leo núi mà tôi biết trước đây. Có 26 người Sherpa trong đội của Hall và việc cung cấp thức ăn, chỗ ở và chăm sóc sức khỏe cho mọi người ở độ cao 5.364m và cách con đường gần nhất 160km đi bộ hoàn toàn không phải là một việc đơn giản. Tuy nhiên Hall là một “sĩ quan hậu cần” không ai sánh kịp và anh ấy thích thách thức này. Tại Trạm Căn cứ, anh ta miệt mài nghiên cứu rất nhiều giấy tờ in từ máy vi tính mô tả kỹ lưỡng mọi việc: thực đơn, phụ tùng, dụng cụ, thuốc men, máy móc thông tin liên lạc, lịch chuyên chở hàng hóa, số bò yak có sẵn. Có tổ chức của một kỹ sư nên Rob rất yêu thích máy móc, thiết bị, và đồ dùng điện tử; anh dành thời gian rảnh của mình không ngừng mày mò hệ thống điện mặt trời hoặc đọc lại các bài báo của tờ *Popular Science* (Khoa học Phổ thông).

Theo truyền thống của George Leigh Mallory và hầu hết các nhà leo núi Everest khác, chiến lược của Hall là “bao vây” ngọn núi. Những người Sherpa sẽ dần dần thiết lập một loạt bốn trại phía trên Trạm Căn cứ— trại này ở cao hơn trại kia xấp xỉ 610m— bằng cách mang những chuyến hàng công

kênh lương thực, nhiên liệu để nấu nướng và oxy từ trại này lên trại khác cho tới khi mọi thứ cần thiết đều được dự trữ đầy đủ ở độ cao 7.925m trên Đèo Nam. Nếu mọi thứ đều diễn ra theo đúng như kế hoạch tuyệt vời của Hall, cuộc chinh phục đỉnh núi của chúng tôi sẽ bắt đầu từ trại cao nhất này– Trại Bốn– sau một tháng nữa.

Vì là khách leo núi nên chúng tôi không phải tham gia vào việc vận chuyển hàng hóa¹⁶, nhưng chúng tôi cũng phải thực tập đi lên cao phía trên Trạm Căn cứ vài lần trước chuyến chinh phục đỉnh núi nhằm làm cho cơ thể thích nghi với độ cao. Rob thông báo rằng chuyến đầu tiên sẽ diễn ra trong ngày 13 tháng 4 – một chuyến đi lên Trại Một, nằm cheo leo ở đỉnh cao nhất của Thác băng Khumbu, cao hơn Trạm Căn cứ 800m, rồi quay về ngay trong ngày.

Chúng tôi dành trọn ngày 12-4, đúng sinh nhật lần thứ 42 của tôi, để chuẩn bị các dụng cụ leo núi. Trại bỗng trở thành một buổi hội trợ khi chúng tôi bày biện đồ đạc của mình ra giữa các tảng đá để sắp xếp quần áo, điều chỉnh dây an toàn, đeo các dây cột, và gắn các đế đinh (crampon) vào giày của mình. Crampon là một hệ thống các đinh nhọn bằng thép dài khoảng 5cm được gắn vào đế giày để tạo độ bám trên băng). Tôi ngạc nhiên và lo lắng khi thấy Beck, Stuart và Lou lấu những đôi giày leo núi mới ra mà theo họ thú nhận là chưa mang chúng lần nào. Tôi tự hỏi liệu họ có biết những rủi ro và họ sẽ gặp phải khi lên ngọn Everest với những đôi giày chưa được thử trước: hai mươi năm trước tôi đã thực hiện một cuộc thám hiểm với đôi giày mới và đã có một bài học đắt giá là những đôi giày leo núi cứng và nặng có thể gây ra những vết thương nghiêm trọng ở chân nếu chúng chưa được mang trước đó một thời gian.

Stuart, một bác sĩ chuyên khoa tim trẻ tuổi người Canada, phát hiện ra rằng những chiếc đế đinh của anh ta thậm chí còn không vừa với đôi giày mới. May mắn thay, sau khi sử dụng bộ đồ nghề đồ sộ của mình cùng với sự khéo léo vốn có, Rob đã xoay xở ghép vào một chiếc đai đặc biệt giúp cho những đế đinh này dính vào đôi giày của Stuart.

Khi tôi bỏ đồ vào ba lô cho ngày hôm sau, tôi nhận ra một điều là do những ràng buộc gia đình và sự nghiệp nên rất ít thành viên trong đoàn leo núi của tôi có cơ hội leo núi quá hai lần trong năm rồi. Mặc dù dường như hầu hết mọi người đều có thể hình tuyệt vời, hoàn cảnh đã buộc họ phải tập luyện chủ yếu trên hệ thống StairMasters và các thiết bị tập luyện khác thay vì trên các đỉnh núi thực sự. Điều này khiến tôi ngậm ngùi. Điều kiện thể lực là một phần rất quan trọng trong leo núi, nhưng vẫn còn yếu tố khác cũng

quan trọng không kém, mà lại không thể tập luyện được trong phòng thể dục.

Nhưng có lẽ tôi chỉ đang tỏ ra hiểu biết hơn người khác. Tôi tự trách mình như thế. Dù sao đi nữa, rõ ràng là tất cả các bạn của tôi đều hăm hở trèo lên ngọn núi vào sáng hôm sau như tôi.

Con đường lên núi của chúng tôi sẽ đi theo Sông băng Khumbu lên nửa thấp của ngọn núi. Từ *bergschrund*¹⁷ ở độ cao 7.010m đánh dấu phần phía trên của con sông, con sông băng khổng lồ này chảy 4km xuống một thung lũng tương đối thoải thoải phía dưới được gọi là Thung lũng Tây (Western Cwm). Khi con sông băng chảy qua các mô và trũng trong các tầng bên dưới của Thung lũng, nó nứt ra thành vô số khe nứt thẳng đứng— đó chính là các khe băng. Một số khe băng này có thể bước qua dễ dàng; một số khác rộng đến 24m, sâu cả trăm mét, và dài gần một km. Những khe băng lớn có thể sẽ là những thử thách khó khăn cho chuyến leo núi của chúng tôi, và khi ẩn mình dưới tuyết chúng sẽ mang đến những rủi ro nghiêm trọng, nhưng các thử thách của những khe vực nằm ở Sông băng này nhiều năm qua được xem là có thể phòng tránh và xử lý được. —

Trong khi đó Thác băng lại là một câu chuyện khác. Những người leo núi không sợ nơi đâu trên con đường Đèo Nam bằng nó. Ở độ cao khoảng 6.096m, nơi mà con sông băng bắt đầu từ phần thấp của Thung lũng, nó đột ngột chảy xuống một vách đá dựng đứng. Đó chính là Thác băng Khumbu khét tiếng, là nơi đòi hỏi kỹ thuật nhất trên suốt lộ trình của chúng tôi.

Người ta đã đo và thấy rằng chuyển động của con sông băng trong Thác băng khoảng từ 1m đến 1.2m mỗi ngày. Khi nó trượt xuống dưới địa hình không đều và dốc đứng từng đợt một, khối băng vỡ ra từng mảnh thành những tảng khổng lồ gọi là *serac*, một số to như bằng một tòa nhà văn phòng. Bởi vì con đường leo núi len lỏi bên dưới, vòng qua, và ở giữa hàng trăm những tháp băng không ổn định này, mỗi chuyến đi qua Thác băng giống như một cuộc chơi rulet Nga¹⁸: không sớm thì muộn, một tảng *serac* nào đó sẽ rơi xuống bất thành linh, và bạn chỉ có thể hi vọng mình không đứng phía dưới khi nó đổ. Kể từ năm 1963, khi một đồng đội của Hornbein và Unsoeld có tên là Jack Breitenbach nát thân dưới một tảng *serac* bị lở và trở thành nạn nhân đầu tiên của Thác băng, mười tám người leo núi khác đã chết tại nơi này.

Mùa đông năm ngoái, cũng giống như các mùa đông trước, Hall đã bàn bạc với trưởng đoàn của các đoàn thám hiểm đang dự tính sẽ leo núi Everest

vào mùa xuân, và họ đã đồng ý với nhau rằng sẽ có một nhóm chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì một tuyến đường đi qua Thác băng. Vì sự nguy hiểm trong công việc này, mỗi đoàn leo núi còn lại sẽ phải trả cho nhóm đó 2.200 đô la. Trong những năm đây, phương pháp hợp tác này đã được gán như tất cả mọi người chấp nhận, nhưng mọi việc không phải lúc nào cũng vậy.

Lần đầu tiên một đoàn thám hiểm nảy ra ý nghĩ sẽ thu phí của một đoàn khác đi qua quãng băng này là vào năm 1988, khi một nhóm người Mỹ được tài trợ rùng rình tuyên bố rằng bất kỳ đoàn thám hiểm nào muốn đi theo con đường họ đã thiết lập trên Thác băng sẽ phải trả một khoản 2.000 đô la. Một số đoàn thám hiểm trong năm đó, không thể hiểu được rằng Everest không còn đơn thuần là một ngọn núi nữa mà là một thứ hàng hóa, đã điên tiết lên. Và sự phản đối gay gắt nhất là từ Rob Hall, người đang dẫn đầu một nhóm nhỏ ít tiền người New Zealand.

Hall bắt bẻ rằng người Mỹ đang “vi phạm tinh thần của việc leo núi” và đang thực hiện một kiểu tống tiền đáng xấu hổ, nhưng Jim Frush, một luật sư cứng rắn đứng đầu nhóm người Mỹ này vẫn không lay chuyển. Hall cuối cùng đã miễn cưỡng đồng ý trả tiền cho Frush và được phép đi qua Thác băng. (Frush sau đó cho biết Hall chưa bao giờ trả các khoản nợ không xác định thời hạn của mình cả).

Tuy nhiên trong vòng hai năm, Hall đã hoàn toàn thay đổi ý kiến và bắt đầu cân nhắc đến việc tính phí cho con đường đi qua Thác băng. Thật ra, từ năm 1993 đến năm 1995, anh đã xung phong mở đường và tự mình thu phí. Mùa xuân năm 1996, anh quyết định không chịu trách nhiệm về Thác băng nữa, nhưng đã vui vẻ trả tiền cho lãnh đạo một đoàn thám hiểm thương mại¹⁹ đối thủ— một tay leo núi từng trải trên ngọn Everest người Scotland tên là Mal Duff— để họ đảm nhận công việc này. Từ lâu trước khi tôi đến Trạm Căn cứ, một nhóm những người Sherpa do Duff thuê đã làm một con đường ngoằn ngoèo qua những tảng *serac*, giăng gần 2km dây thừng và lắp đặt khoảng sáu mươi chiếc thang nhôm trên các mặt nứt của con sông băng. Những chiếc thang này là của một người Sherpa có óc kinh doanh tại ngôi làng Goral Shep; ông này kiếm được một khoản lợi nhuận khá từ việc cho thuê những chiếc thang vào mỗi mùa leo núi.

Vào 4 giờ 45 sáng ngày Chủ nhật 14 tháng 4, tôi thấy mình đang ở dưới chân của Thác băng huyền thoại đó, móc đôi đế dính vào giày trong không khí u ám giá lạnh ngay trước bình minh.

Những vận động viên leo núi nhiều kinh nghiệm nào đã sống sót qua các

nguy hiểm thường khuyên những tay leo núi trẻ tuổi rằng muốn sống sót thì phải lắng nghe cẩn thận những “tiếng nói từ bên trong của mình”. Có nhiều giai thoại kể về những nhà leo núi đã quyết định nằm yên trong chiếc túi ngủ của mình sau khi cảm thấy vài điềm gở và nhờ đó họ đã sống sót qua những trận lở tuyết, vốn sau đó đã cướp đi sinh mạng của những người không để ý đến các điềm báo.

Tôi không nghi ngờ giá trị tiềm tàng của việc chú ý đến những cảm nhận trong tiềm thức. Khi tôi đợi Rob dẫn đường, băng dưới chân tôi là một loạt những tiếng nứt lòn, giống như những cái cây nhỏ bị bẻ gãy làm đôi, và tôi cảm thấy chính mình sợ hãi trước từng tiếng kêu và tiếng âm âm từ những tầng sâu đang chuyển động của con sông băng. Vấn đề là tiếng nói bên trong của tôi giống như của *Chicken Little*²⁰: nó đang hét lên rằng tôi sắp sửa chết, nhưng nó lại cứ hét lên như vậy mỗi khi tôi nhấc chân lên. Do đó tôi cố gắng hết sức mình để phớt lờ sự tưởng tượng đó và dứt khoát bước theo Rob vào trong một mê cung xanh thẫm kỳ quái.

Mặc dù tôi chưa từng đến thác băng nào dễ sợ như Thác băng Khumbu, nhưng tôi cũng đã leo nhiều thác băng khác. Thông thường chúng có những khoảng dốc đứng hoặc nhô ra đòi hỏi phải có sự thuần thục đáng kể trong việc sử dụng rìu phá băng và đế đỉnh. Thác băng Khumbu không thiếu những vách băng dốc nhưng tất cả đã được lắp thang hoặc dây thừng hoặc cả hai khiến cho các dụng cụ và kỹ thuật leo núi truyền thống trở nên thừa thãi.

Tôi sớm nhận ra rằng trên ngọn Everest ngay cả dây thừng— một phương tiện quan trọng đối với người leo núi— cũng không được dùng theo cách truyền thống. Thông thường, một người leo núi sẽ được cột vào một hay hai người khác bằng một đoạn dây thừng dài khoảng bốn mươi sáu mét; điều này làm cho mỗi người phải chịu trách nhiệm trực tiếp với mạng sống của những người khác. Leo bằng dây thừng như vậy là một việc làm rất nghiêm túc và rất thân tình. Tuy vậy trên Thác băng này vì những lý do đặc biệt chúng tôi phải leo độc lập mà không được nối với người khác theo bất kỳ cách nào.

Những người Sherpa của Mal Duff đã lắp một dãy dây cố định trải dài từ chân cho đến đỉnh Thác băng. Gắn vào thắt lưng tôi là một đoạn dây an toàn dài một mét có carabiner (snap-link)²¹ ở một đầu. Để an toàn, tôi không được nối mình với một đồng đội khác, mà thay vào đó là móc sợi dây an toàn của mình vào dãy dây thừng cố định và trượt nó lên từ từ. Leo núi theo cách này, chúng tôi có thể di chuyển nhanh nhất qua những phần nguy hiểm nhất của Thác băng, và chúng tôi cũng sẽ không phải phó thác sinh mạng của mình

vào một người đồng đội mà mình không biết rõ kỹ năng và kinh nghiệm của anh ta. Và hóa ra trong suốt chuyến thám hiểm tôi chẳng thấy có lý do nào để nôi mình vào một người leo núi khác

Nếu Thác băng chỉ đòi hỏi một ít kỹ thuật leo núi chính thống, nó lại yêu cầu một loạt các kỹ năng mới— chẳng hạn như khả năng đi nhón chân bằng giày leo núi và để đỉnh ngang qua ba chiếc thang lắc lư được buộc chặt ở hai đầu, bắc qua một khe nứt rất sâu. Có nhiều lối đi như vậy và tôi chưa bao giờ làm quen với chúng.

Một lần kia, vào chạng vạng trước lúc bình minh, tôi đang giữ thăng bằng trên một chiếc thang chông chênh, bước chậm chạp từ bậc thang này sang bậc thang khác, thì bỗng nhiên khối băng trụ đỡ chiếc thang ở cả hai đầu bắt đầu rung lên như thể có động đất. Một lát sau có tiếng kêu lớn khi một tảng *serac* lớn ở đầu đó ngay phía trên đổ xuống. Tôi thấy ớn lạnh, sợ chết khiếp; nhưng tảng băng lở rơi cách phía bên trái tôi 45 mét mà không gây ra bất cứ thiệt hại nào. Đợi vài phút để lấy lại bình tĩnh, tôi tiếp tục con đường kinh khủng của mình để đi qua đầu bên kia chiếc thang.

Tình trạng này thay đổi liên tục và đôi khi dữ dội của con sông băng khiến việc băng qua những chiếc thang trở nên bất trắc. Khi con sông chuyển động, các khe băng đôi khi thu hẹp lại, làm chiếc thang cong đi như những cây tăm xĩa răng; những khi khác các khe băng có thể rộng ra khiến cho chiếc thang lung lẳng trên không trung, chỉ được giữ hờ với hai đầu được đóng vào băng cứng. Các cọc neo²² cố định thang và dây thừng thường xuyên bị lỏng ra khi mặt trời buổi trưa đốt nóng băng tuyết bao quanh chúng. Mặc dù được bảo trì hàng ngày, mỗi nguy hiểm vẫn thật sự tồn tại khi một sợi dây thừng nào đó sẽ có thể tuột ra dưới sức nặng của cơ thể.

Nhưng nếu như Thác băng đòi hỏi sự cố gắng lớn và mang đến nỗi kinh sợ, nó cũng có sức quyến rũ đáng ngạc nhiên. Khi bình minh xóa tan bóng tối trên bầu trời, dòng sông băng lộ ra như một phong cảnh ba chiều với vẻ đẹp mờ ảo. Nhiệt độ là -14°C . Những chiếc đỉnh của tôi cắm chắc vào bề mặt con sông băng. Theo những dây dây cố định, tôi đi ngoạn nghèo qua một mê cung thẳng đứng những mảng đá kết tinh màu xanh. Các trụ đá gần như thẳng đứng đây băng đâm ra từ cả hai rìa của sông băng, vươn lên như hai vai của một vị ác thần. Bị mê hoặc bởi cảnh quan xung quanh và do làm việc căng thẳng, tôi say sưa trong cái thú leo núi, và một hoặc hai giờ tôi thật sự quên mất nỗi sợ hãi.

Còn cách khoảng ba phần tư đoạn đường đến Trại Một, trong một lần

ngừng lại nghỉ ngơi, Hall nhận xét rằng chưa bao giờ anh thấy tình trạng của Thác băng tốt như lần này: “Mùa này đường rộng còn hơn xa lộ nữa”. Nhưng chỉ cao hơn một chút ở độ cao 5.791m, những sợi dây thừng đưa chúng tôi lên đáy của một tảng *serac* khổng lồ, nằm chông chênh nguy hiểm. Đồ sộ như một tòa nhà mười hai tầng, nó hiện ra thù lù trên đầu chúng tôi, nghiêng một góc 30^0 so với phương thẳng đứng. Con đường tiếp tục bằng một lối đi hẹp tự nhiên đột ngột vút lên phía bề mặt nhô ra: chúng tôi sẽ phải leo lên và ngang qua toàn bộ chiếc tháp để thoát khỏi trọng lượng đáng sợ của nó.

Tôi hiểu rằng sự an toàn phụ thuộc vào tốc độ. Tôi leo lên một chỗ an toàn trên đỉnh của tảng *serac* với tất cả sự nhanh nhẹn mà tôi có được, nhưng vì cơ thể của tôi chưa thích nghi lắm nên tốc độ nhanh nhất của tôi cũng chẳng nhanh hơn khi tôi bò. Cứ sau bốn hay năm bước tôi lại phải dừng lại, tựa vào dây thừng và thở hổn hển trong không khí loãng và cay hơn đang làm cho phổi tôi khô đi.

Tôi leo lên đỉnh của tảng *serac* mà nó không sập xuống, và ngồi xuống trên đỉnh bằng phẳng của nó không kịp thở, tim tôi đập mạnh như một chiếc búa trong lò rèn. Một lát sau, khoảng 8 giờ 30 sáng, tôi lên đến đỉnh của chính Thác băng, ngay phía trên tảng *serac* cuối cùng. Tuy nhiên sự an toàn tại Trại Một không đem lại nhiều yên bình trong tâm trí: tôi không thể không nghĩ đến phiến đá nghiêng báo điềm gở ngay phía dưới, cũng như viễn cảnh tôi sẽ phải băng qua bên dưới những tảng băng khổng lồ lung lay đó ít nhất bảy lần nữa nếu tôi muốn lên tới đỉnh Everest. Tôi cho rằng những người leo núi nào chệch nơi này chỉ là một con đường dành cho bò hủn là chưa từng bao giờ vượt qua được Thác băng Khumbu.

Trước khi rời lều, Rob đã giải thích rằng chúng tôi sẽ phải quay trở lại vào đúng 10 giờ sáng, cho dù một số người trong chúng tôi chưa lên được tới Trại Một, để trở về Trạm Căn cứ trước khi mặt trời buổi trưa khiến cho Thác băng càng bất ổn hơn. Vào đúng thời hạn đã hẹn chỉ có Rob, Frank Fischbeck, John Taske, Doug Hansen và tôi là đến được Trại Một; Yasuko Namba, Stuart Hutchinson, Beck Weathers, và Lou Kasischke, dưới sự hướng dẫn của Mike Groom và Andy Harris, còn cách trại 61 mét khi Rob dùng bộ đàm gọi mọi người quay lại.

Lần đầu tiên chúng tôi được thấy nhau thực sự leo núi và có thể đánh giá tốt hơn các thể mạnh và điểm yếu của những người đồng đội mà mỗi chúng tôi sẽ phải phụ thuộc vào trong những tuần tới. Doug và John – 56 tuổi, là những người lớn tuổi nhất trong nhóm – trông đều rất rắn chắc. Nhưng Frank, một chủ báo phong nhã và ăn nói nhỏ nhẹ, là người gây ấn tượng

manh nhất: anh ta chứng tỏ được những hiểu biết có được từ ba cuộc leo núi Everest trước đây. Frank khởi đầu một cách chậm rãi nhưng duy trì tốc độ ổn định khi di chuyển; khi tới đỉnh Thác băng, anh ta lặng lẽ vượt qua hầu hết mọi người, và anh ta dường như không bao giờ thở gấp.

Trái ngược hẳn, Stuart— người trẻ nhất và dường như khỏe mạnh nhất toàn đội— đã đi đầu nhóm khi rời trại, nhưng không lâu sau đã sớm kiệt sức, và khi lên tới đỉnh của Thác băng thì lại rất vất vả phía cuối đoàn. Lou, do bị thương ở cơ chân ngay từ ngày đầu đi bộ lên Trạm Căn cứ nên tỏ ra chậm chạp, nhưng trông anh rất thành thạo. Trái lại Beck và đặc biệt là Yasuko trông có vẻ thiếu khả năng leo núi.

Đã vài lần cả Beck và Yasuko dường như sắp rơi khỏi thang và lao thẳng xuống khe băng, và Yasuko dường như chẳng hề biết sử dụng các đế đỉnh²³. Andy, người đã chứng tỏ mình là một giáo viên có năng khiếu tự nhiên và là một hướng dẫn viên trẻ tuổi, đã được phân công leo với những người chậm nhất ở phía sau. Anh đã dành trọn buổi sáng để huấn luyện cho Yasuko những kỹ thuật leo núi băng căn bản.

Bất chấp nhiều hạn chế khác nhau của nhóm chúng tôi, tại đỉnh của Thác băng, Rob tuyên bố anh hài lòng với những gì chúng tôi đã thể hiện. “Trong lần đầu tiên lên phía trên Trạm Căn cứ như vậy, tất cả các bạn đã làm rất tốt. Tôi nghĩ chúng ta đã làm rất tốt trong năm nay”, anh tuyên bố như một người cha đầy tự hào.

Phải mất hơn một giờ đồng hồ để chúng tôi leo trở xuống Trạm Căn cứ. Khi còn cách lều vài trăm mét, tôi tháo đôi đế đỉnh khỏi giày. Ánh nắng mặt trời khi ấy dường như muốn khoan thủng đầu tôi. Vài phút sau, khi đang tán gẫu với Helen và Chhongba trong ngôi lều bừa bộn, tôi bỗng bị nhức đầu dữ dội. Tôi chưa bao giờ trải qua thứ gì giống vậy: đau nhức dữ dội hai bên thái dương— những cơn đau mãnh liệt đến nỗi kèm theo những cơn rùng mình buồn nôn và khiến tôi không thể nói được những câu mạch lạc. Lo sợ rằng mình đã mắc phải một chứng đột quỵ nào đó, tôi lui khỏi cuộc nói chuyện dang dở, chui vào trong túi ngủ của mình và kéo mũ che mắt lại.

Cơn đau đầu có những triệu chứng của chứng đau nửa đầu, và tôi không biết được thứ gì đã gây ra nó. Tôi cho rằng nguyên nhân là do độ cao, bởi vì tôi không bị đau đầu cho tới khi trở lại Trạm Căn cứ. Cũng có thể đó là phản ứng trước bức xạ tử ngoại ghê gớm như đốt cháy võng mạc của tôi và nung chín đầu tôi. Dù nguyên nhân là gì đi nữa, cơn đau diễn ra cực kỳ dữ dội và không hề suy giảm. Trong năm giờ sau đó tôi nằm trong lều cố gắng tránh bất kỳ kích thích nhạy cảm nào. Nếu mở mắt ra hoặc thậm chí chỉ di chuyển

mắt qua lại trong khi nhắm mắt, tôi đều cảm thấy đau điếng người. Vào lúc hoàng hôn, không thể chịu được cơn đau, tôi loạng choạng đến lều y tế tìm Caroline – bác sĩ của đoàn thám hiểm – nhờ giúp đỡ.

Cô ấy cho tôi một liều thuốc giảm đau mạnh và bảo tôi uống một chút nước, nhưng sau vài ngụm tôi ộc số thuốc, nước và những thứ còn sót lại của bữa trưa ra ngoài. “Chà”, Caro trầm ngâm, quan sát những thứ tôi ói ra bắn tung tóe lên giày: “Tôi nghĩ chúng ta nên thử biện pháp khác”. Tôi được yêu cầu ngậm một viên thuốc dưới lưỡi để chống ói và sau đó uống thêm hai viên codeine. Một giờ sau đó, cơn đau bắt đầu giảm; mừng đến phát khóc, tôi chìm dần vào giấc ngủ.

* * *

Đang nằm lơ mơ trong giấc ngủ của mình, nhìn mặt trời buổi sáng phủ bóng lên vách lều của mình, tôi bỗng nghe Helen là lên: “Jon! Có điện thoại! Linda gọi!”. Tôi dựng dậy, với lấy đôi giày xăng đan, chạy hộc tốc tới lều thông tin liên lạc cách đó gần năm mươi mét và chụp lấy ống nghe khi vẫn còn đang thở gấp.

Nguyên bộ máy điện thoại và fax vệ tinh không lớn hơn nhiều lắm so với chiếc máy tính xách tay. Các cuộc gọi rất đắt – khoảng năm đô la một phút – và không phải lúc nào tín hiệu cũng rõ, nhưng việc vợ tôi có thể quay mười ba con số tại Seattle và nói chuyện với tôi trên ngọn Everest làm tôi sùng sốt. Mặc dù cuộc gọi là một niềm an ủi lớn, nhưng sự nhẫn nhịn trong giọng nói của cô ấy thì không lẫn vào đâu được thậm chí từ phần xa của quả địa cầu. Cô ấy quả quyết với tôi: “Em vẫn ổn nhưng em muốn anh có mặt ở đây”.

Mười tám ngày trước đó cô ấy đã bật khóc khi đưa tôi ra máy bay để tới Nepal. Cô ấy kể lại rằng: “Lái xe về nhà từ sân bay, em đã không thể ngừng khóc. Tạm biệt anh là một trong những điều đau buồn nhất mà em đã thực hiện. Em đoán em đã biết là trong một chừng mực nào đó anh có thể sẽ không trở về, và điều đó có vẻ thật vô giá trị. Thật là vô nghĩa và ngu ngốc”.

Chúng tôi đã cưới nhau được mười lăm năm rưỡi. Trong tuần lễ đầu tiên khi tôi kể với Linda về việc leo núi, chúng tôi đã phải đến gặp thẩm phán hòa giải để giúp làm dịu căng thẳng giữa chúng tôi. Lúc đó tôi 26 tuổi và mới trước đó đã quyết định từ bỏ leo núi và sống một cuộc sống nghiêm túc.

* * *

Khi đã gặp Linda lần đầu, chính cô ấy cũng đã là một nhà leo núi – và là

một nhà leo núi rất tài năng – nhưng cô ấy đã quyết định chấm dứt việc leo núi sau khi bị gãy tay, bị thương ở lưng và từ lúc ấy Linda thường chỉ trích về những rủi ro tiềm tàng của môn thể thao này. Linda chưa bao giờ nghĩ đến việc yêu cầu tôi từ bỏ môn thể thao này, nhưng việc tôi tuyên bố có ý định từ bỏ nó đã giúp cô ấy quyết định lấy tôi. Tuy nhiên tôi đã không trân trọng niềm khát khao leo núi trong tâm hồn mình hoặc mục đích mà nó đã mang lại cho cuộc sống thiếu định hướng của mình. Tôi không dự đoán được khoảng trống lớn lao khi không có nó. Trong vòng một năm tôi đã lén lấy dây thừng leo núi của mình ra khỏi kho và trở lại với những núi đá. Đến năm 1984, khi tôi đến Thụy Sĩ để leo lên ngọn núi khét tiếng và nguy hiểm trên dãy Alps có tên là Eiger Nordwand, Linda và tôi gần như sắp chia tay và nguyên nhân chính vẫn là việc leo núi của tôi.

Mối quan hệ của chúng tôi tiếp tục chên vênh trong hai hoặc ba năm sau nữa sau khi tôi thất bại trong việc chinh phục ngọn Eiger, nhưng nhờ đó mà cuộc hôn nhân đã qua được giai đoạn khó khăn này. Linda đã bắt đầu chấp nhận việc leo núi của tôi: cô ấy thấy rằng nó là một phần quan trọng trong con người tôi. Cô ấy hiểu rằng leo núi là cách thể hiện cần thiết một khía cạnh lạ lùng và không thể thay đổi được trong tính cách của tôi. Và rồi, giữa lúc mối quan hệ này mới trở lại bình thường, tạp chí *Outside* xác nhận rằng họ sẽ gửi tôi tới Everest.

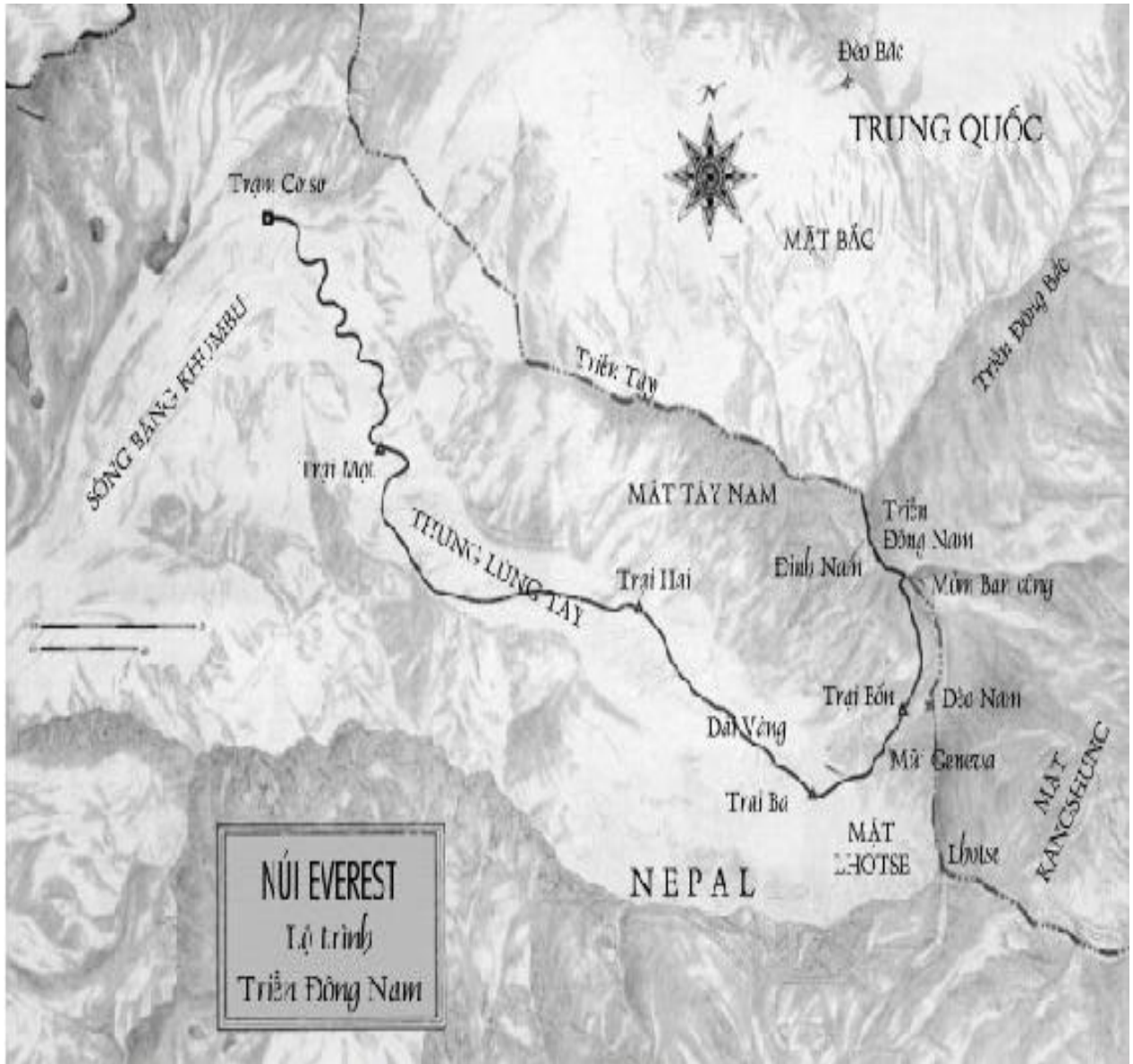
Lúc đầu tôi giả vờ rằng tôi sẽ đi đến đó với tư cách là một nhà báo hơn là một nhà leo núi—rằng tôi chấp nhận chuyến đi bởi vì đề tài thương mại hóa ngọn Everest khá hấp dẫn và khoản thù lao cho bài viết khá tốt. Tôi giải thích với Linda và với bất kỳ ai tỏ ra nghi ngờ về khả năng leo lên dãy Himalaya của tôi rằng tôi không có ý định leo thật cao lên ngọn núi. Tôi khẳng định: “Tôi chỉ leo lên cao hơn Trạm Căn cứ một chút. Chỉ để có được cảm giác ở trên cao như thế nào”.

Tất nhiên, điều này thật là nhắm nhí. Căn cứ vào quãng thời gian của cuộc hành trình và khoảng thời gian tôi phải bỏ ra để chuẩn bị cho nó, tôi có thể kiếm được nhiều tiền nếu ở lại nhà và đảm nhận những công việc viết lách khác. Tôi đồng ý thực hiện chuyến đi này bởi vì tôi bị vẻ thần bí của ngọn Everest lôi cuốn. Thật ra chinh phục đỉnh Everest là giấc mơ cháy bỏng nhất trong cuộc đời tôi. Từ thời điểm tôi đồng ý tới Nepal, ý định của tôi là sẽ leo lên cao từng chút một và chỉ dừng lại khi đôi chân và hai lá phổi của tôi không còn đủ sức chịu đựng nữa mà thôi.

Khi Linda chở tôi ra sân bay, cô ấy đã cảm nhận được sự quanh co của tôi từ lâu. Cô ấy hiểu được niềm khao khát mãnh liệt của tôi và điều này làm cô ấy lo lắng. Linda cố phân tích với tôi trong sự thất vọng và giận dữ lẫn

lộn: “Nếu anh có chuyện gì, thì không phải chỉ có anh phải trả giá; như anh biết đấy, em cũng sẽ phải day dứt trong suốt phần đời còn lại của mình. Anh có nghĩ đến chuyện ấy không?”.

“Anh sẽ trở về mà. Đừng cường điệu hóa mọi chuyện như thế”, tôi đáp lại.



Chương 7: TRẠI MỘT

NGÀY 13 THÁNG 4 NĂM 1996

5.944 MÉT

Nhưng đối với một số người, những thách thức không thể vượt qua được lại có sức hấp dẫn đặc biệt. Thông thường, họ không phải là những người chuyên nghiệp, thế nhưng tham vọng và khả năng tưởng tượng của họ đủ lớn để có thể gạt đi hết những hồ nghi mà những người cẩn trọng hơn có thể có. Lòng quyết tâm và sự tin tưởng là vũ khí mạnh mẽ nhất của họ. Nhìn một cách tích cực nhất, những người này được coi như những người lập dị, còn tiêu cực nhất thì đây là những người điên...

Đỉnh Everest đã thu hút nhiều người như vậy. Kinh nghiệm leo núi của họ rất đa dạng từ không có gì đến có chút ít—tất nhiên không ai trong số họ có loại kinh nghiệm cần thiết để biến việc chinh phục đỉnh Everest thành một mục tiêu hợp lý. Nhưng ba thứ mà họ có chúng là: sự tin tưởng ở bản thân, lòng quyết tâm và sức chịu đựng cao độ.

Walt Unsworth

Everest

Tôi lớn lên với một tham vọng và một quyết tâm mà nếu không có chúng thì tôi đã hạnh phúc hơn rất nhiều. Tôi đã suy nghĩ nhiều và có được cái nhìn xa xăm của một người mơ mộng, bởi lẽ tôi bị mê hoặc bởi những ngọn núi cao xa xôi kia và chính chúng đã kéo tâm hồn tôi tới gần chúng hơn. Tôi không chắc là mình sẽ đạt được gì nếu chỉ nhờ vào lòng kiên trì, nhưng mục tiêu được đặt ra rất cao và mỗi lần thất bại chỉ làm cho tôi thêm quyết tâm để đạt được ít nhất một trong những giấc mơ lớn của mình

Earl Denman

Một mình đến ngọn Everest

Mùa xuân năm 1996, những dốc núi Everest không thiếu những kẻ mơ mộng; khả năng của nhiều kẻ đến để chinh phục ngọn núi cũng kém cỏi như tôi, hoặc thậm chí còn tệ hơn. Khi có điều kiện để mỗi người tự đánh giá khả năng của mình và so sánh khả năng đó với những thách thức ghê gớm của ngọn núi cao nhất thế giới thì đôi khi có vẻ như một nửa số người ở Trạm Căn cứ mắc chứng hoang tưởng. Nhưng có lẽ điều này không phải là một bất

ngờ. Everest vẫn luôn thu hút những kẻ gàn dở, những người tìm kiếm sự nổi tiếng, những chuyện tình lãng mạn vô vọng và cả những kẻ dễ dao động trước thực tế.

Vào tháng 3 năm 1947, một kỹ sư nghèo xơ xác người Canada tên là Earl Denman đã đến Darjeeling và tuyên bố ý định leo lên ngọn Everest, bất chấp sự thật rằng anh có ít kinh nghiệm leo núi và không có giấy phép chính thức để vào Tây Tạng. Bằng cách nào đó anh đã thuyết phục được hai người Sherpa là Ang Dawa và Tenzing Norgay đi cùng mình.

Tenzing— người sau này sẽ cùng với Hillary thực hiện cuộc leo núi đầu tiên lên ngọn Everest— đã từ Nepal di cư đến Darjeeling vào năm 1933 lúc 17 tuổi. Có một đoàn thám hiểm do nhà leo núi kiệt xuất người Anh tên là Eric Shipton lãnh đạo sẽ khởi hành chinh phục Everest mùa xuân năm ấy. Anh hy vọng sẽ được đoàn này thuê. Năm đó anh chàng thanh niên Sherpa đầy hào hứng đó không được chọn, nhưng anh vẫn ở lại Ấn Độ và được Shipton thuê trong cuộc thám hiểm Everest của người Anh năm 1935. Vào thời điểm đồng ý đi cùng Denman vào năm 1947, Tenzing đã từng lên ngọn núi vĩ đại này ba lần. Về sau Tenzing thừa nhận rằng mình đã biết từ đầu kế hoạch của Denman là điên rồ, nhưng ông cũng bất lực không chống lại nổi sức cuốn hút của ngọn Everest:

Mọi thứ đều phi lý. Thứ nhất là, chúng tôi thậm chí có thể không vào được Tây Tạng. Thứ hai, nếu chúng tôi vào được chúng tôi có thể bị bắt; là những người dẫn đường của ông ấy, chúng tôi cũng như Denman, có thể gặp rắc rối nghiêm trọng. Thứ ba, tôi không hề tin rằng một đội như thế này có thể có thể leo lên được đỉnh núi cho dù có đến được ngọn núi. Thứ tư, chuyến leo núi sẽ hết sức nguy hiểm. Thứ năm, Denman không có đủ tiền trả cho chúng tôi hay bảo đảm một khoản tiền kha khá cho vợ con chúng tôi trong trường hợp xảy ra sự cố. Và còn nhiều điều nữa. Bất cứ người nào có đầu óc minh mẫn sẽ đều từ chối. Nhưng tôi không thể từ chối. Vì trong thâm tâm tôi cần phải đi, và sức hấp dẫn của Everest đối với tôi mạnh mẽ hơn bất kỳ thứ gì khác trên trái đất này. Ang Dawa và tôi nói chuyện trong vài phút và rồi quyết định. Tôi nói với Denman: “Được, chúng tôi sẽ thử”.

Khi đoàn thám hiểm băng qua Tây Tạng hướng tới Everest, hai người Sherpa dần dà cảm thấy thích và nể người đàn ông Canada này. Mặc dù anh ta còn thiếu kinh nghiệm, nhưng họ ngưỡng mộ sự can đảm và sức khỏe của anh. Và Denman, xứng đáng với sự ngưỡng mộ mà hai người Sherpa dành

cho mình, sau cùng cũng chấp nhận hạn chế của mình khi đến sườn núi và thấy hiện thực đang trừng mắt chăm chăm vào anh ta. Bị một cơn bão tấn công ở độ cao 6.705m, Denman tuyên bố thất bại, và 3 người quay lại, trở về Darjeeling an toàn chỉ năm tuần sau khi khởi hành.

Mười ba năm trước Denman, một người Anh theo chủ nghĩa duy tâm và có tư tưởng tiêu cực tên Maurice Wilson đã không có được cái may mắn đó khi thử mạo hiểm leo núi giống như vậy. Với khao khát giúp đỡ đồng loại của mình, Wilson kết luận rằng bằng cách leo lên ngọn Everest, ông ta có thể phổ biến đức tin của mình rằng vô số bất hạnh của loài người có thể được cứu rỗi bởi sự kết hợp giữa việc ăn chay và lòng tin vào sức mạnh của Thượng đế. Ông âm thầm lên kế hoạch lái một phi cơ nhỏ đến Tây Tạng, hạ cánh bừa xuống một sườn núi Everest, và tiến lên đỉnh Everest. Sự thiếu hiểu biết về leo núi hay trò bay lượn không làm cho Wilson nao núng.

Wilson mua một chiếc Gypsy Moth có cánh làm bằng vải, đặt tên là Ever Wrest²⁴, và học những kiến thức cơ bản về điều khiển máy bay. Sau đó ông ta dành ra năm tuần trên những ngọn đồi thấp Snowdonia và khu vực English Lake để học những điều mà ông cho là cần thiết đối với việc leo núi. Và sau đó, đến tháng 5 năm 1933, ông cất cánh trên chiếc phi cơ nhỏ và bắt đầu hành trình bay đến Everest qua tuyến Cairo, Tehran và Ấn Độ.

Vào thời gian này, Wilson đã được báo chí khá chú ý. Ông bay tới Purtabpore, Ấn Độ, nhưng do không được chính phủ Nepal cho phép bay qua nước này, Wilson quyết định bán chiếc phi cơ với giá 500 bảng Anh và đi bằng đường bộ đến Darjeeling. Nhưng khi đến nơi, một lần nữa Wilson được thông báo rằng ông không được phép vào Tây Tạng. Điều này cũng không cản trở nổi Wilson. Tháng 3 năm 1934 ông thuê ba người Sherpa, tự mình cải trang thành một nhà sư, bắt chấp nhà chức trách Raj, lén lút đi bộ 480km xuyên rừng Sikkim và cao nguyên Tây Tạng. Đến ngày 14 tháng 4, ông đã đến chân núi Everest.

Đi bộ trên những tảng băng trải đầy đá của Sông băng Rongbuk, lúc đầu Wilson có cuộc hành trình suôn sẻ, nhưng do thiếu kinh nghiệm di chuyển trên những con sông băng, ông liên tục bị lạc đường, trở nên chán nản và kiệt sức. Tuy nhiên ông không chịu bỏ cuộc.

Đến giữa tháng 5, ông đã đến được đầu con Sông băng Rongbuk ở độ cao 6.400m. Tại đó, ông lấy được nguồn dự trữ lương thực và dụng cụ mà đoàn thám hiểm thất bại năm 1933 của Eric Shipton đã cất giấu. Từ nơi đó Wilson bắt đầu leo lên sườn núi hướng đến Đèo Bắc, lên được độ cao 6.918m trước khi gặp một vách băng đứng không thể vượt qua buộc ông

phải quay về nơi trú ẩn của Shipton. Và dĩ nhiên ông vẫn chưa bỏ cuộc. Ngày 28 tháng 5 ông viết trong nhật ký: “Tôi sẽ cố gắng lại lần chót. Lần này, tôi đã mơ hồ cảm nhận được hương vị của thành công”. Và sau đó ông leo lên ngọn núi một lần nữa.

Một năm sau khi Shipton trở lại Everest, đoàn thám hiểm của ông tình cờ gặp thi thể đã đóng băng của Wilson nằm trong lớp tuyết tại chân Đèo Bắc. “Sau một hồi thảo luận chúng tôi quyết định mai táng ông trong một khe băng”, Charles Warren, một trong những người leo núi tìm thấy thi thể viết. “Lúc đó chúng tôi ngả mũ và tôi nghĩ rằng mọi người khá buồn vì việc này.

Tôi nghĩ mình đã quen với cảnh người chết, nhưng dù sao đi nữa, trong hoàn cảnh như vậy, bi kịch của ông ấy dường như khiến chúng tôi cảm thấy bang khuâng nhớ nhà vì xét cho cùng ông ấy cũng thực hiện những điều chúng tôi đang làm”.

* * *

Sự xuất hiện ngày càng nhiều sau này của những Wilson và Denman—những kẻ mơ mộng không đủ năng lực giống như những người trong đoàn chúng tôi—trên Everest là một hiện tượng bị phê bình mạnh mẽ. Nhưng vấn đề ai xứng đáng chinh phục Everest còn ai thì không phức tạp hơn nhiều so với người ta nghĩ. Việc một nhà leo núi đã trả một khoản tiền lớn để tham gia đoàn thám hiểm có người hướng dẫn không có nghĩa rằng thành viên ấy thiếu khả năng để chinh phục ngọn núi. Quả thực, có ít nhất hai đoàn thám hiểm Everest thương mại vào mùa xuân năm 1996 bao gồm những thành viên dày dạn kinh nghiệm trên dãy Himalaya, ngay cả khi xét theo những chuẩn mực khắt khe nhất.

Ngày 13 tháng 4, khi tôi đang đứng ở Trại Một để chờ những đồng đội của mình nhập nhóm trên đỉnh Thác băng, hai nhà leo núi thuộc đội Mountain Madness của Scott Fischer đi qua tôi với tốc độ ấn tượng. Một người là Klev Schoening, một nhà thầu xây dựng 38 tuổi đến từ Seattle, cựu thành viên của đội trượt tuyết Mỹ, mặc dù cực khỏe mạnh nhưng trước đó chỉ có chút ít kinh nghiệm trên núi cao. Tuy nhiên, đi cùng là chú của anh ta—Pete Schoening—một huyền thoại sống của dãy Himalaya.

Pete mặc một bộ đồ GoreTex sần và bạc phéch. Ông sắp bước sang tuổi 69, là một người khỏe mạnh, hơi gù, mới trở lại với những ngọn núi của dãy Himalaya sau một thời gian dài biệt tăm. Vào những năm 1958 ông đã làm nên lịch sử khi đóng vai trò động lực chính cho cuộc chinh phục đỉnh Hidden lần đầu tiên, một ngọn núi cao 8.068m của dãy Karakoram ở Pakistan; đó là

cuộc leo núi cao nhất lần đầu tiên của người Mỹ. Tuy nhiên, Pete thậm chí còn nổi tiếng hơn khi là người hùng trong cuộc thám hiểm thất bại lên đỉnh K2 vào năm 1953, cùng năm Hillary và Tenzing chinh phục thành công đỉnh Everest.

Đoàn tám người của Schoening bị kẹt lại trong một trận bão tuyết hung bạo ở cao trên đỉnh K2, khi một thành viên trong đoàn tên là Art Gilkey bị mắc chứng nghẽn tĩnh mạch do máu vón cục (thrombophlebitis) nguy hiểm chết người gây ra bởi độ cao. Thấy rằng phải đưa Gilkey xuống ngay lập tức mới có hy vọng cứu được anh ta, Schoening và những người khác đưa Gilkey xuống Triền Abruzzi dốc đứng trong khi cơn bão vẫn đang hoành hành. Ở độ cao 7.620m, một người leo núi tên là George Bell đã trượt chân và kéo theo 4 người khác. Theo phản xạ Schoening cuốn sợi dây thừng vòng vào vai và rìu leo núi, một mình anh xoay sở để giữ Gilkey và đồng thời hãm 5 người đang tuột dốc lại mà không để chính mình bị kéo bật khỏi ngọn núi. Một trong những kì công lạ thường trong lịch sử leo núi và được biết đến mãi sau này với tên gọi Cú Belay²⁵.

Và bây giờ Pete Schoening được dẫn lên núi Everest bởi Fischer và hai hướng dẫn viên của anh— Neal Beidleman và Anatoli Boukreev. Khi tôi hỏi Beidleman, một tay leo núi khỏe đến từ Colorado, cảm giác như thế nào khi hướng dẫn một khách hàng tầm cỡ như Schoening, anh ta nhanh chóng chinh tôi với giọng cười không tán thành: “Người như tôi không thể “hướng dẫn” Pete Schoening. Tôi chỉ thấy vinh dự khi ở cùng một đội với ông ấy”. Schoening đã ký hợp đồng với nhóm của Fischer không phải vì ông ta cần hướng dẫn để leo lên được đỉnh núi mà là để tránh những phức tạp lớn trong việc lo giấy phép, bình oxy, lều trại, đồ dự phòng, sự giúp đỡ của người Sherpa và những công tác hậu cần khác.

Vài phút sau khi Pete và Klev Schoening leo qua, hướng tới. Trại Một, Charlotte Fox, một đồng đội của họ xuất hiện. Fox là một người phụ nữ đẹp và sôi nổi 38 tuổi. Cô là dân trượt tuyết đến từ Aspen, Colorado, trước đây đã chinh phục hai đỉnh 8.000m: đỉnh Gasherbrum II ở Pakistan với độ cao 8.034m và đỉnh ChoOyu bên cạnh núi Everest có độ cao 8.153m. Sau đó tôi gặp một thành viên của đoàn thám hiểm thương mại của Mal Duff, một người Phần Lan 28 tuổi tên là Veikka Gustafsson vốn đã từng leo lên các ngọn núi trên dãy Himalaya như Everest, Dhaulagiri, Makalu, và Lhotse.

Nếu so sánh thì không có thành viên nào trong đội của Hall từng lên đến độ cao 8.000m. Nếu ai đó như Pete Schoening giống như một ngôi sao bóng chày của một giải lớn thì tôi và các đồng đội của mình chỉ là một đám cầu

thủ khổ rách áo ôm chơi bóng mềm ở một thị trấn khá nhỏ, đã phải đút lót để được thi đấu tại giải ngoại hạng. Tuy nhiên, trên đỉnh của Thác băng, Hall gọi chúng tôi là “một nhóm khỏe mạnh”. Và có lẽ chúng tôi quả thực khỏe mạnh so với nhóm khách hàng mà Hall đã hướng dẫn lên núi trong những năm trước. Tuy vậy, đối với tôi, rõ ràng là không ai trong số chúng tôi, những người thuộc đội của Hall, có khả năng leo lên đỉnh Everest mà không cần sự giúp đỡ đáng kể từ Hall, người hướng dẫn và nhân viên người Sherpa của anh ta.

Tuy vậy, mặt khác nhóm chúng tôi cũng giỏi hơn nhiều nhóm khác trên núi. Có vài tay leo núi với khả năng kém cỏi trong đoàn thám hiểm thương mại do một người Anh dẫn đầu; người này vốn không có thành tích gì nổi bật trên dãy Himalaya. Nhưng thật ra những người kém cỏi nhất trên Everest không phải là khách hàng được hướng dẫn, mà là thành viên của các đoàn thám hiểm phi thương mại, được tổ chức theo kiểu truyền thống.

Khi đang quay trở lại Trạm Căn cứ theo đường đi qua phía thấp của Thác băng, tôi vượt qua hai người leo núi mặc những bộ trang phục và thiết bị lạ thường. Tôi gần như ngay lập tức chắc chắn rằng họ không quen với những dụng cụ và kỹ thuật tiêu chuẩn dành cho việc di chuyển trên băng. Người leo phía sau liên tục vấp để đỉnh và trượt ngã. Chờ họ băng qua một khe băng được bắc cầu bằng hai chiếc thang ọp ẹp nối đầu với nhau, tôi phát hoảng khi thấy họ băng qua cùng nhau, gần như sát gót nhau – một hành động hết sức nguy hiểm. Qua một vài trao đổi khó khăn và lúng túng với những người ở bờ bên kia của khe băng, tôi mới vỡ lẽ họ là thành viên của một đoàn thám hiểm Đài Loan.

Tiếng tăm của người Đài Loan đến Everest trước họ. Vào mùa xuân 1995, một đội tương tự đã tới Alaska để chinh phục ngọn McKinley như đợt diễn tập cuối cùng chuẩn bị cho cuộc thử sức với Everest vào năm 1996. Chín thành viên leo lên đến đỉnh nhưng bảy người trong số họ mắc kẹt trong một cơn bão khi quay trở xuống, lạc đường và phải trải qua một đêm ngoài trời ở độ cao 5.913m, sau đó cần đến một cuộc cứu hộ tốn kém, nguy hiểm của Dịch vụ Công viên Quốc gia²⁶.

Theo lời kêu gọi của các nhân viên quản lý công viên, Alex Lowe và Conrad Anker, hai trong số những nhà leo núi kinh nghiệm nhất của Mỹ, đã ngừng cuộc leo núi của họ và vội vã leo lên từ độ cao 4.389m để giúp đỡ những nhà leo núi người Đài Loan đang ở trong tình trạng nguy kịch. Đối mặt với khó khăn lớn và sự nguy hiểm nghiêm trọng đến tính mạng, Lowe và Anker mỗi người kéo một người Đài Loan từ độ cao 5.913m xuống

5.242m, tại đây trục thẳng có thể sơ tán họ khỏi núi. Mọi người kể rằng năm thành viên của đoàn Đài Loan – hai người bị bỏng lạnh nặng và một người đã chết – được bốc khỏi McKinley bằng trục thẳng. Anker nói:

“Chỉ có một người chết. Nhưng nếu Alex và tôi không đến kịp lúc, hai người khác chắc cũng đã chết. Trước đó chúng tôi đã để ý đến đoàn Đài Loan bởi vì họ có vẻ kém cỏi. Bởi thế chẳng có gì ngạc nhiên khi họ gặp rắc rối”.

Người dẫn đầu đoàn thám hiểm, Gau Ming Ho – một nhiếp ảnh gia tự do vui tính tự gọi mình là “Makalu” sau khi lên được một đỉnh núi trên dãy Himalaya mang tên Makalu – bị kiệt sức và bỏng lạnh, phải được hai hướng dẫn viên người Alaska trợ giúp xuống núi. Anker thuật lại: “Khi những người Alaska đưa anh ta xuống, Makalu gào lên với mọi người đi qua rằng ‘Thắng lợi! Thắng lợi! Chúng ta đã chinh phục đỉnh núi!’ như thể là không có tai họa nào xảy ra cả. Vâng, chàng công tử bột Makalu đó khiến tôi cảm thấy khó hiểu”. Khi những người sống sót trong trận băng tan ở McKinley xuất hiện ở mạn Nam của núi Everest (phía Nepal) năm 1996, Makalu vẫn là người dẫn đầu.

Sự hiện diện của những người Đài Loan trên Everest là một vấn đề nghiêm trọng đối với hầu hết những đoàn thám hiểm khác trên núi. Tồn tại một mối lo sợ có căn cứ rằng những người Đài Loan sẽ bị một tai nạn khác buộc những đoàn khác đến cứu giúp, nguy hiểm tính mạng cho thêm nhiều người nữa, chưa nói gì đến việc ngăn trở cơ hội chinh phục đỉnh núi của những người leo núi khác. Nhưng những người Đài Loan dường như không phải là nhóm duy nhất thiếu khả năng, cắm trại bên cạnh chúng tôi tại Trạm Căn cứ là nhà leo núi người Na Uy tên Petter Neby 25 tuổi, người đã tuyên bố ý định một mình chinh phục Mặt Tây Nam²⁷, một trong những lộ trình đòi hỏi kỹ thuật cao và nguy hiểm nhất – cho dù sự thật là kinh nghiệm của anh về dãy Himalaya chỉ là hai lần leo đỉnh Island (Island Peak), một cái gò cao 6.180m nằm trên một triền phụ của ngọn Lhotse, chẳng đòi hỏi gì mấy về kỹ thuật ngoài việc cật lực đi bộ.

Ngoài ra còn có đoàn Nam Phi. Được tài trợ bởi một tờ báo lớn, tờ Johannesburg *Sunday Times*, đội của họ mang niềm tự hào dân tộc và đã nhận được lời chúc phúc từ đích thân Tổng thống Nelson Mandela trước lúc xuất phát. Họ là đoàn Nam Phi đầu tiên được cấp phép leo lên Everest, một nhóm đa chủng tộc khao khát đưa người da đen đầu tiên lên đỉnh núi. Dẫn đầu nhóm thám hiểm là Ian Woodall, một người đàn ông 39 tuổi, ba hoa, luôn thêm thắt khi kể về thành tích dũng cảm của mình khi còn là biệt kích hoạt động ở địch hậu trong suốt cuộc xung đột tàn bạo và kéo dài với Angola trong những năm 1980.

Woodall đã tuyên được ba nhà leo núi khỏe nhất của Nam Phi để làm nòng cốt cho đội anh ta: Andy de Klerk, Andy Hackland, và Edmund February. Thành phần đoàn leo núi gồm hai màu da có ý nghĩa đặc biệt với February, một nhà cổ sinh thái học da đen 40 tuổi có giọng nói nhẹ nhàng và là một nhà leo núi nổi tiếng toàn thế giới. Anh giải thích: “Cha mẹ đặt tên tôi theo tên ngài Edmund Hillary. Leo núi Everest đã là giấc mơ của tôi từ khi còn rất trẻ. Nhưng đặc biệt hơn, tôi thấy đoàn thám hiểm còn là biểu tượng của một quốc gia non trẻ đang cố gắng đoàn kết toàn dân và hướng tới một nền dân chủ, cố gắng đứng lên từ quá khứ. Tôi lớn lên trong xiềng xích của nạn phân biệt chủng tộc (apartheid) và tôi đặc biệt chua xót về nó. Nhưng giờ đây chúng tôi là một quốc gia mới. Tôi vững tin vào con đường đất nước tôi đã lựa chọn. Việc cho mọi người thấy rằng người Nam Phi chúng tôi có thể cùng nhau chinh phục đỉnh Everest, da trắng và da đen cùng ở trên đỉnh núi, thật là vĩ đại”.

Cả quốc gia đứng sau lưng đoàn thám hiểm. De Klerk nói: “Woodall đề xuất dự án này vào một thời điểm thật tình cờ. Với sự chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc, người Nam Phi cuối cùng được phép đi bất cứ đâu họ muốn, và đội thể thao của chúng tôi cũng có thể thi đấu khắp thế giới. Nam Phi đã giành được cúp thế giới môn bóng bầu dục. Cả nước đang trong tâm trạng phấn khởi và tự hào. Vì thế khi Woodall đề xuất lập một đoàn Nam Phi chinh phục đỉnh Everest, mọi người đều ủng hộ và tài trợ đến hàng trăm ngàn đô la mà không thắc mắc gì nhiều”.

Ngoài Woodall, ba thành viên nam, một nhà leo núi và nhiếp ảnh gia người Anh tên Bruce Herrod, Woodall muốn có thêm một phụ nữ vào đoàn, vì thế trước khi rời Nam Phi anh ta mời sáu ứng viên nữ tham gia cuộc chinh phục Kilimanjaro cao 5.895 m, không đòi hỏi nhiều kỹ thuật nhưng người tham gia cần có thể lực tốt. Kết luận sau hai tuần thử thách, Woodall tuyên bố đã chọn được hai người cuối cùng: Cathy O’Dowd, 26 tuổi, giảng viên ngành báo chí người da trắng với kinh nghiệm leo núi ít ỏi, cha của cô là giám đốc của Anglo American, công ty lớn nhất của Nam Phi; và Deshun Deysel, 25 tuổi, một giáo viên giáo dục thể chất người da đen chẳng có kinh nghiệm leo núi nào trước đó cả, lớn lên ở một thành phố chủ yếu là người da đen. Woodall nói, cả hai người phụ nữ sẽ cùng đến Trạm Căn cứ và anh ta sẽ chọn ra một người tiếp tục leo lên đỉnh Everest sau khi đã đánh giá thành tích của họ trong cuộc hành trình.

Vào ngày 1 tháng 4, ngày thứ hai trong cuộc hành trình của tôi về Trạm Căn cứ, tôi ngạc nhiên khi tình cờ gặp February, Hackland và de Klerk trên đường mòn dưới Namche Bazaar, đi xa khỏi núi hướng về Kathmandu. De Klerk, một người bạn của tôi, cho biết rằng ba nhà leo núi người Nam Phi và

bác sĩ của đội Charlotte Noble đã từ bỏ đoàn ngay trước khi đến chân núi. De Klerk giải thích: “Trưởng đoàn Woodall hóa ra là một tên lừa. Một tên độc tài, bảo thủ. Và bạn không thể tin tưởng hắn – chúng tôi không biết lúc nào hắn nói nhảm hay nói thật. Chúng tôi không muốn giao mạng sống vào tay một gã như thế. Vì vậy chúng tôi bỏ đi”.

Woodall đã tuyên bố với de Klerk và những người khác rằng anh ta đã từng leo khắp dãy Himalaya, bao gồm cả việc leo lên tới độ cao 7.925m. Thật ra, tất cả kinh nghiệm leo núi Himalaya của Woodall chỉ là việc tham gia vào hai cuộc hành trình không thành công với tư cách là khách hàng trả tiền dưới sự hướng dẫn của Mal Duff: Vào năm 1989 Woodall không thể leo lên tới đỉnh Island tầm thường, và năm 1990 Woodall bị đẩy lui ở độ cao 6.492m tại Annapurna, còn cách đỉnh núi hơn 1,5km theo chiều thẳng đứng.

Ngoài ra, trước khi khởi hành đi Everest, Woodall đã huênh hoang trên trang web của đoàn về sự nghiệp quân sự nổi bật của anh ta: thăng tiến qua các cấp bậc trong quân đội Anh, trở thành chỉ huy Đơn vị Viễn thám Vùng núi, một đơn vị được huấn luyện chủ yếu trên dãy Himalaya. Woodall nói với tờ *Sunday Times* rằng anh ta đã từng làm người huấn luyện cho Học viện Quân sự Hoàng gia ở Sandhurst. Sự thực là chẳng hề có cái gọi là Đơn vị Viễn thám Vùng núi của Quân đội Anh và Woodall chưa bao giờ phục vụ trong quân đội với vai trò là người huấn luyện ở Sandhurst cả. Anh ta cũng chưa từng chiến đấu ở địch hậu tại Angola. Theo như lời của người phát ngôn cho quân đội Anh, Woodall phục vụ với vị trí là một viên chức được trả lương.

Woodall cũng nói dối về những người mà anh ta ghi tên trong giấy cấp phép leo núi Everest²⁸ do Bộ Du lịch Nepal cấp. Ngay từ đầu anh ta đã nói rằng cả Cathy O’Dowd và Deshun Deysel đều có tên trong giấy phép và quyết định cuối cùng về việc người phụ nữ được mời tham gia đội leo núi sẽ được công bố ở Trạm Căn cứ. Sau khi bắt đầu hành trình de Klerk phát hiện ra O’Dowd đã có tên trong giấy phép cùng với cha của Woodall, một ông già 69 tuổi, và một người Pháp tên là Thierry Renard (người đã đưa cho Woodall 35.000 đô la để được gia nhập vào đội), nhưng Desun Deysel – người da đen cuối cùng còn lại sau khi Ed February bỏ đi – thì không có tên trong danh sách. Điều này cho de Klerk biết rằng Woodall chưa bao giờ có ý định cho Deysel leo núi.

Một vụ việc càng đổ thêm dầu vào lửa là trước lúc rời Nam Phi, Woodall cảnh cáo de Klerk – người đã cưới một phụ nữ Mỹ và có hai quốc tịch – rằng de Klerk không được phép tham gia chuyến hành trình trừ phi đồng ý sử dụng hộ chiếu của Nam Phi để vào Nepal. De Klerk nhớ lại: “Hắn làm âm ỉ về vụ đó bởi vì chúng tôi là đoàn chinh phục Everest đầu tiên và chỉ thế thôi.

Nhưng hóa ra Woodall cũng không có hộ chiếu Nam Phi. Hẳn thậm chí không phải là người Nam Phi – hẳn là người Anh, và vào Nepal bằng hộ chiếu Anh”.

Những trò bịp bợm của Woodall trở thành vụ scandal quốc tế, được đưa lên trang bìa của các tờ báo trên toàn Khối Thịnh vượng chung của Vương quốc Anh. Khi những thông tin bất lợi này lọt đến tai anh ta, tay trưởng đoàn hoang tưởng này lạnh lùng quay lưng lại với những lời chỉ trích và cố gắng cô lập đội của mình khỏi các đoàn thám hiểm khác. Anh ta cũng không cho phóng viên tờ *Sunday Times*, Ken Vernon, và nhiếp ảnh gia Richard Shorey lại gần đoàn mặc dù Woodall đã ký hợp đồng trong đó có quy định để đổi lấy hỗ trợ tài chính từ tờ báo, hai phóng viên trên sẽ “được phép đi cùng đoàn vào mọi lúc” và việc không chấp hành điều khoản này “sẽ là một sự vi phạm hợp đồng”.

Ken Owen, tổng biên tập của tờ *Sunday Times* lúc đó cũng đang trên đường tới Trạm Căn cứ cùng với vợ. Ông cũng đang có chuyến nghỉ mát kết hợp đi núi, được sắp xếp cùng khoảng thời gian với chuyến thám hiểm Everest của đoàn Nam Phi; ông được cô bạn gái người Pháp của Woodall tên Alexandrine Guadin dẫn đường. Ở Pheriche, Owen biết được rằng Woodall đã “đá” phóng viên và nhiếp ảnh gia của anh. Hết sức kinh ngạc, Owen gửi một bức thư ngắn cho Woodall nói rằng tờ báo không có ý định rút Vernon và Shorey ra khỏi vụ việc, các phóng viên này đã được lệnh trở lại đoàn. Khi nhận được tin nhắn, Woodall giận dữ và vội vã từ Trạm Căn cứ đi xuống Pheriche để giải quyết vấn đề với Owen.

Theo lời Owen, trong cuộc đối mặt sau đó ông đã hỏi thẳng Woodall vấn đề tên của Deysel có nằm trong danh sách không. Woodall trả lời: “Đó không phải là việc của ông”.

Khi Owen ám chỉ rằng Deysel chỉ “đóng vai trò là một phụ nữ da đen làm bình phong cho cái tính chất Nam Phi giả mạo của đội”, Woodall đã hăm dọa giết cả hai vợ chồng Owen. Có một lúc gã trưởng đoàn bị ức chế đã tuyên bố: “Tao sẽ ngắt cái đầu chó chết của mày ra và nhét vào miệng mày”.

Không lâu sau, phóng viên Ken Vernon đến Trạm Căn cứ ã của đoàn Nam Phi thì được “cô O’Dowd với gương mặt dữ dằn thông báo rằng anh không được chào đón tại trại”. Đây là vụ việc đầu tiên mà anh tường thuật qua máy fax vệ tinh của Rob Hall. Vernon sau đó viết trên tờ *Sunday Times*:

Tôi đã nói với cô ấy rằng cô ta không có quyền cấm tôi vào trại mà tờ báo của tôi đã tài trợ. Khi bị ép, O’Dowd nói chỉ làm theo “chỉ đạo” của ông Woodall. Cô ta nói rằng Shorey đã bị tống ra khỏi trại và tôi sẽ giống vậy vì sẽ không được

cung cấp thức ăn và chỗ ở. Chân của tôi vẫn còn đang run sau chuyến đi bộ, và trước khi quyết định có nên đấu tranh với cái lệnh đó hay là bỏ đi, tôi xin một ly trà. Và câu trả lời là “đừng mơ”. Cô O’Dowd bước tới Ang Dorje, người Sherpa dẫn đường của đội và nói đồng giọng: “Đây là Ken Vernon, một trong những người chúng tôi đã nói với anh. Anh ta sẽ không nhận được bất kỳ sự giúp đỡ nào ở đây”. Ang Dorje là một người vạm vỡ, rắn chắc như đá và chúng tôi đã từng uống chung vài ly Chang, một loại rượu địa phương cay nồng. Tôi nhìn anh ta và nói: “Ngay cả một tách trà cũng không được sao?”. Với uy tín của mình và sự hiếu khách truyền thống của người Sherpa, anh nhìn cô O’Dowd và nói: “Vớ vẩn”. Ang Dorje nắm lấy tay tôi, kéo vào căn lều bừa bộn, cho tôi một ca trà và một đĩa bánh quy.

Theo điều mà Owen mô tả lại là một “cuộc đấu khẩu sôi máu” với Woodall ở Pheriche, ngài tổng biên tập “tin...rằng không khí của cuộc hành trình đã rối loạn và nhân viên của tờ báo, Ken Vernon và Richard Shorey, có thể gặp nguy hiểm tới tính mạng”. Do đó, Owen chỉ thị cho Vernon và Shorey trở lại Nam Phi, và tờ báo ra tuyên bố hủy bỏ tài trợ cho đoàn thám hiểm.

Vì Woodall đã nhận được tiền của tờ báo nên đây chỉ là hành động tượng trưng và hầu như chẳng ảnh hưởng gì đến việc chinh phục ngọn núi cả. Quả thực, Woodall chẳng từ chức trưởng đoàn thám hiểm hay có bất cứ thỏa hiệp nào, ngay cả sau khi nhận được thư của Tổng thống Mandela kêu gọi hòa giải vì lợi ích quốc gia. Woodall vẫn ngoan cố khẳng định rằng việc leo đỉnh Everest vẫn sẽ theo đúng kế hoạch với người chỉ huy là anh ta.

Quay trở lại Cape Town sau khi đoàn tan tác, February bày tỏ sự thất vọng: “Có lẽ tôi đã quá ngây thơ”, anh nói bằng giọng ngậm ngừng đầy xúc động. “Nhưng tôi ghét lớn lên dưới chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Leo núi Everest với Andrew và những người khác lẽ ra đã là một biểu tượng tuyệt vời cho thấy chủ nghĩa kia đã sụp đổ. Woodall không quan tâm đến sự ra đời của một quốc gia mới. Hắn ta nắm trong tay giấc mơ của toàn thể dân tộc nhưng lại lợi dụng nó cho những mục đích ích kỷ của riêng hắn ta. Quyết định rời đoàn thám hiểm là quyết định khó khăn nhất trong đời tôi”.

Với sự ra đi của February, Hackland và de Klerk, không ai trong số những người còn lại của đoàn thám hiểm (ngoại trừ nhà leo núi người Pháp Renard vốn tham gia vào đoàn thám hiểm chỉ để chờ nhận được giấy phép và anh ta đã leo núi độc lập cùng những người khác và người Sherpa của riêng mình) có được kinh nghiệm leo núi tối thiểu; ít nhất hai người trong số

họ, theo như lời của de Klerk, “thậm chí còn không biết mang những đế đinh vào giày”.

Một người Na Uy leo núi một mình, những người Đài Loan và đặc biệt là đoàn Nam Phi là những chủ đề thảo luận quen thuộc tại chiếc lều bữa bộn của Rob Hall. Rob nói với vẻ đăm chiêu lo lắng vào một buổi chiều cuối tháng Tư: “Với quá nhiều người kém kỹ năng như vậy trên núi, tôi nghĩ sẽ rất khó để chúng ta qua được mùa leo núi này mà không có điều gì xấu xảy ra phía trên cao kia”.

Chương 8: TRẠI MỘT

16 THÁNG 4 NĂM 1996

6.553 MÉT

Tôi nghi ngờ nếu có ai đó nói rằng mình thích thú với cuộc sống trên cao – theo nghĩa thích thú thông thường. Đúng là người ta có thể tìm thấy một sự thỏa mãn tàn nhẫn khi tận lực leo lên, dù là rất chậm chạp; nhưng họ sẽ bắt buộc phải trải qua phần lớn thời gian trong sự dơ bẩn cực kỳ ở một trại trên núi, và chẳng có niềm an ủi nào. Hút thuốc thì không được, ăn uống thì chỉ làm cho người ta nôn ngược trở ra; yêu cầu giảm trọng lượng hành lý đến mức tối thiểu khiến cho người ta không đọc được bất cứ cuốn sách nào ngoài những nhãn hiệu trên các hộp đồ ăn; dầu cá mòi, sữa đặc và mật đường tràn lan đầy nơi cắm trại; trừ vài giây phút ngắn ngủi khi người ta không còn tâm trạng thẩm mỹ gì nữa, còn lại nơi đây không có gì có thể ngắm nhìn ngoài một đống hỗn độn, lộn xộn bên trong căn lều và khuôn mặt râu ria, nhăn nhó của người bạn đồng hành – may thay tiếng động của gió thường át đi hơi thở buồn tẻ của anh ta; tệ nhất là cái cảm giác hoàn toàn vô dụng và bất lực khi có tai nạn xảy ra. Tôi đã từng cố gắng tự an ủi chính mình bằng những suy nghĩ về cơ hội tham gia vào chuyến đi này cách đây một năm, khi đó, nó dường như là một giấc mơ xa vời của tôi; nhưng độ cao không chỉ tác động tệ hại đến cơ thể mà còn cả nhận thức của tôi: khả năng tư duy của tôi trở nên chậm chạp, và tôi chỉ có một ước muốn duy nhất là hoàn tất cái công việc khốn khổ này và xuống tới một vùng nào đó dễ chịu hơn.

Eric Shipton

Trên ngọn núi đó

Ngay trước bình minh Thứ ba, ngày 16 tháng 4, sau khi nghỉ ngơi được hai ngày tại Trạm Căn cứ, chúng tôi leo lên Thác băng, bắt đầu chuyến luyện tập thích nghi khí hậu thứ hai của mình. Trong khi lo lắng len lỏi đi qua con đường băng hỗn độn, tôi để ý thấy hơi thở của tôi không còn nặng nhọc như khi chúng tôi leo lên sông băng trong hành trình đầu tiên; cơ thể tôi đã bắt đầu thích nghi với độ cao. Tuy nhiên, tôi vẫn thấy khiếp sợ khi nghĩ tới chuyện bị một tảng băng rơi đè bẹp.

Tôi cứ hy vọng rằng cái khối tuyết khổng lồ treo lơ lửng ở độ cao 5.791m – những người hay đùa trong đội của Fischer gọi nó là “Cái bẫy chuột” – giờ đã sập xuống, nhưng thật ra nó vẫn đứng chên vênh ở đó, thậm chí trông cứ như ngày càng nghiêng ra xa hơn. Thế rồi một lần nữa tôi phớt lờ trái tim đang đập thình thịch trong lồng ngực, vội vã vượt qua cái bóng

đầy đe dọa của “Cái bẫy chuột”, và thêm một lần nữa khi đến được đỉnh của khối *serac* khổng lồ, tôi quỳ xuống, hít lấy hít để không khí, run rẩy vì lượng adrenaline quá mức đang tan trong các tĩnh mạch của mình.

Không giống như đợt đầu, khi chúng tôi ở lại Trại Một chưa đầy một giờ đồng hồ trước khi quay lại Trạm Căn cứ, Rob đã dự tính cho chúng tôi nghỉ đêm tại đây vào Thứ ba và Thứ tư, sau đó tiếp tục đi đến Trại Hai nghỉ thêm ba đêm nữa trước khi leo trở xuống.

Vào 9 giờ sáng, khi tôi đến được khu vực Trại Một, Ang Dorje²⁹ – thủ lĩnh nhóm Sherpa leo núi của chúng tôi³⁰ – đang đào nền dựng lều cho chúng tôi trên sườn núi băng tuyết đông cứng. Mới 29 tuổi, Ang Dorje mảnh khảnh với nét thanh tú, nhạy cảm và hay ngại ngùng, nhưng anh có một thể lực đáng kinh ngạc. Trong khi chờ các thành viên khác lên, tôi lấy chiếc xẻng còn dư giúp anh ấy đào. Chỉ vài phút thôi mà tôi đã kiệt sức và phải ngồi nghỉ, khiến cho Dorje cười bẽ bụng. Anh ta chế giễu tôi: “Anh thấy không khỏe hả Jon? Đây mới chỉ là Trại Một cao 6.000m thôi đấy. Không khí ở đây vẫn còn rất đặc”.

Ang Dorje đến từ Pangboche, một cụm những ngôi nhà xây bằng đá và những ruộng khoai tây bậc thang bám vào một sườn đồi lỏm chỏm ở độ cao 3.962m. Cha anh ta là một người Sherpa leo núi được nể trọng; ông đã dạy cho Ang Dorje nhiều bài học leo núi căn bản khi anh còn rất nhỏ, nhờ vậy anh đã có được những kỹ năng đáng nể. Khi Ang Dorje còn ở độ tuổi vị thành niên, cha anh bị mù do bệnh đục thủy tinh thể, Ang Dorje phải bỏ học để kiếm tiền nuôi gia đình.

Năm 1984, anh làm phụ bếp cho một nhóm đi núi phương Tây khi anh “lọt mắt xanh” hai người Canada, Marion Boyd và Graem Nelson. Boyd nói: “Tôi đang nhớ con của mình, rồi khi tôi biết Ang Dorje rõ hơn thì cậu ta làm tôi nhớ đến đứa con trai lớn của tôi. Ang Dorje sáng dạ, vô tư, siêng học và chu đáo đến từng chi tiết. Cậu ta mang vác một đồng đồ nặng và cậu ta bị chảy máu mũi mỗi ngày khi ở trên cao. Tôi rất ngạc nhiên”.

Sau khi được mẹ của Ang Dorje chấp thuận, Boyd và Nelson bắt đầu hỗ trợ tài chính để cậu trai trẻ miền núi này có thể quay lại trường học. “Tôi sẽ không bao giờ quên kỳ thi tuyển sinh của cậu bé [kỳ thi vào trường tiểu học địa phương ở Khumjung, do Ngài Edmund Hillary xây dựng]. Vóc người cậu bé rất nhỏ và còn chưa tới độ tuổi dậy thì. Chúng tôi bị nhồi vào một căn phòng nhỏ cùng với thầy hiệu trưởng và bốn giáo viên. Ang Dorje đứng ở giữa, hai đầu gối run lên khi cậu bé cố gắng nhớ lại một ít kiến thức chính quy mà cậu đã chuẩn bị cho kỳ thi vấn đáp này. Tất cả chúng tôi đều bồn chồn lo lắng... nhưng cậu bé đã được nhận với điều kiện là phải ngồi học

chung với những đứa trẻ lớp 1”.

Ang Dorje trở thành một học sinh có năng lực và học đến lớp 8 trước khi nghỉ để quay về làm trong ngành công nghiệp leo núi và đi núi. Boyd và Nelson – sau đó vẫn quay lại Khumbu nhiều lần – đã chứng kiến quá trình trưởng thành của Ang Dorje. Boyd nhớ lại: “Lần đầu tiên được ăn uống đầy đủ, cậu ta bắt đầu cao lên và khỏe ra. Ang Dorje đã rất phấn khích kể cho chúng tôi nghe chuyện cậu được đi học bơi ở Kathmanda. Đến khoảng 25 tuổi, Ang Dorje tập chạy xe đạp và mê mẩn nhạc của Madonna một thời gian. Chúng tôi biết rằng cậu thực sự đã trưởng thành khi tặng cho chúng tôi món quà đầu tiên, đó là một tấm thảm Tây Tạng mà cậu đã chọn rất kỹ. Cậu ta muốn là người cho, chứ không phải là người nhận nữa”.

Khi danh tiếng về sự khỏe mạnh và tháo vát của Ang Dorje bắt đầu lan rộng trong các nhà leo núi phương Tây, anh được đề cử vào vai trò thủ lĩnh. Đến năm 1992 anh làm việc cho Rob Hall tại núi Everest; trước khi chuyến leo núi năm 1996 của Hall được bắt đầu thì Ang Dorje đã leo lên tới đỉnh núi ba lần. Hall đã thể hiện sự trân trọng của mình dành cho Ang Dorje khi nhắc đến anh như là “nhân viên quan trọng của tôi” và nhiều lần nói rằng anh coi Ang Dorje là người giữ vai trò chủ chốt cho thành công của cuộc hành trình này.

Mặt trời chói sáng khi thành viên cuối cùng trong đội của tôi đến Trại Một, nhưng tới buổi trưa thì có một màn mây cao từ phía nam thổi đến; đến khoảng ba giờ chiều thì những đám mây dày đặc đó tụ lại ở phía trên và tuyết rơi nhiều xuống những chiếc lều. Cả đêm đó trời bão; vào buổi sáng khi tôi bò ra khỏi nơi trú ngụ của tôi và Doug, tôi thấy tuyết đã phủ trên mặt băng đến hơn ba tấc. Tuyết lở ầm ầm xuống các bức tường đá dựng đứng phía trên, nhưng trại của chúng tôi vẫn an toàn do nằm ngoài tầm rơi của chúng.

Bình minh Thứ năm, ngày 18 tháng 4, khi trời vừa hửng sáng, chúng tôi thu xếp hành lý và tiến lên Trại Hai, cách Trại Một gần 7km và cao hơn 518m. Lộ trình đưa chúng tôi lên nền hơi dốc của Thung lũng Tây, hẻm núi cao nhất thế giới, một hẻm núi hình móng ngựa do Sông băng Khumbu chảy ra từ trung tâm của dãy Everest xói mòn tạo thành. Những thành lũy dài 7.861m bao bọc ngọn Nuptse tạo nên vách phải của Thung lũng, Mặt Tây Nam khổng lồ của Everest hình thành vách trái, và tảng băng lớn của Mặt Lhotse lơ mờ hiện ra phía trước nó.

Nhiệt độ thấp kinh khủng khi chúng tôi bắt đầu rời Trại Một, hai bàn tay tôi cứng đờ lại, đầu ngón tay đau buốt, nhưng khi tia nắng đầu tiên chạm vào tảng băng thì các bức tường băng của Thung lũng hấp thụ và khuếch đại tia nhiệt bức xạ giống như một chiếc lò nhiệt mặt trời khổng lồ. Bỗng nhiên, tôi

thấy một nhòai vì nóng, rồi tôi sợ một cơn đau nửa đầu nữa sẽ bộc phát như đã có lần tôi bị ở Trạm Căn cứ, do đó tôi cởi hết đồ ngoài, chỉ còn quần áo dài mặc trong và tọng một nắm tuyết vào cái mũ lưỡi trai của mình. Trong vòng ba tiếng sau, tôi ì ạch leo lên Sông băng, chỉ dừng lại để uống nước trong chai mang theo và bỏ thêm tuyết vào nón khi nó tan ra trên tóc tôi.

Ở độ cao 6.401m, choáng váng vì nóng, tôi phát hiện một vật lớn được bọc trong tấm nhựa màu xanh nằm bên cạnh con đường. Phải mất đến một hay hai phút cố gắng vận động, chất xám trong đầu tôi, vốn đang bị độ cao làm cho mụ mẫm đi, tôi mới biết được cái vật thể đó là xác người. Bối rối và sốc, tôi nhìn chằm chằm vào cái xác vài phút. Tôi đó khi tôi hỏi Rob, anh cũng không biết chắc, nhưng Rob nghĩ nạn nhân là một người Sherpa đã chết từ ba năm trước.

Ở độ cao 6.492m, Trại Hai là tập hợp của 120 căn lều nằm rải rác trên những hòn đá trơ trọi của lớp băng tích nằm dọc theo rìa sông băng. Độ cao ở đây rất nguy hiểm, khiến cho tôi cảm thấy như mình đang bị say với một thứ rượu mạnh nào đó. Hầu như việc ăn uống và đọc là không thể, trong hai ngày liền tôi chỉ nằm vùi trong lều, tay ôm đầu, cố gắng vận động càng ít càng tốt. Đến Thứ bảy, do cảm thấy khỏe hơn một chút nên tôi quyết định trèo lên trên khoảng 300m phía trên trại để vận động một chút và tăng thêm khả năng thích nghi với môi trường. Và ở đó, tại đỉnh của Thung lũng Tây, cách đường mòn 45.7m, tôi phát hiện một xác người khác vùi trong tuyết, hay chính xác hơn là phần dưới của thi thể. Kiểu trang phục và đôi ủng da kiểu cổ điển cho thấy nạn nhân là một người châu Âu và cái xác đã nằm ở đây ít nhất là 10 hay 15 năm rồi.

Cái xác đầu tiên đã làm tôi bị sốc nặng trong nhiều giờ đồng hồ; nhưng cú sốc khi thấy cái xác thứ hai gần như biến mất ngay lập tức. Một số người leo núi đi ngang qua cái xác và chỉ liếc qua một cái. Cứ như có một thỏa thuận ngầm trên núi: giả vờ những dấu tích này không có thật – như thể không ai trong số chúng tôi dám thừa nhận nguy hiểm luôn rình rập ở đây.

* * *

Thứ hai, ngày 22 tháng 4, một ngày sau khi quay trở về Trạm Căn cứ từ Trại Hai, Andy Harris và tôi đến trại của đội Nam Phi để hỏi thăm và cố tìm hiểu lý do tại sao họ lại trở thành những con người sống ngoài lề xã hội như vậy. Nằm phía dưới sông băng, cách trại chúng tôi khoảng 15 phút đi bộ, đội Nam Phi cắm trại trên một cái gò các mảnh vụn sông băng. Quốc kỳ Nepal và Nam Phi, cùng với cờ của Kodak, máy tính Apple và các nhà tài trợ khác, phát phơ trên hai cột cờ bằng nhôm. Andy thò đầu vào bên trong cửa lều nhếch nhác của họ, phô ra nụ cười thân thiện nhất của mình, và hỏi thăm:

“Xin chào! Có ai ở nhà không?”.

Hóa ra là Ian Woodall, Cathy O’Dowd và Bruce Herrod hiện ở Thác băng, và đang từ Trại Hai đi xuống, nhưng bạn gái Alexandrine Gaudin của Woodall và em trai Phillip của anh ta đang ở đây. Ngoài ra, trong căn lều nhếch nhác đó còn có một người phụ nữ trẻ sôi nổi. Cô ta tự giới thiệu mình là Deshun Deysel và liền mời Andy và tôi vào uống trà. Ba người này dường như không quan tâm đến những bài báo chỉ trích thái độ đáng trách của Ian cũng như các tin đồn nói rằng đoàn thám hiểm của họ sắp tan rã.

“Bữa nọ là lần đầu tiên tôi leo núi băng”, Deysel nói một cách hào hứng, tay chỉ về khối *serac* gần đó, nơi những người leo núi của các đoàn thám hiểm khác đã thực hành bài tập leo băng của họ. “Tôi nghĩ lần đó khá là thú vị. Tôi hy vọng có thể leo lên Thác băng trong vài ngày nữa”. Tôi định hỏi cô ấy về tính không trung thực của Ian và cô ta cảm thấy như thế nào khi biết cô không được phép chinh phục đỉnh Everest, nhưng cô ta quá phấn khởi và hồn nhiên đến nỗi tôi cũng không còn bụng dạ nào để hỏi. Sau khi trò chuyện được hai mươi phút, Andy tỏ ý mời cả đội, bao gồm cả Ian, “đến trại chúng tôi chơi một tí” vào tối hôm đó.

Tôi quay về trại của chúng tôi thì thấy Rob, bác sĩ Caroline Mackenzie, và bác sĩ của đoàn Scott Fischer – Ingrid Hunt – đang căng thẳng đàm thoại qua radio với ai đó ở trên núi. Sớm hôm đó, Fischer đã rời Trại Hai để xuống Trạm Căn cứ khi anh ta bắt gặp một trong những người Sherpa của mình – Ngawang Topche – đang ngồi thừ trên một tảng băng ở độ cao 6.400m. Là một tay leo núi kỳ cựu 38 tuổi đến từ Thung lũng Rolwaling, răng thưa và tính tình dễ chịu, Ngawang đã làm công việc mang vác hành lý và các công việc khác ở Trạm Căn cứ được ba ngày, nhưng các bạn Sherpa của anh ta phàn nàn rằng anh cứ ngồi đó và không chịu làm phần việc của mình.

Khi Fischer hỏi Ngawang, anh ta nói là mình cảm thấy không được khỏe, đứng không vững và khó thở đã hơn hai ngày nay. Vì thế, Fischer ra lệnh cho anh ta đi xuống Trạm Căn cứ ngay lập tức. Nhưng có một yếu tố về lòng tự tôn nam nhi trong văn hóa của người Sherpa khiến cho nhiều người đàn ông trở nên cực kỳ bướng bỉnh và không chấp nhận sự yếu đuối về mặt thể chất của mình. Những người Sherpa không được sợ độ cao, đặc biệt là những người đến từ Rolwaling, một vùng đất nổi tiếng có những tay leo núi khỏe. Hơn thế nữa, những người bị ốm và thừa nhận thẳng thắn thường sẽ bị loại ra khỏi danh sách tuyển dụng của các đoàn thám hiểm trong tương lai. Cũng vì thế mà Ngawang đã phớt lờ mệnh lệnh của Scott và, thay vì đi xuống, anh ta đi lên Trại Hai để nghỉ đêm.

Khi đến Trại Hai vào trưa hôm đó, anh ta đã bị mê sảng, đi loạng choạng như người say, ho ra máu, sùi bọt mép, những triệu chứng của chứng Phù

phổi do độ cao, hay còn gọi là HAPE (High Altitude Pulmonary Edema) – một căn bệnh bí ẩn, có nguy cơ gây chết người, điển hình là do leo quá cao, quá nhanh khiến phổi tràn đầy dịch³¹. Cách chữa trị duy nhất của chứng HAPE là nhanh chóng hạ độ cao; nếu nạn nhân vẫn ở lại trên cao quá lâu thì hậu quả gần như chắc chắn là cái chết.

Không giống như Hall, người đã nhấn mạnh rằng nhóm chúng tôi luôn tập trung cùng nhau khi leo trên Trạm Căn cứ, dưới sự giám sát chặt chẽ của người hướng dẫn, Fischer tin tưởng vào việc để cho khách tự do lên xuống núi độc lập trong suốt giai đoạn làm quen với khí hậu. Kết quả là khi thấy Ngawang bị ốm nặng tại Trại Hai, bốn người trong số những vị khách của Fischer là Dale Kruse, Pete Schoening, Klev Schoening, và Tim Madsen có mặt ở đó nhưng không có hướng dẫn viên nào. Do đó Klev Schoening và Madsen phải đảm nhận nhiệm vụ trợ giúp cho Ngawang. Madsen là nhân viên tuần tra khu vực trượt tuyết, 33 tuổi, đến từ Aspen, Colorado. Anh chưa bao giờ leo cao hơn 4.267m trước cuộc thám hiểm này. Anh tham gia hành trình này là do bị cô bạn gái Charlotte Fox, một cựu vận động viên leo núi Himalaya, thuyết phục.

Khi tôi bước vào căn lều nhếch nhác của Hall thì bác sĩ Mackenzie đang nói chuyện với ai đó ở Trại Hai qua radio “Cho Ngawang một liều acetazolamide, một liều dexamethasone, và 10 milligram thuốc trợ tim ngầm dưới lưỡi...Vâng, tôi biết rủi ro của liều thuốc đó. Nhưng dù sao cũng vẫn phải cho anh ấy uống... Tôi nói anh điều này, nguy cơ anh ta tử vong do HAPE trước khi chúng ta có thể đưa anh ta trở xuống là rất cao, cao hơn khả năng thuốc trợ tim làm giảm huyết áp của anh ta xuống mức nguy hiểm. Hãy tin tôi đi! Hãy cho anh ta uống thuốc! Nhanh lên!”.

Tuy nhiên, không có liều thuốc nào có tác dụng hết, cho thở oxy cũng không có tác dụng với Ngawang, cũng không thể đưa anh ta vào túi Gamow – một buồng chất dẻo có thể bơm lên, có kích thước cỡ cái quan tài, áp suất không khí trong túi được tăng lên để giả điều kiện của vùng thấp hơn. Ánh nắng ban ngày dần tắt, do đó Schoening và Madsen bắt đầu cặm cụi kéo Ngawang xuống núi. Họ dùng cái túi Gamow đã tháo hơi làm xe trượt băng tạm thời, trong khi đó hướng dẫn Neal Beidleman và một đội người Sherpa leo càng nhanh càng tốt từ Trạm Căn cứ lên để đón họ.

Beidleman gặp Ngawang lúc mặt trời lặn ở gần đỉnh Thác băng và tiếp nhận việc cứu hộ từ Schoening và Madsen, để họ quay lại Trại Hai tiếp tục quá trình thích nghi với khí hậu. Phổi của nạn nhân có quá nhiều dịch, Beidleman nhớ lại, “lúc anh ta thở nghe như người ta đang dùng ống hút hút sữa từ đáy ly lên vậy. Đi xuống Thác băng được nửa đường thì Ngawang bỏ mặt nạ oxy ra rồi thò tay vào lau nước mũi ở bên trong van hơi. Khi anh ta

kéo tay ra, tôi rọi đèn pha vào găng tay của anh ta và thấy nó toàn màu đỏ, thậm chí đầy máu mà anh ta đã ho văng vào mặt nạ. Sau đó tôi soi đèn vào mặt anh ta thì cũng thấy đầy máu”.

Beidleman kể tiếp: “Cặp mắt của Ngawang bắt gặp ánh mắt tôi và tôi có thể thấy anh ta sợ thế nào. Suy nghĩ một thoáng, tôi quyết định nói dối anh ta là đừng có lo lắng, máu đó chảy ra từ vết rách trên môi của anh ta thôi. Anh ta bình tĩnh được một chút, rồi chúng tôi tiếp tục đi xuống”. Không muốn Ngawang phải cố gắng quá sức, vì nếu quá sức thì chứng phù phổi của anh ta có thể trầm trọng hơn, nên nhiều lần Beidleman đã đỡ Ngawang dậy và cõng anh ta đi. Đến sau nửa đêm thì họ đến được Trạm Căn cứ.

Được bác sĩ Hunt suốt đêm ở bên cạnh tận tình chăm sóc và cho thở oxy, Ngawang đã đỡ hơn được một chút vào buổi sáng. Fischer, Hunt và tất cả các bác sĩ khác đều tin rằng tình trạng của Ngawang sẽ tiếp tục tiến triển tốt vì giờ anh ta đang ở thấp hơn Trại Hai 1.128m; đi xuống một chút cỡ 610m nữa thì anh ta có thể hoàn toàn bình phục. Hunt giải thích, vì lý do đó mà “không cần đến máy bay trực thăng” để đưa Ngawang rời Trạm Căn cứ đến Kathmandu, nếu gọi máy bay thì sẽ tốn hết 5.000 đô la.

Hunt nói: “Không may là tình trạng của Ngawang đã không tiếp tục tiến triển tốt. Đến cuối buổi sáng thì tình trạng anh ta lại bắt đầu xấu đi”. Lúc này Hunt kết luận rằng anh ta cần được đưa đi cấp cứu, nhưng lúc đó trời lại đầy mây nên máy bay trực thăng không thể đến được, cô đề nghị với Ngima Kale Sherpa – thủ lĩnh Sherpa tại Trạm Căn cứ của Fischer – rằng họ cần tập hợp một nhóm người Sherpa để đưa Ngawang xuống thung lũng bằng đường bộ. Tuy nhiên Ngima đã ngăn cản ý định này. Theo Hunt thì người thủ lĩnh đã nhất quyết rằng Ngawang không hề mắc bệnh HAPE hay bất cứ hình thức bệnh do độ cao nào, “mà anh ta bị đau dạ dày”, và rằng không cần đến việc đưa đi cấp cứu.

Hunt thuyết phục Ngima cho hai người Sherpa giúp cô hộ tống Ngawang xuống độ cao thấp hơn. Ngawang bước đi chậm chạp và đầy khó khăn đến độ, sau khi đi chưa được 400m, anh đã nói với Hunt rằng anh không thể tự đi được, và cô cần gọi thêm nhiều người giúp. Do đó, Hunt đưa Ngawang trở lại trại Mountain Madness, cô nói “để cân nhắc lại phương án của tôi”.

Tình trạng của Ngawang tiếp tục xấu đi khi ngày trôi qua. Khi Hunt cố đưa anh ta trở vào cái túi Gamow thì Ngawang từ chối, cũng như Ngima, anh ta cho rằng mình không mắc bệnh HAPE. Hunt hội ý với các bác sĩ khác tại Trạm Căn cứ (như mọi khi cô vẫn làm suốt hành trình), nhưng cô không có cơ hội để bàn luận với Fischer về trường hợp này. Lúc này Fischer đã lên Trại Hai để đưa Tim Madsen xuống. Anh này đã cố gắng quá sức khi kéo

Ngawang xuống Thung lũng Tây, nên sau đó chính anh mắc bệnh HAPE. Khi vắng mặt Fischer, những người Sherpa không chịu làm theo yêu cầu của Hunt. Tình hình trở nên trầm trọng hơn từng giờ. Như một trong những bác sĩ đồng nghiệp của cô nhận xét: “Ingrid [Hunt] ở trong tình cảnh tiến thoái lưỡng nan”.

32 tuổi, Hunt chỉ mới kết thúc thời gian tu nghiệp của mình vào tháng 7 năm ngoái. Mặc dù trước đây không có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên ngành trị bệnh độ cao, nhưng cô đã làm tình nguyện viên cứu trợ y khoa trong bốn tháng tại vùng đồi núi phía tây Nepal. Cô tình cờ gặp Fischer cách đây vài tháng ở Kathmandu khi Fischer đang hoàn tất giấy phép chinh phục Everest. Rồi sau đó anh mời cô đi cùng trong hành trình chinh phục đỉnh Everest trong hai vai trò, vừa là bác sĩ của đội, vừa là quản lý Trạm Căn cứ.

Mặc dù cô cũng thể hiện sự lưỡng lự trước lời mời của Fischer trong thư cô gửi cho anh ấy vào tháng 1, nhưng rốt cuộc Hunt cũng chấp nhận công việc không lương này và nhập đội ở Nepal vào cuối tháng 3, háo hức được đóng góp sức mình cho thành công của chuyến leo núi. Nhưng đòi hỏi cùng lúc điều hành Trạm Căn cứ và đáp ứng nhu cầu thuốc men cho khoảng 25 người ở vùng cao xa xôi đã vượt quá những gì Hunt đã thỏa thuận. (Hãy so sánh, Rob Hall trả lương cho hai thành viên nhiều kinh nghiệm – bác sĩ của đội, Caroline Mackenzie và người quản lý Trại Cơ Sở, Helen Wilton – để làm những việc mà Hunt làm một mình, không lương). Khó khăn càng chồng chất khi bản thân cô cũng gặp nhiều trở ngại trong việc thích nghi với khí hậu. Cô bị đau đầu dữ dội và khó thở trong hầu hết thời gian ở Trạm Căn cứ.

Tối Thứ ba, sau khi cuộc di tản bị hủy bỏ và Ngawang quay lại Trạm Căn cứ, người Sherpa này càng lúc càng yếu, một phần là do cả anh và Ngima đều cứng đầu cự tuyệt nỗ lực điều trị của Hunt, tiếp tục cho rằng mình không mắc bệnh HAPE. Vào buổi sớm hôm đó, bác sĩ Mackenzie đã gửi một thông điệp khẩn qua radio đến bác sĩ người Mỹ Jim Litch, yêu cầu anh ta nhanh chóng đến Trạm Căn cứ để giúp đỡ trị bệnh cho Ngawang. Bác sĩ Litch là một chuyên gia đáng kính trong lĩnh vực trị bệnh độ cao, người đã chinh phục đỉnh Everest vào năm 1995. Anh đã đến trại vào lúc 7 giờ sáng sau khi chạy lên từ Pheriche, nơi anh đang làm tình nguyện viên ở bệnh viện chuyên khoa Himalayan Rescue Association (HRA). Anh thấy Ngawang nằm trong lều, một người Sherpa đã tháo mặt nạ oxy của Ngawang và đang chăm sóc cho anh ấy. Đợt thông báo kỹ về tình trạng của Ngawang, Litch bị sốc khi Ngawang không đeo mặt nạ oxy và không hiểu tại sao anh ta không được di tản khỏi Trạm Căn cứ. Litch tìm đến Hunt, lúc này cũng đang nằm bệnh trong lều, và bày tỏ sự lo lắng của mình.

Khi ấy Ngawang thở cực kỳ khó khăn. Anh lập tức được đeo mặt nạ oxy và trực thăng đã được gọi đến để di tản Ngawang vào sáng sớm hôm sau, Thứ tư ngày 24 tháng 4. Tuy nhiên, những đám mây và cơn bão tuyết khiến cho chuyến bay không thể thực hiện được. Vì thế, sau đó Ngawang được đưa vào nằm trong một cái giỏ và, dưới sự chăm sóc của Hunt, anh được những người Sherpa gửi xuống Pheriche.

Chiều hôm đó, đôi chân mảy nhú lại của Hall đã để lộ nỗi lo của anh. Hall nói: “Ngawang đang trong tình trạng xấu. Anh ta là một trong những trường hợp mắc chứng phù phổi nặng nhất mà tôi từng gặp. Đáng ra chúng ta phải đưa anh ta đi sớm vào sáng hôm qua khi có cơ hội. Nếu như trường hợp bị bệnh đó là một người khách của Scott thay vì một người Sherpa thì tôi nghĩ người đó sẽ không bị chữa trị một cách bừa bãi như vậy. Lúc họ đưa Ngawang đến Pheriche có lẽ đã quá trễ để cứu anh ta”.

Khi người Sherpa bị ốm đó đến được Phericher vào chiều hôm Thứ tư, sau một chuyến hành trình 9 tiếng từ Trạm Căn cứ, tình trạng của anh ta tiếp tục xấu đi mặc dù anh ta đã luôn được đeo mặt nạ oxy. Và bây giờ độ cao là 4.267m, về căn bản không cao hơn ngôi làng mà anh ta đã sống gần hết cuộc đời của mình. Quá lúng túng, Hunt đã quyết định đặt anh ta vào trong cái túi tăng áp Gamow đặt ở một nhà trọ ngay sát bệnh xá HRA. Vì không thể hiểu nổi lợi ích tiềm tàng của cái phòng khí đó và vì sợ hãi, Ngawang đã yêu cầu mời một vị sư đến. Trước khi đồng ý nằm vào trong cái túi đáng sợ, Ngawang yêu cầu đặt vài quyển kinh vào túi cùng với anh.

Để túi Gamow phát huy hết tác dụng của nó, phải có người liên tục bơm không khí vào bằng một cái bơm chân. Hai người Sherpa thay phiên nhau bơm trong khi Hunt – lúc này đã kiệt sức – kiểm tra tình trạng của Ngawang qua một ô cửa sổ bằng nhựa trong trên đầu túi. Khoảng 8 giờ tối, một trong hai người Sherpa, Jeta, để ý thấy Ngawang bị sùi bọt mép và hình như đã ngưng thở; ngay lập tức Hunt xé toang cái túi và xác định tim anh ta đã ngừng đập, hình như là sau khi bị nôn. Khi cô bắt đầu thực hiện kích hoạt nhịp tim, cô gọi bác sĩ Larry Silver ở phòng bên cạnh. Larry Silver là một trong những tình nguyện viên làm việc ở bệnh xá HRA.

Silver nhớ lại: “Sau vài giây tôi đã đến đó. Da của Ngawang trông xanh xao. Anh ta nôn khắp nơi, còn mặt và cằm anh ta dính đầy bọt màu hồng. Đó là một cảnh khó chịu. Ingrid đang hô hấp nhân tạo, thổi ngạt bằng miệng cho anh ta qua ống nôn đó. Tôi nhìn qua cảnh tượng đó một lần và nghĩ “anh chàng này sẽ chết nếu không đặt ống khí quản”. Silver chạy hết tốc lực về bệnh xá kể đó để lấy thiết bị cấp cứu, luôn ống khí quản xuống họng Ngawang, và bắt đầu đưa oxy vào phổi của anh ta, đầu tiên là bằng miệng rồi sau đó là bằng cái bơm tay mà người ta gọi là “bóng cấp cứu”, lúc đó tự

nhiên người Sherpa lấy lại được nhịp đập và huyết áp. Tuy nhiên, trước khi tim Ngawang bắt đầu đập lại, oxy đã không đến não anh ta trong khoảng thời gian cỡ mười phút. Silver nhận xét: “Tim không đập trong mười phút, rồi không đủ mức oxy huyết là quá đủ để thần kinh bị tổn hại nặng nề”.

Bốn mươi giờ kế tiếp, Silver, Hunt, và Litch thay phiên nhau bơm oxy vào phổi Ngawang bằng bóng cấp cứu, bóp bằng tay mỗi phút hai mươi lần. Khi nước bọt tiết ra và làm nghẹt cái ống thông xuống cuống họng Ngawang, Hunt đã hút sạch cái ống đó bằng miệng. Cuối cùng vào hôm Thứ sáu, ngày 26 tháng 4, thời tiết tiến triển đủ để máy bay có thể tiến hành di tản. Ngawang được đưa xuống một bệnh viện ở Kathmandu, nhưng anh ta không thể hồi phục. Qua nhiều tuần sau, anh ta tiêu tụy đi trong bệnh viện, hai cánh tay co lại hai bên mình một cách kỳ cục, cơ teo lại, trọng lượng tụt xuống dưới 40kg. Vào giữa tháng 6 Ngawang chết, để lại một vợ và bốn đứa con gái ở Rolwaling.

* * *

Kỳ lạ thay, hầu hết các tay leo núi trên đỉnh Everest đều không biết về cảnh ngộ khốn khổ của Ngawang, trong khi hàng vạn người khác không hề ở gần đó thì lại biết. Thông tin lênh lạc là do Internet, và đối với những người ở Trạm Căn cứ của chúng tôi thì chuyện đó không có gì lạ. Ví dụ như một người đồng đội có thể gọi về nhà qua điện thoại vệ tinh, rồi biết được những người Nam Phi đang làm gì tại Trại Hai qua đôi vợ chồng ở New Zealand hay Michigan nào đó đang lướt web.

Có ít nhất năm trang web đăng bài gửi đi từ các phóng viên ở Trạm Căn cứ trên đỉnh Everest³². Đội Nam Phi cũng có một trang web riêng, cũng như Mal Duff với trang web International Commercial Expedition. *Nova*, chương trình truyền hình của PBS³³, cũng phát triển một trang web với thông tin đầy đủ và tỉ mỉ, cập nhật thông tin hàng ngày từ Liesl Clark và nhà sử học lỗi lạc về Everest là Audrey Salkeld – hai thành viên của đoàn thám hiểm MacGillivray Freeman IMAX (được dẫn đầu bởi nhà làm phim từng đoạt giải và chuyên gia leo núi David Breashears – người đã hướng dẫn Dick Bass chinh phục đỉnh Everest thành công vào năm 1985, đội của IMAX đang nhắm đến một bộ phim đồ sộ với kinh phí 5,5 triệu đô la về việc chinh phục đỉnh Everest). Trong khi đó, đoàn của Scott Fischer chỉ có hai phóng viên biên tập các bài gửi trực tuyến cho hai trang web đang cạnh tranh nhau.

Jane Bromet, người gọi điện báo cáo hàng ngày cho *Outside Online*³⁴, là một trong những phóng viên trong đội của Fischer. Nhưng cô không phải là khách leo núi và không được phép leo lên cao hơn Trạm Căn cứ. Tuy nhiên,

một phóng viên Internet khác trong đoàn của Fischer sẽ tham gia leo núi và dự định đi hết hành trình đến đỉnh và hàng ngày gửi bài cho NBC Interactive Media trên đường đi. Tên cô ta là Sandy Hill Pittman, và không ai trên núi này nổi tiếng hơn Pittman về thói ngòi lê đôi mách.

Đây là lần thứ ba Pittman, một tay leo núi triệu phú có giao thiệp rộng, cố gắng chinh phục đỉnh Everest. Năm nay cô quyết tâm hơn bao giờ hết để chinh phục được đỉnh Everest và nhờ đó hoàn tất cuộc viễn chinh chinh phục Thất Đỉnh được thông báo rầm rộ của mình.

Năm 1993, Pittman tham gia một cuộc thám hiểm có người hướng dẫn đến Đèo Nam và Triền Đông Nam. Lúc đó cô đã gây xôn xao khi đem theo đứa con trai 9 tuổi, Bo, đến Trạm Căn cứ cùng với một vú em để chăm sóc cậu ta. Tuy nhiên, Pittman đã vấp phải nhiều trục trặc, và chỉ đến được độ cao 7.315m rồi quay về.

Cô trở lại Everest vào năm 1994 sau khi quyên được hơn 250.000 đô la từ các nhà tài trợ để hỗ trợ tài năng cho bốn nhà leo núi giỏi nhất Bắc Mỹ: Breashears (đang ký kết hợp đồng làm phim thám hiểm với đài truyền hình NBC), Steve Swenson, Barry Blanchard và Alex Lowe. Lowe – có thể coi là tay leo núi đa năng xuất sắc nhất trên thế giới – được thuê làm hướng dẫn riêng cho Sandy [Pittman], một công việc với khoản tiền lương đáng kể. Đi trước Pittman, bốn người đàn ông gắn dây cố định lên Mặt Kangshung, một vách đá cực kỳ nguy hiểm và khó leo bên hướng Tây Tạng của dãy Himalaya. Với sự giúp đỡ tận tình của Lowe, Pittman đã leo lên theo dây cố định tới độ cao 6.706m, nhưng một lần nữa cô ta bắt buộc phải từ bỏ nỗ lực của mình trước khi lên được tới đỉnh; lần này tình trạng tuyết không ổn định rất nguy hiểm khiến cho cả đội phải rời bỏ ngọn núi.

Mặc dù đã nghe nhiều về cô ấy, nhưng tôi chưa bao giờ gặp Pittman trực tiếp mãi đến khi tình cờ gặp cô tại Gorak Shep trong hành trình đến Trạm Căn cứ. Vào năm 1992, *Men's Journal* phân công tôi viết một bài báo về hành trình lái chiếc Harley-Davidson từ New York đến San Francisco cùng với Jann Wenner – một chủ bút huyền thoại, cực kỳ giàu có của *Rolling Stone*, *Men's Journal*, and *Us* – và một vài người bạn giàu có của anh ta, bao gồm Rocky Hill, anh trai của Sandy và chồng của Pittman, Bob Pittman, người đồng sáng lập MTV.

Chuyến hành trình trên chiếc Hog mạ kền, phát ra tiếng kêu chói tai mà Jann cho tôi mượn khá hấp dẫn, và các bạn đồng hành của tôi cũng thân thiện. Nhưng tôi không có mấy điểm chung với họ. Và có một điều không thể quên là tôi đi theo như một người giúp việc được Jann thuê. Trong suốt bữa tối, Bob cùng Jann và Rocky so sánh về những chiếc máy bay khác nhau mà họ có (Jann khuyên tôi nên cân nhắc chiếc Gulfstream IV nếu tôi muốn

sở hữu một chiếc phản lực cá nhân), bàn luận về các dinh cơ miền quê của họ, và nói chuyện về Sandy – người tình cờ lúc đó cũng đang leo núi Mount McKinley. Bob đề nghị với tôi khi biết rằng tôi cũng là dân leo núi: “Này, anh và Sandy phải đi leo núi chung với nhau đấy”. Và bây giờ, bốn năm sau, chúng tôi đang cùng leo núi.

Sandy Pittman cao 1m79, hơn tôi 5cm. Mái tóc ngắn tinh nghịch như con trai của cô trông như cái mũ ni, thậm chí ở độ cao 5.181 m này. Sôi nổi và thẳng thắn, cô lớn lên ở California. Khi còn là một cô bé, cha của cô đã tập cho cô làm quen với cắm trại, leo núi, và trượt tuyết. Thích thú sự tự do và niềm vui nơi núi đồi, cô tiếp tục theo đuổi các hoạt động ngoài trời này trong những năm tháng ở đại học và sau này, mặc dù cô đi leo núi ít thường xuyên hơn khi chuyển tới New York vào giữa những năm 70 sau đổ vỡ của cuộc hôn nhân đầu tiên.

Ở Manhattan, Pittman làm các công việc khác nhau như người mua hàng cho Bonwit Teller, biên tập viên mục bán lẻ tại *Mademoiselle*, biên tập viên mục làm đẹp cho tờ *Bride's*, và năm 1979 cô kết hôn với Bob Pittman. Là một người luôn muốn thu hút sự chú ý của công chúng, cô không ngừng tìm cách để hình ảnh và tên của mình trở nên phổ biến trên các tờ báo ở New York. Cô chơi thân với Blaine Trump, Tom, và Meredith Brokaw, Isaac Mizrahi, Martha Stewart. Để tiện đi lại giữa cơ ngơi giàu có ở bang Connecticut và căn hộ treo đầy các tác phẩm nghệ thuật có những người giúp việc mặc đồng phục ở Central Park West, cô và chồng mình đã mua một chiếc máy bay trực thăng và học lái. Vào năm 1990, Sandy và Bob Pittman xuất hiện trên trang bìa tạp chí New York như là “Cặp đôi của từng khoảnh khắc”.

Sau đó không lâu, Sandy bắt đầu chiến dịch quảng bá rộng rãi và tốn kém của riêng mình nhằm trở thành người phụ nữ Hoa Kỳ đầu tiên chinh phục được Thất Đỉnh. Tuy nhiên, ngọn núi cuối cùng – đỉnh Everest – đã làm khó cô. Và vào tháng 3 năm 1994, Pittman thua cuộc trước một tay leo núi và cũng là một bà đỡ 47 tuổi quê Alaska tên là Dolly Lefever. Nhưng cô vẫn tiếp tục kiên trì theo đuổi mục đích chinh phục Everest của mình.

Theo như Beck Weathers quan sát thấy vào một đêm tại Trạm Căn cứ thì “khi Sandy leo núi, cô ấy không làm giống như tôi và anh”. Năm 1993, Beck đã đi Nam cực để hướng dẫn Vinson Massif leo núi, cùng lúc đó Pittman đang leo núi với một nhóm có người hướng dẫn khác. Với một cái cười tủm tỉm, Beck nhớ lại: “Cô ta đem theo cái túi đồ nghề to tướng, bó đầy đồ ăn mà phải đến bốn người mới bê lên được. Cô ta còn đem một tivi mini và đầu máy video để xem phim trong lều của mình nữa. Này, ý tôi là anh phải học hỏi Sandy nhiều đấy: không có nhiều người leo núi cao cấp như cô ta đâu”.

Beck nói rằng Pittman đã hào phóng chia sẻ những thức ăn cô ta đem theo với các tay leo núi khác và rằng “cô ấy thấy vui và thích thú khi chơi nổi”.

Chuẩn bị cho chuyến lên đỉnh Everest vào năm 1996, Pittman một lần nữa gom góp các đồ dùng linh tinh cho mình, những thứ thường không có trong hành trang cắm trại của các tay leo núi khác. Một ngày trước khi khởi hành đi Nepal, trong một trong những bài viết đầu tiên trên web cô gửi cho NBC Interactive Media, cô thổ lộ:

Tất cả những thứ đồ cá nhân của tôi đều đã được đóng gói... Có lẽ máy vi tính và thiết bị điện tử tôi mang theo cũng nhiều như đồ leo núi vậy. Hai máy tính xách tay IBM, một máy quay video, ba máy chụp hình phim 35mm, một máy chụp hình kỹ thuật số hiệu Kodak, hai máy ghi âm băng cassette, một đầu đĩa CD-ROM, một máy in, và vài tấm pin mặt trời cùng vài ổ pin (mà tôi hy vọng là đủ) cho chuyến đi... Tôi sẽ không nghĩ tới việc rời khỏi thành phố mà không mang theo kha khá cà phê trộn Near East của Den & Deluca và máy pha cà phê. Vì chúng tôi sẽ lên đến đỉnh Everest vào ngày Phục sinh, nên tôi đã mang theo bốn quả trứng sô-cô-la có giấy bọc. Ăn trứng Phục sinh ở độ cao 5.486m ư? Hãy đợi xem!

Tối hôm đó, nhà báo chuyên mục xã hội – Billy Norwich – đã tổ chức một bữa tiệc chia tay cho Pittman tại tiệm Nell ở phố Manhattan. Danh sách khách có cả Bianca Jagger và Calvin Klein. Rất thích phục trang, Sandy xuất hiện với bộ đồ leo núi cao bên ngoài chiếc váy dạ hội của mình, thêm vào đó là đôi giày leo núi, dưới có gấn đế đinh, cái rìu leo núi, và một dây đeo gấn các khóa carabiner.

Lúc đến dãy Himalaya, có vẻ như Pittman luôn gấn càng chặt càng tốt với cái lê thối thượng lưu đó. Trong suốt hành trình đến Trạm Căn cứ, hằng ngày đều có một người Sherpa trẻ tên Pemba cuộn túi ngủ của cô ấy rồi gói ba lô lại cho cô. Vào đầu tháng 4, khi tới chân núi Everest cùng với số người còn lại của nhóm Fischer, hành lý của Pittman bao gồm cả mấy đồng báo cắt nói về cô ta mà Pittman định phân phát cho những người trong Trạm Căn cứ. Trong vòng vài ngày, những người Sherpa đưa tin bắt đầu đều đặn đem bưu kiện đến cho Pittman, gửi đến Trạm Căn cứ qua dịch vụ chuyển phát nhanh DHL Worldwide Express. Những gói bưu kiện đó là các số báo mới nhất của *Vogue*, *Vanity Fair*, *People*, và *Allure*. Những người Sherpa trên Trạm Căn cứ bị các quảng cáo đồ lót phụ nữ mê hoặc và nghĩ rằng những trang báo có mùi thơm đó trông thật “phê”.

Đội của Scott Fischer là một nhóm ăn ý và gấn bó với nhau, vì thế hầu

hết đồng đội của Pittman đều không phiền lòng gì với tính cách của cô và đều chấp nhận cô vào nhóm một cách thoải mái. Jane Bromet nhớ lại: “Sandy có thể mệt lử đi khi tỏ ra là người lịch lãm, bởi vì cô ta muốn là trung tâm chú ý và luôn miệng nói về mình. Nhưng cô ấy không phải là người tiêu cực. Cô ấy không làm giảm đi tinh thần của nhóm. Hầu như ngày nào cô ta cũng đầy sức sống và lạc quan”.

Tuy nhiên, một số tay leo núi tài năng không thuộc nhóm của cô ta lại đánh giá Pittman là một người thiếu hiểu biết. Tiếp theo nỗ lực không thành công của mình vào năm 1994 khi chinh phục Mặt Kangshung của Everest, một đoạn quảng cáo của Vasekine Intensive Care (nhà tài trợ chính của chuyến thám hiểm này) đã bị những tay leo núi có hiểu biết chế giễu kịch liệt, bởi vì nó quảng cáo Pittman là một “tay leo núi đẳng cấp thế giới”. Nhưng Pittman không bao giờ công khai tuyên bố như thế; thực vậy, cô nhấn mạnh trong một bài báo của *Men's Journal* rằng cô muốn Breashears, Lowe, Swenson và Blanchard “hiểu rằng tôi không nhằm lẫn giữa những khả năng mang tính sở thích – đam mê của mình và kỹ năng đẳng cấp thế giới của họ”.

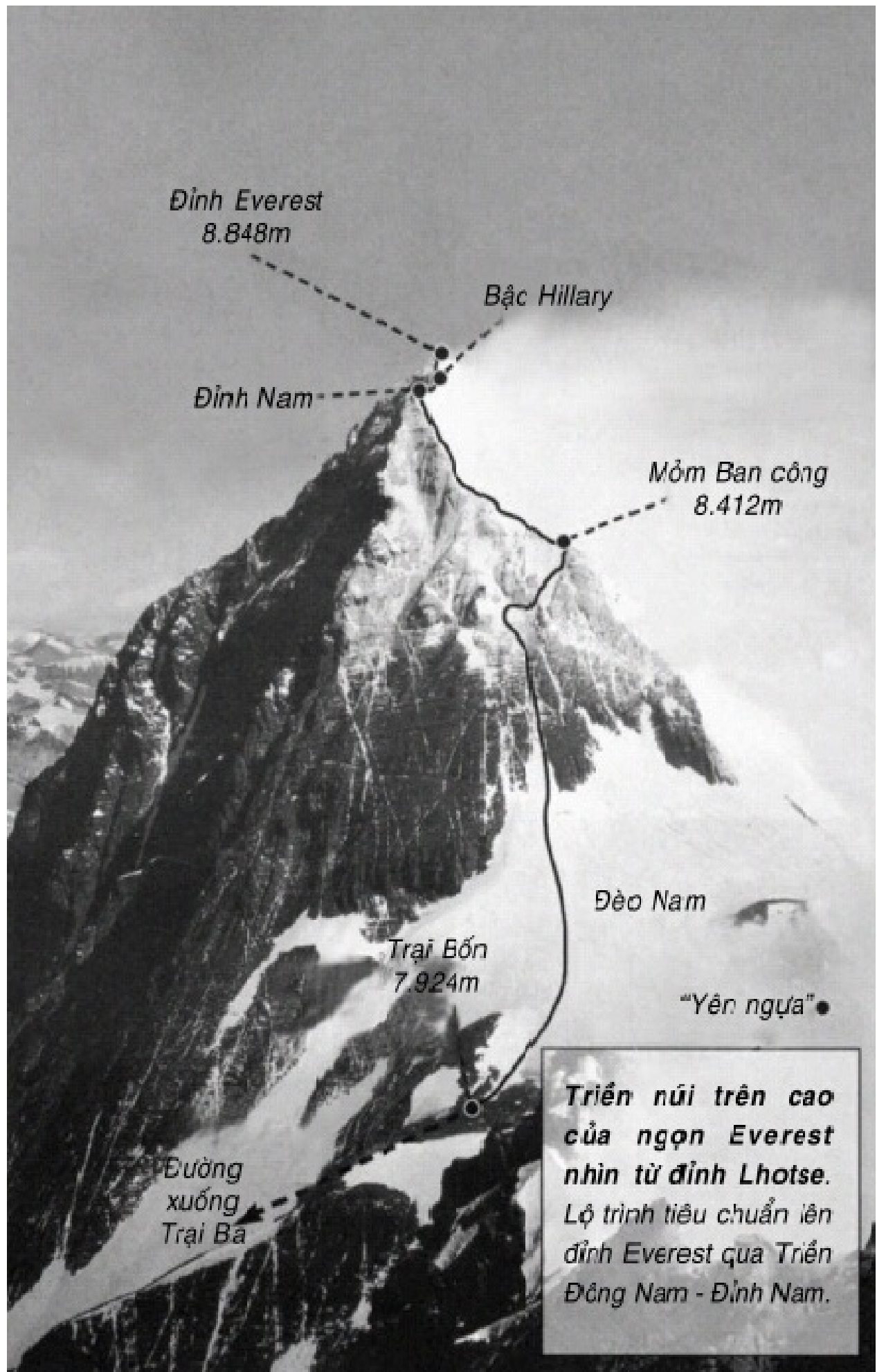
Các bạn đồng hành kiệt xuất của cô trong cuộc leo núi 1994 không gièm pha Pittman gì cả, ít nhất là trước công chúng. Thật ra, sau hành trình đó, Breashears trở thành bạn thân của Pittman, còn Swenson thì liên tục bảo vệ Pittman trước những chỉ trích. Swenson đã giải thích với tôi trong một cuộc gặp gỡ ở Seattle không lâu sau khi cả hai người bọn họ quay về từ Everest: “Xem kìa. Có thể Sandy không phải là tay leo núi xuất sắc, nhưng trên Mặt Kangshung cô ấy đã nhận thức được những hạn chế của mình. Vâng, sự thật là Alex cùng Barry, David và tôi đã làm tất cả việc hướng dẫn và cố định dây, nhưng cô ấy đã đóng góp vào nỗ lực đó theo cách của cô ấy bằng cách thể hiện thái độ tích cực, quỳn góp tiền, và giao tiếp với giới truyền thông”.

Tuy nhiên, cũng không thiếu những kẻ hay chê bai, chỉ trích Pittman. Rất nhiều người đã cảm thấy khó chịu trước sự phô trương của cái của cô, cũng như cách theo đuổi danh tiếng không biết xấu hổ của Pittman. Joanne Kauman đã phát biểu trên tờ *Wall Street Journal*:

Cô Pittman nổi tiếng trong giới thượng lưu là một người thích nổi tiếng hơn là một tay leo núi thực thụ. Cô ta và ông Pittman là khách quen của tất cả những buổi dạ hội, và cả các mục lượm lật trên báo. Một người từng kinh doanh với ông Pittman trước đây – xin được giấu tên – nói rằng: “Cô ấy rất thích được nổi tiếng. Nếu như cô ta đi leo núi mà phải ẩn danh thì tôi không nghĩ cô ta sẽ đi đâu”.

Dù có công bằng hay không, thì đối với những người phản đối Pittman,

cô ta là biểu tượng của tất cả những điều đáng chê trách trong hành động quảng bá của Dick Bass về Thất Đỉnh, và việc làm giảm giá trị của đỉnh núi cao nhất thế giới. Nhưng nhờ vào đội ngũ người phục vụ được trả lương hậu hĩnh, và niềm đam mê kiên định, Pittman đã bỏ ngoài tai sự phẫn nộ cũng như khinh rẻ của những người phản đối cô; cô vẫn đứng vững như nhân vật Emma của Jane Austen.



Đỉnh Everest
8.848m

Bắc Hillary

Đỉnh Nam

Mỏm Ban công
8.412m

Đèo Nam

Trại Bốn
7.924m

“Yên ngựa” ●

Đường
xuống
Trại Ba

Triển núi trên cao của ngọn Everest nhìn từ đỉnh Lhotse. Lộ trình tiêu chuẩn lên đỉnh Everest qua Triển Đông Nam - Đỉnh Nam.

Chương 9: TRẠI HAI

NGÀY 28 THÁNG 4 NĂM 1996

6.492 MÉT

Chúng tôi tự kể cho mình nghe những câu chuyện để mà sống... Chúng tôi rút ra những triết lý từ vụ tự sát, những bài học xã hội hoặc đạo đức từ vụ cưỡng sát cướp đi năm mạng người. Chúng tôi lý giải những gì mình thấy, chọn ra phương án khả thi nhất từ rất nhiều lựa chọn. Chúng tôi sống một cách trọn vẹn nhờ ghi lại những hình ảnh hỗn tạp, nhờ các “ý tưởng” đã giúp chúng tôi chặn đứng những ảo ảnh thay đổi liên tục mà chúng tôi thường gặp phải.

Joan Didion

Quyển Album màu trắng

Lúc 4 giờ sáng khi đồng hồ đeo tay của tôi bắt đầu đổ chuông báo thức thì tôi đã thức dậy rồi; tôi đã thức hầu như suốt đêm, cố gắng để thở trong không khí loãng. Và bây giờ là lúc bắt đầu một nghi lễ thật khủng khiếp: đó là chui ra khỏi chiếc chăn ấm áp của mình để chịu cái lạnh khó ưa ở độ cao 6.492m. Hai ngày trước, hôm Thứ sáu ngày 26 tháng 4, chúng tôi đã phải mang vác linh kinh đồ đạc suốt một ngày dài từ Trạm Căn cứ lên Trại Hai nhằm bắt đầu chuyến đi thích nghi thứ ba và cũng là cuối cùng của mình để chuẩn bị cho cuộc chinh phục đỉnh núi. Sáng nay, theo kế hoạch của Rob, chúng tôi sẽ leo từ Trại Hai lên Trại Ba và sẽ nghỉ đêm ở độ cao 7.315m.

Rob đã bảo chúng tôi sẵn sàng cho chuyến đi vào đúng 4 giờ 45 – bốn mươi lăm phút sau khi thức dậy – vốn chỉ vừa đủ thời gian để tôi mặc đồ, nuốt vội một cây kẹo, uống chút trà, và mang đế đinh của mình vào. Rơi chiếc đèn pin đeo trên trán của mình vào chiếc nhiệt kế rẻ tiền gắn trên chiếc áo parka³⁵ tôi thường dùng làm gối ngủ, tôi nhìn thấy nhiệt độ trong chiếc lều hai người chật hẹp này là -21⁰C “Doug!” tôi hét_vào cái gã đang nằm trong túi ngủ bên cạnh tôi. “Tới giờ dậy rồi anh bạn. Anh có thức chưa vậy?” Anh ta nói the thé với giọng mệt mỏi: “Thức? Cái gì khiến anh nghĩ là tôi đã ngủ? Tôi cảm thấy thật tồi tệ. Tôi nghĩ cổ họng tôi bị sao đó. Anh bạn à, tôi đã quá già cho việc leo trèo này rồi”.

Suốt đêm qua, hơi thở hôi hám của chúng tôi đã ngưng tụ lại trên bạt lều hình thành nên một lớp sương mỏng dễ vỡ ở phía trong; khi tôi đứng dậy và bắt đầu sục sạo trong bóng tối để tìm quần áo của mình, tôi không thể nào tránh đụng phải những vách lều nylon và mỗi khi như vậy lại có một trận mưa tuyết bên trong lều, phủ lên mọi thứ một lớp tinh thể băng. Run cầm cập, tôi chui mình vào ba lớp quần áo lót lông xù làm từ polypropylene và một chiếc áo khoác ngoài làm bằng nylon chịu gió, sau đó mang đôi giày cao

su nặng trĩch vào. Việc siết chặt dây giầy khiến tôi nhả mặt đau đón; trong hai tuần vừa qua, tình trạng các ngón tay bị thương và chảy máu của tôi đã trở nên tồi tệ hơn trong không khí lạnh.

Tôi soi đèn ra khỏi lều theo sau Rob và Frank, đi qua các tháp băng và các đống sa khoáng để đến phần chính của con sông băng. Trong hai giờ sau đó, chúng tôi leo lên một con dốc thoải thoải và cuối cùng cũng đến được khe vực ở phần đầu của Thác băng Khumbu. Ngay phía trên là Mặt Lhotse; đó là một biển băng nghiêng khổng lồ phát sáng mờ mờ trong ánh sáng xiên của buổi bình minh. Một sợi dây thừng cỡ 9mm trườn xuống mặt băng như thể thòng từ trên trời xuống và đung đưa giống cây đuợc của Jack³⁶. Tôi nắm lấy một đầu của nó, gắn chiếc tay leo (jumar)³⁷ của mình vào sợi dây hơi sờn này và bắt đầu leo lên.

Tôi đã phải chịu lạnh từ khi rời khỏi trại vì không mặc đủ quần áo khi đoán rằng sẽ tiếp tục có hiệu ứng “lò mặt trời” mấy hôm nay sáng nào cũng xảy ra khi mặt trời chiếu vào Thung lũng Tây. Tuy nhiên buổi sáng hôm nay nhiệt độ bị kìm lại bởi một đợt gió buốt thổi mạnh xuống từ vùng núi phía trên, gây nên giá lạnh với nhiệt độ hạ xuống tới khoảng -40°C. Tôi còn một chiếc áo lạnh bằng lông nữa trong ba lô của mình; nhưng muốn mặc nó vào, đầu tiên tôi sẽ phải cởi găng tay, áo khoác chống gió và tháo ba lô ra trong khi vẫn lủng lẳng trên một sợi dây thừng cố định. Sợ mình có thể sẽ làm rơi thứ gì đó, tôi quyết định đợi đến khi tới được phần ít dốc hơn của mặt băng nơi mà tôi có thể đứng vững mà không cần phải đu đưa trên sợi dây. Do đó, tôi tiếp tục leo và càng ngày tôi càng thấy lạnh hơn.

Gió gây nên những cơn tuyết xoáy đạt xuống bên dưới ngọn núi như những đợt sóng đỏ, khiến cho quần áo tôi dính đầy sương giá. Trên kính bảo hộ của tôi hình thành một lớp băng khiến tôi quan sát rất khó khăn. Hai bàn chân của tôi bắt đầu mất cảm giác còn các ngón tay thì cứng lại như đá. Dường như sẽ càng không an toàn khi cứ tiếp tục leo lên trong điều kiện như thế này. Tôi đã ở đầu của sợi dây, ở độ cao 7.010m, nhanh hơn người hướng dẫn Mike Groom mười lăm phút; tôi quyết định đợi anh ấy và thảo luận về việc này. Nhưng ngay trước khi Mike đến được chỗ tôi thì giọng của Rob vang lên từ chiếc bộ đàm mà Mike mang theo bên trong chiếc áo khoác của mình, và anh ta ngừng leo để trả lời. Hét to trong cơn gió, anh ta nói: “Rob muốn tất cả mọi người leo xuống. Chúng ta phải xuống khỏi đây”.

Phải tới trưa chúng tôi mới về lại tới Trại Hai và phải chịu nhiều thiệt hại. Tôi mệt nhưng vẫn ổn. John Taske, tay bác sĩ người Úc, bị thương một ít nơi đầu các ngón tay do giá lạnh. Trái lại, Doug đã phải chịu một tổn hại nghiêm trọng. Khi tháo giầy ra, anh ta phát hiện các đầu ngón chân của mình

đã bắt đầu bị bỏng lạnh. Trên đỉnh Everest năm 1995, bàn chân anh ta đã bị bỏng lạnh đến nỗi mất đi một số mô ở ngón chân cái và bị suy yếu lưu thông máu vĩnh viễn, khiến cho anh ấy đặc biệt nhạy cảm với giá lạnh; thêm lần này nữa sẽ làm Doug càng dễ bị tổn thương hơn khi leo lên vùng núi phía trên.

Nhưng tồi tệ hơn cả là tổn thương hệ hô hấp của Doug. Gần hai tuần trước khi khởi hành đi Nepal anh ta đã trải qua một cuộc phẫu thuật cổ họng nhẹ, khiến cho khí quản của anh ta trở nên rất nhạy cảm. Sáng nay phải hít rất nhiều không khí đầy tuyết và khô anh ta hình như đã bị tê liệt thanh quản.

Doug rên rỉ bằng giọng thì thầm vừa đủ nghe, trông có vẻ chán nản: “Tôi tiêu rồi. Tôi thậm chí còn không thể nói được. Chuyến leo núi coi như đã chấm dứt với tôi”.

Rob động viên: “Douglas! Đừng có tự bỏ cuộc như vậy chứ. Hãy đợi và xem anh cảm thấy thế nào trong vài ngày tới. Anh là một gã dai sức mà. Tôi nghĩ anh vẫn có thể chinh phục được đỉnh núi sau khi hồi phục lại”. Không tin vào điều đó, Doug chui vào lều và kéo chiếc túi ngủ của mình trùm lên đầu. Thật là gay go khi nhìn thấy anh ấy nhụt chí như vậy. Anh ấy đã luôn là một người bạn tốt, hào phóng chia sẻ những hiểu biết của mình từ cuộc leo núi Everest thất bại năm 1995. Trên cổ tôi có đeo một miếng đá Xi – chiếc bùa hộ mạng Phật giáo thiêng liêng đã được vị Lạt ma tại tu viện Pangboche ban phúc mà Doug đã tặng tôi từ những ngày đầu của chuyến đi này. Tôi cũng muốn anh ta chinh phục được đỉnh núi như tôi muốn chinh mình vậy.

Không khí choáng váng và hơi chán nản bao trùm khu trại suốt ngày hôm đó. Đây vẫn chưa phải là điều tệ nhất mà ngọn núi mang lại, thế nhưng nó đã khiến bọn tôi nhón nháo để tìm sự an toàn. Nhưng không phải chỉ có nhóm chúng tôi cảm thấy lo lắng và do dự. Nhuệ khí của nhiều nhóm khác tại Trại Hai cũng đang sụt giảm ghê gớm.

Tâm trạng không vui được thể hiện rõ nhất qua cuộc cãi vã xảy ra giữa Hall và người dẫn đầu các đoàn thám hiểm Đài Loan và Nam Phi xung quanh việc chia sẻ trách nhiệm giăng gần 2km dây cố định vốn rất cần thiết để bảo đảm an toàn cho tuyến đường lên Mặt Lhotse. Vào cuối tháng 4, một dây dây cố định đã được lắp đặt sẵn giữa đầu Thung lũng Tây và Trại Ba, một nửa đường lên tới Mặt Lhotse. Để hoàn thành công việc này, Hall, Fischer, Ian Woodall, Makalu Gau và Todd Burleson (trưởng đoàn người Mỹ của nhóm thám hiểm Alpine Ascents) đã nhất trí với nhau là vào ngày 26 tháng 4 một hoặc hai thành viên của mỗi nhóm sẽ phải tham gia vào việc giăng dây lên phần còn lại của Mặt Lhotse, quãng đường từ Trại Ba lên Trại Bốn ở độ cao 7.925m. Nhưng mọi việc đã không diễn ra theo đúng kế hoạch.

Khi Ang Dorje và Lhakpa Chhiri thuộc nhóm của Hall, người hướng dẫn Anatoli Boukreev thuộc nhóm của Fischer và một người Sherpa thuộc nhóm của Burleson rời khỏi Trại Hai vào sáng ngày 26 tháng 4, những người Sherpa thuộc nhóm Đài Loan và Nam Phi dự kiến sẽ tham gia với họ vẫn còn ngái ngủ và từ chối cộng tác. Chiều hôm đó, khi tới Trại Hai và biết chuyện này, Hall ngay lập tức gọi điện để hỏi xem tại sao kế hoạch lại không được thực hiện. Kami Dorje, chỉ huy nhóm người Sherpa của đoàn Đài Loan rồi rít xin lỗi và hứa sẽ sửa chữa. Nhưng khi Hall gọi cho Woodall, người chỉ huy đoàn thám hiểm Nam Phi này đáp lại bằng những lời lẽ tục tĩu và lảng mạ.

Hall van nài: “Lịch sự nào anh bạn. Tôi nghĩ chúng ta đã nhất trí với nhau rồi”. Woodall trả lời rằng những người Sherpa của ông ở lại trong lều vì không có ai đến đánh thức họ dậy và bảo rằng cần giúp đỡ. Hall phản bác lại rằng thật ra Ang Dorje đã không ngừng cố gắng đánh thức họ dậy nhưng họ đã phớt lờ sự khẩn cầu của anh ta.

Lúc đó Woodall tuyên bố: “Hoặc anh hoặc những người Sherpa của anh là những kẻ nói dối”. Rồi ông ta đe dọa sẽ kêu một vài người Sherpa đến “thanh toán” Ang Dorje.

Hai ngày sau cuộc cãi vã khó chịu này, quan hệ của chúng tôi với những người Nam Phi vẫn khá căng thẳng. Và góp phần vào không khí tồi tệ tại Trại Hai là những tin tức không tốt lành mà chúng tôi nhận được về tình trạng đang xấu đi của Ngawang Topche. Thậm chí ở độ cao thấp, anh ta vẫn ngày càng yếu hơn; do vậy các bác sĩ cho rằng căn bệnh của anh ta không phải đơn thuần chỉ là bệnh HAPE mà là bệnh HAPE kết hợp với lao phổi hoặc một căn bệnh liên quan đến phổi có từ trước đó. Tuy nhiên, những người Sherpa lại có cách chẩn đoán khác: họ tin rằng một trong số những người leo núi thuộc nhóm của Fischer đã làm nữ thần bầu trời của Everest Sagarmatha nổi giận và Người đã trừng phạt Ngawang.

Nhà leo núi đó đã quan hệ với một thành viên của một đoàn thám hiểm đang leo lên Mặt Lhotse. Bởi vì không có sự riêng tư trong những chỗ chật chội ở Trạm Căn cứ, những hoạt động hẹn hò yêu đương diễn ra trong túp lều của người phụ nữ này đều bị những thành viên khác trong đoàn của cô ta để ý, đặc biệt là những thành viên người Sherpa ngồi bên ngoài chỉ trỏ và cười khúc khích khi hai người gặp gỡ. Họ rúc rích với nhau, diễn tả hành động quan hệ bằng cách đút một ngón tay vào lỗ hông khi nắm không chặt bàn tay kia lại: “[X] và [Y] đang ấy ấy, ấy ấy”.

Tuy nhiên, mặc dù họ cười (không đề cập đến thói quen phóng đăng khét tiếng của họ), nhưng về cơ bản những người Sherpa không chấp nhận quan hệ trước hôn nhân trên các sườn núi của nữ thần Sagarmatha thiêng liêng

này. Bất cứ khi nào thời tiết trở nên xấu đi, những người Sherpa thường chỉ lên những đám mây đang dày đặc trên trời và nói một cách nghiêm túc: “Ai đó lại mới quan hệ với nhau. Thật là xui xẻo. Sắp sửa lại có bão rồi”.

Sandy Pittman đã ghi nhận việc mê tín dị đoan này trong một mục nhật ký của mình từ chuyến leo núi năm 1994 và đã đăng tải lên mạng Internet vào năm 1996:

Ngày 29 tháng 4 năm 1994 Trạm Căn cứ ngọn Everest (5.425m)

Mạt Kangshung, Tây Tạng

... một người đưa thư mới đến vào buổi chiều với những bức thư nhà cho mọi người và một quyển tạp chí khiêu dâm được một anh chàng leo núi hay đùa nào đó gửi về nhà. Phân nửa những người Sherpa đã đem nó về lều để xem kỹ hơn trong khi những người khác tỏ ra phiền muộn vì những tai họa chắc chắn sẽ xảy ra nếu xem chúng. Họ khẳng định nữ thần Sagarmatha sẽ không tha thứ cho hành động này – bất cứ thứ gì bản thủ – trên ngọn núi thiêng liêng của Người.

Đạo Phật trên những vùng núi cao Khumbu này có một tính chất duy linh riêng biệt: những người Sherpa sùng kính rất nhiều vị thần được cho là ngự trị ở các hẻm núi, sông ngòi và đỉnh núi của khu vực này. Và việc bày tỏ sự tôn kính đối với những vị thần này được xem là rất quan trọng để đảm bảo an toàn khi đi qua thặng cảnh nguy hiểm này.

Để làm hài lòng nữ thần Sagarmatha, năm nay cũng như mọi năm, người Sherpa đã dựng hơn một tá tháp thờ (chorten) đẹp đẽ bằng đá được vẽ tỉ mỉ tại Trạm Căn cứ, mỗi cái dành cho một đoàn thám hiểm. Là một khối hình lập phương hoàn hảo, án thờ tại trại của chúng tôi được trang trí ở phía trên bằng ba khối đá nhọn đã được chọn lựa kỹ càng, trên ba khối đá này là một cây sào bằng gỗ dài ba mét, ở trên đỉnh có một cành cây bách xù thanh nhã. Năm dây dài *cờ cầu nguyện*³⁸ nhiều màu sắc rực rỡ được treo tỏa tròn từ một cây sào phía trên những chiếc lều của chúng tôi để bảo vệ khu trại khỏi những nguy hiểm. Mỗi ngày trước lúc bình minh, người chỉ huy Sherpa tại Trạm Căn cứ của chúng tôi – một người Sherpa khoảng 40 tuổi rất được nể trọng tên là Ang Tshering – sẽ thắp hương làm từ cây bách xù, cầu kinh tại tháp thờ; trước khi lên đường tới Thác băng, những người phương Tây cũng như người Sherpa sẽ đi ngang qua án thờ – luôn luôn đi về bên trái của nó – và qua những làn khói trầm hương để nhận sự chúc phúc từ Ang Tshering.

Nhưng khi chú ý đến những lễ nghi này, ta có thể thấy đạo Phật của những người Sherpa nơi này là một tôn giáo phi giáo điều và mềm dẻo khá

lý thú. Chẳng hạn, để được nữ thần Sagarmatha che chở, không đoàn thám hiểm nào được phép đi vào Thác băng ngay lần đầu tiên nếu như chưa trải qua một lễ cầu an (*puja*) phức tạp – một nghi lễ tôn giáo. Nhưng khi vị lạt ma gầy gò, ốm yếu dự kiến chủ trì nghi lễ *puja* không thể đến được vào ngày đã định từ ngôi làng xa xôi của ông ta, Ang Tshering tuyên bố chúng tôi được phép leo qua Thác băng, bởi vì nữ thần Sagarmatha hiểu rằng chúng tôi sẽ thực hiện nghi lễ *puja* ngay sau đó.

Người Sherpa cũng có thái độ khá thoáng như vậy đối với sự thông dâm: mặc dù những người Sherpa tuân thủ luật cấm này, nhiều người vẫn dành cho bản thân mình những ngoại lệ – vào năm 1996 thậm chí đã xảy ra cuộc tình giữa một người Sherpa và một phụ nữ Mỹ thuộc đoàn thám hiểm IMAX. Do đó, khá là ngạc nhiên khi những người Sherpa lại đổ lỗi rằng bệnh của Ngawang là do những quan hệ vụng trộm xảy ra tại trại của đoàn Mountain Madness. Tuy nhiên khi tôi chỉ cho Lopsang Jangbu – thủ lĩnh leo núi người Sherpa 23 tuổi của Fischer – thấy sự mâu thuẫn này, anh ta vẫn khẳng định rằng vấn đề không phải là một trong những nhà leo núi của đoàn Fischer đã có quan hệ tại Trạm Căn cứ, mà là cô ta còn tiếp tục quan hệ với người tình của mình ở phía trên cao ngọn núi.

Lopsang trầm ngâm một cách nghiêm trang mười tuần sau cuộc thám hiểm: “Đối với tôi và với tất cả mọi người, đỉnh Everest chính là thần thánh. Chỉ có vợ chồng mới được ngủ với nhau. Nhưng khi [X] và [Y] ngủ với nhau, sẽ là điều không tốt cho đoàn chúng tôi... Do đó tôi nói với Scott: Làm ơn đi Scott, ông là người chỉ huy. Hãy nói với cô [X] đừng có ngủ với bồ của cô ta ở Trạm Hai. Làm ơn! Nhưng Scott chỉ cười. Chỉ sau ngày đầu tiên [X] và [Y] quan hệ với nhau, chú Ngawang Topche bị bệnh tại Trại Hai. Còn bây giờ thì chú đã mất rồi”.

Ngawang là chú của Lopsang: hai người họ rất thân thiết với nhau và Lopsang đã tham gia đội cứu hộ đưa Ngawang xuống khỏi Thác băng vào đêm 22 tháng 4. Sau đó, khi Ngawang ngưng thở tại Pheriche và phải được đưa tới Kathmandu, Lopsang đã hối hả leo xuống từ Trạm Căn cứ (anh được Fischer khuyến khích) kịp lúc để đi cùng chú mình trên chuyến bay trực thăng. Chuyến bay ngắn tới Kathmandu và việc tức tốc trở về Trạm Căn cứ khiến cho Lopsang mệt mỏi và không thích nghi tốt với độ cao – việc này thật không tốt cho đoàn của anh ta: Fischer trông đợi ở anh ta ít nhất cũng giống như Hall trông đợi ở Ang Dorje, thủ lĩnh nhóm leo núi người Sherpa của mình.

Nhiều nhà leo núi Himalaya xuất sắc đã leo Everest từ mặt Nepal vào năm 1996 như Hall, Fischer, Breashears, Pete Schoening, Ang Dorje, Mike Groom và Robert Schauer (một nhà leo núi người Áo thuộc đoàn IMAX).

Nhưng bốn người có ảnh hưởng nổi bật hơn cả trong nhóm những người kiệt xuất này – những người đã chứng tỏ được khả năng tuyệt vời ở độ cao hơn 7.925m và tạo thành một nhóm riêng – là Ed Viesturs, một người Mỹ đang tham gia trong bộ phim của IMAX; Anatoli Boukreev, một người hướng dẫn đến từ Kazakhstan đang làm việc cho Fischer; Ang Babu Sherpa, một người Sherpa đang được đoàn thám hiểm Nam Phi thuê; và Lopsang.

Là một người thích giao du, có ngoại hình dễ nhìn và cực kỳ tốt bụng, Lopsang là một người hết sức tự mãn nhưng cũng rất đổi lời cuốn. Anh ta là con một, lớn lên tại vùng Rohwaling và không hề hút thuốc hay uống rượu, một điều rất lạ lùng đối với những người Sherpa. Anh ta có một chiếc răng cửa bằng vàng và một nụ cười dễ chịu. Mặc dù nhỏ con và có vóc người mảnh khảnh, nhưng cách cư xử hào nhoáng, sự chăm chỉ, và sự khỏe mạnh phi thường của mình đã khiến anh ấy nổi tiếng như một Deion Sanders³⁹ của Khumbu. Fischer nói với tôi là anh nghĩ rằng Lopsang có khả năng trở thành “Reinhold Messner thứ hai” (Reinhold Messner là nhà leo núi người vùng Tyrole, được coi là nhà leo núi Himalaya vĩ đại nhất của mọi thời đại).

Lopsang thực hiện chuyến leo núi đầu tiên vào năm 1993 ở tuổi 20 khi anh được một đoàn thám hiểm hỗn hợp Ấn Độ – Nepal thuê để mang đồ; đoàn thám hiểm này do một phụ nữ Ấn Độ tên là Bachendri Pal dẫn đầu và gồm hầu hết là các nhà ô leo núi nữ. Là thành viên trẻ nhất của đoàn, ban đầu Lopsang chỉ đóng vai trò phụ nhưng sức khỏe của anh ta ấn tượng đến nỗi vào phút chót anh ta được chỉ định tham gia nhóm chinh phục đỉnh núi, và vào ngày 16 tháng 5 anh ta đã leo lên được đỉnh núi mà không dùng bình oxy.

Năm tháng sau khi chinh phục Everest, Lopsang đã leo tới đỉnh ngọn Cho Oyu cùng một đoàn leo núi người Nhật Bản. Đến mùa xuân năm 1994, anh làm việc cho Fischer trong đoàn thám hiểm Sagarmatha Environmental và lên tới đỉnh Everest lần thứ hai, một lần nữa không dùng bình oxy. Tháng 9 năm đó, anh ta đang leo lên Triền Tây của ngọn Everest cùng một đoàn thám hiểm người Na Uy thì bị một trận tuyết lở cuốn đi; sau khi rơi xuống núi 61m, anh ta đã hãm lại được bằng một chiếc rìu phá băng, bằng cách đó anh ta đã cứu được mạng mình và hai người cùng buộc dây với mình, nhưng một người cậu tên là Mingma Norbu Sherpa do không nối dây với ai đã ngã chết. Mặc dù sự mất mát này ảnh hưởng nhiều đến Lopsang, nhưng nó vẫn không thể giảm bớt khao khát leo núi của anh ấy.

Tháng 5 năm 1995, anh ta chinh phục được đỉnh Everest lần thứ ba mà không dùng bình oxy, lần này trong vai trò một nhân viên trong đoàn thám hiểm của Hall; và ba tháng sau đó anh ta chinh phục đỉnh Broad cao 8.047m tại Pakistan trong khi đang làm việc cho Fischer. Vào thời điểm Lopsang đến

Everest với Fischer, anh ta chỉ mới bắt đầu leo núi được ba tháng, nhưng trong khoảng thời gian đó anh ta đã tham gia vào ít nhất mười cuộc thám hiểm dãy Himalaya và đã nổi tiếng là một nhà leo núi chuyên chinh phục các dãy núi cao nhất.

Cùng nhau leo lên ngọn Everest vào năm 1994, Fischer và Lopsang đã cảm thấy cực kỳ thần phục nhau. Cả hai đều có nghị lực vô bờ bến, sức quỳn rũ không thể cưỡng lại và khả năng thu hút phụ nữ tuyệt vời. Cui Fischer như một người thầy cũng như là một hình mẫu, Lopsang thậm chí còn để kiểu tóc đuôi ngựa giống Fischer. Lopsang giải thích cho tôi với vẻ tự cao đặc trưng: “Scott là một người rất khỏe mạnh, tôi là một người rất khỏe mạnh. Chúng tôi là những đồng đội tuyệt vời. Scott không trả lương cho tôi cao như Hall hay những người Nhật Bản, nhưng tôi không cần tiền; tôi đang tìm kiếm tương lai và Scott chính là tương lai của tôi. Ông ấy đã nói với tôi: ‘Lopsang, anh chàng Sherpa mạnh mẽ của tôi! Tôi sẽ làm cho cậu nổi tiếng!’ ... Tôi nghĩ Scott có nhiều kế hoạch lớn lao dành cho tôi tại Mountain Madness”.

Chương 10: MẶT LHOTSE

NGÀY 29 THÁNG 4 NĂM 1996

7.132 MÉT

Tại Mỹ, sở thích leo núi không nhận được sự thông cảm rộng rãi của công chúng trên cả nước như ở các quốc gia châu Âu thuộc dãy Alps hoặc như người Anh, những người đã phát minh ra môn thể thao này. Ở những quốc gia này tồn tại một thái độ tương tự như sự thấu hiểu, và mặc dù nhìn chung thì ai cũng sẽ coi đó là một sự mạo hiểm vô ích đối với mạng sống, nhưng họ chấp nhận rằng đó là một việc cần làm. Ở Mỹ không hề có sự thừa nhận như vậy.

Walt Unsworth

Ngọn Everest

Một ngày sau khi nỗ lực leo lên Trại Ba lần đầu tiên của chúng tôi bị gió và cái lạnh khủng khiếp ngăn cản, tất cả mọi người trong nhóm của Hall (trừ Doug đang ở lại Trại Hai để chờ thanh quản bình phục) lại thử thêm lần nữa. Phía trên mặt dốc không lồ của Mặt Lhotse khoảng 300m, tôi leo lên một sợi dây cố định nylon đã bạc màu dường như dài bất tận, và càng leo cao hơn tôi càng chậm lại. Tôi trượt chiếc tay leo lên phía trên dọc theo sợi dây cố định bằng bàn tay có đeo găng, dồn trọng lượng của mình vào thiết bị và hít hai hơi thật sâu và nặng nhọc; sau đó tôi di chuyển chân trái lên và đạp đế đỉnh vào băng, vôi vàng hít hai hơi nữa; bước chân phải lên kế bên chân trái, hít vào và thở ra một lần nữa; và lại trượt chiếc tay leo lên phía trên. Tôi đã cố gắng một cách hết sức nhằm chán như vậy trong suốt ba tiếng đồng hồ, và theo dự kiến tôi sẽ phải tiếp tục ít nhất một giờ nữa trước khi được nghỉ ngơi. Theo cách thức khô sở này, tôi nhích lên từng phân từng phân một để leo lên một khu trại được đồn là được đặt ở một nơi nào đó trên mặt dốc phía trên kia.

Những người không leo núi – nghĩa là phần lớn nhân loại – thường cho rằng môn thể thao này là sự theo đuổi đầy liều lĩnh và đam mê những cảm giác mạnh ngày càng “lên đô”. Tuy nhiên quan điểm cho rằng những người leo núi chỉ đơn thuần là những người nghiện adrenaline luôn muốn một liều “phê hơn” là một ý kiến sai lầm, ít nhất là trong trường hợp của ngọn Everest. Những gì tôi đã làm trên đó hoàn toàn khác với việc nhảy bungee hoặc rơi tự do (trước khi bung dù) hay cưỡi mô tô với tốc độ 200km/h.

Trên cao không có những tiện nghi như ở Trạm Căn cứ, và chuyến thám hiểm thật ra là một nhiệm vụ vô cùng khó nhọc. So với những ngọn núi khác, chinh phục ngọn núi này chỉ mang lại cho người ta rất nhiều khổ cực hơn là niềm vui sướng; tôi nhanh chóng hiểu ra rằng leo núi Everest chủ yếu chính là chịu đựng sự khó nhọc. Và khi tự bắt mình phải trải qua hết tuần

này đến tuần khác trong sự vất vả, chán ngắt và cực nhọc, tôi bỗng giật mình nhận ra có lẽ hầu hết chúng tôi đang mãi tìm kiếm, hơn tất cả, một thứ gì đó như là lý tưởng của cuộc đời chúng tôi.

Tất nhiên với vô số những tay leo núi ít có tâm hơn với môn thể thao này, họ cũng có động cơ riêng cho mình: đó chính là sự nổi tiếng, thăng tiến trong sự nghiệp, sự thỏa mãn cho cái tôi, thói khoe khoang và lòng tham lam của họ. Nhưng những cảm dỗ xấu xa này thường cũng không quá nghiêm trọng như nhiều người chỉ trích thường đề cập đến. Thật ra, nhiều tuần trên đỉnh Everest đã khiến tôi phải xem xét lại những nhận định ban đầu của mình về vài đồng đội leo núi.

Ví dụ như Taske Beck Weathers, lúc này trông như một đốm nhỏ xíu màu đỏ trên băng trắng phía dưới tôi 152 mét, ở gần cuối một hàng dài những người leo núi. Ấn tượng đầu tiên của tôi về Beck không được tốt cho lắm: một nhà nghiên cứu bệnh học quá sốt sắng từ Dallas với những kỹ năng leo núi tệ hơn mức xoàng, thoát đầu anh ta tham gia đoàn leo núi như một tay Cộng hòa giàu có và khoác lác đang muốn bỏ tiền mua đỉnh Everest để trưng bày trong bộ sưu tập của mình. Nhưng càng biết rõ hơn, tôi càng kính trọng anh ta hơn. Mặc dù đôi giày mới cứng ngắc đã khiến chân anh ta bị ép lại như một chiếc hamburger, nhưng Beck vẫn tiếp tục tập tễnh leo lên, hết ngày này qua ngày khác, mà không hề nói tới những vết thương ghê gớm đó. Anh ta là một người dai sức, có nghị lực và chịu đựng được nghịch cảnh. Và những gì lúc đầu tôi cho là ngạo mạn thì ngày càng rõ là sự cởi mở nơi anh. Người đàn ông này dường như không hề có ý nghĩ xấu xa về bất kỳ ai trên thế giới này (dù đó có là Hillary Clinton). Sự vui vẻ và tính lạc quan của Beck có sức lôi cuốn đến nỗi dần dần tôi cũng rất thích anh ta.

Là con trai của một sĩ quan không quân chuyên nghiệp, Beck đã trải qua thời thơ ấu của mình di chuyển hết căn cứ quân sự này tới căn cứ quân sự khác trước khi ổn định tại Wichita Falls để học đại học. Anh ta tốt nghiệp trường y, lập gia đình, có hai người con và trở thành một bác sĩ ăn nên làm ra tại Dallas. Sau đó, vào năm 1986, đã qua tuổi 40, Beck đi nghỉ tại Colorado, bị những miền núi cao mê hoặc, và đã ghi danh theo học một khóa leo núi căn bản tại Công viên Quốc gia Rocky Mountain.

Không có gì lạ khi bác sĩ là những người đầy tham vọng; Beck không phải là vị bác sĩ đầu tiên tỏ ra nhiệt tình với một sở thích mới. Nhưng leo núi không giống như chơi golf hay quần vợt hay những thú tiêu khiển khác đang khiến những người bạn của anh ta mê mết. Những yêu cầu của leo núi – những nỗ lực về thể chất và cảm xúc, những mối nguy hiểm thật sự – khiến cho leo núi không chỉ đơn giản là một trò chơi. Leo núi cũng giống như bản thân cuộc sống, chỉ có nó mới có thể làm khuây khỏa đến vậy và chưa từng

có thứ gì khiến Beck hào hứng đến vậy. Vợ của anh ta, cô Peach, ngày càng lo ngại về niềm say mê của anh ta và về việc leo núi đã làm cho anh phải xa gia đình. Cô ấy càng khó chịu vì mới theo đuổi môn thể thao này chưa được bao lâu, Beck đã tuyên bố quyết định chinh phục Thất Đỉnh.

Mặc dù mơ ước của Beck có vẻ ích kỷ và hơi quá lớn, nhưng nó không phải là điều phù phiếm. Tôi cũng bắt đầu nhận ra mục tiêu hết sức nghiêm túc như thế ở Lou Kasischke, vị luật sư từ Bloomfield Hills; của Yasuko Namba, người phụ nữ Nhật trầm lặng luôn ăn sáng bằng mì sợi; của John Taske, một chuyên gia gây mê 56 tuổi đến từ Brisbane chỉ bắt đầu học leo núi sau khi rời quân ngũ.

“Khi nghỉ hưu, tôi dường như mất phương hướng”, Taske nhớ lại một cách tiếc nuối bằng giọng Úc rất nặng. Ông ta đã từng giữ vị trí quan trọng trong quân đội – đại tá Lực lượng Không quân Đặc biệt của Úc, tương đương với lực lượng Mũ nồi xanh. Ông ta đã từng tham gia hai chiến dịch tại Việt Nam trong giai đoạn cao trào của cuộc chiến, rồi đột nhiên thấy mình hoàn toàn chưa chuẩn bị gì cho quãng đời phẳng lặng ngoài quân ngũ. “Tôi nhận ra rằng tôi thậm chí chẳng nói chuyện được với người bình thường. Cuộc hôn nhân của tôi cũng tan vỡ. Những gì tôi có thể thấy được là đường hầm dài tăm tối này đang đóng lại, đang kết thúc trong sự ồm ỷ, tuổi già và cái chết. Sau đó, tôi bắt đầu leo núi, và môn thể thao này mang lại cho tôi hầu hết những gì mà tôi thiếu trong quãng đời khoác áo thường dân – đó là những thách thức, tình bằng hữu, và ý thức về nhiệm vụ cần thực hiện.

Khi sự đồng cảm của tôi dành cho Taske, Weathers và một vài đồng đội khác tăng lên, tôi lại càng cảm thấy không thoải mái trong vai trò nhà báo của mình. Tôi không băn khoăn khi phải viết trung thực về Hall, Fischer, hay Sandy Pittman; bọn họ đã cố thu hút sự chú ý của giới truyền thông trong nhiều năm nay. Nhưng những đồng đội của tôi lại là một vấn đề khác. Khi họ ký hợp đồng tham gia chuyến thám hiểm của Hall, không ai biết có một phóng viên nằm trong đoàn đang liên tục ghi chép, âm thầm ghi lại những lời nói và hành động của họ để phơi bày những nhược điểm của họ ra công chúng. Mà công chúng thì chưa chắc đã cảm thông được với họ.

Sau khi chuyến thám hiểm kết thúc, Weathers được chương trình truyền hình *Turning Point* phỏng vấn. Trong một đoạn phỏng vấn không nằm trong phần được biên tập phát sóng, người dẫn chương trình của kênh tin tức ABC Forrest Sawyer đã hỏi Beck: “Anh nghĩ gì về việc có một phóng viên đi theo đoàn?” Beck trả lời:

Việc đó gây thêm nhiều áp lực. Tôi luôn hơi lo lắng một chút khi nghĩ anh bạn đó sẽ trở về và viết một câu chuyện được

vài triệu người đọc. Và, ý tôi là, chỉ mình bạn và đoàn leo núi ở trên đó thôi thì cũng đã đủ tệ rồi nếu bạn làm những điều ngớ ngẩn. Việc ai đó có thể viết về bạn trên tạp chí giống như một chú hề hay một anh diễn viên hài sẽ tác động lên tinh thần của bạn, quy định cách bạn thể hiện, sự nỗ lực trong khi leo của bạn. Và tôi cho rằng điều đó sẽ ép mọi người phải cố gắng hơn mức họ muốn. Và ngay cả với những hướng dẫn viên cũng vậy. Ý tôi là, họ muốn đưa khách lên đỉnh vì có người sẽ viết về họ, sẽ đánh giá họ.

Một lát sau khi Sawyer hỏi: “Anh có cảm thấy rằng việc có một phóng viên đi theo đã gây thêm áp lực cho Rob Hall?”. Beck trả lời:

Không thể là không. Công việc này chính là “nồi com” của Rob, và nếu một trong những khách hàng của anh ta bị thương thì đó sẽ là điều tồi tệ nhất đối với một hướng dẫn viên... Hai mùa trước Rob đã thành công khi đưa được cả đoàn khách lên đỉnh núi, thật phi thường. Và tôi thực sự cho rằng anh ta đã nghĩ nhóm chúng tôi đủ mạnh để có thể lặp lại thành tích đó... Do đó tôi nghĩ rằng bạn sẽ chịu áp lực để khi xuất hiện trên báo, tạp chí một lần nữa, tất cả mọi thứ sẽ được tường thuật một cách thuận lợi.

* * *

Cuối cùng khi tôi lên được Trại Ba thì đã gần trưa. Trại Ba là ba chiếc lều màu vàng, nằm ở khoảng giữa sườn dốc chónng mặt của Mặt Lhotse, chen chúc nhau trên một nền trại đã được những người Sherpa của chúng tôi đổ vào một sườn băng dốc. Khi tôi đến, Lhakpa Chhiri và Arita đang làm việc chăm chỉ để san nền cho chiếc lều thứ tư, do đó tôi bỏ ba lô ra và giúp họ. Ở độ cao 7.315m này, tôi chỉ có thể thực hiện được bảy tám nhát rìu trước khi phải dừng lại hơn một phút để thở. Không cần phải nói thì ai cũng biết sự giúp đỡ tận lực của tôi chẳng có nghĩa lý gì và phải mất gần một giờ họ mới hoàn thành công việc.

Khu trại của chúng tôi nằm phía trên khu lều của các đoàn thám hiểm khác 30,5m theo phương đứng, trông cực kỳ bắt mắt. Trong hàng tuần lễ chúng tôi đã phải làm việc cật lực trong một hẻm núi; giờ đây lần đầu tiên trong chuyến thám hiểm, khung cảnh chủ yếu là bầu trời chứ không còn là mặt đất. Những đám mây trắng mềm mại trôi lượn dưới ánh mặt trời, in dấu lên khu vực đẹp như tranh này một ma trận chuyển động của những bóng râm và ánh sáng chói mắt. Trong khi chờ các đồng đội leo lên, tôi ngồi, chân thõng xuống vực thẳm, ngắm những đám mây, và nhìn xuống các đỉnh núi

cao 6.706m mà một tháng trước hãy còn vươn cao trên đầu chúng tôi. Cuối cùng, tôi có cảm giác như mình đang thật sự ở rất gần mái nhà của thế giới.

Tuy vậy, đỉnh núi vẫn còn cao hơn đó 1,6km, bao quanh nó là một quầng hơi nước ngưng tụ do gió gây ra. Tuy nhiên, ngay cả khi phần trên của ngọn núi bị những cơn gió có vận tốc hơn 160km/h cày xới thì không khí ở Trại Ba hầu như vẫn không bị khuấy động. Và khi chiều buông xuống, tôi bắt đầu cảm thấy chóng mặt vì bức xạ dữ dội của mặt trời – nhưng ít nhất tôi hy vọng sức nóng làm tôi mù người ra, chứ không phải là dấu hiệu của chứng phù não.

Chứng Phù não do độ cao (HACE) ít phổ biến hơn so với chứng Phù phổi do độ cao (HAPE), nhưng lại nguy hiểm hơn. Là một chứng bệnh liên quan đến các vách ngăn tế bào, HACE xảy ra khi chất dịch thoát ra từ những mạch máu não đói oxy, khiến cho não sưng tấy lên nghiêm trọng. Nó có thể xảy ra với rất ít hoặc không có dấu hiệu báo trước nào. Khi áp suất tăng lên trong hộp sọ, khả năng vận động và tư duy giảm đi với tốc độ đáng báo động – thường thì chỉ trong khoảng vài giờ hoặc ít hơn – và thông thường nạn nhân không kịp nhận ra được thay đổi này. Tiếp theo đó là hôn mê, rồi đến tử vong trừ phi người bị bệnh được nhanh chóng di chuyển xuống độ cao thấp hơn.

Chiều hôm đó tôi nghĩ đến chứng HACE bởi vì chỉ cách đây hai ngày, một khách hàng của Fischer tên là Dale Kruse, một nhà sĩ 44 tuổi quê ở Colorado, đã bị ngất đi vì chứng bệnh này ngay tại Trại Ba. Là một người bạn lâu năm của Fischer, Kruse là một nhà leo núi khỏe mạnh và rất có kinh nghiệm. Vào ngày 26 tháng 4 anh ta đã leo từ Trại Hai lên Trại Ba, hâm một ít trà cho mình và các đồng đội, sau đó nằm trong lều của mình để ngủ một chút. “Tôi thấy rất buồn ngủ”, Kruse nhớ lại, “và kết cục đã ngủ suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, tới tận khoảng 2 giờ chiều ngày hôm sau. Khi có ai đó đánh thức tôi dậy, những người khác lập tức nhận ra rằng não của tôi không hoạt động nhưng tôi vẫn không nhận ra điều này. Scott nói với tôi: “Chúng tôi sẽ đưa anh xuống ngay lập tức”.

Kruse đang trải qua một giai đoạn cực kỳ khó khăn. Ông gặp khó khăn trong những chuyện đơn giản như tự mình cố gắng mặc quần áo. Ông ta mang bộ đai leo núi lộn vào trong, luồn nó qua chiếc vạt cài nút trên bộ đồ chống gió của mình và không thể cài khóa. May mắn thay, Fischer và Neal Beidleman đã nhận ra điều tồi tệ này trước khi Kruse bắt đầu leo. Beidleman nói: “Nếu anh ấy cố gắng trèo xuống những sợi dây thừng trong tình trạng như thế này, anh ta sẽ ngay lập tức tuột khỏi bộ dây đai và rơi xuống đáy của Mặt Lhotse”.

Kruse hồi tưởng lại: “Cứ như thể tôi đã say lắm rồi. Tôi không thể bước đi mà không bị trượt chân và hoàn toàn mất khả năng suy nghĩ hay nói chuyện. Đó thực sự là một cảm giác lạ. Tôi có vài điều muốn nói, nhưng tôi lại không biết làm cách nào để mở miệng ra. Do đó Fischer và Neal đã phải giúp tôi mặc đồ và chắc chắn rằng bộ dây đai của tôi đã được đeo đúng cách, sau đó Scott hạ tôi xuống những sợi dây cố định”. Vào lúc Kruse xuống tới Trạm Căn cứ, anh ta nói: “Phải mất thêm ba hay bốn ngày nữa thì tôi mới có thể đi từ lều của mình đến chiếc lều lộn xộn này mà không bị liên tục trượt chân”.

* * *

Khi mặt trời buổi tối lặn xuống phía sau ngọn Pumori, nhiệt độ tại Trại Ba tụt xuống hơn năm mươi độ, và khi không khí trở nên giá lạnh, đầu óc tôi trở nên sáng suốt: lo lắng của tôi về việc mắc chứng HACE trở nên không có căn cứ, ít nhất là trong lúc này. Sáng hôm sau, sau một đêm mất ngủ và khốn khổ ở độ cao 7.315m, chúng tôi leo xuống Trại Hai, và một ngày sau đó, ngày 1 tháng 5, chúng tôi tiếp tục xuống Trạm Căn cứ để hồi phục lại sức khỏe chuẩn bị cho chuyến chinh phục đỉnh núi.

Thời gian luyện tập thích nghi của chúng tôi đã chính thức kết thúc – và trước sự ngạc nhiên thú vị của tôi, tính toán của Hall đã tỏ ra có hiệu quả: sau ba tuần trên ngọn núi, tôi nhận thấy rằng không khí tại Trạm Căn cứ có vẻ đặc và nhiều oxy hơn so với không khí cực kỳ loãng tại các trại phía trên cao.

Tuy nhiên, không phải mọi thứ đều ổn đối với cơ thể tôi. Tôi đã sụt gần mười ký, chủ yếu là ở vai, lưng và chân. Cơ thể tôi cũng đã đốt gần như toàn bộ lớp mỡ dưới da, khiến cho tôi nhạy cảm hơn rất nhiều đối với cái lạnh. Nhưng vấn đề nghiêm trọng nhất của tôi lại là ngực: chứng ho khan mà tôi mắc phải nhiều tuần trước tại Lobuje đã trở nên tồi tệ đến nỗi tôi đã bị xé một số sụn ở ngực trong một cơn ho đặc biệt nghiêm trọng tại Trại Ba. Chứng ho này vẫn tiếp tục không hề giảm sút và mỗi cơn ho có cảm giác giống như một cú đánh mạnh vào những chiếc xương sườn.

Hầu hết những người leo núi khác ở Trạm Căn cứ cũng ở trong tình trạng hao hụt tương tự – đó đơn giản chỉ là sự thật về cuộc sống trên ngọn Everest. Trong năm ngày nữa, những người leo núi chúng tôi thuộc đoàn của Hall và Fischer sẽ rời Trạm Căn cứ để lên đỉnh. Hy vọng ngăn chặn được sự suy sụp của mình, tôi quyết tâm nghỉ ngơi, dùng thuốc giảm đau và nạp vào người càng nhiều calorie càng tốt vào lúc này.

Ngay từ đầu, Hall đã dự tính rằng ngày 10 tháng 5 sẽ là ngày chúng tôi chinh phục đỉnh núi. Anh ta giải thích: “Trong bốn lần chúng tôi lên tới đỉnh,

có hai lần là vào ngày 10 tháng 5. Như những người Sherpa nói, ngày 10 là ‘ngày lành’ đối với tôi”. Nhưng có một lý do thực tế hơn để chọn ngày này: tình trạng dao động của gió mùa khiến cho điều kiện thời tiết thuận lợi nhất trong năm rơi vào đúng hoặc gần ngày 10 tháng 5.

Trong suốt tháng 4, dòng khí hướng vào ngọn Everest như một con ngựa lửa, tấn công chớp núi với những cơn gió cấp tám. Thậm chí trong những ngày ở Trạm Căn cứ hoàn toàn êm ả và đầy ánh nắng mặt trời, thì trên đỉnh núi vẫn có một khối tuyết khổng lồ do gió thổi rơi xuống. Nhưng vào đầu tháng 5, chúng tôi hy vọng gió mùa từ Vịnh Bengal thổi vào sẽ đẩy luồng khí về phía bắc qua Tây Tạng. Nếu như năm nay cũng giống như các năm trước thì giữa khoảng thời gian gió bắt đầu đi và những cơn bão gió mùa bắt đầu đến, chúng tôi sẽ có một khoảng thời gian ngắn thời tiết sáng sủa và lặng gió, khi ấy việc chinh phục đỉnh núi sẽ là khả thi.

Thật không may mắn, kiểu thời tiết hàng năm không phải là điều gì bí mật, và mọi đoàn thám hiểm đều quyết tâm chinh phục đỉnh núi vào khoảng thời gian thời tiết thuận lợi này. Với hy vọng tránh được tình trạng ùn tắc trên sườn núi lên đỉnh, Hall triệu tập một buổi họp lớn với những người dẫn đầu các đoàn leo núi khác tại Trạm Căn cứ. Mọi người đã đi đến quyết định rằng Goran Kropp, chàng trai Thụy Điển đã đi xe đạp từ Stockholm đến Nepal, sẽ là người leo núi đầu tiên và một mình vào ngày 3 tháng 5. Kế tiếp sẽ là một đội đến từ Montenegro. Sau đó, vào ngày 8 hoặc 9 tháng 5 sẽ đến lượt đoàn IMAX.

Nhóm của Hall sẽ cùng leo lên đỉnh vào ngày 10 tháng 5 với nhóm của Fischer. Sau khi suýt bị thiệt mạng vì một tảng đá rơi ở thấp phía dưới trên Mặt Tây Nam, Peter Neby, vận động viên leo núi một mình người Na Uy, đã bỏ về: anh ta đã lặng lẽ rời khỏi Trạm Căn cứ vào một buổi sáng và trở về bán đảo Scandinavia. Một nhóm thám hiểm có người hướng dẫn do hai người Mỹ Todd Burleson và Pete Anthans cùng với đoàn thương mại của Mal Duff và một đoàn thương mại người Anh khác đều hứa sẽ không leo vào ngày 10 tháng 5; đoàn Đài Loan cũng thế. Tuy nhiên, Ian Woodall tuyên bố rằng nhóm Nam Phi sẽ leo lên đỉnh bất cứ khi nào mà họ cảm thấy thuận lợi, rất có thể là vào ngày 10, và rằng bất kỳ ai không thích việc này có thể đi chỗ khác chơi.

Hall, vốn bình thường rất khó nổi giận, đã nhanh chóng nổi xung thiên khi biết rằng Woodall từ chối hợp tác. Anh ấy giận dữ: “Tôi không muốn ở bất kỳ chỗ nào phía trên đỉnh núi khi những tên ngốc này đang trèo lên đó”.

Chương 11: TRẠM CĂN CỨ

NGÀY 6 THÁNG 5 NĂM 1996

5.364 MÉT

Trong môn leo núi, sự giản hóa mối quan hệ con người, việc giảm tình bạn xuống thành sự phối hợp hành động sao cho ăn ý (như trong chiến tranh vậy), hay việc dùng một cái khác (một ngọn núi, một thử thách nào đó) để thay thế cho mối quan hệ chiếm bao nhiêu phần trăm sức quyến rũ? Đằng sau không khí thần bí của sự phiêu lưu, bền bỉ, ước mơ lãng du tự do – những thuốc giải rét cần cho sự thoải mái và tiện nghi sẵn có trong nền văn hóa của chúng ta – có thể ẩn chứa sự từ chối kiểu “ngựa non” không suy nghĩ đến tuổi già, sự mong manh của sự vật, trách nhiệm giữa người với người, đủ loại nhược điểm, đến bản thân dòng đời phẳng lặng và chậm chạp đang trôi qua...

Các nhà leo núi giỏi nhất... có thể xúc động mạnh, thậm chí có thể khóc, nhưng nước mắt chỉ dành cho những đồng đội đã ra đi mà họ ngưỡng mộ. Một sự lạnh lẽo nào đó, hết sức giống nhau về cung bậc, thể hiện trong các tác phẩm của Buhl, John Harlin, Bonatti, Bonington và Haston: đó là thái độ lạnh lẽo của năng lực. Có lẽ đây chính là mục đích của việc leo núi cao: đến một điểm mà, theo lời của Haston, “Nếu có bất kỳ trục trặc nào, thì đó sẽ là một trận chiến quyết tử. Nếu bạn luyện tập đủ, bạn sẽ sống sót; nếu không tự nhiên sẽ làm việc của nó”.

David Robert

“Patey Agonistes”

Những khoảnh khắc ngờ vực

Chúng tôi rời Trạm Căn cứ vào lúc 4 giờ 30 sáng ngày 6 tháng 5 để bắt đầu nỗ lực chinh phục đỉnh của mình. Đỉnh núi, hơn 3km theo phương đứng ở trên kia, trông quá xa vời nên tôi cố gắng giới hạn suy nghĩ của mình ở lại Trại Hai, điểm đến của chúng tôi trong ngày hôm nay. Ngay khi tia nắng đầu tiên chiếu đến tảng băng, tôi đã ở độ cao 6.096m, trong lòng Thung lũng Tây; tôi cảm thấy biết ơn vì Thác băng đã ở bên dưới mình và tôi sẽ chỉ phải đi qua nó một lần nữa thôi, trong chuyến đi cuối cùng xuống núi.

Tôi đã bị cái nóng của Thung lũng hành hạ mỗi khi tôi đi qua nó, và lần này cũng không phải là ngoại lệ. Dẫn đầu hàng leo lên cùng Andy Harris, tôi liên tục nhét đầy tuyết vào dưới nón và di chuyển thật nhanh trong mức mà phổi và chân tôi cho phép, hy vọng rằng sẽ đến được bóng mát của những chiếc lều trước khi không chịu nổi bức xạ của mặt trời. Khi buổi sáng trôi qua và mặt trời bắt đầu đổ lửa, đầu tôi bắt đầu cảm thấy nặng. Lưỡi tôi phồng lên đến nỗi tôi rất khó khăn trong việc thở bằng miệng, và tôi nhận

thấy rằng càng ngày tôi càng khó suy nghĩ một cách tỉnh táo.

Andy và tôi lê lết được đến Trại Hai vào lúc 10 giờ 30 sáng. Sau khi tu liền hai lít Gatorade tôi lấy lại được trạng thái cân bằng. Andy chia sẻ: “Thật vui vì cuối cùng chúng ta cũng trên đường lên đỉnh”. Anh ta đã phải ở thấp bên dưới vì mắc nhiều chứng bệnh đường ruột trong phần lớn chuyến thám hiểm và cuối cùng cũng đang lấy lại sức khỏe của mình. Là một hướng dẫn viên tài năng với sự kiên nhẫn đáng khâm phục, anh ta thường được phân công theo dõi những khách hàng chậm hơn ở cuối nhóm và cảm thấy vô cùng hồi hộp khi Rob để anh ta được tự do trong sáng nay để đi đến đích. Là một hướng dẫn viên trẻ trong đoàn của Hall, và là người duy nhất chưa từng đến Everest, Andy hăm hở muốn chứng tỏ bản thân mình với những người đồng nghiệp dày dạn kinh nghiệm khác. “Tôi nghĩ chúng ta thật sự sẽ chinh phục được gã khổng lồ đó”, anh ta giải bày với một nụ cười tươi và nhìn chăm chăm lên đỉnh núi.

Trễ hơn vào ngày hôm đó, Goran Kropp, anh chàng leo núi đơn độc 29 tuổi người Thụy Điển, đi ngang qua Trại Hai trên đường trở về Trạm Căn cứ, trông có vẻ mệt mỏi. Vào ngày 16 tháng 10 năm 1995, anh ta đã rời Stockholm trên một chiếc xe đạp được chế tạo riêng chất đầy 114 kg đồ nghề, với dự định thực hiện một chuyến đi khứ hồi từ độ cao ngang mực nước biển ở Thụy Điển lên đến đỉnh núi Everest hoàn toàn bằng chính sức lực của mình, mà không cần đến sự trợ giúp của những người Sherpa hay dùng bình oxy. Đó là một mục tiêu cực kỳ tham vọng, nhưng Kropp có khả năng thực hiện được điều đó: anh ta đã từng tham gia sáu chuyến thám hiểm Himalaya trước đây và đã từng thực hiện những chuyến leo núi một mình lên đỉnh Broad, Cho Oyu và K2.

Suốt gần 13.000km đi xe đạp tới Kathmandu, anh ta đã bị những học sinh Rumani trấn lột và bị một đám đông người Pakistan tấn công. Tại Iran, một người đi xe mô tô giận dữ đã phang một chiếc gậy bóng chày vào đầu (thật may mắn) có đội mũ bảo hiểm của Kropp. Tuy nhiên anh ta vẫn đến được chân núi Everest mà không hề hấn gì vào đầu tháng 4 với một nhóm làm phim đi theo, và ngay lập tức đã thực hiện những chuyến leo thích nghi trên phần thấp của dãy núi. Sau đó, vào Thứ tư, ngày 1 tháng 5, anh ta rời Trạm Căn cứ để leo lên đỉnh núi.

Kropp đến trại cuối của mình ở độ cao 7.925m trên Đèo Nam vào trưa thứ Năm và bắt đầu leo lên đỉnh ngay sau nửa đêm của buổi sáng hôm sau. Mọi người tại Trạm Căn cứ đều ở sát chiếc bộ đàm của mình trong suốt ngày hôm đó, hồi hộp chờ đợi tin tức về chuyến leo của anh ấy. Bên trong chiếc lều bê bối của chúng tôi, Helen Wilton treo một tấm biển có dòng chữ: “Lên nào, Goran, Lên nào!”

Lần đầu tiên trong nhiều tháng hầu như không có gió thổi mạnh trên ngọn núi, nhưng tuyết ở phần trên của ngọn núi dày tới bắp đùi, khiến cho việc di chuyển rất chậm chạp và mệt mỏi. Tuy vậy, Kropp vẫn di chuyển không ngừng lên phía trên qua những đụn tuyết và đến hai giờ chiều ngày thứ Năm anh ta đã đạt đến độ cao 8.748m, ngay bên dưới Đỉnh Nam. Nhưng thậm chí khi chỉ còn cách đỉnh núi không quá sáu mươi phút leo, anh ta đã quyết định quay lại khi tin rằng mình sẽ trở nên quá mệt mỏi để có thể leo xuống an toàn nếu tiếp tục leo cao thêm nữa.

“Quay lại khi ở gần đỉnh như vậy...”, Hall trầm ngâm lắc đầu nói như vậy khi Kropp lê bước nặng nề qua Trại Hai trên đường xuống núi vào ngày 6 tháng 5. “Điều đó chứng tỏ óc suy xét tuyệt vời của anh chàng Goran trẻ tuổi này. Tôi rất ấn tượng – thực ra là ấn tượng hơn nhiều so với nếu anh ta tiếp tục leo lên và chinh phục được đỉnh núi”. Trong suốt tháng rồi, Rob đã thuyết đi thuyết lại về tầm quan trọng của việc định trước giờ trở xuống vào ngày chúng tôi lên đỉnh – trong trường hợp của chúng tôi là 1 giờ chiều hoặc trễ nhất là 2 giờ – và về việc phải tuân thủ giờ đã định cho dù chúng tôi có ở gần đỉnh núi đến thế nào chăng nữa. “Nếu có đủ quyết tâm thì bất kỳ tên ngốc nào cũng có thể leo lên ngọn núi này. Vấn đề khó khăn chính là việc trở xuống an toàn”.

Về bề ngoài dễ chịu của Hall che giấu một khao khát thành công mãnh liệt – anh ta định nghĩa thành công một cách đơn giản là đưa được càng nhiều khách leo núi lên đỉnh càng tốt. Để bảo đảm thành công, Rob rất chú ý đến các chi tiết: sức khỏe của những người Sherpa, hệ thống điện năng lượng mặt trời, độ sắc của những chiếc đế đỉnh của khách. Hall yêu thích công việc hướng dẫn, và anh ta cảm thấy phiền lòng khi những nhà leo núi nổi tiếng – bao gồm cả Ngài Edmund Hillary – không đánh giá đúng việc hướng dẫn vất vả như thế nào hoặc không tôn trọng nghề này như Rob mong đợi.

* * *

Rob quy định Thứ ba ngày 7 tháng 5 sẽ là ngày nghỉ ngơi, do đó chúng tôi thức dậy trễ và ngồi quanh Trại Hai, tranh nhau nói về những dự đoán hội họp cho chuyến chinh phục đỉnh núi sắp tới. Tôi coi lại những chiếc đế đỉnh của mình và một số dụng cụ khác, sau đó thử đọc một cuốn sách của Carl Hiaasen nhưng lại quá tập trung vào việc leo núi đến nỗi tôi cứ đọc đi đọc lại một câu mà không nhớ được từ nào.

Cuối cùng tôi bỏ cuốn sách xuống, chụp vài bức ảnh Doug đứng cầm lá cờ mà các em học sinh trường Kent nhờ anh ta mang theo lên đỉnh, và hỏi anh ta về những khó khăn trên đỉnh núi; anh ta vẫn còn nhớ rõ những kinh nghiệm của năm trước. Anh ta nhăn mặt: “Khi chúng ta lên đến đỉnh. Tôi

đảm bảo anh sẽ trở thành thương phế binh”. Doug nhất định tham gia cuộc chinh phục đỉnh núi mặc dù cổ họng vẫn hành anh ta và sức khỏe của anh dường như đang ở mức tệ nhất. Như anh ta nói: “Tôi đã đầu tư quá nhiều cho ngọn núi này nên không thể bỏ cuộc mà không nỗ lực hết mức”.

Cuối buổi chiều hôm đó, Fischer đi qua trại của chúng tôi, môi mím chặt, di chuyển chậm chạp một cách lạ thường về khu lều của anh ấy. Anh ta thường xuyên duy trì một thái độ hết sức lạc quan; một trong những câu nói ưa thích của anh ấy là: “Nếu bạn đang chán nản, bạn sẽ không lên được tới đỉnh núi, do đó chừng nào chúng ta còn ở trên này, chúng ta cần phải tỏ ra lạc quan”. Tuy nhiên, vào lúc này Scott dường như chẳng lạc quan tí nào; thay vào đó anh ta trông có vẻ lo lắng và mệt mỏi.

Do đã khuyến khích các khách hàng của mình leo lên, leo xuống ngọn núi một cách độc lập trong suốt thời gian thích nghi, nên Fischer phải thực hiện nhiều cuộc di chuyển vội vã và đột xuất giữa Trạm Căn cứ và các trại phía trên khi một vài khách hàng của anh ta gặp sự cố và cần phải được hộ tống xuống dưới. Anh ta đã thực hiện những chuyến đi đặc biệt để trợ giúp Tim Madsen, Pete Schoening, và Da le Kruse. Và giờ đây, trong thời gian nghỉ ngơi một ngày rưỡi hết sức cần thiết, Fischer cũng buộc phải thực hiện một chuyến đi từ Trại Hai xuống Trạm Căn cứ và quay trở lên để giúp người bạn tốt của mình là Kruse sau khi anh ta phải xuống núi vì một chứng bệnh dường như là HACE tái phát.

Fischer đã lên tới Trại Hai vào khoảng giữa trưa hôm qua, chỉ sau Andy và tôi, và bỏ xa các khách hàng của anh ấy. Anh ta đã chỉ thị cho anh chàng hướng dẫn Anatoli Boukreev giúp những người bị tụt lại sau, theo sát đoàn và chú ý đến tất cả mọi người. Nhưng Boukreev đã phớt lờ chỉ thị của Fischer: thay vì cùng leo với toàn đội, anh ta dậy trễ, tắm rửa và rời khỏi Trạm Căn cứ trễ hơn người khách hàng cuối cùng năm giờ đồng hồ. Do đó, khi Kruse gục xuống ở độ cao 6.096m với một cơn nhức đầu khủng khiếp, Boukreev không có mặt ở gần đó, buộc Fischer và Beidleman phải di chuyển gấp từ Trại Hai xuống để xử lý tình huống khẩn cấp này ngay khi biết tin tức về tình trạng của Kruse từ những người leo núi đang leo lên Thung lũng Tây.

Không bao lâu sau khi Fischer đến được chỗ Kruse và bắt đầu chuyến leo đầy trắc trở xuống Trạm Căn cứ, họ gặp Boukreev tại đỉnh của Thác băng, đang leo lên một mình, và Fischer đã quở trách anh chàng hướng dẫn này một cách dữ dội vì đã trốn tránh trách nhiệm của mình. Kruse nhớ lại: “Vâng, Scott là Toli khá nặng. Anh ấy muốn biết tại sao anh ta lại ở quá xa phía sau mọi người như vậy – tại sao anh ta không leo cùng với toàn đội”.

Theo Kruse và những khách hàng khác của Fischer, sự căng thẳng giữa

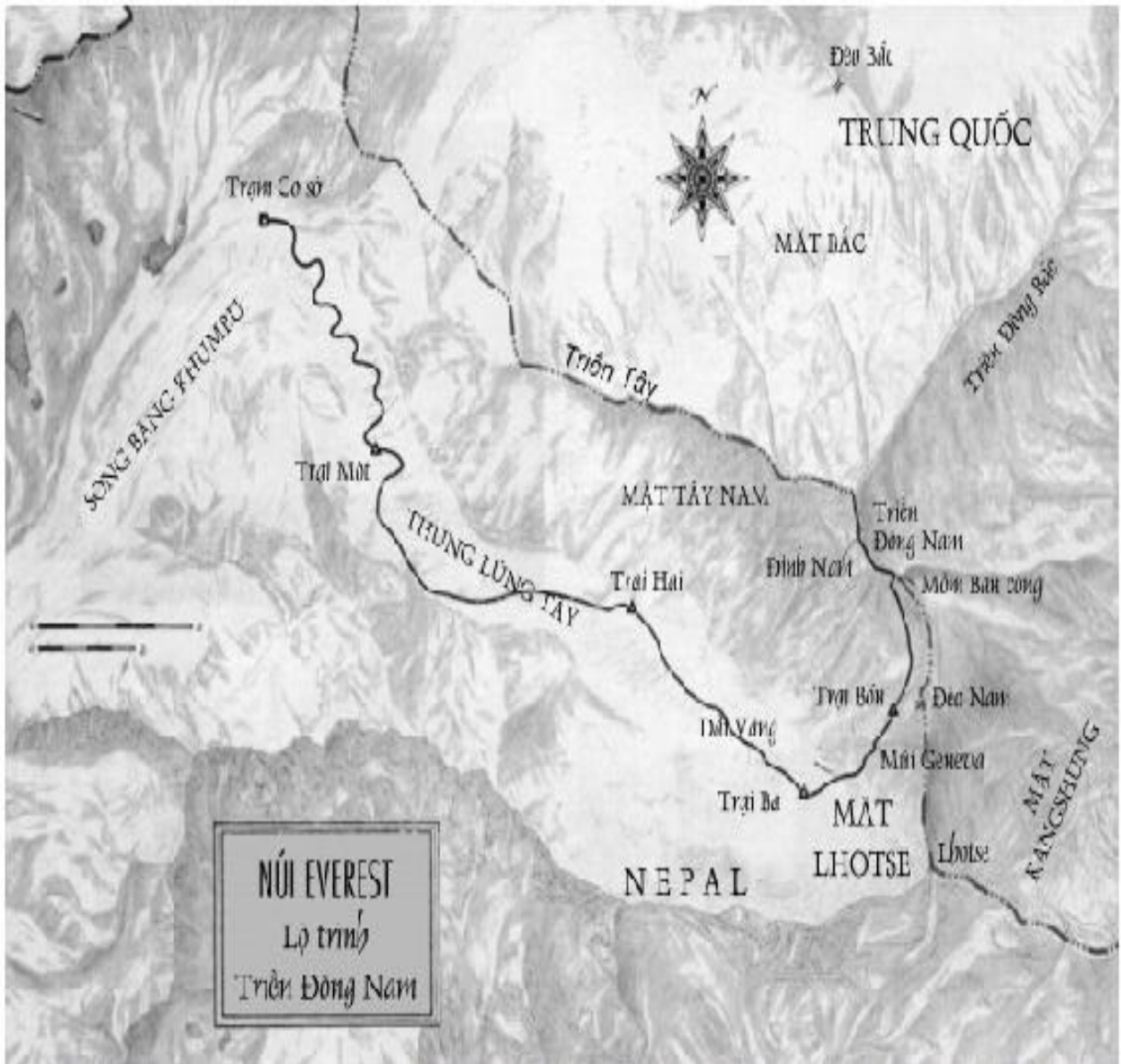
Fischer và Boukreev ngày càng gia tăng trong suốt chuyến đi. Fischer trả cho Boukreev 25.000 đô la – một khoản thù lao rất hào phóng cho công việc hướng dẫn trên ngọn Everest (hầu hết những hướng dẫn viên khác trên ngọn núi được trả từ 10.000 đô la tới 15.000 đô la; những người Sherpa leo núi giỏi chỉ nhận được từ 1.400 đô la cho tới 2.500 đô la), và kết quả công việc của Boukreev không đáp ứng được kỳ vọng của anh ấy. Kruse giải thích: “Toli rất khỏe mạnh và là một người leo núi có kỹ thuật rất tốt, nhưng những kỹ năng xã hội của anh ta rất kém. Anh ta không trông chừng những người khác. Anh ta không phải là một người biết làm việc theo nhóm. Trước đó, tôi đã nói với Scott tôi không muốn phải leo cùng với Toli lên phía trên của ngọn núi bởi vì tôi không chắc mình có thể tin tưởng vào anh ta khi thật sự có chuyện xảy ra”.

Vấn đề sâu xa nằm ở chỗ quan điểm của Boukreev về trách nhiệm của anh ta khác xa so với Fischer. Là một người Nga, Boukreev đến từ một nền văn hóa leo núi kiêu hãnh, khắc nghiệt và thu nhập thấp, không có khái niệm chiều chuộng những kẻ yếu. Ở các nước Đông Âu, những người hướng dẫn được huấn luyện để hoạt động như những người Sherpa – vận chuyển đồ đạc, cố định dây, mở đường – chứ không giống như những người trông trẻ. Cao to với mái tóc vàng cùng những nét điển trai của người Slavơ, Boukreev là một trong những người leo núi xuất sắc nhất thế giới, với hai mươi năm kinh nghiệm trên dãy Himalaya, bao gồm hai lần chinh phục đỉnh Everest mà không dùng bình oxy. Và trong sự nghiệp lẫy lừng của mình anh ta đã đưa ra vô số những ý kiến cố hữu, không chính thống về việc làm thế nào để leo lên ngọn núi. Anh ta nói thẳng suy nghĩ của mình rằng các hướng dẫn viên đã mắc sai lầm khi nuông chiều khách. Boukreev nói với tôi: “Nếu một khách hàng không thể tự mình leo lên ngọn Everest mà không cần nhiều sự giúp đỡ từ hướng dẫn viên, anh ta không nên lên Everest. Nếu không sẽ có rắc rối lớn trên ấy”.

Nhưng việc Boukreev từ chối hoặc không có khả năng thực hiện vai trò của một hướng dẫn viên thông thường theo truyền thống phương Tây đã khiến cho Fischer điên tiết. Điều này cũng buộc ông ta và Beidleman phải gánh vác đáng kể trách nhiệm trông nom cho cả đoàn và đến tuần đầu tiên của tháng 5 sự cố gắng này đã làm cho sức khỏe của Fischer giảm sút nhiều. Sau khi về tới Trạm Căn cứ với Kruse đang bị bệnh, Fischer gọi hai cuộc điện thoại về Seattle trong đó ông ta phàn nàn một cách cay đắng với đối tác kinh doanh của mình, Karen Dickinson, và với chuyên gia quảng cáo của ông, Jane Bromet⁴⁰ về sự cứng đầu của Boukreev. Không ai trong số hai người phụ nữ này tưởng tượng được rằng đó sẽ là những cuộc nói chuyện cuối cùng của họ với Fischer.

* * *

Ngày 8 tháng 4 cả hai đội Hall và Fischer cùng rời Trại Hai và bắt đầu cuộc leo nguy hiểm theo dây cố định lên Mặt Lhotse. Ở độ cao 600m phía trên đáy của Thung lũng Tây, chỉ ngay dưới Trại Ba, một tảng đá có kích thước bằng một chiếc ti vi nhỏ rơi xuống từ những vách đá phía trên và trúng ngay ngực Andy Harris. Nó khiến Andy tuột chân, và treo lơ lửng trên dây cố định. Andy hết sức hoảng sợ và bị choáng trong vài phút. Nếu trước đó anh ta không móc người vào thiết bị leo cơ học, chắc chắn anh ta đã bị ngã chết.





**Mỏm Ban công, 8.412m,
ngày 10 tháng 5, 7:20 sáng.**
Hai người Sherpa thuộc đoàn
của Scott Fischer đang tựa
mình vào riu leo núi của họ để
thở trong khi Andy Harris đang
leo lên ở phía sau. Các nhà leo
núi khác đang dừng chân nghỉ
một một quãng phía bên dưới
nữa. (Ảnh: Jon Krakauer)



**Triển đỉnh nhìn từ Đỉnh Nam,
ngày 10 tháng 5, 1:00 chiều.** Khi
Fischer chụp bức hình này, anh
đang ở cuối đoàn người, nhìn lên
các nhà leo núi nỗ lực tiến lên
đỉnh Everest. Người ta thấy được
ba nhà leo núi phía trên Bạc Hill-
ary, người thứ tư đang ở giữa Bạc
đá này. (Ảnh: Scott Fischer/Wood-
fin Camp & Associates)

Bậc Hillary. Bậc dốc này nằm ở triển đỉnh, cách đỉnh Everest khoảng 61 mét dốc đứng. Đây là một trong những đoạn đòi hỏi kỹ thuật leo núi cao nhất trong suốt lộ trình tiêu chuẩn lên đỉnh Everest. (Ảnh: Scott Fischer/Woodfin Camp and Associates)

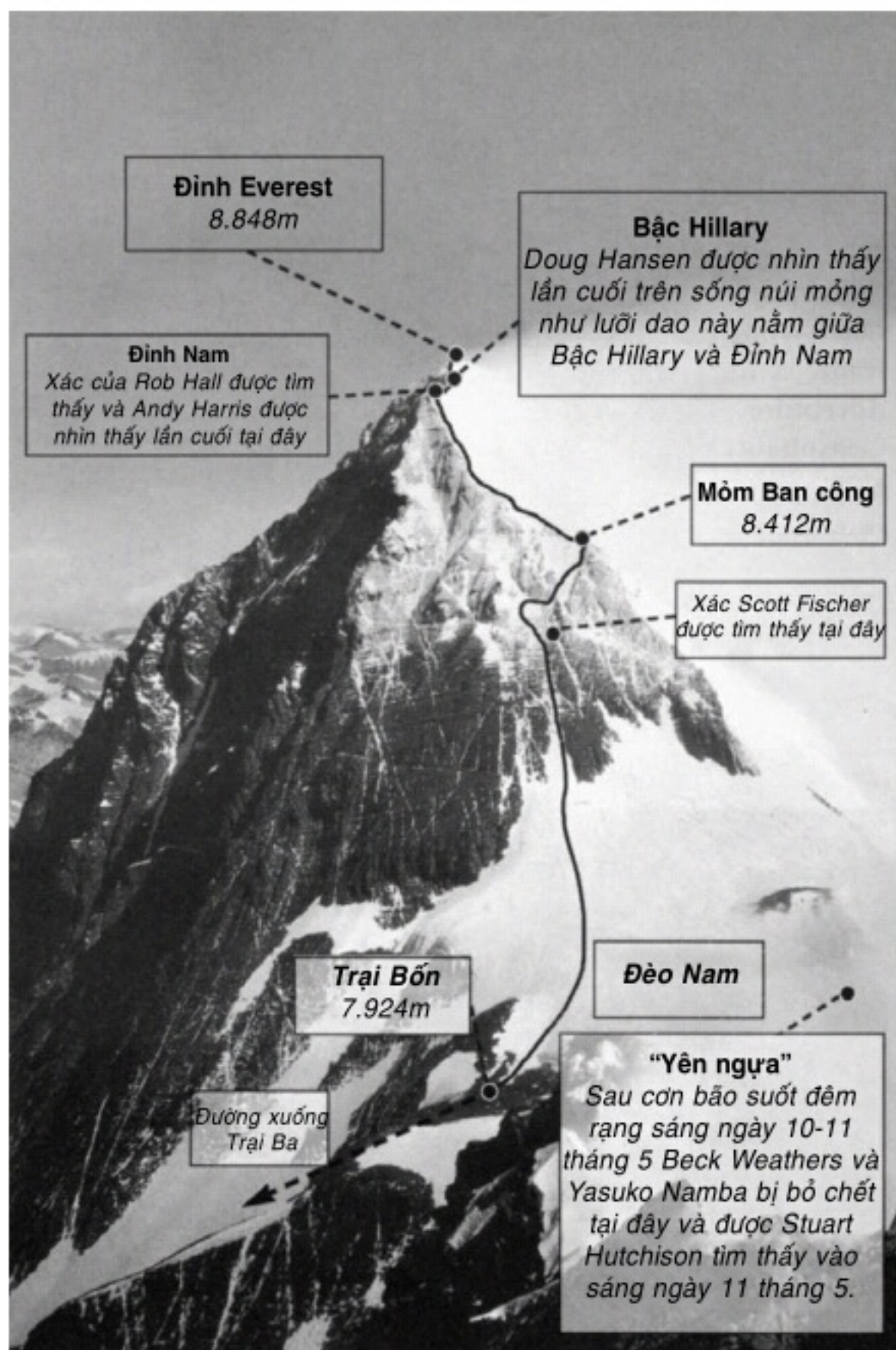


Khu vực nghẽn cổ chai ở Bậc Hillary, ngày 10 tháng 5, khoảng 2:10 chiều. Scott chụp bức ảnh này ngược từ dưới Bậc Hillary lên. Doug Hansen là người tận cùng bên trái ở phía trước, đứng nghiêng về bên phải, đợi đến lượt anh trèo lên những đoạn dây thừng cố định. (Ảnh: Scott Fischer/Woodfin Camp and Associates)





Từ triển đỉnh nhìn xuống, ngày 10 tháng 5, khoảng 4:10 chiều. Scott Fischer đang nhìn từ trên Bắc Hillary xuống theo thứ tự từ trái qua phải là Lene Gammelgaard, Tim Madsen, và Charlotte Fox khi họ đang leo xuống trước anh. Neal Beidleman và Sandy Pittman có thể thấy được nhỏ xíu ở góc trên bên phải của bức hình. (Ảnh: Scott Fischer/Woodfin Camp & Associates)



Triển núi phía trên của Everest nhìn từ đỉnh Lhotse. Những đám mây mù nổi tiếng của Everest có thể được nhìn thấy đang bốc lên từ đỉnh của Triển Đông Nam, lộ trình tiêu chuẩn lên đỉnh Everest. (Ảnh: Ed Viesturs)

*Rob Hall, 35 tuổi, người
New Zealand, trưởng
đoàn thám hiểm Adventure
Consultants (Ảnh:
Jon Krakauer)*



*Scott Fischer, 40 tuổi,
người Mỹ, trưởng đoàn
thám hiểm Mountain
Madness (Ảnh: Scott
Fischer/Woodfin Camp &
Associates)*

Yasuko Namba, người Nhật, thành viên đoàn của Hall; 47 tuổi, người phụ nữ lớn tuổi nhất lên đỉnh Everest (Ảnh: Kyodo News International)



Andy Harris, 31 tuổi, người New Zealand, hướng dẫn viên trong đoàn của Hall (Ảnh: Photosouth)

Doug Hausen, 46 tuổi, người Mỹ thành viên đoàn của Hall; một nhân viên bưu chính đã làm hai công việc để có tiền thực hiện giấc mơ chinh phục Everest (Ảnh: AP/Wide World)





Những cơn gió mạnh đang quần thảo trên đỉnh Everest, ngày 12 tháng 5. Từ Trại Bốn leo xuống sau cơn bão, Krakauer quay lại nhìn phần phía trên của đỉnh Everest, nơi những người bạn của anh - Hall, Harris, Hansen và Fischer - đã vĩnh viễn nằm lại. Namba cũng mất tích ở Đèo Nam, chỉ cách trại có 20 phút đi bộ. (Ảnh: Jon Krakauer)

Khi lên đến lều, Andy trông hết sức căng thẳng nhưng tuyên bố rằng mình không hề bị thương. Anh ta khẳng định: “Sáng nay có lẽ tôi hơi mệt

mỗi một chút nhưng tảng đá chết tiệt đó cũng chẳng làm gì được tôi ngoài vài vết bầm”. Chỉ ngay trước khi tảng đá rơi trúng, anh ta đang gập người cúi đầu; anh ấy đã bất chợt nhìn lên khi tảng đá rơi xuống, do đó tảng đá chỉ lướt qua cằm trước khi rơi trúng ức anh ấy, nhưng suýt tí nữa thì nó đã trúng sọ. “Nếu tảng đá trúng ngay đầu tôi...”. Andy nhăn nhó khi anh ta tháo ba lô ra, để lửng câu nói.

Do Trại Ba là trại duy nhất trên toàn ngọn núi mà chúng tôi không ở chung với những người Sherpa (vì nó quá nhỏ nên không đủ chỗ dựng lều cho tất cả chúng tôi), chúng tôi sẽ phải tự mình làm công việc nấu nướng – phần lớn là việc làm tan một lượng băng lớn để lấy nước uống. Do bị mất nước – hậu quả tất yếu của việc hít thở nhiều trong không khí khô – mỗi người chúng tôi phải uống gần bốn lít nước mỗi ngày. Do đó, chúng tôi phải nấu gần năm mươi lít nước để đáp ứng nhu cầu của tám khách leo núi và ba hướng dẫn viên.

Vì là người đầu tiên tới khu lều vào ngày 8 tháng 5, tôi phải đảm nhận công việc chặt băng. Trong ba giờ đồng hồ, khi những bạn đồng hành của tôi lần lượt đến trại và chui vào túi ngủ của họ, tôi vẫn ở ngoài trời chặt đẽo tại những sườn băng với chiếc rìu phá băng của mình, chất đầy những mảnh băng vào các túi nhựa và mang đi phân phát cho mỗi lều để nấu lấy nước. Ở độ cao 7.315m đó là một công việc mệt nhọc. Cứ mỗi lần một đồng đội của tôi réo: “Nè, Jon! Anh vẫn còn ngoài đó chứ? Chúng tôi muốn thêm một chút băng nữa!”, tôi lại càng thấy rõ những người Sherpa đã làm cho chúng tôi nhiều biết dường nào, và chúng tôi ít biết trân trọng những điều đó như thế nào.

Đến cuối buổi chiều, khi mặt trời lặn dần xuống đường chân trời nhấp nhô và nhiệt độ bắt đầu tụt xuống, mọi người đã kéo hết vào trong trại trừ Lou Kasischke, Frank Fischbeck và Rob, người xung phong làm nhiệm vụ dọn dẹp và sẽ vào sau cùng. Khoảng 4 giờ chiều, anh chàng hướng dẫn Mike Groom nhận được một cuộc gọi bộ đàm của Rob: “Lou và Frank vẫn còn ở dưới khu lều gần 100m và đang di chuyển cực kỳ chậm; Mike có thể xuống dưới để giúp đỡ họ không?”. Mike nhanh chóng mang đế đinh vào và leo xuống những sợi dây cố định mà không phàn nàn gì.

Gần một giờ trôi qua trước khi anh ta quay trở lại, đi trước hai người kia. Lou mệt mỏi đến nỗi anh ta để Rob mang giúp ba lô của mình, và đi lảo đảo vào trại trông xanh xao và mệt mỏi. Anh ta lẩm bẩm: “Tôi đã đến nơi. Tôi đã đến nơi. Hết oxy luôn rồi”. Frank xuất hiện một vài phút sau đó thậm chí có vẻ còn đuối sức hơn mặc dù anh ta từ chối đưa ba lô của mình cho Mike. Đây là một cú sốc khi nhìn thấy hai người trong tình trạng thế này – gần đây cả hai người này đã leo rất tốt. Sự mệt mỏi rõ ràng của Frank là một

đòn mạnh giáng vào dự đoán của tôi: từ đầu tôi đã cho rằng nếu có người trong đội chúng tôi lên được tới đỉnh, chắc chắn sẽ có Frank trong số đó; trước đây anh ta đã ba lần leo cao lên ngọn núi này.

* * *

Khi bóng tối bao trùm khu trại, các hướng dẫn viên phân phát cho chúng tôi các bình oxy, bộ điều áp và mặt nạ: kể từ đây cho đến khi quay lại, chúng tôi sẽ thở bằng bình khí nén.

Sử dụng bình oxy như một phương tiện trợ giúp khi leo núi là một thông lệ. Việc này đã từng gây ra những tranh luận gay gắt bắt đầu từ khi những người Anh lần đầu tiên mang thiết bị oxy thử nghiệm lên ngọn Everest vào năm 1921. (Những người Sherpa đa nghi ngay lập tức gọi những bình oxy công kênh là “không khí của người Anh”.) Người đầu tiên chỉ trích việc dùng khí nén là George Leigh Mallory; ông đưa ra luận điểm rằng dùng khí nén là “phi thể thao, do đó không đúng tinh thần Anh quốc”. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau mọi việc đã rõ mười mươi rằng ở nơi được gọi là Vùng Chết, cao từ 7.620m trở lên, nếu không dùng oxy bổ sung, cơ thể sẽ trở nên dễ tổn thương hơn rất nhiều trước chứng HACE, HAPE, giảm thân nhiệt, bỏng lạnh và nhiều nguy hiểm chết người khác. Vào năm 1924, khi trở lại để thực hiện chuyến thám hiểm thứ ba lên đỉnh núi, Mallory đã tin không thể nào chinh phục được đỉnh núi mà không dùng oxy bổ sung, và ông đã chấp nhận sử dụng bình oxy.

Những thí nghiệm được tiến hành trong các phòng giảm áp sau đó đã chứng tỏ rằng nếu một người bị đưa từ độ cao ngang mực nước biển lên đỉnh Everest, nơi mà không khí chỉ còn chứa một phần ba oxy, anh ta sẽ hôn mê trong vòng vài phút và tử vong ngay sau đó. Nhưng một số nhà leo núi duy lý vẫn tiếp tục khẳng khẳng rằng một vận động viên tài năng có những đặc tính sinh lý học đặc biệt, sau một giai đoạn thích nghi dài, có thể leo lên tới đỉnh mà không cần dùng bình oxy. Những người theo chủ nghĩa truyền thống đây vẫn đề đi quá xa về mặt logic, lập luận rằng sử dụng khí nén là lừa bịp.

Đến những năm 1970, nhà leo núi nổi tiếng vùng Tyrole Reinhold Messner trở thành người khởi xướng việc leo núi không dùng bình oxy khi tuyên bố rằng ông ta sẽ chỉ leo Everest “bằng chính sức mình”, nếu không sẽ không leo. Không lâu sau đó, Messner và người bạn lâu năm của mình, một người Áo tên Peter Habeler, đã khiến cộng đồng leo núi thế giới kinh ngạc khi thực hiện được những gì mình tuyên bố: 1 giờ chiều ngày 5 tháng 8 năm 1978, họ đã lên đến đỉnh bằng lộ trình Đèo Nam và Triền Đông Nam mà không dùng bình oxy. Thành công này nhận được sự hoan nghênh từ giới leo

núi và được xem là cuộc chinh phục Everest thật sự đầu tiên.

Tuy nhiên chiến công lịch sử của Messner và Habeler không phải được tất cả mọi người hoan nghênh, đặc biệt là những người Sherpa. Hầu hết những người này đơn giản không cho rằng người phương Tây có khả năng lập được thành tích như vậy, điều mà những người Sherpa khỏe mạnh nhất cũng chưa làm được. Họ suy đoán rằng Messner và Habeler đã thở oxy từ những bình khí thu nhỏ được giấu trong áo quần. Tenzing Norgay và một số người Sherpa nổi tiếng khác đã ký tên vào một thỉnh nguyện thư kêu gọi chính phủ Nepal mở cuộc điều tra chính thức về chuyến leo núi nổi tiếng này.

Nhưng những chứng cứ xác nhận cuộc leo núi này không sử dụng bình oxy là không thể bác bỏ. Hơn nữa, hai năm sau đó Messner đã bắt những người hoài nghi phải im miệng khi ông tới mặt Tây Tạng của Everest và thực hiện một chuyến leo núi không dùng bình oxy khác. Lần này ông hoàn toàn leo một mình, không có sự trợ giúp của những người Sherpa hay bất kỳ ai. Khi lên đến đỉnh vào 3 giờ chiều ngày 20 tháng 8 năm 1980, leo qua những đám mây dày và tuyết rơi nặng, Messner nói: “Tôi đang ở trong tình trạng mệt mỏi cực độ. Chưa bao giờ trong đời mình tôi cảm thấy kiệt sức như vậy”. Trong cuốn *Đường chân trời pha lê*, cuốn sách ông viết về chuyến leo núi này, Messner mô tả nỗ lực của mình trong những mét cuối cùng để lên tới đỉnh như sau:

Khi nghỉ ngơi tôi cảm thấy không còn chút sức sống nào ngoại trừ cổ tôi rất lên khi hít thở... Tôi hầu như không thể tiếp tục. Không hề thất vọng, không hề sung sướng, không hề lo lắng. Tôi chưa mất khả năng kiểm soát cảm giác của mình, thật ra chẳng còn thêm cảm giác gì nữa. Trong tôi chỉ còn ý chí. Sau mỗi vài mét ngay cả ý chí cũng mờ nhạt đi trong sự mệt mỏi triền miên. Sau đó tôi không nghĩ gì nữa. Tôi không thể ngăn mình ngã xuống, nằm đó. Sau một quãng thời gian vô định tôi vẫn hoàn toàn lưỡng lự. Sau đó tôi lại cố gắng bước tiếp vài bước.

Khi Messner trở về cuộc sống bình thường, chuyến leo núi của ông được ca ngợi khắp nơi như một kỳ công leo núi vĩ đại nhất của mọi thời đại.

Sau khi Messner và Habeler chứng minh được rằng có thể chinh phục Everest mà không dùng bình oxy, một nhóm những nhà leo núi đầy tham vọng thống nhất rằng nên chinh phục Everest không dùng bình oxy. Kể từ đó, nếu một người muốn được coi là thành viên nhóm ngôi sao Himalaya này thì việc không sử dụng bình oxy là một điều kiện bắt buộc. Đến năm 1996, khoảng sáu mươi người cả nam lẫn nữ đã leo lên được đỉnh núi mà không cần oxy – năm người trong số đó đã không bao giờ trở về.

Cho dù tham vọng cá nhân có lớn đến đâu thì cũng không có ai trong nhóm của Hall từng nghĩ đến việc leo lên đỉnh mà không dùng bình oxy. Thậm chí ngay cả Mike Groom, người đã từng leo Everest ba năm trước đây không dùng bình oxy, cũng giải thích với tôi rằng anh ta dự định sẽ dùng oxy trong lần này bởi vì anh ta đang làm công việc hướng dẫn, và kinh nghiệm đã cho anh ta biết mình sẽ bị suy yếu nghiêm trọng – cả về thể chất lẫn tinh thần – đến mức không thể hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn của mình. Cũng giống như những hướng dẫn viên kỳ cựu khác ở Everest, Groom tin rằng mặc dù leo núi không dùng bình oxy là có thể chấp nhận được khi leo một mình – thật ra xét về mặt thẩm mỹ thì trông đẹp hơn là phải đeo sù sụ cái mặt nạ và bình dưỡng khí, nhưng nó lại cực kỳ thiếu trách nhiệm nếu hướng dẫn người khác lên đỉnh mà không dùng bình oxy.

Hệ thống oxy tối tân do Nga chế tạo được Hall sử dụng gồm một mặt nạ oxy cứng bằng nhựa giống như loại được các phi công lái máy bay chiến đấu MiG đeo trong chiến tranh Việt Nam, được nối qua một ống cao su nhỏ và một thiết bị điều áp thô sơ tới một bình chứa màu cam được làm bằng Kevlar và thép (nhỏ hơn và nhẹ hơn nhiều so với bình khí nén của thợ lặn, mỗi bình nặng gần 3kg khi nạp đầy). Mặc dù chúng tôi không sử dụng oxy bổ sung khi ngủ trong thời gian ở lại Trại Ba lần trước, nhưng bây giờ khi bắt đầu trận chiến cuối cùng lên đỉnh núi, Rob bắt chúng tôi phải sử dụng oxy trong khi ngủ. “Mỗi phút các bạn ở độ cao từ đây lên đến đỉnh, trí óc và cơ thể của các bạn đang yếu đi”. Các tế bào não đang chết dần. Máu của chúng ta đang trở nên đặc lại rất nguy hiểm. Các mao mạch trong võng mạc đang tự động xuất huyết. Ngay cả khi nghỉ ngơi, tim cũng đập với tốc độ rất nhanh. Rob cam đoan rằng “khí oxy trong bình sẽ giúp làm chậm sự suy yếu này và giúp các bạn ngủ được”.

Tôi cố gắng lưu ý đến lời khuyên của Rob, nhưng nỗi lo sợ tiềm tàng trong tôi lại trỗi dậy. Khi đeo chiếc mặt nạ lên mũi và miệng tôi liên tục tưởng tượng ra rằng nó đang làm tôi nghẹt thở, vậy là sau một giờ khổ sở tôi tháo nó ra và trải qua suốt đêm đó mà không dùng oxy, hôn hển ngủ và bồn chồn, liên tục nhìn đồng hồ xem liệu đã tới giờ dậy hay chưa.

Nằm trên sườn dốc cách chúng tôi chừng 30m ở phía dưới, ở vị trí bấp bênh như chúng tôi, là lều của hầu hết những nhóm khác – gồm nhóm Fischer, những người Nam Phi, và Đài Loan. Sáng sớm hôm sau – Thứ năm ngày 9 tháng 5 – khi tôi đang mang giày vào để leo lên Trại Bốn, Chen Yu-Nan, một công nhân ngành thép 36 tuổi đến từ Đài Bắc, bò ra khỏi lều của mình để đi vệ sinh chỉ với đôi giày lót đế bằng. Đây là một sự mất khả năng nhận định nghiêm trọng.

Khi đang ngồi xồm, anh ta trượt chân trên băng và ngã lăn xuống Mặt

Lhotse. Thật khó tin, sau khi ngã xuống chừng hơn 20m anh ta đâm đầu vào một khe băng và nó đã giúp cản lại cú ngã của anh ta. Những người Sherpa chứng kiến cảnh này đã thả dây thừng xuống, nhanh chóng lôi anh ta ra khỏi khe vực, và giúp anh ấy trở về lều của mình. Mặc dù bị ngã nặng và sợ chết khiếp nhưng dường như anh ấy không bị thương gì nghiêm trọng. Lúc đó, không có ai trong nhóm của Hall, kể cả tôi, biết được rằng tai nạn này đã xảy ra.

Ngay sau đó, Makalu Gau và những người còn lại trong đội Đài Loan để Chen một mình tại lều để hồi phục và khởi hành lên Đèo Nam. Mặc dù Gau đã hứa chắc với Rob và Fischer rằng anh ta sẽ không chinh phục đỉnh núi vào ngày 10 tháng 5, anh ta đã thay đổi ý kiến của mình và giờ đây đang dự định sẽ leo lên đỉnh núi cùng ngày với chúng tôi.

Chiều hôm đó một người Sherpa tên là Jangbu, đang trên đường xuống Trại Hai sau khi thò hàng lên Đèo Nam, đã dừng lại ở Trại Ba để theo dõi tình trạng của Chen và nhận thấy rằng tình trạng của anh chàng leo núi Đài Loan đang xấu đi nghiêm trọng: giờ đây anh ta bị mất phương hướng và đang chịu đau đớn cùng cực. Thấy rằng anh ta cần phải được di tản, Jangbu huy động thêm hai người Sherpa khác và bắt đầu đưa Chen xuống Mặt Lhotse. Còn cách đáy của dốc băng 90m, Chen đột ngột đổ nhào và bất tỉnh. Một lát sau, dưới Trại Hai, bộ đàm của David Breashears kêu lên liên hồi: đó là Jangbu, thông báo bằng giọng hoảng hốt rằng Chen đã ngừng thở.

Breashears và một đồng đội trong nhóm IMAX của mình là Ed Viesturs nhanh chóng leo lên để xem liệu họ có cứu được anh ta hay không, nhưng khoảng bốn mươi phút sau đó khi đến được chỗ Chen, họ không nhận thấy dấu hiệu của sự sống nào. Tới đó, sau khi Gau đến Đèo Nam, Breashears gọi cho anh ta bằng bộ đàm. Breashears nói với người dẫn đầu nhóm Đài Loan: “Makalu, Chen đã chết”.

Gau đáp lại: “O.K. Cảm ơn anh đã thông báo”. Sau đó ông ta quả quyết với nhóm của mình rằng cái chết của Chen không hề ảnh hưởng đến kế hoạch khởi hành leo lên đỉnh núi vào lúc nửa đêm của họ. Breashears sững sốt. “Tôi vừa mới vượt mắt bạn của anh ta”, Breashears nói bằng giọng hết sức tức giận. “Tôi vừa mới kéo cái xác của Chen xuống. Và những gì Makalu có thể nói chỉ là, “O.K”. Tôi không hiểu, tôi nghĩ có thể đó là vấn đề về văn hóa. Có lẽ anh ta cho rằng cách tốt nhất để tỏ lòng kính trọng cái chết của Chen chính là tiếp tục chinh phục đỉnh núi”.

Suốt sáu tuần trước đó đã có một vài tai nạn nghiêm trọng: Tenzing bị ngã xuống một khe nứt trước khi chúng tôi đến được Trạm Căn cứ; Nwagang Topche mắc chứng HAPE và suy kiệt sau đó; một người leo núi

trẻ và hoàn toàn khỏe mạnh người Anh thuộc đoàn của Mal Duff có tên là Ginge Fullen đã bị một cơn đau tim nguy kịch gần ngay đỉnh của Thác băng; một người Đan Mạch trong nhóm của Duff tên là Kim Sejborg bị một tảng *serac* nơi Thác băng rơi trúng và bị gãy mấy cái xương sườn. Tuy nhiên, cho tới lúc đó, vẫn chưa có ai thiệt mạng.

Cái chết của Chen đã phủ lên toàn bộ đoàn người leo núi một màn không khí u ám khi tin đồn về tai nạn lan từ lều này qua lều khác, tuy nhiên ba mươi ba nhà leo núi sẽ bắt đầu leo lên đỉnh trong vài tiếng đồng hồ ngắn ngủi nữa. Vì vậy, sự buồn bã nhanh chóng bị xua đi bởi lo lắng dự đoán về những việc đang chờ đợi phía trước. Hầu hết chúng tôi đơn giản đều quá chú tâm vào sự náo nức chinh phục đỉnh Everest đến nỗi không còn thời gian để suy nghĩ nhiều về cái chết của ai đó trong đoàn. Chúng tôi khi ấy đã nghĩ rằng sau này sẽ có nhiều thời gian để suy ngẫm lại sau khi tất cả mọi người đã lên tới đỉnh và trở xuống an toàn.

Chương 12: TRẠI BA

NGÀY 9 THÁNG 5 NĂM 1996

7.315 MÉT

Tôi nhìn xuống. Leo xuống là một việc hoàn toàn buồn chán... Để lên được tới đây chúng tôi đã phải tốn quá nhiều sức lực, trải qua quá nhiều đêm không ngủ, và cả quá nhiều giấc mơ. Chúng tôi không thể trở xuống để lại thử leo lên vào tuần sau. Ngay cả nếu có thể thì leo xuống bây giờ có nghĩa là một tương lai ám ảnh với một câu hỏi lớn: chuyện gì đã có thể xảy ra?

Thomas F. Hornbein

Everest: *Sườn núi phía Tây*

Thức dậy vẫn còn bơ phờ và chệnh choạng sau một đêm mất ngủ tại Trại Ba, tôi từ từ mặc quần áo, đun tan băng lấy nước và ra khỏi lều vào sáng ngày Thứ năm, 9 tháng 5. Khi tôi bỏ đồ vào ba lô và mang đế đinh vào, hầu hết những người còn lại trong nhóm của Hall đều đã bắt đầu leo trên những sợi dây cố định để lên Trại Bốn. Thật ngạc nhiên là Lou Kasischke và Frank Fischbeck cũng ở trong số này. Do tình trạng sức khỏe yếu khi đến trại tối hôm trước, tôi đã cho rằng cả hai người này sẽ quyết định bỏ cuộc. “Khá lắm, anh bạn”, tôi kêu lên, dùng lại cụm từ chính họ đã dùng với tôi, cảm thấy ấn tượng khi những người bạn của tôi đã vượt qua được khó khăn và quyết tâm tiếp tục.

Khi tôi leo nhanh lên phía trên để nhập bọn với đồng đội của mình, tôi nhìn xuống và trông thấy một hàng xấp xỉ năm mươi nhà leo núi thuộc các đoàn thám hiểm khác cũng đang di chuyển lên những sợi dây cố định; người dẫn đầu trong số họ đang ở ngay sau tôi. Không muốn bị mắc kẹt vào một vụ ùn tắc (điều này sẽ khiến tôi phải hứng chịu lâu hơn những loạt đá rơi xuống không ngừng từ phía trên, và nhiều nguy cơ khác), tôi đẩy nhanh tốc độ và quyết tâm leo lên đầu hàng. Tuy nhiên, do chỉ có một sợi dây cố định thông xuống Mặt Lhotse nên việc vượt qua những người leo chậm hơn không phải là điều dễ dàng.

Tôi luôn nghĩ đến việc Andy đã bị một tảng đá rớt trúng mỗi lần tôi tháo móc ra khỏi dây cố định để vượt qua một người khác – thậm chí một vật nhỏ phóng ra cũng là quá đủ để làm tôi rơi xuống đáy Mặt Lhotse nếu như nó trúng tôi trong khi tôi tháo móc khỏi sợi dây. Hơn nữa, nhảy cóc qua những người khác không chỉ là một việc mạo hiểm mà còn làm hao sức rất nhiều. Như một chiếc xe Yugo máy yếu đang cố gắng vượt qua một hàng những chiếc xe khác trên một ngọn đồi dốc đứng, tôi phải đạp lút chân ga trong một thời gian rất dài để vòng qua một chiếc xe khác điều này khiến tôi phải há miệng thở dốc đến nỗi tôi sợ rằng mình sẽ nôn vào chiếc mặt nạ oxy.

Do đây là lần đầu tiên leo núi dùng bình dưỡng khí, tôi phải mất một lúc để làm quen với nó. Mặc dù những lợi ích của việc sử dụng oxy trên độ cao 7.315m này là có thật nhưng khó có thể nhận thấy ngay lập tức. Khi tôi cố lấy lại hơi thở sau khi đã vượt qua được ba người, chiếc mặt nạ thực sự làm tôi có cảm giác nó đang khiến tôi bị ngạt, do đó tôi tháo nó ra khỏi mặt mình, và nhận ra rằng việc hít thở thậm chí còn khó khăn hơn.

Ngay khi tôi vượt qua được một vách đá vôi dễ vỡ màu vàng đất, được biết đến như Dải Vàng, tôi đã vượt được lên phía trước hàng người và có thể bước những bước thoải mái hơn. Di chuyển chậm chạp nhưng đều đặn, tôi leo tắt sang bên trái băng qua đỉnh của Mặt Lhotse, sau đó leo lên một mũi đá toàn điệp thạch đen vỡ vụn được gọi là Mũi Geneva. Cuối cùng tôi cũng phải quen thở bằng thiết bị oxy của mình và đã di chuyển nhanh hơn người ngay phía sau tôi một giờ đồng hồ. Ở một mình là điều quý giá trên ngọn Everest và ngày hôm nay tôi rất vui khi được hưởng một chút điều đó, trong một khung cảnh ngoạn mục thế này.

Ở độ cao 7.894m, tôi dừng lại trên đỉnh của Mũi Geneva để uống một chút nước và quan sát xung quanh. Không khí loãng nơi này có đặc tính kết tinh và lung linh làm cho ngay cả những đỉnh núi ở xa trông cũng có vẻ như gần đến mức có thể chạm tới được. Được ánh sáng mặt trời giữa trưa soi sáng rất rõ, chóp đỉnh Everest lù lù hiện ra qua một làn mây mỏng lững lờ. Nhìn qua ống kính tele máy ảnh lên phần trên của Triền Đông Nam, tôi ngạc nhiên khi trông thấy bốn bóng người nhỏ như kiến đang di chuyển rất chậm lên Đỉnh Nam. Tôi cho rằng họ chắc hẳn là các nhà leo núi thuộc đoàn Montenegro; nếu thành công họ sẽ là những người đầu tiên lên được đỉnh trong năm nay. Điều này cũng có nghĩa rằng những lời đồn đại mà chúng tôi nghe về việc tuyết dày đến nỗi không thể leo được là không có cơ sở – nếu như họ lên được tới đỉnh thì chúng tôi cũng có cơ hội làm điều đó. Nhưng những làn bụi tuyết đang thổi ra từ triền đỉnh là một dấu hiệu xấu: những người Montenegro đang phải chiến đấu với những cơn gió dữ tợn để hướng lên đỉnh.

Tôi lên đến Đèo Nam, bệ phóng cho cuộc chinh phục đỉnh núi của chúng tôi, vào lúc 1 giờ chiều. Đèo Nam là một cao nguyên hoang vắng toàn băng cứng đạn bắn không thủng và những tảng đá bị gió quét dữ dội, ở độ cao 7.925m so với mực nước biển. Đèo nằm ở một hẻm núi rộng, giữa các vách băng phía trên của Mặt Lhotse và đỉnh Everest. Nó có hình dáng gần giống hình chữ nhật, dài cỡ bốn và rộng khoảng hai sân bóng đá. Mép phía đông của Đèo Nam dốc thẳng 2.133m qua Mặt Kangshung xuống Tây Tạng; mép kia đâm thẳng 1.219m xuống Thung lũng Tây. Ngay trên mép của vực thẳm này, tại cạnh cực tây của đèo, những chiếc lều của Trại Bốn nằm lù lù trên

một mảnh đất nhỏ cần cỗi, xung quanh là hơn một ngàn chiếc bình oxy bỏ đi⁴¹. Đây có lẽ là nơi cư trú không có sự sống và tiêu điều nhất trên hành tinh này.

Khi dòng không khí gặp ngọn núi Everest và bị ép qua các đường viền hình chữ V của Đèo Nam, gió mạnh lên đạt tốc độ kinh khủng; bởi vậy những cơn gió tại Đèo Nam thật ra mạnh hơn những cơn gió hoành hành trên đỉnh núi. Những cơn cuồng phong thổi qua Đèo Nam gần như thường xuyên vào đầu mùa xuân giải thích lý do tại sao nơi này chỉ toàn là đá và băng trơn trượt, ngay cả khi tuyết phủ rất dày trên những sườn núi ngay bên dưới: tất cả những thứ gì không đông lại ngay tại đây đều bị thổi bay vào Tây Tạng.

Khi tôi vào Trại Bốn, sáu người Sherpa đang vất vả dựng những chiếc lều cho đoàn chúng tôi trong trận cuồng phong mạnh 100km/h. Tôi giúp họ dựng chiếc lều của mình và neo chặt nó vào những chiếc bình oxy bỏ đi chèn dưới những tảng đá to nhất mà tôi có thể nâng lên, sau đó nhảy vào trong đợi những người cùng đội đến và sưởi ấm đôi tay lạnh như băng của mình.

Thời tiết trở nên xấu đi khi chiều buông. Lopsang Jangbu, người thủ lĩnh Sherpa của Fischer, xuất hiện mang theo một gói hàng 40kg nặng oằn lưng, khoảng 15kg trong số đó là một chiếc điện thoại vệ tinh và các thiết bị ngoại vi: Sandy Pittman đang định gửi những bản tin ngắn qua Internet từ độ cao 7.925m. Mãi đến 4 giờ 30 chiều những người đồng đội cuối cùng mới đến nơi, và những người chậm nhất trong đoàn của Fischer còn đến trễ hơn nữa, lúc đó một cơn bão dữ dội đang hoành hành hết cỡ. Vào buổi tối, những người Montenegro trở lại Đèo Nam thông báo rằng vẫn không thể chinh phục được đỉnh núi: họ buộc phải quay trở lại khi đến bên dưới Bắc Hillary.

Thời tiết và sự thất bại của những người Montenegro không phải là điềm báo tốt cho cuộc chinh phục đỉnh núi của chúng tôi, vốn được dự định sẽ diễn ra trong chưa đầy sáu giờ tới. Mọi người trở về những chiếc lều nylon của mình ngay khi đến đèo và cố hết sức để ngủ một giấc, nhưng tiếng lạch tạch như súng máy phát ra từ những chiếc lều đang bay phàn phật và sự lo lắng về những gì sẽ xảy đến khiến hầu hết chúng tôi đều không thể ngủ.

Stuart Hutchison – anh chàng bác sĩ tim mạch trẻ người Canada – được phân ở cùng lều với tôi; Rob, Frank, Mike Groom, John Taske, và Yasuko Namba ở cùng một lều; Lou, Beck Weathers, Andy Harris và Doug Hansen ở trong chiếc lều thứ ba. Lou và người bạn cùng lều đang ngủ lơ mơ thì có tiếng kêu lạ từ ngoài gió bão: “Cho anh ta vào nhanh lên nếu không anh ta sẽ chết ngoài này!” Lou mở cửa lều và một thoáng sau một người đàn ông có râu ngả ngửa vào lòng anh ta. Đó chính là Bruce Herrod, người phó chỉ huy tốt bụng 37 tuổi của đoàn Nam Phi; anh ta cũng người duy nhất trong đoàn

đó có khả năng leo núi thật sự.

Lou nhớ lại: “Bruce đang gặp vấn đề thực sự. Anh ta run rẩy không kiểm soát được, hành động rất thiếu ý thức và không có lý trí, về cơ bản anh ấy không thể tự làm gì. Thân nhiệt anh ta giảm đáng kể đến nỗi anh ấy gần như không nói được. Những người còn lại trong đoàn của anh ấy chắc chắn đang ở đâu đó trên đèo hoặc đang trên đường lên đèo. Nhưng anh ta không biết họ ở nơi nào và anh ta không biết làm thế nào để tìm lều của mình, do đó chúng tôi đưa cho anh ta chút gì để uống và cố gắng làm cho anh ta ấm lại”.

Doug cũng đang trong tình trạng không tốt. Beck nhớ lại: “Anh ta phàn nàn rằng mình đã không ngủ được và không ăn được trong vài ngày. Nhưng anh ta vẫn quyết định mặc đồ vào và khởi hành khi đến giờ. Tôi cảm thấy lo lắng, bởi vì vào lúc đó tôi cũng hiểu Doug đủ để có thể nhận ra rằng trong suốt năm vừa qua, Doug đã khổ sở về việc anh ta đã chỉ còn cách đỉnh khoảng chín mươi mét nhưng đã phải quay lại. Và ý tôi là việc này đã giày vò anh ta mỗi ngày. Và rõ ràng là Doug sẽ không để bị từ chối cơ hội chinh phục đỉnh Everest lần thứ hai. Doug sẽ tiếp tục leo lên đỉnh cho đến hơi thở cuối cùng”.

Tôi đó có hơn năm mươi người ở trên Đèo Nam, chen chúc trong những chiếc lều được dựng cạnh nhau, nhưng có một cảm giác cô lập lạ lùng bao phủ trong không gian. Tiếng gầm thét của những cơn gió khiến cho việc trao đổi từ lều này qua lều khác là không thể. Tại nơi khí ho cò gáy này, tôi cảm thấy bị tách biệt với những người leo núi khác xung quanh tôi – về tình cảm, về tinh thần và cả về thể xác – đến một mức độ tôi chưa từng trải qua trong bất kỳ chuyến thám hiểm nào trước đây. Chúng tôi chỉ là một đội trên danh nghĩa, tôi buồn bã nhận ra điều này, mặc dù trong vài giờ nữa chúng tôi sẽ rời khỏi trại theo nhóm, nhưng chúng tôi sẽ leo núi riêng rẽ, không hề liên hệ với người khác bằng dây thừng hay bất kỳ cảm giác trung thành mạnh mẽ nào. Mỗi vị khách hàng sẽ hầu như chỉ chú ý đến bản thân mình. Và tôi cũng vậy, ví dụ, tôi thật lòng muốn Doug lên tới đỉnh nhưng tôi sẽ làm mọi điều trong khả năng của mình để tiếp tục tiến lên phía trước dẫu anh ấy có quay lại.

Trong hoàn cảnh khác thì suy nghĩ này hẳn đã khiến tôi chán nản, nhưng đầu óc tôi hoàn toàn bị vấn đề thời tiết choán chỗ nên không còn thời gian nghĩ về nó. Nếu những cơn gió không nhẹ bớt – và trong thời gian ngắn – thì chúng tôi sẽ không thể nào chinh phục được đỉnh núi trong đợt này.

Trong tuần vừa rồi, những người Sherpa của Hall đã tích trữ tại Đèo Nam hơn 180kg khí oxy nén, tức là 55 bình oxy. Mặc dù số đó nghe có vẻ nhiều nhưng nó chỉ đủ để cho phép ba người hướng dẫn, tám khách và bốn người Sherpa thực hiện một chuyến leo lên đỉnh duy nhất. Và lượng khí

đang cạn dần: thậm chí ngay cả khi nghỉ trong lều chúng tôi cũng đang tiêu tốn số khí nén quý giá này. Nếu cần thiết, chúng tôi có thể tắt chúng đi và vẫn an toàn trên độ cao này trong vòng hai mươi bốn giờ; tuy nhiên sau đó hoặc là chúng tôi phải leo lên hoặc là phải trở xuống.

Nhưng thật may mắn, vào 7 giờ 30 tối gió bão đột nhiên giảm đi. Herrod bò ra khỏi lều của Lou và loạng choạng đi tìm các đồng đội của mình. Nhiệt độ đang ở dưới 0°C, nhưng hầu như không có gió: điều kiện tuyệt vời cho một chuyến leo lên đỉnh núi. Bản năng của Hall thật là phi thường. Dường như anh ta đã tính toán thời gian cho cuộc chinh phục của chúng tôi một cách hoàn hảo. Anh ấy reo lên từ lều bên cạnh: “Jonno! Stuart! Xem ra chúng ta đã đúng, các bạn; hãy chuẩn bị xuất phát vào mười một giờ ba mươi”.

Khi chúng tôi uống trà và chuẩn bị mọi dụng cụ sẵn sàng cho chuyến leo, không ai nói gì nhiều. Tất cả chúng tôi đã phải chịu đựng nhiều vất vả để có được khoảnh khắc này. Cũng giống như Doug, tôi đã ăn ít và không ngủ được kể từ khi rời Trại Hai cách đây hai ngày. Mỗi khi tôi ho, cơn đau từ phần sụn bị rách ở ngực tôi giống như có ai đó thọc mảnh lưỡi dao dưới các xương sườn, và khiến tôi chảy nước mắt. Nhưng nếu tôi muốn chinh phục đỉnh núi, tôi biết rằng mình không còn lựa chọn nào khác ngoài việc bỏ qua sự yếu đuối của bản thân và leo lên.

Không giờ kém hai mươi lăm phút, tôi mang mặt nạ oxy vào, bật đèn pin trên đầu lên và bắt đầu leo lên trong bóng đêm. Đoàn của Hall có mười lăm người: ba hướng dẫn viên, toàn bộ tám khách và bốn người Sherpa – Ang Dorje, Lhakpa Chhiri, Ngawang Norbu, và Kami. Hall chỉ thị cho hai người Sherpa khác là Arita và Chuldum ở lại khu lều để hỗ trợ và ứng cứu khi có sự cố.

Nhóm Mountain Madness khởi hành sau chúng tôi nửa giờ. Nhóm này gồm có ba hướng dẫn viên – Fischer, Beidleman, và Boukreev; sáu người Sherpa; và các khách hàng – Charlotte Fox, Tim Madsen, Klev Schoening, Sandy Pittman, Lenc Gammelgaard và Martin Adams⁴². Lopsang đã dự tính rằng sẽ chỉ có năm người Sherpa trong đoàn Mountain Madness cùng leo lên đỉnh, hai người còn lại ở lại Đèo Nam để hỗ trợ, nhưng anh ta cho hay: “Scott đã mở lòng và nói với những người Sherpa, ‘Tất cả đều có thể leo lên đỉnh’⁴³. Cuối cùng Lopsang đã không theo lời Fischer và ra lệnh cho một người Sherpa, em họ của anh ta có biệt danh là Pemba ‘Lớn’, ở lại bên dưới. Lopsang thú thực rằng: ‘Pemba đã nổi điên với tôi. Nhưng tôi đã nói với cậu ta, ‘Cậu phải ở lại, nếu không lần sau tôi sẽ không gọi cậu làm việc nữa’. Do đó anh ta mới chịu ở lại Trại Bốn”.

Rời trại ngay sau nhóm của Fischer, Makalu Gau khởi hành với hai người Sherpa – ngang nhiên phớt lờ lời hứa sẽ không có người Đài Loan nào leo lên đỉnh cùng ngày với chúng tôi. Những người Nam Phi cũng dự định leo lên đỉnh, nhưng chuyến leo núi mệt mỏi từ Trại Ba lên Đèo đã tiêu hao nhiều sức lực của họ đến nỗi họ thậm chí còn không ra nổi khỏi lều của mình.

Tất cả, ba mươi ba người leo núi khởi hành lên đỉnh vào nửa đêm. Mặc dù chúng tôi rời Đèo với tư cách là thành viên của ba nhóm riêng biệt, nhưng số phận của chúng tôi đã bắt đầu gắn vào nhau – và chúng sẽ càng liên hệ chặt chẽ với nhau khi chúng tôi từ từ tiến lên đỉnh Everest.

* * *

Cảnh vật ban đêm ngày càng toát lên một vẻ đẹp lung linh và lạnh lẽo khi chúng tôi leo lên cao. Trời nhiều sao hơn tất cả những lần tôi đã thấy trong đời. Vàng trắng khuyết nhô lên trên lưng chừng núi Makalu ở độ cao 8.481m, chiếu sáng sườn núi dưới chân tôi bằng một thứ ánh sáng ma quái, khiến cho chúng tôi không cần dùng tới đèn trên đầu. Xa xa về hướng đông nam, dọc theo biên giới Ấn Độ – Nepal, những đám mây đông không lồ đang lững lờ trôi trên những đám mây dày màn mỏng sót rét của vùng Terai⁴⁴, thấp sáng bầu trời bằng những tia chớp kỳ dị màu cam và xanh dương.

Ba giờ sau khi rời khỏi Đèo Nam, Frank cảm thấy có gì đó không ổn trong ngày hôm đó. Rời khỏi đoàn người, anh ta quay lại và leo xuống lều. Nỗ lực leo lên đỉnh Everest lần thứ tư của anh ta đã kết thúc.

Không lâu sau đó, Doug cũng bỏ cuộc. Lou nhớ lại: “Anh ta đang ở phía trên tôi một chút vào lúc đó. Đột nhiên anh ấy bước ra khỏi hàng và đứng đó. Khi tôi leo lên cạnh anh ta, anh ta nói với tôi mình lạnh và cảm thấy không khỏe và sẽ leo xuống”. Sau đó Rob, người đang đi theo ở phía đuôi, leo theo bắt kịp Doug và nói gì đó với Doug. Không ai nghe thấy cuộc nói chuyện, do đó chẳng ai biết họ nói gì, nhưng kết quả là Doug trở lại hàng và tiếp tục leo.

* * *

Ngay trước khi rời Trại Căn cứ, Rob đã tập hợp chúng tôi vào trong chiếc lều bữa bộn và thuyết giảng cho chúng tôi về sự quan trọng của việc phải tuân lệnh anh ta trong ngày lên đỉnh. Anh ấy cảnh báo, nhìn xoáy vào tôi: “Tôi sẽ không khoan dung cho bất kỳ sự chia rẽ nào ở trên đó. Lời nói của tôi sẽ là mệnh lệnh tuyệt đối, không thể cãi lại. Nếu các bạn không thích một quyết định tôi đưa ra, tôi sẽ rất vui được thảo luận nó với bạn sau đó, nhưng không phải khi chúng ta đang ở trên đỉnh”.

Một khả năng xảy ra bất hòa lớn nhất giữa chúng tôi chính là việc Rob có thể yêu cầu chúng tôi quay trở lại trước khi đến được đỉnh núi. Nhưng có một vấn đề khác anh ta đặc biệt quan tâm tới. Trong suốt những giai đoạn thích nghi cuối cùng, anh ấy đã cho chúng tôi tự do hơn trong việc leo với tốc độ riêng của mỗi người – ví dụ như Hall thỉnh thoảng cho phép tôi di chuyển nhanh hơn nhóm chính khoảng hơn hai giờ. Tuy nhiên, giờ đây anh ta nhấn mạnh rằng trong nửa đầu của ngày lên đỉnh, anh ấy muốn mọi người leo gần nhau. Anh ấy khẳng định, ý muốn nói đến đến mũi đất đặc biệt ở độ cao 8.412m được gọi là Ban công (Balcony): “Cho đến khi tất cả chúng ta đến được đỉnh của Triền Đông Nam, tất cả mọi người phải ở trong phạm vi một trăm mét gần những người khác. Điều này hết sức quan trọng. Chúng ta sẽ leo lên trong bóng tối và tôi muốn những người hướng dẫn có thể theo sát các bạn”.

Vì thế, mặc dù leo lên trước lúc bình minh ngày 10 tháng 5, những người đi đầu trong nhóm buộc phải liên tục dừng lại và đợi những người chậm nhất bắt kịp mình trong cái lạnh thấu xương. Có một lần, Mike Groom, thủ lĩnh người Sherpa Ang Dorje và tôi ngồi trên một rìa phủ đầy tuyết hơn bốn mươi lăm phút, run rẩy và đập chân đập tay để khỏi bị bỏng lạnh, chờ đợi những người khác tới. Nhưng thời gian lãng phí thậm chí còn khó chịu hơn cả cái lạnh.

Đến 3 giờ 45 sáng, Mike tuyên bố rằng chúng tôi đã đi trước quá xa và phải dừng lại đợi một lần nữa. Tựa mình vào một mỏm đá phiến sét, cố tránh những cơn gió lạnh dưới 0°C đang thổi đến từ hướng tây, tôi nhìn xuống vách đá dốc và cố gắng nhận ra những người leo núi đang nhích từng chút về phía chúng tôi dưới ánh trăng. Khi họ tiến lên, tôi có thể nhận thấy một số thành viên trong nhóm của Fischer đã bắt kịp nhóm chúng tôi. Nhóm của Hall, nhóm Mountain Madness và nhóm Đài Loan đang di chuyển lẫn lộn thành một hàng dài và không liên tục. Khi ấy tôi chợt trông thấy một thứ gì đó kỳ lạ.

Gần hai mươi mét ở phía dưới, một người cao lớn trong bộ quần áo màu vàng tươi đang được một người Sherpa nhỏ hơn kéo bằng một sợi dây thừng dài một mét; người Sherpa này không đeo mặt nạ oxy và thở hỗn hển. Anh ta đang kéo đồng đội của mình lên sườn núi như một con ngựa kéo chiếc cày. Cặp đôi lạ lùng này đang vượt qua những người khác và di chuyển khá nhanh, nhưng cách di chuyển này – một phương pháp leo núi để di chuyển đồng đội bị nạn hay yếu hơn bằng cách buộc một dây thừng ngắn vào anh ta – dường như rất nguy hiểm và cực kỳ không thoải mái đối với cả hai người. Dần dần, tôi nhận ra người Sherpa chính là thủ lĩnh hay khoa trương của Fischer, Lopsang Jangbu, còn người leo núi kia chính là Sandy Pittman.

Người hướng dẫn Neal Beidleman, vốn cũng quan sát thấy Lopsang đang kéo Pittman, nhớ lại: “Khi tôi leo lên từ bên dưới, Lopsang đang dựa vào sườn núi, bám sát vào vách đá như một con nhện, kéo Sandy bằng sợi dây thừng căng cứng. Điều này trông rất kỳ quái và nguy hiểm. Tôi cũng không hiểu chuyện gì xảy ra nữa”.

Khoảng 4 giờ 15 sáng, Mike ra hiệu cho chúng tôi tiếp tục chuyển leo, và Ang Dorje và tôi bắt đầu leo thật nhanh để làm ấm cơ thể. Khi những tia sáng đầu tiên của buổi bình minh chiếu sáng chân trời phía đông, địa hình bậc thang và nhiều đá mà chúng tôi đang leo nhường chỗ cho một rãnh rộng toàn là tuyết mềm. Thay phiên nhau mở đường trong lớp tuyết dày đến bấp chập này, Ang Dorje và tôi đến được đỉnh của Triền Đông Nam vào lúc 5 giờ 30, ngay khi mặt trời vừa mới mọc. Ba trong số năm đỉnh núi cao nhất hiện lên lờ mờ trong màu lam nhạt của buổi bình minh. Đồng hồ đo độ cao của tôi chỉ 8.412m.

Hall đã nói rõ ràng rằng tôi sẽ không được leo cao hơn cho tới khi toàn nhóm đến được mỏm núi trông giống như một ban công này, do đó tôi ngồi trên ba lô của mình và nghỉ ngơi. Khi Rob và Beck cuối cùng cũng xuất hiện phía cuối đoàn người, tôi đã ngồi đó được hơn chín mươi phút. Trong lúc tôi chờ đợi, cả nhóm của Fischer và nhóm Đài Loan đều đã bắt kịp và vượt qua tôi. Tôi cảm thấy bức mình khi phải chờ quá lâu, tức giận khi phải rút lại phía sau người khác. Nhưng tôi hiểu lý lẽ của Hall, do đó tôi cố gắng kiềm chế cơn tức giận của mình.

Suốt ba mươi tư năm leo núi của mình, tôi đã nhận ra rằng những khía cạnh tưởng thưởng nhất của môn thể thao này nằm ở sự chú trọng vào khả năng tự nỗ lực của bản thân, vào việc đưa ra những quyết định then chốt và giải quyết những hậu quả, vào trách nhiệm cá nhân. Nhưng tôi nhận ra rằng khi bạn đăng ký tham gia vào một đoàn leo núi, bạn bị buộc phải từ bỏ những thứ đó và còn nhiều thứ khác. Vì sự an toàn, một người hướng dẫn có trách nhiệm sẽ luôn luôn muốn chỉ huy mọi chuyện – ông ta đơn giản không thể để mỗi khách hàng đưa ra những quyết định quan trọng một cách riêng lẻ được.

Vì thể tính thụ động trong vai trò một khách hàng được khuyến khích trong suốt chuyến thám hiểm của chúng tôi. Những người Sherpa thiết lập lộ trình, dựng trại, nấu nướng và mang tất cả đồ đạc. Điều này giúp chúng tôi tiết kiệm được sức khỏe và gia tăng cơ hội lên đến đỉnh Everest, nhưng tôi nhận thấy rằng nó không đem lại sự thỏa mãn. Thỉnh thoảng tôi có cảm giác rằng tôi không thực sự đang leo núi – những người đại diện khác đang làm việc đó thay cho tôi. Mặc dù tôi chấp nhận sự cam kết này để leo lên Everest cùng với Hall, tôi chưa bao giờ cảm thấy quen với nó. Do đó tôi đã mừng rỡ

hết sức khi anh ta đến Ban công và đồng ý cho tôi tiếp tục leo lên.

Một trong những người đầu tiên mà tôi vượt qua khi tiếp tục leo lên chính là Lopsang, đang quỳ gối trên một đống nôn mửa. Thông thường, anh ta là thành viên khỏe mạnh nhất trong bất kỳ nhóm nào mà anh ta leo cùng, thậm chí ngay cả khi anh ta không dùng bình oxy. Như anh ta tự hào nói với tôi bằng thứ tiếng Anh cụt lủn sau chuyến thám hiểm: “Mỗi ngọn núi tôi leo, tôi đi đầu tiên, tôi giăng dây. Năm chín lăm trên Everest với Hall, tôi đi đầu tiên từ Trạm Căn cứ lên tới đỉnh, tôi giăng tất cả dây thừng”. Vị trí của anh ta ở gần cuối nhóm của Fischer trong buổi sáng ngày 10 tháng 5, và bị nôn mửa, dường như cho thấy điều gì đó rất nghiêm trọng.

Buổi chiều hôm trước, Lopsang đã kiệt sức khi mang chiếc điện thoại vệ tinh cho Pittman ngoài những đồ đạc khác từ Trại Ba lên Trại Bốn. Khi Beidleman trông thấy Lopsang vác trên vai cái của nợ méo mó nặng gần 40kg tại Trại Ba, anh ta nói với anh chàng Sherpa này rằng không cần thiết phải mang chiếc điện thoại lên Đèo Nam và đề nghị anh ta để nó ở lại. Sau này, Lopsang thừa nhận, một phần bởi vì nó chỉ hoạt động một chút tại Trại Ba và càng ít có khả năng hoạt động trong môi trường lạnh và khắc nghiệt hơn tại Trại Bốn⁴⁵: “Tôi không muốn mang điện thoại đó. Nhưng Scott nói tôi: ‘Nếu anh không mang, tôi sẽ mang’. Do đó tôi mang nó, cột ở bên ngoài chiếc ba lô của tôi, mang nó lên Trại Bốn... Điều đó khiến tôi vô cùng mệt mỏi”.

Và bây giờ Lopsang vừa mới kéo Pittman bằng dây thừng ngắn trong năm hay sáu giờ đồng hồ phía trên Đèo Nam, điều này càng làm cho anh ta thêm mệt mỏi và không cho phép anh ta thực hiện vai trò quen thuộc của mình là dẫn đầu nhóm, thiết lập đường đi. Bởi vì sự vắng mặt đột ngột của anh ta ở đầu nhóm đã ảnh hưởng không tốt đến kết quả của ngày hôm đó, việc anh ta quyết định kéo theo Pittman đã gây nên chỉ trích và phản đối sau đó. Beidleman nói: “Tôi không hiểu tại sao Lopsang lại kéo Pittman. Anh ta đã không ý thức được mình nên làm gì ở trên đó; anh ta không biết cái gì phải được ưu tiên”.

Về phần mình, Pittman không yêu cầu được kéo đi. Khi cô ấy rời Trại Bốn ở đầu nhóm của Fischer, Lopsang đột ngột kéo cô ta lại, cột quanh cô ấy một vòng dây thừng vào chiếc đai leo núi của cô ta. Sau đó, không cần hỏi ý kiến, anh ta móc đầu còn lại vào đai của mình và bắt đầu kéo. Pittman khẳng định rằng cô chẳng muốn chút nào việc Lopsang kéo mình lên sườn núi. Câu hỏi được đặt ra: là một người New York quả quyết có tiếng (cô ta cứng rắn đến nỗi một vài người New Zealand tại Trạm Căn cứ đã đặt biệt danh cho cô ấy là “Sandy Pit Đầu bò”), tại sao cô ấy đơn giản không tháo chiếc dây dài một mét nối cô với Lopsang ra, việc này chỉ cần cô ta với tới phía trước và

mở chiếc móc ra?

Pittman giải thích rằng cô ấy không tháo mình ra khỏi người Sherpa vì cô ta tôn trọng uy tín của Lopsang – như cô ấy nói: “Tôi không muốn làm tổn thương anh ta”. Cô ấy cũng cho hay mặc dù không nhìn đồng hồ nhưng cô nhớ rằng anh ta chỉ kéo mình trong một hay một tiếng rưỡi đồng hồ⁴⁶ chứ không phải năm hay sáu giờ như một vài người khác cho biết, và Lopsang đã xác nhận điều này.

Về phần mình, khi được hỏi tại sao anh ta lại kéo Pittman, người mà anh ta vốn đã nhiều lần thể hiện sự coi thường, Lopsang đưa ra những giải thích mâu thuẫn nhau. Anh ta nói với vị luật sư quê ở Seattle, Peter Goldman – người đã leo lên đỉnh Broad cùng với cả Scott và Lopsang vào năm 1995 và là một trong những bạn lâu năm và đáng tin cậy nhất của Fischer – rằng trong bóng tối anh ta đã nhầm lẫn Pittman với một khách hàng người Đan Mạch tên là Lene Gammelgaard và rằng anh ta đã thôi không kéo cô ấy nữa ngay sau khi nhận ra mình đã nhầm vào lúc bình minh. Nhưng trong một cuộc phỏng vấn mở rộng, có ghi âm với tôi, Lopsang khẳng định khá thuyết phục rằng anh ta biết là mình đang kéo Pittman và đã quyết định làm như vậy “bởi vì Scott muốn tất cả mọi người lên tới đỉnh, và tôi nghĩ rằng Sandy sẽ là thành viên yếu nhất, tôi nghĩ rằng cô ta sẽ leo chậm, do đó tôi sẽ giúp cô ấy lên đầu”.

Là một anh chàng trẻ tuổi nhạy cảm, Lopsang hết sức tận tụy với Fischer, anh ta hiểu rằng việc đưa được Pittman lên tới đỉnh quan trọng thế nào đối với người bạn và là người chủ của mình. Thực ra, trong một trong những cuộc điện thoại cuối cùng Fischer gọi cho Jane Bromet từ Trạm Cứu cấp ông ta đã trầm ngâm: “Nếu tôi có thể đưa Sandy lên tới đỉnh, tôi cá rằng cô ta sẽ xuất hiện trên một chương trình trò chuyện trên truyền hình, cô có nghĩ rằng cô ta sẽ nhắc đến tôi trong sự nổi tiếng và khoa trương của cô ta không?”.

Như Goldman đã giải thích: “Lopsang tuyệt đối trung thành với Scott. Theo tôi thật khó tưởng tượng việc anh ta sẽ kéo một người nào đó mà không tin chắc rằng Scott muốn anh ta làm như vậy”.

Dù động cơ của anh ta là gì đi nữa, quyết định kéo Pittman của Lopsang dường như đã không phải là một sai lầm đặc biệt nghiêm trọng vào thời điểm đó. Nhưng cuối cùng, nó sẽ là một trong nhiều điều nhỏ – từ từ, dần dần góp lại và âm thầm dẫn đến một hậu quả kinh khủng.

Chương 13: TRIỀN ĐÔNG NAM

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 1996

8.412 MÉT

Không quá khi nói rằng Everest có những sườn núi dốc nhất và những vách đá kinh hoàng nhất mà anh từng thấy, và tất cả những truyền thuyết về các sườn núi đầy tuyết dễ leo chỉ là một câu chuyện hoang đường...

Em yêu, nói chung đây là một việc đầy hồi hộp, anh không thể kể cho em nghe nó ám ảnh anh đến như thế nào và triển vọng về nó ra sao. Và cả vẻ đẹp của nó nữa!

George Leigh Mallory,

trong bức thư gửi cho vợ, ngày 28 tháng 6 năm 1921

Ở phía trên Đèo Nam, trên Vùng Chết, cơ hội sống sót chủ yếu dựa vào việc chạy đua với thời gian. Khi khởi hành rời khỏi Trại Bốn vào ngày 10 tháng 5, mỗi khách leo núi mang theo hai bình oxy nặng 3,3kg và sẽ lấy thêm bình thứ ba trên Đỉnh Nam ở nơi trữ những bình oxy đã được người Sherpa thò lên. Với một tốc độ dùng vừa phải là hai lít một phút, mỗi bình sẽ hết sau năm hoặc sáu giờ. Tới 4 giờ hoặc 5 giờ chiều, oxy của tất cả mọi người sẽ cạn. Tùy thuộc vào khả năng thích nghi và bản chất sinh lý học của mỗi người, chúng tôi vẫn có thể hoạt động phía trên Đèo Nam – tuy nhiên không được tốt và không được lâu. Chúng tôi sẽ nhanh chóng dễ bị mắc các chứng HAPE, HACE, sụt giảm thân nhiệt, suy yếu khả năng suy xét và bông lả. Nguy cơ thiệt mạng sẽ nhanh chóng tăng lên.

Hall, người đã leo ngọn Everest bốn lần trước đây, cũng giống như bất kỳ ai khác đều hiểu rằng việc leo lên và trở xuống một cách nhanh chóng là hết sức cần thiết. Nhận ra rằng các kỹ năng leo núi cơ bản của một số khách của mình là rất đáng nghi ngờ, Hall dự định sẽ dựa vào các sợi dây cố định để đảm bảo an toàn và giúp cả nhóm chúng tôi cũng như nhóm Fischer qua được những khu vực khó khăn nhất. Việc chưa có đoàn nào leo lên tới đỉnh trong năm nay làm anh ta lo lắng vì điều này có nghĩa là phần lớn địa hình này chưa được giăng dây.

Göran Kropp, anh chàng leo núi một mình người Thụy Điển, đã leo đến bên dưới đỉnh 107 mét vào ngày 3 tháng 5, nhưng anh ta không thềm mảy may giăng tí dây nào. Những người Montenegro, thậm chí còn leo cao hơn, đã giăng một số dây cố định; nhưng vì thiếu kinh nghiệm nên họ đã sử dụng hết số dây mà mình có trong 400 mét đầu tiên phía trên Đèo Nam, phung phí chúng trên những sườn dốc tương đối thoải thoải không thật cần thiết. Do đó, vào buổi sáng chúng tôi thực hiện chuyến leo lên đỉnh, những sợi dây cố định duy nhất được giăng dọc theo những đường răng cưa dốc đứng ở phần

trên của Triền Đông Nam chỉ là những tàn tích tả tơi, cũ kỹ do các đoàn thám hiểm trước đó để lại nằm lác đác trên các vách băng.

Dự đoán trước được khả năng này, trước khi rời khỏi Trạm Căn cứ, Hall và Fischer họp những người hướng dẫn của cả hai đoàn lại, trong cuộc họp này họ nhất trí rằng mỗi nhóm sẽ cử hai người Sherpa – bao gồm cả hai thủ lĩnh leo núi Sherpa là Ang Dorje và Lopsang – lên Trại Bốn trước các nhóm chính chín mươi phút. Điều này sẽ cho phép những người Sherpa có đủ thời gian để giăng những tuyến dây cố định ở những chỗ nguy hiểm nhất của phần trên ngọn núi trước khi khách lên tới nơi. Beidleman nhớ lại: “Rob đã giải thích việc này quan trọng như thế nào. Ông ta muốn tránh tình trạng thất cổ chai bằng mọi giá”.

Tuy nhiên vì một lý do không rõ nào đó, không một người Sherpa nào rời Đèo Nam trước chúng tôi vào buổi tối ngày 9 tháng 5. Có lẽ, cơn gió bão hung tợn, vốn không ngừng hoành hành cho mãi đến 7 giờ 30 tối, đã không cho phép họ khởi hành sớm như mong muốn. Sau chuyến thám hiểm Lopsang khẳng định rằng vào phút chót Hall và Fischer đã hủy bỏ kế hoạch giăng dây trước cho những khách leo núi, bởi vì họ đã nhận được thông tin sai lệch rằng những người Montenegro đã hoàn thành công việc này tới tận Đỉnh Nam.

Nếu như khẳng định của Lopsang là chính xác thì không ai trong số Beidleman, hay Groom hay Boukreev – ba người hướng dẫn sống sót – đã được thông báo về việc thay đổi kế hoạch này. Và nếu như kế hoạch giăng dây đã bị chủ ý hủy bỏ thì sẽ không có lý do gì để Lopsang và Ang Dorje phải mang theo khoảng chín mươi mét dây thừng khi khởi hành đi đầu mỗi đội từ Trại Bốn.

Bất luận thế nào thì ở phía trên độ cao 8.352m, không có sợi dây thừng nào được giăng trước. Khi Ang Dorje và tôi tới Ban công vào 5 giờ 30 sáng, chúng tôi đã đi trước những người còn lại trong đoàn của Hall hơn một giờ đồng hồ. Vào lúc đó chúng tôi có thể dễ dàng leo lên trước để cố định dây. Nhưng Rob dứt khoát không cho tôi leo lên trước, còn Lopsang vẫn còn ở xa phía dưới, đang kéo Pittman, do đó không có ai để đi cùng Ang Dorje.

Với bản chất yên lặng và nhiều tâm trạng, Ang Dorje dường như đặc biệt u sầu khi chúng tôi ngồi cùng nhau ngắm mặt trời mọc. Mọi cố gắng của tôi để bắt chuyện với Ang Dorje chẳng có tác dụng gì. Tôi nghĩ rằng tâm trạng buồn bã của anh ta có lẽ là do chiếc răng bị áp-xe đã khiến cho anh ta đau đớn trong hai tuần trước đó. Hoặc anh ta đang suy nghĩ về chuyện bực mình của anh ta bốn ngày trước: trong buổi tối cuối cùng tại Trạm Căn cứ, anh ta và những người Sherpa khác đã tổ chức ăn mừng chuyến leo lên đỉnh sắp tới

bằng việc uống rất nhiều *chhang* – một loại bia đặc và ngọt được lên men từ gạo và hạt kê. Sáng hôm sau, vẫn còn rất mệt vì hơi men, anh ta cực kỳ kích động; trước khi leo lên Thác băng anh ta kể cho một người bạn rằng mình đã thấy ma vào đêm trước. Là một người trẻ tuổi rất tin vào tâm linh, Ang Dorje không phải là người xem nhẹ những điềm báo này.

Mà có thể đơn giản là anh ta đang nổi giận với Lopsang, người mà anh vẫn cho là một kẻ khoe khoang. Năm 1995, Hall đã thuê cả Lopsang và Ang Dorje cho đoàn thám hiểm Everest của mình, và kể từ đó hai người Sherpa này đã không phối hợp tốt được với nhau.

Vào ngày leo lên đỉnh năm đó, đoàn của Hall đã đến Đỉnh Nam trễ, khoảng 1 giờ 30 chiều. Họ thấy tuyết mềm và dày phủ kín đoạn đường cuối cùng của triền đỉnh. Hall cử một hướng dẫn viên người New Zealand tên Guy Cotter đi trước cùng với Lopsang, thay vì Ang Dorje, để xem xét khả năng leo lên cao hơn. Ang Dorje, thủ lĩnh người Sherpa trong chuyến leo núi đó, đã coi điều này là một sự sỉ nhục. Một lát sau đó, khi Lopsang đã leo lên đến chân Bạc Hillary, Hall quyết định hủy bỏ cuộc chinh phục đỉnh núi và ra hiệu cho Cotter và Lopsang quay lại. Nhưng Lopsang đã không tuân lệnh, anh ta cởi dây khỏi Cotter và tiếp tục leo lên đỉnh một mình. Hall đã tức giận vì sự bất phục tùng của Lopsang, và Ang Dorje cũng cảm thấy tức giận cùng ông chủ.

Năm nay, mặc dù họ thuộc hai đội khác nhau, Ang Dorje lại được yêu cầu làm việc cùng với Lopsang vào ngày chinh phục đỉnh núi – và lại một lần nữa Lopsang dường như lại hành động một cách ngu xuẩn. Ang Dorje đã làm việc tốt hơn cả trách nhiệm của mình trong suốt sáu tháng dài. Giờ đây, hiển nhiên anh ta đã mệt mỏi vì phải làm việc nhiều hơn những gì mình phải làm. Trông có vẻ ủ rũ, anh ta ngồi bên cạnh tôi trong tuyết, chờ đợi Lopsang tới và những sợi dây cố định vẫn chưa được giăng.

Kết quả là, tôi mắc vào vụ nghẽn cổ chai đầu tiên chín mươi phút sau khi leo qua Ban công, ở độ cao 8.534m. Tại đây một đám lẫn lộn các đội gặp phải một loạt các bậc đá lớn cần phải có dây cố định mới leo qua an toàn được. Các khách leo núi bồn chồn chen chúc ở dưới chân của tảng đá trong gần một giờ đồng hồ trong khi Beidleman – phải đảm nhận nhiệm vụ của người vắng mặt Lopsang – đang chăm chỉ giăng những sợi dây cố định.

Tại đây, sự thiếu kiên nhẫn và thiếu kinh nghiệm của khách leo núi Yasuko Namba trong đoàn Hall suýt chút nữa đã gây ra tai họa. Là một nữ doanh nhân xuất sắc làm việc cho hãng Pederal Express tại Tokvo, Yasuko không phải là một phụ nữ trung niên Nhật Bản nhu mì và tôn kính. Bà ta cười lớn khoe với tôi rằng ở nhà chồng bà ấy làm tất cả mọi công việc nấu

nướng và lau dọn. Chuyến chinh phục Everest của bà đã trở thành một sự kiện gây chú ý nho nhỏ tại Nhật Bản. Lúc đầu trong chuyến thám hiểm, bà ta là một người leo núi chậm chạp và không chắc chắn; nhưng ngày hôm nay với đỉnh Everest đang nằm trong tầm ngắm của mình, Yasuko hoạt động mạnh mẽ như chưa từng bao giờ như thế. John Taske, người ở chung lều với bà ta ở Trại Bốn, cho hay: “Từ khi chúng tôi đến Đèo Nam, Yasuko hoàn toàn tập trung vào đỉnh núi – giống như đang bị thôi miên vậy”. Kể từ khi rời khỏi đèo bà ấy đã leo cực kỳ chăm chỉ, chen lấn từng chút để vượt lên trước.

Giờ đây, khi Beidleman đang bám không chắc chắn trên tảng đá cao hơn các vị khách khoảng ba mươi mét, bà Yasuko hăm hở quá mức đã móc tay leo của mình vào sợi dây thừng đang đung đưa trước khi Beidleman kịp neo đầu dây của anh ta. Khi bà ta chuẩn bị đu lên sợi dây – điều này sẽ kéo Beidleman rơi xuống – Mike Groom đã can thiệp đúng lúc và nhẹ nhàng phê bình bà ta vì đã thiếu kiên nhẫn.

Việc “tắc nghẽn giao thông” tại những sợi dây thừng ngày càng tăng lên mỗi khi có thêm một người leo núi đến, do đó những người ở cuối của đoàn người đang chen lấn càng rơi lại xa phía sau. Đến cuối buổi sáng hôm đó, ba khách hàng của Hall – Stuart Hutchison, John Taske và Lou Kasischke, đang leo ở gần cuối với Hall – trở nên khá lo lắng với tốc độ chậm chạp này. Ngay phía trước họ là đoàn người Đài Loan đang di chuyển cực kỳ ẻo lả. Hutchison nói: “Họ leo theo kiểu kỳ quái, rất gần nhau, giống như những lát sandwich trong một ổ bánh, người này dưới người kia. Chúng tôi phải đợi rất lâu khi họ leo lên những sợi dây”.

Tại Trạm Căn cứ, trước buổi chinh phục đỉnh của chúng tôi, Hall đã dự tính hai thời điểm trở xuống khả dĩ – 1 giờ hoặc 2 giờ chiều. Tuy nhiên, anh ấy không nói rõ chúng tôi phải tuân theo thời điểm nào – điều này hết sức lạ lùng khi xét đến những gì anh ta đã nói về tầm quan trọng của việc định rõ một thời hạn cuối và phải tuân thủ theo nó dù có chuyện gì đi nữa. Chúng tôi chỉ đơn giản hiểu lơ mờ rằng Hall sẽ chỉ đưa ra quyết định cuối cùng cho đến ngày lên đỉnh, sau khi đã cân nhắc thời tiết cũng như các yếu tố khác, và sau đó sẽ chịu trách nhiệm một mình trong việc gọi mọi người quay lại vào thời điểm thích hợp.

Đến giữa sáng ngày 10 tháng 5, Hall vẫn chưa tuyên bố thời gian trở xuống sẽ chính xác là khi nào. Hutchison, vốn có bản chất bảo thủ, cho rằng sẽ là 1 giờ chiều. Khoảng 11 giờ trưa, Hall nói với Hutchison và Taske rằng vẫn còn cách đỉnh núi ba giờ đồng hồ nữa, sau đó anh ta leo nhanh và cố gắng vượt qua nhóm Đài Loan. Hutchison cho hay: “Dường như chúng tôi không có cơ hội lên tới đỉnh trước thời điểm phải quay lại là 1 giờ chiều”. Một cuộc thảo luận ngắn diễn ra. Lúc đầu Kasischke miễn cưỡng chấp nhận

thất bại, nhưng Taske và Hutchison đã thuyết phục được anh. Vào lúc 11 giờ 30 ba người này quay lưng lại với đỉnh núi và trở xuống. Hall cử hai người Sherpa là Kami và Lhakpa xuống cùng với họ.

Quyết định leo xuống hẳn đã hết sức khó khăn với ba vị khách này, cũng như với Frank Fischbeck, người đã quay lại nhiều giờ trước. Leo núi thường khiến các vận động viên, kể cả nam và nữ, khó khăn trong việc rời bỏ mục tiêu của mình. Đến giai đoạn cuối này của cuộc leo núi, chúng tôi đã phải trải qua nhiều mức độ khôn khổ và nguy hiểm, mà có thể đã khiến những người ôn định hơn phải cuốn gói về nhà từ lâu. Leo cao đến chừng này, bạn phải có một tính cách cực kỳ cứng rắn.

Thật không may, những người có thể phớt lờ những nỗi đau riêng và tiếp tục nỗ lực leo lên đỉnh cũng thường chính là những người đã được lập trình để không quan tâm đến những dấu hiệu chết chóc cũng như nguy hiểm sắp xảy ra. Điều này hình thành nên tình trạng khó xử mà những người leo núi Everest rút cuộc cũng phải đối đầu: để thành công bạn phải cực kỳ khao khát, nhưng nếu quá khao khát bạn có thể thiệt mạng. Hơn nữa, ở độ cao hơn 7.925m ranh giới giữa nhiệt huyết đúng đắn và cơn sốt chinh phục đỉnh một cách liều mạng trở nên rất mong manh. Bởi vậy các sườn núi của đỉnh Everest chắt đây những xác chết.

Taske, Hutchison, Kasischke và Fischbeck mỗi người đã phải bỏ ra tận 70.000 đô la và phải chịu đựng nhiều tuần lễ gian khổ để nhận được một cơ hội chinh phục đỉnh này. Tất cả đều là những người tham vọng, không quen với thất bại và thậm chí chưa bao giờ chịu bỏ cuộc. Nhưng đến khi phải đối mặt với quyết định khó khăn, họ chính là một trong số ít những người đã hành động đúng trong ngày hôm đó.

Phía trên bậc đá nơi John [Taske], Stuart [Hutchison] và Lou [Kasischke] quay trở xuống, những sợi dây cố định dừng lại. Từ điểm này, đường đi dốc thẳng lên dọc theo một sống núi sắc cạnh lèn dày tuyết cứng trông thật “yêu kiều” dẫn lên điểm cao nhất là Đỉnh Nam. Tôi đến đó vào lúc 11 giờ và bắt gặp tình trạng tắc nghẽn lần thứ hai, lần này thậm chí còn nghiêm trọng hơn. Cao hơn một chút, có vẻ như không quá tầm ném của một viên đá là Bậc Hillary thẳng đứng, và cao hơn chút nữa chính là đỉnh Everest. Nín thính vì sợ hãi và mệt mỏi, tôi chụp vài tấm ảnh, sau đó ngồi xuống cùng với những người hướng dẫn là Andy Harris, Neal Beidleman và Anatoli Boukreev để chờ những người Sherpa giăng dây thừng dọc theo triền đỉnh nhọn hoắt một cách ngoạn mục này.

Tôi chú ý thấy rằng Boukreev, cũng giống như Lopsang, không sử dụng bình dưỡng khí. Mặc dù anh chàng người Nga đã leo lên tới đỉnh hai lần

trước đó mà không sử dụng oxy bổ sung và Lopsang là ba lần, nhưng tôi vẫn cảm thấy ngạc nhiên khi Fischer đã cho phép họ hướng dẫn những người khác lên đỉnh mà không sử dụng bình oxy, điều này có vẻ không mang lại lợi ích cao nhất cho các khách của họ. Tôi cũng ngạc nhiên khi thấy Boukreev không mang theo ba lô – thông thường một người hướng dẫn phải mang theo một chiếc ba lô có chứa dây thừng, các dụng cụ sơ cứu, thiết bị cứu người rơi xuống khe vực, quần áo dự phòng, và những thứ cần thiết khác để giúp đỡ những khách hàng trong trường hợp khẩn cấp. Boukreev là hướng dẫn viên đầu tiên mà tôi từng thấy, trên bất kỳ ngọn núi nào, không theo thông lệ này.

Hóa ra là anh ta đã rời khỏi Trại Bốn mang theo một ba lô và một bình oxy; sau đó anh ta nói với tôi rằng mặc dù không có ý định sử dụng oxy, nhưng anh ta muốn có một bình trong tay phòng khi “sức lực cạn” và anh ta phải cần đến nó khi ở trên cao gần đỉnh. Tuy nhiên, khi đến được Ban công, anh ta đã trút bỏ ba lô, và đưa bình oxy, mặt nạ và thiết bị điều áp cho Beidleman mang hộ. Bởi vì Boukreev không thở oxy bổ sung, anh ta đã quyết định trút bỏ đồ đạc của mình để chỉ còn phải mang trọng lượng thấp nhất nhằm tận dụng mọi thuận lợi có thể trong không khí loãng một cách đáng sợ này.

Một cơn gió 37km/h quét qua đỉnh núi thổi tung một dải bụi nước bay xa qua Mặt Kangshung, nhưng phía trên đầu bầu trời là một màu xanh chói chang như ngọc nhồi. Đi lững thững trong cái nắng ở độ cao 8.748m trong bộ áo liền quần dày cộm của mình, nhìn chằm chằm lên mái nhà của thế giới trong trạng thái ngẩn ngơ vì thiếu oxy, tôi hoàn toàn không còn có cảm giác về thời gian. Không ai trong chúng tôi để ý nhiều đến việc Ang Dorje và Ngavvang Norbu, một người Sherpa khác trong nhóm của Hall, đang ngồi cạnh chúng tôi chia nhau một phích trà và dường như chẳng vội vã gì để leo lên cao hơn. Khoảng 11 giờ 40, Beidleman rút cuộc cũng hỏi: “Này, Ang Dorje, anh có tính giăng dây tiếp hay là không?” Ang Dorje đáp lại nhanh chóng và dứt khoát ‘Không’ – có lẽ bởi vì không có người Sherpa nào thuộc nhóm của Fischer ở đó để san sẻ công việc với anh ta”.

Cảm thấy lo lắng về đám đông đang dồn cục tại Đỉnh Nam, Beidleman gọi Harris và Boukreev và kiên quyết đề nghị ba hướng dẫn viên bọn họ sẽ tự mình giăng dây. Nghe vậy, tôi nhanh chóng xung phong giúp đỡ. Beidleman lôi trong ba lô của anh ta ra một cuộn dây thừng dài khoảng bốn mươi lăm mét, tôi chộp lấy một cuộn khác từ Ang Dorje. Cùng với Boukreev và Harris, chúng tôi lên đường vào giữa trưa để giăng những sợi dây cố định lên triền đỉnh. Nhưng tới lúc này, một giờ đồng hồ nữa đã từ từ trôi qua.

* * *

Khí oxy nén cũng không thể khiến cho đỉnh ngọn Everest giống như ở mực nước biển. Leo lên phía trên Đỉnh Nam với thiết bị điều áp cung cấp chỉ gần hai lít oxy mỗi phút, tôi phải dừng lại và hít vào ba hoặc bốn hơi đầy phổi sau mỗi bước đi nặng nề. Sau đó tôi bước thêm một bước và phải dừng lại để hít bốn hơi sâu – và đây là tốc độ nhanh nhất tôi có thể cố gắng được. Bởi vì hệ thống oxy mà chúng tôi đang sử dụng cung cấp một hỗn hợp gồm khí nén và không khí xung quanh, nên ở độ cao 8.830m có sử dụng oxy có cảm giác như ở độ cao 7.925m không sử dụng oxy. Tuy nhiên khí oxy nén còn mang lại nhiều lợi ích khác không dễ gì kể hết được.

Leo lên dọc theo cạnh của triền đỉnh, hít oxy vào hai lá phổi tả tơi của mình, tôi có một cảm giác thanh thản kỳ lạ và không rõ ràng. Thế giới đằng sau chiếc mặt nạ sống động một cách lạ lùng nhưng dường như có vẻ không được thật lắm, cứ như thể một bộ phim được chiếu chậm phía trước cặp kính chắn gió của tôi. Tôi cảm thấy như bị đánh thuốc mê, không hề vướng bận và hoàn toàn cách ly khỏi những kích thích từ bên ngoài. Tôi phải liên tục nhắc mình nhớ rằng cả hai bên là khoảng trời cao 2.133m, rằng mọi thứ trên này rất nguy hiểm và rằng tôi sẽ phải trả giá bằng chính mạng sống của mình cho một bước cầu thả.

Nửa giờ ở phía trên Đỉnh Nam, tôi đã đến được chân của Bạc Hillary. Là một trong những con dốc nổi tiếng nhất trong môn leo núi, khối đá và băng gần như thẳng đứng cao hơn mười hai mét này trông có vẻ khiến cho người khác phải nản chí, nhưng – như bất kỳ nhà leo núi nghiêm túc nào – tôi cũng rất muốn bám lấy “đầu nhọn” của sợi dây thừng và leo lên trên Bạc đá. Tuy nhiên, rõ ràng là cả Boukreev, Beidleman và Harris cũng cảm thấy như vậy, và lúc ấy tôi nghĩ rằng thật là ảo tưởng khi bất kỳ người nào trong số họ lại để khách của mình dành phần thực hiện một việc như vậy.

Cuối cùng Boukreev – vốn là một hướng dẫn viên dày dặn kinh nghiệm và đã từng chinh phục được đỉnh Everest trước đây – nhận lấy vinh dự này; với Beidleman là người giữ dây, anh ta đã thực hiện tài tình việc leo lên con dốc. Nhưng Beidleman cũng mất nhiều thời gian và khi anh ta đang cẩn thận leo lên đỉnh của Bạc đá, tôi lo lắng nhìn đồng hồ của mình và tự hỏi rằng liệu tôi có thể còn đủ oxy không. Bình oxy đầu tiên của tôi đã cạn lúc 7 giờ sáng trên Ban công, sau khi sử dụng được khoảng bảy tiếng đồng hồ. Dùng mức này làm chuẩn, tại Đỉnh Nam tôi đã tính toán rằng bình thứ hai của tôi sẽ cạn vào khoảng 2 giờ chiều. Tôi đã đại dốt cho rằng bình này sẽ đủ cho tôi leo lên tới đỉnh và trở xuống Đỉnh Nam lấy bình oxy thứ ba của mình. Nhưng bây giờ đã là gần 1 giờ chiều, và tôi bắt đầu cảm thấy hết sức nghi ngờ.

Tại đỉnh của Bạc Hillary, tôi chia sẻ mỗi lo lắng của mình với Beidleman

và hỏi anh ta rằng liệu tôi có thể leo nhanh lên đỉnh thay vì dừng lại giúp anh ta giăng cuộn dây cuối cùng dọc theo triền núi. Anh ta ân cần nói: “Cứ đi đi. Tôi sẽ lo – cuộn này cho”.

Lê những bước nặng nề chậm chạp cuối cùng lên đỉnh núi, tôi có cảm giác như đang ở dưới nước, như mọi thứ đang chuyển động với tốc độ chỉ bằng một phần tư. Và rồi tôi thấy mình ở trên đỉnh của một mũi băng thon mảnh, được trang trí bằng một chiếc bình oxy bỏ đi và một chiếc cọc thăm dò bằng nhôm méo mó, và không còn nơi nào cao hơn để leo lên nữa. Một dãy cờ cầu nguyện của những tín đồ Phật giáo bay lạch tạch dữ dội trong gió. Phía xa bên dưới, xuôi theo một phía núi mà tôi chưa bao giờ trông thấy, cao nguyên Tây Tạng khô cằn trải dài tới tận chân trời như một dải đất màu nâu xám bao la bát ngát.

Người ta vẫn cho rằng khi lên được tới đỉnh Everest, trong con người ta sẽ vỡ òa một niềm tự hào mãnh liệt. Cuối cùng, sau bao nhiêu cực khổ, tôi vừa mới đạt được mục tiêu mà mình đã khao khát từ thời niên thiếu. Nhưng đỉnh núi thật sự chỉ mới là nửa đường. Bất kỳ sự tự khen ngợi nào của tôi cũng sẽ tiêu tan trước sự sợ hãi bao trùm về một chuyến leo xuống dài và nguy hiểm vẫn còn nằm ở phía trước.

Chương 14: ĐỈNH NÚI

**1:12 CHIỀU, NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM
1996**

8.848 MÉT

Không chỉ suốt chuyến leo lên mà cả trong chuyến leo xuống ý chí của tôi cũng mệt mỏi rã rời. Tôi càng leo, mục đích của tôi càng trở nên ít quan trọng hơn, tôi càng trở nên dừng dừng với chính mình hơn. Khả năng chú ý của tôi giảm bớt, trí nhớ của tôi yếu đi. Sự mệt mỏi về tinh thần trong tôi còn lớn hơn sự mệt mỏi về thể xác. Thật là thoải mái khi ngồi yên không động cựa chân tay – và vì thế cũng rất nguy hiểm. Chết vì kiệt sức – giống như chết vì giá lạnh – là một cái chết êm ái.

Reinhold Messner

Chân trời pha lê

Trong ba lô của tôi có một cờ hiệu của tờ tạp chí Outside, đó là một lá cờ đuôi nheo nhỏ được trang trí với hình con thần lùn kỳ dị mà vợ tôi, Linda, đã may, cùng với những vật lưu niệm khác mà tôi đã dự định sẽ chụp một loạt ảnh thẳng lợi với chúng. Tuy nhiên, biết rằng lượng oxy dự trữ của mình đang cạn dần, tôi để mọi thứ lại trong ba lô và ở trên đỉnh của thế giới chỉ vừa đủ để chụp nhanh bốn bức ảnh cho Andy Harris và Anatoli Boukreev đang đứng phía trước cây cọc thăm dò đánh dấu đỉnh núi. Sau đó tôi quay lại để leo xuống. Chừng hai mươi mét phía dưới đỉnh núi, tôi vượt qua Neal Beidleman và một khách hàng của Fischer tên Martin Adams đang trên đường leo lên. Sau khi cùng Neal đập tay ăn mừng, tôi bốc một nắm đầy những hòn đá nhỏ từ một khoảng đá phiến sét đã được gió rửa sạch, bỏ những thứ quà lưu niệm này vào túi bộ áo liền quần của mình, và nhanh chóng xuống triền núi.

Một lúc trước đây, tôi đã nhận thấy rằng những đám mây lưa thưa giờ đây đã phủ đầy các thung lũng ở phía nam, che khuất tất cả mọi thứ chỉ trừ những đỉnh núi cao nhất. Adams – một người Texas nhỏ con hay gây gổ, giàu lên nhờ mua bán cổ phiếu trong thời kỳ bùng nổ những năm 1980 – là một phi công lái máy bay nhiều kinh nghiệm; anh ta đã trải qua nhiều giờ nhìn xuống dưới từ đỉnh các đám mây. Sau này, anh ta nói với tôi rằng ngay sau khi lên đến đỉnh anh ta đã nhận ra những luồng hơi nước trông như vô hại này đang hình thành nên phần đỉnh của các đám mây đông khổng lồ. Anh ta giải thích: “Khi anh nhìn thấy một đám mây đông từ máy bay. Phản ứng của anh là phải nhanh chóng thoát ra khỏi đó. Và đó cũng chính là những gì tôi đã làm”.

Nhưng không giống như Adams, tôi không quen với việc nhìn xuống những đám mây đông này từ độ cao 8.839m, và do đó tôi vẫn hoàn toàn không biết gì về con dông bão đang ập xuống. Tôi chỉ lo lắng về việc lượng

oxy còn lại trong bình của mình đang cạn dần.

Mười lăm phút sau khi rời đỉnh núi, tôi xuống tới đỉnh của Bắc Hillary. Ở đây tôi bắt gặp một nhóm người leo núi đang leo lên một sợi dây duy nhất, và chuyến leo xuống của tôi buộc phải tạm dừng. Khi tôi chờ đám đông này đi qua, Andy cũng xuống tới. Anh ta hỏi: “Jon, dường như tôi không có đủ oxy. Anh có thể xem giùm tôi coi chiếc van vào có bị đông cứng không?”.

Tôi kiểm tra sơ qua và thấy rằng nước bọt bị đông đá to bằng nắm tay đã bịt kín chiếc van cao su dẫn không khí từ bên ngoài vào mặt nạ. Tôi đập nó vỡ ra bằng chiếc rìu phá băng của mình, rồi nhờ Andy giúp mình khóa thiết bị điều áp của tôi lại để tiết kiệm oxy chờ cho đến khi Bắc đá hết người. Tuy nhiên, thay vì khóa nó lại, anh ta lại nhầm lẫn mở nó ra và mười phút sau đó tất cả không khí của tôi đã cạn sạch. Khả năng nhận thức của tôi, trước đó đã bị ảnh hưởng nhiều, bây giờ nhanh chóng suy giảm một cách đáng kể. Tôi có cảm giác như đã bị cho uống quá liều một loại thuốc an thần mạnh.

Tôi lơ mơ nhớ rằng Sandy Pittman đã leo lên ngang qua tôi khi tôi đang đứng đợi, theo ngay phía sau là Charlotte Fox và kế đến là Lopsang Jangbu. Yasuko xuất hiện tiếp theo, chỉ ngay phía dưới chỗ đứng cheo leo của tôi, nhưng đang lúng túng với phần cuối cùng và cũng là phần dốc nhất của Bắc đá. Tôi quan sát mà không thể giúp đỡ được gì trong mười lăm phút bà ta đánh vật để tự mình leo lên bờ đá; tôi đã quá kiệt sức nên không thể làm gì được. Cuối cùng Tim Madsen, người đang sốt ruột chờ đợi ngay phía dưới bà ta, đã đẩy mông và giúp bà ta lên đỉnh.

Rob Hall xuất hiện không lâu sau đó. Che giấu sự hoảng loạn đang ngày càng tăng của mình, tôi cảm ơn Rob vì đã đưa tôi lên đỉnh Everest. “À, hóa ra chuyến thám hiểm khá tốt”, anh ta đáp lại, sau đó cho biết cả Frank Fischbeck, Beck Weathers, Lou Kasischke, Stuart Hutchison và John Taske đều đã quay lại. Thậm chí trong tình trạng suy yếu vì thiếu oxy, tôi vẫn có thể nhận ra rõ ràng rằng Hall cực kỳ thất vọng khi nằm trong số tám vị khách hàng của anh ấy đã bỏ cuộc – một sự thất vọng mà tôi cho là có nguyên nhân từ việc tất cả nhóm của Fischer dường như đều đang hướng lên đỉnh. Rob than trước khi tiếp tục leo lên: “Tôi chỉ ước rằng chúng ta đã có thể đưa thêm nhiều người nữa lên đỉnh”.

Không lâu sau đó, Adams và Boukreev cũng đến nơi trên đường trở xuống; họ dừng lại ngay phía trên tôi để chờ cho đám người qua đi. Một phút sau tình trạng quá tải trên đỉnh Bắc đá trở nên trầm trọng hơn khi Makalu Gau, Ang Dorje và nhiều người Sherpa khác leo lên trên sợi dây thừng, theo sau là Doug Hansen và Scott Fischer. Và rồi cuối cùng Bắc Hillary cũng trống – nhưng là sau khi tôi đã trải qua hơn một giờ đồng hồ ở độ cao

8.809m mà không có khí oxy bổ sung.

Tới lúc này dường như tất cả các phần ở vỏ não của tôi đã ngưng hoạt động. Choáng váng, lo sợ rằng mình sẽ ngất đi, tôi điên cuồng muốn xuống được Đỉnh Nam, nơi bình oxy thứ ba đang đợi tôi. Tôi bắt đầu từ từ di chuyển xuống các tuyến dây cố định, cứng đờ vì sợ hãi. Ngay dưới Bạc đá, Anatoli [Boukreev] và Martin [Adams] luồn qua tôi và nhanh chóng leo xuống. Cực kỳ thận trọng, tôi tiếp tục leo xuống sợi dây thừng kéo căng xuống triền núi, nhưng khoảng mười lăm mét phía trên chỗ chứa bình oxy, sợi dây thừng kết thúc, và tôi ngần ngại không muốn đi tiếp mà không có khí oxy.

Đứng phía trên gần Đỉnh Nam, tôi có thể thấy Andy Harris đang lựa chọn trong một đồng bình oxy màu cam. Tôi la lên: “Nè, Harold! Có thể mang cho tôi một bình mới không?”

Anh chàng hướng dẫn này hét to lại: “Ở đây không có oxy. Những bình này hết sạch rồi!”. Đó là một tin tồi tệ. Não tôi đang hét lên đòi oxy. Tôi không biết phải làm gì. Ngay lúc đó, Mike Groom bắt kịp tôi trên đường anh ta trở xuống từ đỉnh. Mike đã từng leo ngọn Everest vào năm 1993 mà không cần dùng khí oxy, và anh ấy cũng không quá lo ngại về việc leo xuống mà không cần nó. Anh ta đưa cho tôi bình oxy của mình, và chúng tôi nhanh chóng bò xuống Đỉnh Nam.

Khi chúng tôi tới đó, sau khi kiểm tra chúng tôi nhanh chóng phát hiện ra rằng có ít nhất sáu bình đầy. Tuy nhiên, Harris không tin điều đó. Anh ta tiếp tục khẳng định rằng chúng đã hết sạch, và tôi và Mike có nói gì cũng không thể khiến anh ta thay đổi ý kiến.

Cách duy nhất để biết được còn bao nhiêu khí trong bình là gắn nó vào thiết bị điều áp và nhìn đồng hồ; có lẽ đây chính là cách Andy đã kiểm tra các bình khí tại Đỉnh Nam. Sau chuyến thám hiểm, Neal Beidleman chỉ ra rằng có lẽ thiết bị điều hòa của Andy đã bị tắc nghẽn vì băng, và đồng hồ có thể đã chỉ số không khi thậm chí những chiếc bình vẫn còn đầy khí; điều này giải thích cho sự ngoan cố kỳ lạ của Andy. Và có lẽ nếu thiết bị điều áp của anh ta bị hỏng và không thể dẫn khí tới mặt nạ, điều đó cũng giải thích cho sự thiếu minh mẫn của anh ấy.

Tuy nhiên, cả tôi và Mike đều đã không nghĩ tới khả năng này vào lúc đó, điều mà giờ đây dường như đã rõ ràng. Nhìn lại sự việc, Andy đã hành động một cách vô lý và đã vượt xa những ảnh hưởng thông thường của chúng giảm oxy huyết, nhưng tôi đã suy yếu về mặt nhận thức đến nỗi không nhận ra được điều này.

Việc không nhận thức được điều hiển nhiên này phần nào có nguyên

nhân từ mối quan hệ khách leo núi – hướng dẫn viên. Andy và tôi tương tự nhau xét về khả năng thể chất và sự thành thạo kỹ thuật; nếu như chúng tôi leo cùng trong điều kiện không có người hướng dẫn như những đồng đội bình đẳng với nhau, tôi hoàn toàn có thể nhận ra tình trạng khó khăn của anh ấy. Nhưng trong chuyến thám hiểm này Andy có vai trò là một người hướng dẫn tôi cao, ở đó để trông nom tôi và các khách leo núi khác; chúng tôi đã được đặc biệt căn dặn rằng không được nghi ngờ quyết định của những người hướng dẫn. Trong trí não què quặt của tôi chưa bao giờ xuất hiện ý nghĩ rằng Andy đang lâm vào tình trạng cực kỳ khó khăn – rằng một người hướng dẫn rất cần sự giúp đỡ của tôi.

Khi Andy tiếp tục khẳng định không còn chiếc bình nào đầy khí tại Đỉnh Nam, Mike nhìn tôi với vẻ mặt thắc mắc khó hiểu. Tôi nhìn lại anh ta và nhún vai. Quay qua Andy, tôi nói: “Không có vấn đề gì, Harold. Chẳng có gì mà phải rôi lên cả”. Sau đó tôi chộp lấy một chiếc bình oxy mới, gắn nó vào thiết bị điều áp của mình, và leo xuống núi. Những gì sáng tỏ nhiều giờ sau đó đã khiến tôi nhận thấy rằng sự hời hợt và chối bỏ trách nhiệm – một sai lầm rành rành khi tôi không nhận ra được tình trạng nghiêm trọng của Andy – sẽ ám ảnh tôi suốt cả phần đời của lại của mình.

Khoảng 3 giờ 30 chiều, tôi rời Đỉnh Nam đi trước Mike, Yasuko và Andy và gần như ngay lập tức lạc vào một lớp mây dày đặc. Tuyết bắt đầu rơi nhẹ. Tôi gần như không thể phân biệt được đâu là điểm tận cùng của ngọn núi và đâu là điểm bắt đầu của bầu trời trong ánh sáng yếu ớt và xóa nhòa không gian này; tại những chỗ này, người ta rất dễ bị sẩy chân rơi khỏi sườn núi và sẽ không bao giờ còn ai nghe nói đến họ nữa. Và khi tôi di chuyển xuống, tình trạng này còn tồi tệ hơn nữa.

Tại chân của những bậc đá trên Triền Đông Nam, tôi và Mike dừng lại để chờ Yasuko, người đang vất vả đánh vật với những sợi dây cố định. Mike cố gắng gọi cho Rob bằng bộ đàm, nhưng máy phát của anh ta chỉ hoạt động một cách chập chờn và anh ta không thể gọi được cho bất kỳ ai. Với Mike đang coi sóc Yasuko, và cả Rob và Andy đang kèm Doug Hansen – người khách duy nhất còn ở phía trên – tôi cho rằng tình hình vẫn đang nằm trong tầm kiểm soát. Do đó khi Yasuko bắt kịp chúng tôi, tôi xin phép Mike để được tiếp tục leo xuống một mình. Anh ta đáp lại: “Được. Nhưng đừng có trượt chân xuống vực thẳm đó”.

Đến khoảng 4 giờ 45 chiều, khi tôi xuống tới Ban công – mũi băng ở độ cao 8.412 m trên Triền Đông Nam nơi tôi đã ngồi ngắm mặt trời mọc với Ang Dorje – tôi giật mình khi bắt gặp Beck Weathers, đứng một mình trong tuyết và đang run lên bần bật. Tôi cứ nghĩ rằng anh ta đã xuống tới Trại Bốn nhiều giờ rồi. Tôi kêu lên: “Beck, anh vẫn còn làm cái quái gì trên này thế?”

Nhiều năm trước, Beck đã trải qua một cuộc phẫu thuật RK⁴⁷ (Rạch giác mạc hình nan hoa) để điều chỉnh thị lực. Anh ta đã nhận ra vào lúc đầu cuộc leo núi này rằng một tác dụng phụ của cuộc phẫu thuật chính là việc khí áp thấp ở trên cao khiến anh ta không thể nhìn rõ được. Anh ta càng leo lên cao, khí áp càng giảm, và thị lực của anh ấy càng trở nên yếu hơn.

Sau này Beck đã thú nhận với tôi: “Chiều hôm trước khi tôi leo từ Trại Ba lên Trại Bốn, thị lực của tôi yếu đi đến nỗi tôi không thể nhìn xa quá một mét. Do đó tôi mới bám ngay phía sau John Taske và khi anh ta nhấc một bàn chân lên, tôi đặt chân mình vào ngay chỗ chân của anh ấy”.

Trước đó Beck đã nói chuyện khá cởi mở về vấn đề thị lực của mình, nhưng khi đỉnh núi đã ở rất gần, anh ta lờ đi không nói đến việc mắt anh ta ngày càng nghiêm trọng hơn cho Rob hay bất kỳ ai khác. Bất chấp đôi mắt yếu của mình, anh ta vẫn leo tốt và cảm thấy khỏe hơn so với khi chuyển thám hiểm bắt đầu và anh ấy giải thích: “Tôi không muốn bỏ cuộc một cách hấp tấp”.

Leo lên phía trên Đèo Nam trong đêm đó, Beck vẫn có thể theo kịp cả đoàn bằng cách áp dụng phương pháp tương tự mà anh ta đã sử dụng lúc chiều – bước theo bước chân của người đi ngay phía trước mình. Nhưng khi đến Ban công và khi mặt trời lên, anh ta nhận ra rằng thị lực của mình đã yếu hơn bao giờ hết. Ngoài ra, anh ta đã tình cờ bị một vài tinh thể băng bắn vào mắt khiến cả hai giác mạc của anh ấy bị rách.

Beck tiết lộ: “Lúc đó, một mắt đã hoàn toàn bị lòa, tôi chỉ có thể nhìn thấy sơ sơ bằng mắt kia và mất hết cảm giác về chiều sâu. Tôi cảm thấy rằng tôi không thể nhìn thấy rõ để leo cao hơn mà không gây nguy hiểm cho chính mình hoặc trở thành gánh nặng của người khác, do đó tôi đã kể với Rob mọi chuyện”.

Ngay lập tức Rob tuyên bố: “Xin lỗi anh bạn, anh sẽ trở xuống. Tôi sẽ cử một trong những người Sherpa xuống cùng anh”. Tuy nhiên Beck chưa hoàn toàn sẵn sàng để từ bỏ ước mơ lên đỉnh của mình: “Tôi giải thích với Rob rằng rất có khả năng thị lực của tôi sẽ phục hồi khi mặt trời lên cao và hai con ngươi của tôi co lại. Tôi nói mình muốn đợi thêm một lúc nữa, và sau đó tôi sẽ lên theo sau những người khác nếu như tôi bắt đầu nhìn rõ hơn”.

Rob suy nghĩ về đề nghị của Beck, rồi tuyên bố: “Được thôi. Tôi sẽ cho anh nửa giờ đồng hồ. Nhưng tôi không thể để anh xuống Trại Bốn một mình. Nếu thị lực của anh không cải thiện trong ba mươi phút nữa, tôi muốn anh ở lại đây cho tới khi tôi quay trở xuống từ đỉnh núi để tôi có thể biết chính xác anh ở đâu, khi đó chúng ta sẽ cùng nhau leo xuống. Tôi đang nói rất nghiêm túc: một là anh trở xuống ngay bây giờ hoặc là anh hứa rằng mình sẽ ngồi

ngay tại đây cho tôi khi tôi quay lại”.

“Do đó tôi đã hứa danh dự. Và tôi đã giữ lời hứa của mình. Đó là lý do tại sao tôi vẫn đứng tại đây”. Beck thật lòng nói với tôi như thế khi chúng tôi đứng dưới tuyết rơi và trong ánh sáng nhấp nhোang.

Ngay sau buổi trưa, Stuart Hutchison, John Taske và Lou Kasischke đã đi ngang qua trên đường họ trở xuống cùng với Lhakpa và Kami, nhưng Weathers đã quyết định không đi theo họ. Anh ta giải thích: “Thời tiết vẫn còn tốt và tôi thấy không có lý do gì để thất hứa với Rob vào lúc đó”.

Tuy nhiên bây giờ trời đang tối lại và thời tiết trở nên khắc nghiệt. Tôi nói với Beck: “Trở xuống cùng tôi. Ít nhất phải hai hay ba tiếng nữa Rob mới xuống đến đây. Tôi sẽ dẫn đường cho anh. Tôi sẽ đưa anh xuống, không có vấn đề gì hết”. Beck gần như đã bị thuyết phục leo xuống cùng tôi thì tôi phạm một sai lầm khi nói rằng Mike Groom cũng đang trở xuống cùng Yasuko, vài phút phía sau tôi. Trong một ngày có quá nhiều sai lầm, đây hóa ra lại là một trong những sai lầm lớn nhất.

Beck nói: “À! Cảm ơn anh. Tôi nghĩ mình sẽ đợi Mike. Anh ấy có dây thừng; anh ta có thể kéo tôi xuống”.

Tôi đáp lại: “Được rồi. Tùy anh thôi. Tôi mong rằng sẽ gặp lại anh tại khu trại”. Trong thâm tâm mình, tôi nhẹ nhõm vì đã không phải đưa Beck xuống những sườn dốc khó khăn bên dưới, hầu hết vẫn chưa được giăng dây để đảm bảo an toàn. Ánh sáng mặt trời đang mờ đi, thời tiết thì ngày càng tồi tệ, sức lực của tôi cũng sắp cạn kiệt. Nhưng tôi không hề có cảm giác rằng tai ương đang rình rập. Thực ra, sau khi nói chuyện với Beck, tôi đã dành thời gian để tìm lại bình oxy đã dùng hết mà tôi giấu dưới tuyết trong khi leo lên mười tiếng trước đó. Muốn dọn tất cả rác của mình khỏi ngọn núi, tôi nhét nó vào ba lô của mình cùng với hai bình khác của tôi (một đã hết và một còn dở) và rời nhanh chóng hướng xuống Đèo Nam, 488m ở phía dưới.

* * *

Từ Ban công, tôi leo thêm vài chục mét xuống một rãnh tuyết thoải thoải và rộng mà không gặp rắc rối gì, nhưng sau đó mọi việc bắt đầu trở nên rối rắm. Con đường quanh co qua những phần trồi lên của vùng đá phiến sét nhấp nhô bị khoảng 15cm tuyết mới rơi che phủ. Vượt qua được địa hình gập ghềnh và không chắc chắn này đòi hỏi sự tập trung cao độ, một việc bất khả thi trong tình trạng mệt mỏi, chéch choáng của tôi lúc này.

Bởi vì gió đã xóa hết dấu vết của những người leo xuống trước, tôi gặp khó khăn trong việc xác định chính xác đường đi. Vào năm 1993, đồng đội của Mike Groom – Lopsang Tshering Bhutia, một nhà leo núi Himalaya đầy

kinh nghiệm, cháu trai của Tenzing Norgay – đã rẽ sai đường tại khu vực này và ngã chết. Cố gắng để ý đến thực tế, tôi bắt đầu nói chuyện lớn với chính mình. Tôi liên tục lẩm bẩm như đọc thần chú: “Bình tĩnh nào! Bình tĩnh nào! Bình tĩnh nào! Mình không thể làm hỏng chuyện ở đây được. Việc này rất nghiêm trọng. Bình tĩnh nào!”.

Tôi ngồi xuống nghỉ trên một rìa dốc rộng, nhưng sau một vài phút một tiếng nổ điếc tai – “BÙM!” – làm tôi sợ hãi đứng dậy. Rất nhiều tuyết mới đã tích tụ lại làm cho tôi nghĩ rằng một trận tuyết lở lớn đã xảy ra ở các sườn núi phía trên, nhưng khi tôi xoay quanh để quan sát tôi không hề thấy gì. Sau đó lại có một tiếng “BÙM!” khác, đi kèm là chớp sáng trong giây lát làm sáng bừng bầu trời, và tôi nhận ra là mình vừa nghe thấy tiếng sấm.

Lúc buổi sáng, khi đang leo lên, tôi đã liên tục nghiên cứu kỹ con đường tại vùng này của ngọn núi, thường xuyên nhìn xuống để ghi nhận những vật đánh dấu trên đường vốn sẽ rất hữu ích khi trở xuống, cố gắng ghi nhớ địa hình: “Nhớ phải rẽ trái tại chỗ một trụ đá trông giống như mũi tàu. Sau đó phải đi theo con đường nhỏ đầy tuyết này cho đến khi nó rẽ ngoặt sang phải”. Đây chính là điều tôi đã bắt mình tự làm nhiều năm trước, một bài tập tôi thực hiện mỗi khi leo núi, và trên ngọn Everest nó có thể đã cứu mạng tôi. Lúc 6 giờ chiều khi cơn bão đã trở thành một trận bão tuyết thực sự với tuyết trút xuống dữ dội và gió giật mạnh trên 111km/h, tôi chợt bắt gặp sợi dây thừng mà những người Montenegro đã giăng trên sườn tuyết phía trên Đèo Nam khoảng 180 mét. Tỉnh người bởi sức mạnh của cơn bão đang lớn dần, tôi nhận ra rằng mình vừa xuống khỏi vùng đất nguy hiểm nhất kịp lúc.

Quấn sợi dây cố định qua tay mình để lấy sức, tôi tiếp tục leo xuống trong dông bão. Vài phút sau đó, tôi bị bao trùm bởi một cảm giác nghẹt thở quen thuộc, và tôi nhận ra rằng một lần nữa bình oxy của tôi lại cạn sạch. Ba tiếng trước, khi lắp bộ điều áp của tôi vào bình oxy thứ ba và cũng là bình cuối cùng, tôi nhận thấy đồng hồ đo chỉ mực giữa. Tôi đã tính toán bình sẽ đủ cho tôi xuống gần tới nơi, do đó tôi đã không quan tâm tới chuyện đổi lấy một bình đầy. Và giờ đây oxy đã cạn.

Tôi kéo chiếc mặt nạ ra khỏi mặt để nó treo quanh cổ, và tiến về phía trước, ngạc nhiên thấy mình không hề lo lắng. Tuy nhiên, vì không có khí oxy bổ sung nên tôi di chuyển chậm hơn và phải dừng lại nghỉ nhiều lần hơn.

Lịch sử của ngọn Everest đầy rẫy những trường hợp bị ảo giác vì giảm oxy huyết và vì mệt mỏi. Vào năm 1933, nhà leo núi nổi tiếng người Anh Frank Smythe đã tả lại “hai vật thể trông rất lạ lùng đang lơ lửng trên trời” ngay bên trên ông ấy ở độ cao 8.230m: “[một cái] trông như là những chiếc cánh mập mập, cũn cũn chưa phát triển, còn cái kia hơi giống một cái mỏ

chim. Chúng lơ lửng không chuyển động nhưng hình như đang dao động chậm chậm”. Năm 1980, trong chuyến leo núi đơn độc của mình, Reinhold Messner đã tưởng tượng thấy một người vô hình đang leo bên cạnh ông ta. Dần dần, tôi nhận ra rằng đầu óc tôi cũng đã rơi vào tình trạng tương tự, và tôi quan sát những áo giắc của mình vừa mê hoặc vừa khiếp sợ.

Tôi đã quá mệt đến nỗi tôi có cảm giác mình trải qua trạng thái tách rời kỳ lạ khỏi bản thân mình, cứ như thể từ vài mét phía trên cao tôi đang quan sát mình leo xuống. Tôi tưởng tượng thấy mình mặc áo len và một đôi giày màu xanh lá cây. Và mặc dù trận bão đang tạo ra những cơn gió lạnh -56°C , nhưng tôi vẫn cảm thấy ấm áp một cách khó chịu và lạ lùng.

Đến 6 giờ 30, khi tia sáng cuối cùng tắt khỏi bầu trời, tôi đã xuống tới cách Trại Bốn khoảng sáu mươi mét đứng. Chỉ còn một khó khăn duy nhất ngăn cản tôi đến được sự an toàn, đó là một mặt băng lồi, cứng và trơn như gương mà tôi sẽ phải leo xuống không có dây thừng. Những hòn tuyết bị những cơn gió mạnh 130km/h thổi bắn vào mặt tôi; bất kỳ phần da thịt nào không được bao bọc đều nhanh chóng lạnh cóng. Những chiếc lều, chỉ cách chưa đầy 200 mét đứng, nhưng chỉ thấp thoáng hiện ra trong màn tuyết trắng xóa. Không có chỗ cho sai lầm. Lo lắng mình sẽ phạm phải một sai lầm chết người nào đó, tôi ngồi xuống để tập trung sức lực của mình trước khi leo xuống tiếp.

Mỗi khi nhấc chân lên, sức ì trong tôi lại trở dậy. Ngồi nghỉ thì dễ dàng hơn nhiều so với việc tập trung sức lực để đối phó với dốc băng nguy hiểm này; do vậy tôi chỉ ngồi yên đó khi trận bão gầm thét quanh tôi, để cho đầu óc mình lững lờ, không làm gì cả trong khoảng bốn mươi lăm phút.

Tôi siết chặt dây rút trên chiếc mũ trùm đầu của mình cho tới khi chỉ còn một lỗ nhỏ quanh hai mắt, và tháo chiếc mặt nạ oxy lạnh cứng và vô dụng khỏi phía dưới cằm khi Andy Harris bất thành linh xuất hiện trong bóng tối bên cạnh tôi. Tôi chiếu chiếc đèn pin trên đầu về phía anh ta và đột nhiên chùn lại khi trông thấy tình trạng kinh khủng của khuôn mặt anh ta. Hai bên má của anh ta phủ một lớp sương giá dày, một mắt nhắm lại vì cóng, và anh ta đang nói líu nhíu rất khó nghe. Anh ta trông có vẻ đang gặp vấn đề rất nghiêm trọng. Andy thốt lên, điên dại muốn đến được chỗ trú: “Đường nào đi đến lều?”

Tôi chỉ hướng tới Trại Bốn, và cảnh báo anh ta về vùng băng ngay phía dưới chúng tôi. Tôi la lên, cố gắng để anh ta có thể nghe thấy tôi trong cơn dông bão: “Nó dốc hơn tôi tưởng nhiều. Có lẽ tôi sẽ leo xuống trước và lấy một sợi dây thừng từ trại”. Khi tôi đang nói dở, Andy đột ngột quay đi và di chuyển lên mép của dốc băng, để tôi ngồi đó điếng người đi.

Sử dụng chiếc gậy của mình, anh ta bắt đầu leo xuống phần dốc nhất của con dốc. Tôi hét theo anh ta: “Andy, thật điên rồ khi cố gắng leo xuống như vậy. Chắc chắn anh sẽ bị ngã!” Anh ta hét lại điều gì đó, nhưng chúng đã bị cơn gió đang gào thét cuốn đi. Một giây sau, anh ta mất điểm tựa, trượt chân, và đột nhiên ngã cắm đầu xuống băng.

Sáu mươi mét bên dưới, tôi chỉ có thể nhìn thấy thân hình bất động của Andy nằm dưới chân con dốc. Tôi chắc chắn rằng anh ta ít nhất là gãy chân, thậm chí có thể gãy cổ. Nhưng sau đó, thật khó tin, anh ta đứng dậy, vẫy tay ra hiệu mình vẫn ổn, và bắt đầu đi lảo đảo về Trại Bốn vốn bây giờ đã có thể nhìn thấy rõ, cách đó khoảng 150m.

Tôi có thể nhìn thấy bóng của ba hay bốn người đang đứng bên ngoài những chiếc lều, những chiếc đèn pin trên đầu của họ đang lập lòe qua những màn tuyết đang rơi. Tôi quan sát Harris đi về phía họ ngang qua những khoảng đất phẳng, một đoạn mà anh ta phải đi mất gần mười phút. Khi những đám mây khép lại một lúc sau đó, che khuất tầm nhìn của tôi, anh ta chỉ còn cách khu lều khoảng 20m hoặc thậm chí là ít hơn. Tôi không nhìn thấy anh ta nữa, nhưng tôi chắc rằng anh ta đã đến được trại an toàn, nơi mà Chuldum và Arita đang đợi anh ấy với trà nóng. Ngồi ngoài tuyết, với một dốc tuyết vẫn còn nằm giữa tôi và những chiếc lều, tôi cảm thấy nhói lên sự ganh tị. Tôi tức giận vì người hướng dẫn của mình đã không đợi mình.

Ba lô của tôi không có gì nhiều ngoài ba chiếc bình oxy rỗng không và một ít nước chanh đông lạnh; có lẽ nó nặng không đến 8 hay 9kg. Nhưng tôi đã quá mệt mỏi và lo lắng rằng sẽ không thể xuống khỏi dốc băng mà không bị gãy chân, do đó tôi quăng chiếc ba lô qua gờ tảng băng và hy vọng rằng nó sẽ nằm đâu đó mà tôi có thể tìm thấy được. Sau đó tôi đứng dậy và bắt đầu leo xuống dốc băng vốn trơn và cứng như bề mặt của một quả banh bowling.

Sau mười lăm phút leo bằng đế đỉnh đầy nguy hiểm và mệt mỏi, tôi đã xuống được chân dốc băng an toàn, nơi tôi có thể dễ dàng tìm thấy chiếc ba lô của mình và mười phút sau nữa tôi đã tự mình về đến trại. Tôi lao vào lều của mình mà không cởi đế đỉnh ra, đóng chặt cửa lại, và nằm xoài ra nền lều phủ đầy sương giá, quá mệt mỏi đến nỗi không ngồi thẳng lên được. Lần đầu tiên tôi có một ý niệm về sự rã rời thực sự: chưa bao giờ tôi kiệt sức như thế. Tuy nhiên tôi đã an toàn. Andy cũng an toàn. Những người khác sẽ đến trại sớm. Chúng tôi đã làm được. Chúng tôi đã chinh phục được đỉnh Everest. Đã có một chút trục trặc trên đó, nhưng cuối cùng mọi việc hóa ra thật tuyệt vời.

* * *

Phải mất nhiều giờ nữa trước khi tôi biết được rằng mọi chuyện hóa ra

không thực sự hoàn hảo chút nào – mười chín con người đã bị mắc kẹt trên ngọn núi trong cơn bão và đang phải chiến đấu để sống sót.

Chương 15: ĐỈNH NÚI

**1:25 CHIỀU, NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM
1996**

8.848 MÉT

Sự nguy hiểm của gió bão và các cuộc phiêu lưu có nhiều sắc thái khác nhau, và chỉ thỉnh thoảng người ta mới thấy nổi lên trên bề mặt sự mãnh liệt tàn bạo của mục đích – một thứ không thể lý giải được luôn ám ảnh trái tim và lý trí con người, sự rắc rối của những tai nạn hay những cơn thịnh nộ dữ dội này đang đuổi sát theo anh ta đầy ác ý, với một sức mạnh vượt ngoài tầm kiểm soát, với một sự tàn bạo sẵn sàng giằng khỏi tay anh ta hy vọng, nỗi sợ hãi, nỗi đau của sự mệt mỏi và ước muốn được nghỉ ngơi: nghĩa là đập tan, phá hủy và tiêu diệt tất cả những gì anh ta thấy, biết, yêu thương, thích thú và căm ghét; tất cả những gì vô giá và thiết yếu – bình minh, kỷ ỨC, tương lai; nghĩa là quét sạch toàn bộ thế giới quý báu khỏi tầm mắt của anh ta bằng một hành động đơn giản và tàn bạo là tước đi mạng sống của anh ấy.

Joseph Conrad

Huân tước Jim

Neal Beidleman đến được đỉnh lúc 1 giờ 25 chiều cùng với vị khách Martin Adams. Khi họ đến đó, Andy Harris và Analoti Boukreev đã ở trên đỉnh; trong khi tôi đã rời đỉnh núi tám phút trước. Nghĩ rằng những người còn lại trong đội của mình sẽ xuất hiện không lâu sau đó, Beidleman chụp vài bức ảnh, cười đùa với Boukreev và ngồi xuống đợi. Đến 1 giờ 45 vị khách Klev Schoening leo lên đoạn dốc cuối cùng, lôi ra một bức hình chụp vợ và những đứa con của anh ta, và bắt đầu ăn mừng trong nước mắt việc mình đã lên được đỉnh của thế giới.

Từ đỉnh núi, có một chỗ nhô lên trên sườn núi khiến cho người ta không nhìn được toàn bộ con đường, và đến 2 giờ – thời gian quy định phải trở xuống – vẫn chưa có dấu hiệu nào của Fischer cũng như của bất kỳ người khách nào khác. Beidleman bắt đầu trở nên lo lắng vì thời gian đã muộn.

Beidleman là một kỹ sư chuyên ngành không gian 36 tuổi. Anh là một hướng dẫn viên trầm lặng, sâu sắc và cực kỳ chu đáo, được những người trong đoàn của mình và đoàn của Hall rất yêu mến. Beidleman cũng là một trong những nhà leo núi khỏe nhất trên ngọn núi này. Hai năm trước, cùng với Boukreev – người mà Beidleman coi là một người bạn tốt – anh ta đã leo lên đỉnh Makalu cao 8.480m với thời gian gần đạt kỷ lục mà không cần bình oxy hay sự trợ giúp của những người Sherpa. Beidleman gặp Fischer và Hall lần đầu tiên trên sườn K2 vào năm 1992. Năng lực và cách cư xử dễ chịu của anh ta đã để lại ấn tượng tốt đối với hai người này. Tuy nhiên do kinh nghiệm trên vùng núi cao của Beidleman còn hạn chế (Makalu là ngọn núi

cao duy nhất trên dãy Himalaya mà anh ta đã từng leo) nên vị trí của anh ta trong đoàn Mountain Madness là dưới Fischer và Boukreev. Và thù lao của anh ta phản ánh địa vị thấp hơn của mình: anh ta đồng ý hướng dẫn lên đỉnh Everest với mức thù lao 10.000 đô la so với 25.000 đô la mà Fischer trả cho Boukreev.

Beidleman, vốn có bản chất nhạy cảm, nhận thức được khá rõ vị trí của mình trong trật tự của đoàn thám hiểm. Anh ta thừa nhận sau chuyến đi: “Tôi chỉ được coi là người hướng dẫn thứ ba, do đó tôi cố gắng không làm nổi mình quá. Kết quả là không phải lúc nào tôi cũng lên tiếng khi lẽ ra tôi phải làm như vậy, và bây giờ tôi hối tiếc vì điều đó”.

Beidleman cho hay theo kế hoạch không chặt chẽ của Fischer cho ngày chinh phục đỉnh, Lopsang sẽ là người đi trước trong đoàn, mang theo chiếc bộ đàm và hai cuộn dây thừng để giăng trước cho khách hàng; Boukreev và Beidleman – không ai trong số họ có bộ đàm – sẽ đi ở giữa hoặc gần đầu, tùy thuộc vào việc những vị khách hàng di chuyển thế nào; và Scott [Fischer], mang theo bộ đàm, sẽ là người đi cuối. Theo đề nghị của Rob [Hall], chúng tôi quyết định thời điểm trở xuống sẽ là 2 giờ chiều: bất kỳ ai không nằm trong khoảng cách rất gần đỉnh núi vào lúc 2 giờ sẽ phải quay lại và trở xuống.

Beidleman giải thích: “Theo kế hoạch, Scott sẽ có nhiệm vụ yêu cầu mọi người trở xuống. Chúng tôi đã thảo luận về chuyện này. Tôi đã nói với anh ta rằng vì tôi chỉ là người hướng dẫn thứ ba nên sẽ khó có thể ra lệnh cho những người đã bỏ ra 65.000 đô la rằng họ phải quay lại. Do vậy Scott đồng ý đó sẽ là trách nhiệm của anh ấy”. Thực ra, những người đến được đỉnh núi trước 2 giờ chiều chỉ có Boukreev, Harris, Beidleman, Adams, Schoening và tôi; nếu như Fischer và Hall tuân theo đúng những quy định đã được đặt ra, tất cả những người khác sẽ phải quay lại trước khi đến đỉnh núi.

Mặc dù Beidleman rất lo lắng về thời gian đang trôi qua, nhưng anh không có bộ đàm, do vậy không thể nào bàn bạc mọi chuyện với Fischer được. Lopsang – người giữ bộ đàm – vẫn ở đâu đó xa tít phía dưới. Sáng sớm hôm đó, khi Beidleman gặp Lopsang trên Ban công, đang quỳ gối nôn mửa trong tuyết, anh ta đã mang hai cuộn dây của Lopsang để giăng trên những bậc đá dốc phía trên. Tuy nhiên, như giờ đây anh ta đang than thở: “Tôi đã không nghĩ ra là phải lấy luôn bộ đàm của anh ta”.

Beidleman nhớ lại, kết quả là “tôi đã phải ngồi trên đỉnh núi rất lâu, nhìn đồng hồ và đợi Scott xuất hiện, và đã nghĩ tới việc trở xuống – nhưng mỗi lần tôi đứng dậy để đi xuống, một người khách hàng khác của chúng tôi lại nhô lên đỉnh của triền núi và tôi lại ngồi xuống để chờ họ”.

Sandy Pittman xuất hiện trên con dốc cuối cùng vào khoảng 2 giờ 10, đi trước một chút xíu so với Charlotte Fox, Lopsang Jangbu, Tim Madsen, và Lee Gammelgaard. Nhưng Pittman di chuyển rất chậm, ngay khi gần tới đỉnh cô ta bất ngờ quỵ xuống trong tuyết. Khi Lopsang đến để giúp cô ấy anh ta phát hiện ra rằng bình oxy thứ ba của Pittman đã cạn. Sáng sớm hôm đó, khi bắt đầu kéo Pittman anh đã mở hết cò van oxy của cô ấy – bốn lít một phút – và kết quả là Pittman đã sử dụng hết lượng khí của mình tương đối nhanh. Thật may mắn, Lopsang – vốn đang không sử dụng oxy – có mang theo một bình oxy dự trữ trong ba lô của mình. Anh ta gắn chiếc mặt nạ và thiết bị điều áp của Pittman vào bình khí mới, sau đó họ leo tiếp vài mét cuối cùng lên đỉnh núi và tham gia vào cuộc ăn mừng đang diễn ra.

Rob Hall, Mike Groom, và Yasuko Namba cũng đến đỉnh núi vào khoảng giờ này và Hall đã gọi điện qua bộ đàm cho Helen Wilton ở Trạm Căn cứ để báo tin mừng cho cô ấy. Wilton nhớ lại: “Rob nói trên đó rất lạnh và nhiều gió, nhưng anh ta có vẻ vui. Anh ấy nói: ‘Doug vừa xuất hiện ở phía chân trời; ngay sau khi anh ta lên đến nơi tôi sẽ quay trở xuống... Nếu cô không nghe thấy tin tức gì từ tôi nữa thì có nghĩa là mọi chuyện vẫn ổn’”. Wilton thông báo cho văn phòng của Adventure Consultants ở New Zealand và rất nhiều bản fax đã được gửi đi tới gia đình và bạn bè của những người leo núi trên khắp thế giới, thông báo về thắng lợi của chuyến thám hiểm.

Nhưng Hall biết Doug Hansen vẫn chưa lên gần tới đỉnh núi vào thời điểm đó và Fischer cũng vậy. Thật ra đến 3 giờ 40 Fischer mới đến được đỉnh và phải đến sau 4 giờ chiều Hansen mới tới được đó.

* * *

Chiều hôm trước – Thứ năm ngày 9 tháng 5 – khi tất cả chúng tôi đã leo từ Trại Ba lên Trại Bốn, mãi đến hơn 5 giờ chiều Fischer mới tới được khu lều trên Đèo Nam, và anh ta mệt mỏi trông thấy mặc dù Scott đã cố gắng hết sức để che giấu. Charlotte Fox, người ở chung lều với anh ấy, nhớ lại: “Tôi không thể biết là Scott đã bị mệt. Anh ấy hành động giống như Mr. Gung Ho⁴⁸, lên dây cót cho tất cả mọi người hết một vị huấn luyện viên trước trận đấu lớn”.

Thật ra Fischer đã kiệt sức vì những căng thẳng thần kinh và thể xác trong những tuần trước đó. Mặc dù anh có sức khỏe phi thường, anh ta đã phung phí chúng, và khi chúng tôi đến Trại Bốn, sức khỏe của anh ấy gần như đã suy kiệt. Sau chuyến thám hiểm, Boukreev thừa nhận: “Scott, một người khỏe mạnh nhưng trước cuộc chinh phục đỉnh núi đã mệt mỏi, gặp nhiều vấn đề, và đã tiêu hao nhiều năng lượng. Lo lắng, lo lắng, lo lắng, lo lắng. Scott lo lắng, nhưng giữ nó trong lòng”.

Fischer cũng giấu mọi người rằng xét về phương diện lâm sàng anh cũng có thể đã bị bệnh trong suốt cuộc chinh phục đỉnh núi. Vào năm 1984, trong một chuyến thám hiểm tới ngọn núi Annapurna thuộc Nepal, anh ta đã bị nhiễm ký sinh trùng đường ruột *Entamoeba histolytica*, nhưng anh đã không thể điều trị dứt điểm suốt những năm sau đó. Ký sinh trùng này chuyển từ trạng thái tiềm sinh sang hoạt động một cách bất thường, không theo quy luật gây ra những cơn đau cấp tính và tạo ra một khối u ở gan Fischer. Khăng khăng cho rằng không có gì phải lo lắng, Fischer chỉ nói cho rất ít người ở Trạm Căn cứ biết về căn bệnh của anh.

Theo Jane Bromet, khi căn bệnh ở trong giai đoạn hoạt động (như trong trường hợp mùa xuân năm 1996), Fischer sẽ phải chịu những cơn đờ mỗ hôi nghiêm trọng và bị run lên. Nhưng những cơn đau này chỉ kéo dài trong mười hoặc mười lăm phút và sau đó qua đi. Tại Seattle, anh chịu những cơn đau này khoảng một tuần một lần, nhưng khi căng thẳng nó xảy ra thường xuyên hơn. Tại Trạm Căn cứ, Fischer bị thường xuyên hơn nữa – cứ cách ngày lại bị, thỉnh thoảng ngày nào cũng bị.

Nếu Fischer phải chịu những cơn đau này tại Trại Bốn hoặc cao hơn, anh ấy sẽ không bao giờ nói về nó. Fox cho biết sau khi anh ấy bò vào lều của họ hồi tối Thứ năm, “Scott nằm vật ra và ngủ rất khó khăn trong khoảng hai tiếng đồng hồ”. Khi thức dậy vào 10 giờ đêm, anh chuẩn bị rất chậm chạp và đã ở lại lều một hồi lâu sau khi người cuối cùng trong số các khách, hướng dẫn viên, và những người Sherpa đã khởi hành leo lên đỉnh.

Không biết Fischer đã thực sự rời Trại Bốn khi nào, có lẽ phải đến 1 giờ sáng Thứ sáu, ngày 10 tháng 5. Trong gần suốt ngày chinh phục đỉnh, Fischer tụt lại xa so với tất cả những người khác, và anh đã không đến được Đỉnh Nam mãi cho tới khoảng 1 giờ chiều. Tôi trông thấy anh ta lần đầu tiên lúc khoảng 2 giờ 45, trên đường tôi trở xuống từ đỉnh núi, trong khi tôi đang đợi tại Bạc Hillary với Andy Harris để đám đông đi qua hết. Fischer là người cuối cùng leo lên sợi dây thừng và anh ấy trông có vẻ cực kỳ uể oải.

Sau khi chúng tôi có những lời nói đùa với nhau, anh ấy nói chuyện ngắn gọn với Martin Adams và Anatoli Boukreev – những người đang đứng ngay phía trên tôi, và Harris – người đang đợi để leo xuống Bạc Hillary. Fischer nói đùa qua chiếc mặt nạ oxy của mình, cố giả giọng vui vẻ: “Nè Martin. Anh có nghĩ anh leo lên được đỉnh Everest không?”

Adams đáp lại, dường như có vẻ không hài lòng vì Fischer đã không chúc mừng anh ta: “Chào Scott, tôi mới làm điều đó rồi”.

Tiếp đó, Fischer nói vài lời với Boukreev. Theo những gì Adams nhớ được thì Boukreev nói với Fischer: “Tôi đang trở xuống cùng Martin”. Sau

đó Fischer tiếp tục lê bước khó nhọc lên đỉnh núi trong khi Harris, Boukreev, Adams, và tôi bắt đầu leo xuống Bạc đá. Không ai nói gì về vẻ mệt mỏi của Fischer. Không ai trong chúng tôi có thể nhận ra rằng anh ấy đang gặp vấn đề.

* * *

Đến 3 giờ 10 chiều Thứ sáu Fischer vẫn chưa lên được tới đỉnh, Beidleman nói: “Tôi quyết định đã đến lúc phải rời khỏi nơi chết tiệt đó, dù rằng Fischer vẫn chưa xuất hiện”. Anh ta tập hợp Pittman, Gammelgaard, Fox, và Madsen lại và bắt đầu dẫn họ xuống núi. Hai mươi phút sau đó, chỉ ngay phía trên Bạc Hillary, họ tình cờ gặp Fischer. Beidleman nhớ lại: “Tôi hầu như không nói gì với anh ấy. Anh ấy hình như cũng chỉ giơ tay lên. Scott trông có vẻ như đang gặp khó khăn, nhưng anh ấy là Scott, do vậy tôi cũng không lo lắng lắm. Tôi cho rằng anh ấy sẽ tới được đỉnh núi và bắt kịp chúng tôi sớm để giúp đưa các khách leo núi xuống”.

Mối lo lắng lớn nhất của Beidleman vào lúc đó chính là Pittman: “Mọi người đã khá mệt vào lúc đó nhưng Sandy trông có vẻ cực kỳ run rẩy. Tôi nghĩ rằng nếu mình không chú ý thật cẩn thận tới cô ấy hẳn cô ta có thể trượt chân khỏi sườn núi. Do đó tôi đã phải chắc chắn rằng cô ấy được móc vào tuyến dây cố định, và ở những nơi không có dây tôi nắm chiếc đai của cô ấy từ phía sau và giữ thật chặt cho đến khi cô ấy có thể móc vào đoạn dây kế tiếp. Cô ấy mệt đến nỗi tôi không chắc cô ấy có biết tôi ở đó hay không”.

Một khoảng ngắn phía dưới Đỉnh Nam, khi những người leo núi leo vào những đám mây dày và tấm màn tuyết, Pittman quỵ xuống một lần nữa và đã nhờ Fox tiêm cho mình một mũi steroid mạnh có tên là dexamethasone. “Dex” có thể tạm thời vô hiệu hóa những tác hại nguy hiểm của độ cao; theo chỉ dẫn của bác sĩ Ingrid Hunt, mỗi thành viên trong nhóm của Fischer đã mang theo một ống tiêm đã được bơm đầy loại thuốc này trong một chiếc hộp nhỏ bằng nhựa bên trong bộ áo liền quần của mình để phòng trường hợp khẩn cấp (ở trong đó ống thuốc sẽ không bị đông lại). Fox nhớ lại: “Tôi hơi kéo quần của Sandy qua một bên, và đâm cây kim vào hông cô ấy, xuyên ngay qua chiếc quần lót dài và mọi lớp quần áo khác”.

Beidleman, vốn còn nấn ná ở lại Đỉnh Nam để kiểm những bình oxy dự trữ, đến nơi và nhìn thấy Fox đang đâm chiếc ống tiêm vào Pittman đã thừ mặt ra trong tuyết. “Khi tôi lên đến đỉnh dốc và nhìn thấy Sandy nằm ở đó, với Charlotte đang chồm qua cô ấy vung vẩy cây kim tiêm dưới da, tôi nghĩ ‘chết tiệt, việc này có vẻ thật tồi tệ’. Rồi khi tôi hỏi Sandy chuyện gì đang xảy ra, tất cả những gì cô ấy trả lời được chỉ là những tiếng bập bẹ không rõ ràng”. Beidleman cực kỳ lo lắng nên yêu cầu Gammelgaard đưa chiếc bình

oxy còn đầy của cô cho Pittman và lấy chiếc bình gần cạn của Pittman. Sau khi chắc chắn van bộ điều áp của Pittman đã được mở lớn hết cỡ, anh nắm lấy chiếc đai của cô Pittman đã nửa hôn mê và bắt đầu kéo cô ta xuống sườn tuyết dốc đứng của Triền Đông Nam. Anh ta giải thích: “Khi tôi để cô ấy trượt xuống, tôi trượt xuống phía trước cô ta. Cứ sau mỗi năm mươi mét tôi dừng lại, quán tay tôi qua sợi dây cố định và chống mình để cản cô ta khỏi trượt xuống tiếp bằng cả thân người. Lần đầu tiên Sandy đâm vào tôi, những chiếc đinh nhọn trên đế giày của cô ấy cứa rách bộ áo liền quần của tôi. Lông bay ra tứ tung. Mọi người thở phào nhẹ nhõm khi Pittman, sau khoảng hai mươi phút tiêm thuốc và được cung cấp thêm oxy, đã tỉnh lại và có thể tự mình leo xuống.

Khoảng 5 giờ chiều, khi Beidleman hộ tống những vị khách xuống Triền Đông Nam, Mike Groom và Yasuko Namba đang tới Ban công bên dưới họ khoảng hơn 150 mét. Từ mũi đất cao 8.412m này con đường đổi hướng đột ngột khỏi triền núi về phía nam hướng đến Trại Bốn. Tuy nhiên, khi Groom nhìn theo hướng khác – xuống mạn bắc của triền núi – trong tuyết rơi rất dày và ánh sáng mờ mờ anh ta trông thấy một người leo núi một mình đã đi chệch đường rất xa: đó chính là Martin Adams, anh ta đã bị mất phương hướng trong cơn bão và đã bắt đầu leo xuống Mặt Kangshung về phía Tây Tạng một cách nhầm lẫn.

Ngay khi trông thấy Groom và Namba ở phía trên mình, Adams đã nhận ra sai lầm của mình và leo chậm chạp trở lại Ban công. Groom hỏi ngược lại: “Martin mệt lử khi anh ta quay lại tới chỗ tôi và Yasuko. Chiếc mặt nạ oxy của anh ta đã bị tháo ra và mặt anh ấy dính đầy tuyết. Anh ấy hỏi: ‘Đi về lều đường nào?’”. Groom chỉ hướng và ngay lập tức Adams bắt đầu leo xuống đúng hướng triền núi, theo con đường mà tôi vừa mới đánh dấu khoảng mười phút trước.

Trong khi Groom đang đợi Adams leo trở lên triền núi, anh để Namba xuống trước, còn mình thì cố gắng tìm lại chiếc vỏ máy chụp ảnh đã đánh rơi trong lúc leo lên. Khi anh ta đang tìm xung quanh, lần đầu tiên anh chú ý tới một người nữa ở cùng với anh ta trên Ban công. “Do anh ta bị mờ khuất trong tuyết nên tôi đã cho rằng anh ta chính là một người trong đoàn của Fischer và không để ý đến anh ta. Sau đó người này đứng trước mặt tôi và nói: ‘Nè Mike’, và tôi nhận ra đó chính là Beck”.

Groom, cũng ngạc nhiên khi trông thấy Beck y như tôi lúc trước, lôi sợi dây thừng của mình ra và bắt đầu kéo anh chàng Texas này xuống Đèo Nam. Groom thuật lại: “Beck đã không còn nhìn thấy gì nên cứ mỗi mười mét anh ta lại bước hụt chân và tôi phải tóm anh ấy lại bằng sợi dây thừng. Nhiều lần tôi đã lo sợ rằng anh ấy sẽ kéo tôi ngã. Thật căng thẳng! Tôi phải đảm bảo

rằng chiếc rìu phá băng của mình đã được cắm chặt và rằng tất cả những chiếc đinh giày của tôi sạch sẽ và lúc nào cũng ghim vào một thứ gì đó rắn chắc”.

Lần lượt từng người, theo những vết đường tôi đã tạo ra mười lăm hay hai mươi phút trước đây, Beidleman và những khách còn lại trong nhóm của Fischer trở xuống trong cơn dông bão đang ngày càng mạnh lên. Adams đi phía sau tôi, dẫn đầu những người còn lại; sau đó là Namba, Groom và Weathers, Schoening và Gammelgaard, Beidleman, và cuối cùng là Pittman, Fox và Madsen.

Hơn một trăm năm mươi mét phía trên Đèo Nam, nơi dốc đá phiến sét nhường chỗ cho một dốc tuyết thoai thoải hơn, bình oxy của Namba cạn, và người phụ nữ bé nhỏ người Nhật này ngồi xuống, không chịu di chuyển tiếp. Groom nói: “Khi tôi cố gắng tháo chiếc mặt nạ oxy của bà ấy ra để bà có thể thở dễ dàng hơn, bà ấy khăng khăng đeo nó ngay trở lại. Không gì có thể thuyết phục được bà ấy rằng đã không còn oxy nữa và rằng chiếc mặt nạ thực sự chỉ đang làm cho bà ngạt thở hơn thôi. Ngay lúc đó, Beck đã yếu đến mức không thể tự mình đi được và tôi phải đỡ anh ta trên vai của mình. Thật may mắn, không lâu sau đó Neal bắt kịp chúng tôi”. Beidleman thấy Groom đang bận tay với Beck nên anh bắt đầu kéo Namba xuống Trại Bốn, thậm chí ngay cả khi cô ấy không thuộc đội của Fischer.

Lúc đó đã là khoảng 6 giờ 45 chiều và trời đã gần như tối sầm. Beidleman, Groom, những khách hàng của họ và hai người Sherpa thuộc nhóm của Fischer mới ra khỏi màn sương – Tashi Tshering và Ngawang Dorje – đã họp lại thành một nhóm. Mặc dù di chuyển chậm nhưng họ chỉ còn cách Trại Bốn khoảng sáu mươi mét theo chiều đứng. Lúc đó tôi mới chỉ đến khu lều – có lẽ chỉ nhanh hơn những thành viên đầu tiên trong nhóm của Beildeman không quá mười lăm phút. Nhưng trong khoảng thời gian ngắn ngủi này cơn bão đã đột ngột mạnh lên thành một trận cuồng phong dữ dội, và tầm nhìn giảm xuống còn không tới bảy mét.

Muốn tránh khỏi những mảnh băng văng nguy hiểm, Beidleman dẫn nhóm của anh ta đi theo con đường quanh co vòng xa qua phía đông, nơi mà sườn núi ít dốc hơn và khoảng 7 giờ 30 họ đã đến được dải đất rộng, hơi nhô lên của Đèo Nam. Tuy nhiên, lúc này chỉ ba bốn người là có đèn còn pin và tất cả mọi người đều sắp ngã quỵ. Fox ngày càng phụ thuộc nhiều vào sự giúp đỡ của Madsen. Weathers và Namba không thể tự đi mà không cần đến sự giúp đỡ của Groom và Beidleman.

Beidleman biết rằng họ đang ở mạn đông thuộc Tây Tạng của Đèo Nam và khu lều đang nằm đâu đó về phía tây. Nhưng di chuyển theo hướng đó

cần phải đi hoàn toàn ngược gió vào trong vùng bão. Những hạt băng và tuyết nhỏ bị gió cuốn đi văng rất mạnh vào mặt những nhà leo núi, xé rách mắt của họ và khiến họ không thể nhìn thấy được mình đang đi đâu. Schoening giải thích: “Thật là khó khăn và đau đớn, không thể chống chọi lại cơn gió, không thể đi về phía trái để tránh xa nó, và đó là sai lầm của chúng tôi”.

Anh ta nói tiếp: “Đôi lúc bạn không thể nhìn thấy chân của mình; gió, tuyết và băng đang thổi rất mạnh. Tôi lo lắng rằng ai đó sẽ qui xuống, lạc khỏi nhóm và chúng tôi sẽ không bao giờ thấy họ nữa. Nhưng khi chúng tôi đến được những vùng đất bằng phẳng của Đèo Nam chúng tôi bắt đầu đi theo những người Sherpa, tôi cho rằng họ biết khu lều nằm ở đâu. Sau đó họ đột ngột dừng lại và đi ngược lại và mọi chuyện nhanh chóng trở nên rõ ràng rằng họ cũng không biết chúng tôi đang ở đâu. Ngay lúc đó tôi có cảm giác khó chịu ở vùng thượng vị. Đó là lúc tôi bắt đầu nhận ra chúng tôi đang gặp rắc rối”.

Trong hai giờ sau đó, Beidleman, Groom, hai người Sherpa và bảy khách leo núi lão đảo mò mẫm vòng vòng trong cơn bão, càng lúc càng mệt mỏi và giảm thân nhiệt với hy vọng sẽ tình cờ tìm thấy được trại. Có lần họ đã đụng phải vài chiếc bình oxy rỗng, là dấu hiệu khu trại đang ở gần đó, nhưng những người này vẫn không thể định vị được nó. Beidleman nói: “Đó là một sự hỗn loạn thật sự. Mọi người đang đi lung tung hết mọi chỗ; tôi phải hét lên với mọi người, cố gắng kêu họ đi theo một người dẫn đường duy nhất. Cuối cùng, có lẽ khoảng 10 giờ, tôi đi lên bên trên cái gò cao này, và tôi có cảm giác rằng mình đang đứng trên bờ của quả đất. Tôi có thể cảm thấy một khoảng trống khổng lồ ngay bên dưới”.

Cả nhóm đã vô tình đi lạc tới rìa cực đông của Đèo Nam, ngay một mép dốc đứng 2.133m thẳng xuống Mặt Kangshung. Họ đang ở trên độ cao ngang với Trại Bốn, chỉ còn 305m mặt bằng⁴⁹ nữa thôi là được an toàn, nhưng theo Beidleman: “Tôi biết rằng nếu chúng tôi tiếp tục đi vòng vòng trong cơn bão, chúng tôi sẽ sớm lạc mất ai đó. Tôi đã kiệt sức vì phải kéo Yasuko. Charlotte và Sandy gần như không thể đứng được. Do đó tôi hét lên kêu mọi người nhanh chóng lên đó và chờ cho cơn bão giảm đi”.

Beidleman và Schoening tìm một nơi trú ẩn để tránh gió nhưng không có chỗ nào để nấp. Bình oxy của tất cả mọi người đã cạn từ lâu, khiến cho nhóm trở nên dễ bị nguy hiểm hơn trước gió lạnh, vốn đã xuống đến gần -40°C. Ở mặt khuất gió của một tảng đá không lớn hơn chiếc máy rửa chén, những người leo núi ngồi co cụm thành một hàng thảm thương trên một vùng băng đã được gió bão “chà sạch”.

Charlotte Fox cho hay: “Lúc đó cái lạnh đã làm tôi kiệt sức. Hai mắt tôi lạnh cóng lại. Tôi không thể tưởng tượng được làm thế nào để chúng tôi có thể thoát khỏi nơi này còn sống sót. Cái lạnh rất đau đớn, tôi không nghĩ mình có thể chịu nổi nó thêm một chút nào nữa. Tôi chỉ ngồi cuộn tròn mình lại và hy vọng cái chết sẽ đến thật nhanh”.

Wealthers nhớ lại: “Chúng tôi cố gắng giữ ấm bằng cách đâm thùm thụp vào nhau. Ai đó hét lên kêu chúng tôi tiếp tục cử động tay chân. Sandy trở nên cuồng loạn; cô ấy liên tục hét lên: Tôi không muốn chết! Tôi không muốn chết!”. Những người khác không ai nói gì”.

* * *

Khoảng hai trăm bảy chục mét về phía tây, tôi đang run cầm cập trong lều của mình – mặc dù tôi đã chui kín vào túi ngủ, đang mặc trên người bộ áo liền quần của mình và mọi áo quần mà tôi có. Con gió bão đe dọa thổi tung chiếc lều đi. Mỗi lần cửa lều mở ra, bụi nước bay đầy vào bên trong, do vậy tất cả mọi thứ bên trong bị bao phủ bởi một lớp tuyết dày hai phân. Không biết gì về thảm kịch đang diễn ra ở bên ngoài trong cơn bão, tôi cứ ngất đi rồi tỉnh lại, mê sảng vì kiệt sức, mất nước và vì những hậu quả chông chênh của việc thiếu oxy.

Vào buổi tối hôm đó, Stuart Hutchison, bạn cùng lều với tôi, bước vào và lay mạnh tôi và bảo tôi ra ngoài với anh ấy để khuia những chiếc nôi và chiếu đèn lên trời với hy vọng giúp những người bị lạc tìm thấy trại, nhưng tôi vẫn còn yếu và mệt mỏi đến nỗi không thể đáp lại. Hutchinson – người đã về đến trại lúc 2 giờ chiều và do đó ít đuối sức hơn tôi nhiều – sau đó đã cố gắng đánh thức các khách leo núi và những người Sherpa ở những lều khác tuy nhiên mọi người đều rất lạnh và rất đuối sức. Do đó Hutchinson đã một mình đi ra ngoài trong cơn bão.

Anh ấy đã rời khỏi lều của chúng tôi sáu lần trong đêm đó để tìm kiếm những người bị lạc, nhưng trận gió bão dữ dội đến nỗi anh ta không dám mạo hiểm đi xa hơn một vài mét khỏi ranh giới khu trại. Anh ta nhấn mạnh: “Những cơn gió cực kỳ dữ dội. Bụi nước bay có cảm giác giống như từ máy phun cát vậy. Mỗi lần tôi chỉ có thể ra ngoài trong mười lăm phút trước khi cảm thấy quá lạnh và buộc phải quay về lều”.

* * *

Ngoài kia trong số những người ngồi co cụm lại trên mép đông của Đèo Nam, Beidleman quyết tâm buộc bản thân mình phải tỉnh táo để chờ đợi những dấu hiệu cho thấy cơn bão có thể giảm đi. Trước nửa đêm, sự tỉnh táo của Beidleman cũng được tưởng thưởng khi bất chợt anh ta nhận thấy một vài ngôi sao xuất hiện trên bầu trời và la lên để những người khác cùng nhìn.

Trận gió vẫn còn đang gây ra một trận bão tuyết dữ dội trên núi, nhưng phía trên cao bầu trời đã bắt đầu sáng sủa, để lộ ra hình bóng to lớn của đỉnh Everest và Mặt Lhotse. Từ những điểm mốc này, Klev Schoening nghĩ rằng anh ta đã tính được vị trí của nhóm so với Trại Bốn. Sau khi hét to thảo luận với Beidleman, anh ta đã thuyết phục được người hướng dẫn này rằng anh ấy biết đường đi về khu trại.

Beidleman cố gắng thuyết phục mọi người đứng lên và kêu họ di chuyển theo hướng mà Schoening đã chỉ, nhưng Pittman, Fox, Weathers và Namba đã quá yếu đến nỗi không thể đi được. Lúc này Beidleman nhận ra rằng nếu không có ai trong nhóm đi đến lều và kêu đội cứu hộ tới, tất cả họ sẽ chết. Do đó Beidleman tụ tập những người còn có thể đi lại được và sau đó anh ta, Schoening, Gammelgaard, Groom và hai người Sherpa tiến bước vào trong cơn bão để nhờ người giúp đỡ, để bốn người khách hàng đã bắt lực ở lại với Tim Madsen. Không sẵn lòng bỏ lại người bạn gái của mình là Fox, Madsen đã xung phong ở lại trông nom mọi người cho tới khi có được sự giúp đỡ.

Hai mươi phút sau đó, Beidleman bất ngờ đi khập khiễng vào trong trại, và họ có cuộc hội ngộ đầy cảm động với anh chàng Boukreev đang rất lo lắng. Schoening và Beidleman, gần như không thể nói, chỉ cho anh chàng người Nga này chỗ để tìm năm người khách còn ở lại ngoài đó trong cơn bão và rồi đổ ập xuống trong lều của họ, hoàn toàn kiệt sức.

Boukreev đã đi xuống Đèo Nam nhiều giờ trước những người khác trong nhóm của Fischer. Thật ra lúc 5 giờ chiều, trong khi những người đồng đội của mình vẫn đang phải cố gắng đi xuống qua những đám mây ở độ cao 8.534m, Boukreev đã ở trong lều của mình nghỉ ngơi và uống trà. Những người leo núi dày dặn kinh nghiệm sau đó chất vấn rằng tại sao anh ta lại quyết định leo xuống trước những khách hàng của mình quá xa như vậy – một hành xử cực kỳ lạ kỳ đối với một hướng dẫn viên. Một trong những khách thuộc nhóm này đã tỏ ra hết sức coi thường anh ta, nhấn mạnh rằng trong thời điểm quan trọng nhất thì anh ta lại chuồn mất.

Anatoli đã rời khỏi đỉnh núi khoảng 2 giờ chiều, và nhanh chóng bị kẹt lại tại Bắc Hillary. Khi đám đông tản đi anh ta di chuyển rất nhanh xuống Triền Đông Nam mà không đợi bất kỳ khách hàng nào – mặc dù trước đó đã nói với Fischer ở trên đỉnh Bắc Hillary rằng mình sẽ trở xuống cùng với Martin Adams. Do đó Boukreev đã xuống tới Trại Bốn rất lâu trước khi cơn bão ập đến.

Sau chuyến thám hiểm, khi tôi hỏi Anatoli tại sao anh ấy lại đi xuống nhanh trước nhóm của mình, anh ta đưa cho tôi một bản ghi của cuộc phỏng vấn mà anh ta đã dành cho tạp chí *Men's Journal* một vài ngày trước thông

qua một thông dịch viên người Nga. Boukreev nói với tôi là anh ta đã đọc bản ghi và xác nhận độ chính xác của nó. Đọc nó tại chỗ, tôi nhanh chóng xem một loạt câu hỏi về chuyến leo xuống, anh ta đã trả lời như sau:

Tôi đã ở trên đỉnh khoảng một giờ... Rất lạnh, đương nhiên, nó sẽ khiến sức lực của bạn giảm sút... Tình thế của tôi lúc đó là tôi sẽ không ổn nếu đứng trên đó, lạnh cóng và chờ đợi. Sẽ hữu ích hơn nếu như tôi trở xuống Trại Bốn để mang thêm bình oxy lên cho những người đang leo xuống hoặc có thể leo lên giúp đỡ nếu ai đó yếu đi trong khi leo xuống... Nếu bạn đứng yên ở độ cao đó, bạn sẽ mất sức vì lạnh và sau đó bạn không thể làm được gì khác.

Boukreev dễ bị cái lạnh trên đỉnh núi tấn công hơn chắc chắn là do anh đã không sử dụng bình oxy dự trữ; vì thiếu oxy anh ta không thể dừng lại trên đỉnh núi đợi những người khách chậm chạp mà không bị tổn thương do bỏng lạnh hay giảm thân nhiệt. Cho dù vì lý do gì đi nữa, anh ta đã đưa xuống trước những người còn lại trong nhóm – điều này thật ra đã là một thói quen của anh ta trong suốt chuyến thám hiểm, như những bức thư và những cú điện thoại cuối cùng của Fischer từ Trạm Căn cứ về Seattle đã nói rõ.

Khi tôi hỏi anh ta liệu việc để các khách hàng của mình ở lại trên triền đỉnh có phải là một điều khôn ngoan hay không, anh ta khẳng định rằng đó là vì lợi ích của nhóm: “Sẽ tốt hơn nhiều nếu tôi làm ấm mình tại Đèo Nam, và sẵn sàng mang oxy lên nếu khách dùng hết”. Thật ra, ngay sau khi trời tối, sau khi nhóm của Beidleman không thể trở lại và cơn bão đã trở thành một trận cuồng phong, Boukreev nhận ra rằng chắc chắn họ đang gặp khó khăn và đã can đảm mang oxy lên cho họ. Nhưng kế hoạch của anh ta đã có một sai lầm nghiêm trọng: bởi vì cả anh ta và Beidleman đều không có bộ đàm, Anatoli không thể nào biết được tình trạng thật sự của những người khách hàng đó, và họ có thể ở đâu trên khoảng đất mênh mông của phần núi phía trên đó.

Khoảng 7 giờ 30 tối, bắt chấp việc đó, Boukreev rời Trại Bốn để tìm kiếm nhóm người này. Sau này, anh ta nhớ lại:

Tầm nhìn chỉ khoảng một mét. Mọi thứ đều tối mịt. Tôi có một cây đèn pin, và tôi bắt đầu sử dụng oxy để leo nhanh hơn. Tôi mang theo ba bình oxy đầy. Tôi cố gắng di chuyển nhanh hơn, nhưng tôi không thể nhìn thấy... Giống như thể bị mù vậy, không thể nhìn thấy gì. Điều đó rất nguy hiểm, vì tôi có thể bị ngã xuống một khe vực, tôi có thể bị ngã xuống mạn nam của Mặt Lhotse dốc đứng cao 3.000m. Tôi cố gắng leo lên, trời tối, tôi không thể tìm thấy tuyến dây cố định.

Khoảng một trăm tám mươi ba mét phía trên Đèo Nam, Boukreev nhận thấy nỗ lực của mình là vô ích và quay trở lại lều, nhưng anh ta thừa nhận rằng chính mình cũng suýt bị lạc. Bất luận thế nào, Boukreev cũng đã từ bỏ nỗ lực cứu hộ này, bởi vì vào lúc đó các đồng đội của anh ta đã không còn ở trên đỉnh phía trên nữa, nơi mà Boukreev đang hướng lên – khi anh ta từ bỏ cuộc tìm kiếm của mình, nhóm của Beidleman thực ra đang đi quanh quần trên Đèo Nam dưới anh ta một trăm tám mươi ba mét.

Khi anh ta trở về đến Trại Bốn vào khoảng 9 giờ tối, Boukreev đã rất lo lắng về mười chín người đang mất tích, nhưng vì không biết được họ có thể đang ở đâu, anh ta không thể làm gì ngoài việc chờ đợi. Sau đó, vào lúc 12 giờ 45, Beidleman, Groom, Schoening, và Gammelgaard đi tập thể vào trại. Boukreev nhớ lại: “Klev và Neal đã hoàn toàn kiệt sức và gần như không thể nói. Họ nói với tôi rằng Charlotte, Sandy và Tim cần được giúp đỡ. Sandy đã gần chết rồi. Sau đó họ chỉ sơ cho tôi biết phải tìm họ ở đâu”.

Khi nghe thấy hai người leo núi này về tới, Stuart Hutchison chạy ra giúp đỡ Groom. Anh ta nhớ lại: “Tôi giúp Mike vào lều của anh ấy và thấy rằng anh đã thật sự, thật sự kiệt sức. Anh đã phải nỗ lực rất đau đớn để có thể nói một cách rõ ràng, giống như những lời trăng trối của một người sắp chết. Anh ấy nói với tôi: ‘Hãy cho người đi giúp Beck và Yasuko’. Sau đó anh chỉ về phía khu vực Kangshung của Đèo Nam”.

Tuy nhiên, những nỗ lực tổ chức một đội cứu hộ của Hutchison đã thất bại. Chuldum và Arita – những người Sherpa thuộc đội của Hall không tham gia nhóm leo lên đỉnh núi và đang đợi tại Trại Bốn, sẵn sàng cho một tình huống khẩn cấp như vậy – đã bị trúng độc khí CO do nấu nướng trong chiếc lều không được thông gió tốt; Chuldum thậm chí đã nôn ra máu. Còn bốn người Sherpa khác thuộc đoàn chúng tôi đã rất lạnh và đuối sức vì vừa mới trở về từ đỉnh núi.

Sau chuyến thám hiểm, tôi hỏi Hutchison tại sao khi anh đã tương đối biết vị trí của những khách hàng đang bị lạc, anh không cố gắng đánh thức Frank Fischbeck, Lou Kasischke hoặc John Taske – hay thậm chí thử đánh thức tôi thêm một lần nữa – để nhờ chúng tôi giúp việc cứu hộ. “Rõ ràng tất cả các anh đã hoàn toàn kiệt sức nên tôi thậm chí không có ý định hỏi các anh. Các anh đã vượt quá xa giới hạn chịu đựng một mỗi bình thường nên tôi nghĩ nếu các anh cố gắng giúp đỡ việc cứu hộ, các anh sẽ chỉ làm cho tình hình tồi tệ hơn mà thôi – chính các anh cũng sẽ bị lạc và rồi chúng tôi lại phải cứu các anh”. Kết quả là Stuart đi một mình ra ngoài trong cơn bão, nhưng một lần nữa anh ta phải quay lại tại rìa của khu trại khi anh ta cảm thấy lo lắng rằng mình sẽ không thể tìm được đường quay về nếu đi xa hơn nữa.

Trong lúc đó, Boukreev cũng đang cố gắng tổ chức một đội cứu hộ, nhưng anh ấy đã không liên hệ với Hutchison hoặc đến lều của tôi, do vậy những nỗ lực của Hutchison và Boukreev không hề phối hợp với nhau, và tôi đã không biết gì về hai kế hoạch cứu hộ này. Cuối cùng Boukreev – cũng giống như Hutchison – nhận ra rằng tất cả mọi người mà anh ta đánh thức dậy được đều quá mệt hoặc kiệt sức hoặc không dám giúp đỡ. Do đó anh ta quyết định tự mình mang những người còn lại về. Dững cảm lao vào giữa cơn cuồng phong, Boukreev lùng sục khu Đèo Nam trong gần một giờ đồng hồ nhưng không tìm thấy bất kỳ ai.

Boukreev không bỏ cuộc. Anh ta quay lại trại, hỏi Beidleman và Schoening những chỉ dẫn cụ thể hơn và lại ra ngoài một lần nữa trong cơn bão. Lần này anh ta thấy được ánh sáng yếu ớt từ chiếc đèn pin đeo trên đầu của Madsen, nhờ đó có thể xác định vị trí của những người leo núi mất tích. Boukreev nói: “Họ đang nằm trên băng tuyết, không nhúc nhích gì cả. Họ không thể nói. Madsen vẫn còn tỉnh và có thể tự lo cho mình, nhưng Pittman, Fox, và Weathers thì hoàn toàn không thể cử động được, còn Namba dường như đã chết”.

Sau khi Beidleman và những người khác đã đi về khu trại để tìm người giúp đỡ, Madsen đã tập hợp những người leo núi còn lại này và kêu gọi mọi người tiếp tục cử động để giữ ấm. Madsen nhớ lại: “Tôi để Yasuko ngồi vào lòng Beck nhưng lúc đó anh ta gần như không phản ứng và Yasuko cũng không cử động gì cả. Một lát sau tôi thấy cô ấy nằm bẹp ngửa xuống và tuyết thổi vào nón của cô ta. Không biết vì sao nhưng Yasuko đã đánh mất một chiếc găng tay – bàn tay phải của cô ta trống không, và các ngón tay nắm chặt lại đến nỗi tôi không thể duỗi chúng thẳng lại được, trông chúng giống như đã bị đông cứng tới xương luôn rồi”.

Madsen tiếp tục: “Tôi cho rằng cô ta đã chết, nhưng sau đó một lát, cô ta đột nhiên cử động và làm tôi phát hoảng: cô ấy ngược nhẹ cổ lên, giống như đang cố ngồi dậy, cánh tay phải cô ta giơ lên cao. Sau đó mọi chuyện chấm hết. Yasuko nằm xuống trở lại và không bao giờ cử động nữa”.

Ngay khi Boukreev tìm thấy nhóm người đang mắc kẹt này, anh nhận ra rằng chỉ có thể mang từng người một đến trại. Boukreev có mang theo một bình oxy, anh ấy và Madsen đã gắn nó vào mặt nạ của Pittman. Sau đó Boukreev ra hiệu cho Madsen rằng anh sẽ quay lại ngay khi có thể, rồi bắt đầu giúp đưa Fox xuống khu lều. Madsen nói: “Sau khi họ đi, Beck co quắp lại, không cử động nhiều, và Sandy cũng cuộn tròn vào lòng tôi, cũng không cử động được nhiều. Tôi kêu hét lên với cô ấy: ‘Nè, tiếp tục lắc lư tay đi! Cho tôi xem tay cô nào! Và khi cô ấy ngồi dậy và chìa tay ra, tôi thấy cô ấy không hề đeo găng tay – chúng đang lủng lẳng nơi cổ tay cô ta.

Do đó tôi cố gắng xỏ tay cô ấy vào lại đôi găng tay thì bất ngờ Beck lâm bầm: ‘Tôi đã nghĩ ra rồi. Sau đó anh ta lăn ra xa một chút, tựa lên một tảng đá lớn và đứng dậy quay về hướng cơn bão với đôi tay giang rộng về hai bên. Một giây sau đó, một cơn gió mạnh nổi lên và thổi anh ta ngược trở lại vào trong bóng đêm, xa khỏi chùm sáng từ đèn pin của tôi. Và đó là lần cuối cùng tôi thấy anh ta’.

“Sau đó một lúc, Toli trở lại và túm lấy Sandy, do vậy tôi thu dọn đồ đạc của mình và bắt đầu đi theo sau họ, cố gắng đi theo ánh đèn pin của Toli và Sandy. Lúc này tôi cho rằng Yasuko đã chết và Beck đã mất tích”. Khi họ đến được trại đã là 4 giờ 30 sáng và bầu trời đã bắt đầu sáng lên ở phía chân trời đông. Ngay khi nghe thấy Madsen nói rằng Yasuko đã không qua được, Beidleman đã gục xuống trong lều của mình và khóc trong bốn mươi lăm phút.

Chương 16: ĐÈO NAM

**6:00 SÁNG, NGÀY 11 THÁNG 5 NĂM
1996**

7.925 MÉT

Tôi không tin vào những bản tóm tắt, bất kỳ sự tóm lược thời gian nào, và cả những khẳng định quá mạnh mẽ nào rằng một người có thể kiểm soát được những gì anh ta thuật lại; tôi nghĩ rằng những người tuyên bố mình hiểu nhưng vẫn hoàn toàn bình tĩnh, những người tuyên bố rằng sẽ viết bằng những xúc cảm được hồi tưởng lại trong sự thanh bình, chính là những kẻ ngu ngốc và nói dối. Hiểu có nghĩa là run sợ. Hồi tưởng có nghĩa là trở vào chuyện đó một lần nữa và bị giằng xé... Tôi khâm phục những người dám dũng cảm quy gối trước sự kiện.

Harold Brodkey

Thao túng

Stuart Hutchison cuối cùng cũng có thể lay tôi dậy vào lúc 6 giờ sáng ngày 11 tháng 5. Stuart nói với tôi với vẻ mặt buồn rười rượi: “Andy không có trong lều của anh ấy, và dường như cũng không ở trong các lều khác. Tôi không nghĩ anh ấy đã trở về được”.

Tôi hỏi lại: “Harold bị lạc ư? Không thể nào. Chính mắt tôi đã trông thấy anh ta đi đến rìa của khu trại”. Choáng váng và hoang mang, tôi mang giày vào và chạy ra ngoài tìm kiếm Harris. Con gió vẫn còn rất hung dữ – đến mức quạt ngã tôi nhiều lần – nhưng bình minh hôm đó trời quang đãng, sáng sủa và tầm nhìn rất tốt. Tôi tìm kiếm toàn bộ khu tây của Đèo Nam trong hơn một giờ đồng hồ, nhìn kỹ phía sau những tảng đá và bới tung những chiếc lều nát đã bị bỏ lại từ lâu, nhưng vẫn không tìm thấy dấu vết gì của Harris. Tôi bị kích động mạnh. Nước mắt tôi tuôn ra, ngay lập tức đông lại trên hai mí mắt nhắm nghiền của tôi. Làm sao Andy có thể chết được? Không thể như thế được.

Tôi đến nơi mà Harris đã trượt xuống khỏi mặt băng ngay phía trên Đèo Nam, và rời cẩn thận lần theo con đường mà anh ta đã đi về hướng trại, đó là một rãnh băng rộng và gần như bằng phẳng. Tại nơi tôi trông thấy anh ta lần cuối cùng khi mây kéo xuống, có một chỗ rẽ đột ngột về bên trái lên một con dốc đá dài khoảng mười lăm mét dẫn tới khu lều.

Tuy nhiên, tôi nhận ra rằng nếu anh ấy không rẽ trái mà thay vào đó tiếp tục đi thẳng xuống rãnh băng – điều này rất có thể đã xảy ra trong một cơn bão tuyết dữ dội, ngay cả khi anh ta không bị kiệt sức và mù mẫm vì căn bệnh độ cao – anh ta sẽ nhanh chóng đi đến mép cực tây của đèo. Phía dưới, khối băng xám xịt và dốc của Mặt Lhotse tạo nên một vách dựng đứng cao 1.220m xuống đáy của Thung lũng Tây. Đứng đó, sợ hãi không dám tiến tới gần mép hơn, tôi nhận ra nhiều dấu đỉnh mờ mờ đi ngang qua tôi, hướng đến

vách của cái vực sâu đó. Tôi lo sợ rằng những dấu đinh đó là của Andy Harris.

Sau khi về đến trại buổi tối hôm trước, tôi đã nói với Hutchison rằng mình đã nhìn thấy Harris đến được khu lều an toàn. Hutchison đã gọi báo tin này về Trạm Căn cứ và từ đây nó được truyền qua một cuộc điện thoại vệ tinh tới người bạn gái sống chung với Harris tại New Zealand, cô Fiona McPherson. Cô ấy đã hết sức nhẹ nhõm khi biết được rằng Harris đã an toàn tại Trại Bốn. Tuy nhiên, giờ đây vợ của Hall ở Christchurch là Jan Arnold sẽ phải làm một việc không thể hình dung nổi: gọi điện lại cho McPherson và thông báo rằng đã có một sai lầm khủng khiếp, rằng thực ra Andy vẫn còn mất tích và được cho rằng đã thiệt mạng. Nghĩ đến cuộc nói chuyện điện thoại này và sai lầm của mình trong việc gây ra nó, tôi quì gối xuống thờ hồn hển, ói mửa liên hồi khi cơn gió lạnh giá thổi vào lưng mình.

Sau một giờ tìm kiếm Andy trong vô vọng, tôi quay về lều vừa kịp lúc nghe thấy cuộc nói chuyện qua bộ đàm giữa Trạm Căn cứ và Rob Hall; Rob đang ở trên triền đỉnh, gọi xuống để nhờ giúp đỡ. Lúc đó Hutchison thông báo rằng Beck và Yasuko đã thiệt mạng còn Scott Fischer đang mất tích ở đâu đó trên đỉnh núi phía trên. Ngay sau đó, máy bộ đàm của chúng tôi hết pin, khiến chúng tôi không thể liên lạc với những người còn lại trên ngọn núi. Sợ rằng họ sẽ mất liên lạc với chúng tôi, các thành viên của đoàn IMAX tại Trại Hai gọi cho đoàn Nam Phi, lều của những người này trên Đèo Nam chỉ cách lều của chúng tôi vài mét. David Breashears – người dẫn đầu đoàn IMAX và là một vận động viên leo núi mà tôi đã biết hai mươi năm nay – thuật lại: “Chúng tôi biết đoàn Nam Phi có một chiếc bộ đàm mạnh và nó vẫn còn hoạt động được, do đó chúng tôi nhờ một thành viên của họ tại Trại Hai gọi cho Woodall trên Đèo Nam và nói rằng: ‘Đây là một trường hợp khẩn cấp. Nhiều người đang chết trên đó. Chúng tôi muốn liên lạc với những người còn sống sót trong đoàn của Hall để phối hợp tổ chức một cuộc cứu hộ. Làm ơn hãy đưa cho Jon Krakauer mượn bộ đàm của ông’. Và Woodall đã từ chối. Rõ ràng đây là một trường hợp nguy cấp, vậy mà họ vẫn không chịu cho mượn chiếc bộ đàm của mình”.

* * *

Ngay sau chuyên thám hiểm, khi tôi đang soạn bài báo của mình cho tạp chí *Outside*, tôi phỏng vấn càng nhiều càng tốt các thành viên trong các nhóm lên đỉnh trong đoàn của Hall và Fischer; tôi nói chuyện nhiều lần với họ. Nhưng Martin Adams, vốn không tin tưởng những phóng viên, không nói gì nhiều về hậu quả của thảm kịch đó và lảng tránh những lần tôi cố gắng phỏng vấn anh ấy mãi cho đến sau khi bài báo tôi viết cho tạp chí *Outside* được đăng.

Khi rút cuộc tôi cũng gọi được cho Adams qua điện thoại vào tháng 7 và anh ta đồng ý nói chuyện, tôi bắt đầu bằng cách đề nghị Adams kể lại mọi chi tiết mà anh nhớ được về cuộc chinh phục đỉnh núi. Là một trong những khách leo núi khỏe mạnh nhất ngày hôm đó, anh ta luôn ở gần phía đầu của đoàn người và trước hay sau tôi một chút trong gần suốt chuyến leo lên đỉnh. Do anh ta có một trí nhớ tốt lạ thường, tôi đặc biệt quan tâm đến việc đối chiếu những lời kể của anh ta và trí nhớ của tôi.

Adams kể rằng rất muộn chiều hôm đó, khi từ Ban công ở độ cao 8.412m leo xuống, anh ấy vẫn còn nhìn thấy tôi, có lẽ đi trước anh ta mười lăm phút, nhưng do tôi leo xuống nhanh hơn nên không lâu sau đó đã khuất khỏi tầm mắt anh ta. Adams nói: “Và lần kế tiếp tôi nhìn thấy anh, trời hầu như đã tối và anh đang băng qua những vùng bằng phẳng của Đèo Nam, cách lều khoảng ba mươi mét. Tôi nhận ra rằng đó chính là anh vì bộ áo liền quần màu đỏ tươi của anh”.

Ngay sau đó, Adams leo xuống khu vực bằng phẳng ngay phía trên con dốc băng rất dốc vốn đã gây cho tôi không ít khó khăn, và ngã xuống một khe băng nhỏ. Nhưng sau đó anh ta đã thoát ra được. Rồi Adams lại rơi vào một khe băng khác sâu hơn. Anh ấy trầm ngâm: “Nằm trong khe băng đó, tôi nghĩ: ‘Chắc tiêu rồi’. Phải mất một lúc, nhưng cuối cùng tôi cũng có thể thoát ra khỏi nơi đó. Khi thoát ra được, mặt tôi phủ đầy tuyết. Sau đó tôi nhìn thấy có ai đó đang ngồi trên băng ở về phía tay trái, đeo một chiếc đèn pin trên đầu, do vậy tôi đi về hướng đó. Trời vẫn chưa tối đen như mực, nhưng cũng đủ để khiến tôi không thể nhìn thấy khu lều nữa”.

“Do đó tôi tiến đến người này và hỏi: ‘Nè, khu lều ở đâu vậy?’ và gã này, chẳng biết là ai nữa, đã chỉ đường cho tôi. Thế nên tôi nói: ‘Ồ, đúng như tôi nghĩ. Rồi người này nói gì đó đại khái là: ‘Cẩn thận đấy. Mặt băng ở đây dốc hơn anh tưởng nhiều đó. Có lẽ chúng ta nên xuống dưới và lấy một sợi dây cùng với vài chiếc đinh ốc để đóng vào băng’. Tôi nghĩ: ‘Quên đi. Tôi sẽ ra khỏi đây’. Do đó tôi bước đi hai hoặc ba bước, bị vấp ngã và trượt sấp xuống tảng băng, chúi đầu xuống. Khi tôi đang bị trượt xuống, không biết làm sao mà đầu chiếc rìu phá băng của tôi lại móc được vào một thứ gì đó và làm tôi quay ngoặt lại, rồi tôi dừng lại ở dưới đấy. Tôi đứng dậy, đi loạng choạng về lều và đầu đuôi câu chuyện chính là như thế”.

Khi Adams tả lại việc anh ta gặp một người leo núi không rõ tên, và sau đó trượt xuống tảng băng, miệng tôi khô đi và tóc gáy tôi dựng lên. Khi anh ta nói xong, tôi hỏi: “Martin này, anh có nghĩ người anh gặp ở đó chính là tôi không?”.

Anh ta cười: “Không đâu! Tôi không biết đó là ai, nhưng rõ ràng đó

không phải là anh”. Nhưng khi tôi kể cho anh ta nghe về việc tôi đã gặp Andy Harris và một loạt những việc hết sức trùng hợp: tôi gặp Harris khoảng cùng thời gian Adams gặp người lạ mặt đó, và cũng khoảng cùng chỗ đó. Phần lớn cuộc đối thoại diễn ra giữa Harris và tôi giống một cách kỳ lạ với cuộc nói chuyện giữa Adams và người lạ mặt. Và sau đó Adams đã trượt chúi đầu xuống tảng băng rất giống với kiểu tôi đã nhìn thấy Harris trượt xuống.

Sau khi nói chuyện thêm vài phút nữa, Adams bắt đầu tin rằng: “Vậy người mà tôi đã nói chuyện trên tảng băng ngoài đó chính là anh”. Anh ta khẳng định, tỏ ra kinh ngạc, thừa nhận là chắc hẳn anh ta đã nhầm lẫn khi anh ta nhìn thấy tôi băng qua những vùng băng phẳng của Đèo Nam ngay trước khi trời tối. “Và anh đã nói chuyện với tôi. Điều này có nghĩa là đó không phải là Andy Harris. Ô, anh bạn, tôi nghĩ anh sẽ có nhiều điều phải giải thích đây”.

Tôi cảm thấy sững sờ. Trong hai tháng trời tôi đã kể cho mọi người rằng Harris đã bước trượt chân khỏi mép Đèo Nam và thiệt mạng trong khi anh ta không bị vậy. Sai lầm của tôi đã gây ra nỗi đau lớn lao và vô nghĩa cho Fiona McPherson; bố mẹ của Andy, Ron và Mary Harris; anh trai của anh ta, David Harris; và nhiều người bạn của anh ấy.

Andy là một người to lớn, cao hơn 1,83m, nặng hơn 90kg và có giọng nói the thé du dương của người New Zealand; Martin thấp hơn ít nhất 20cm, nặng khoảng 60kg. Làm sao tôi có thể phạm một sai lầm ngớ ngẩn như thế? Có phải tôi thật sự đã quá đuối sức đến nỗi tôi đã nhìn chăm chăm vào mặt một người gần như không quen biết và nhầm lẫn anh ta với một người bạn mà tôi đã ở chung trong vòng sáu tuần trước đó? Và nếu như Andy đã không về đến được Trại Bốn sau khi chinh phục được đỉnh núi, điều gì đã xảy ra với anh ta?

Chương 17: ĐỈNH NÚI

**3:40 CHIỀU, NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM
1996**

8.848 MÉT

Sự suy sụp của chúng tôi tất nhiên là do thời tiết khắc nghiệt đột ngột tràn về, chúng tôi không thể lý giải nỗi sự thất thường đó. Tôi nghĩ chưa từng có con người nào trải qua một tháng [gian khổ] như chúng tôi vừa trải qua. Đáng lẽ chúng tôi đã vượt qua được bất chấp thời tiết xấu nếu người đồng đội của chúng tôi, Đại úy Oates, không bị bệnh; nếu nhiên liệu ở kho dự trữ không hết sạch – tôi vẫn không thể giải thích được chuyện này; và cuối cùng là nếu cơn bão không ập xuống chúng tôi khi mà chúng tôi chỉ còn cách kho dự trữ cuối cùng có 17,6km nữa thôi. Hẳn là không có tai họa nào đen đui nào hơn sự cố trên.... Chúng tôi đã mạo hiểm, chúng tôi biết việc mình làm; mọi thứ không được như chúng tôi mong muốn, và do đó chúng tôi không có lý do gì để phàn nàn cả ngoài việc chấp nhận ý muốn của Thượng đế và quyết tâm cố hết sức mình đến phút chót.

Nếu tôi sống sót, tôi sẽ kể về những vất vả, lòng nhân nại và sự can đảm của các đồng đội tôi và các câu chuyện đó sẽ làm xao động trái tim của mỗi người Anh. Những ghi chép mộc mạc này và thi thể của chúng tôi sẽ kể lại câu chuyện này.

Robert Palcon Scott trong “Lời nhắn gửi cho công chúng” được viết ngay trước khi ông thiệt mạng tại Nam cực vào ngày 29 tháng 3 năm 1992, trích từ *Chuyến thám hiểm cuối cùng của Scott*.

Scott Fischer leo lên đến đỉnh lúc khoảng 3 giờ 40 chiều ngày 10 tháng 5 và thấy người bạn hết mình và cũng là người thủ lĩnh Sherpa tận tụy của anh ta, Lopsang Jangbu, đang đợi mình. Người Sherpa này lôi chiếc bộ đàm ra từ trong chiếc áo khoác ngoài, liên lạc với Ingrid Hunt tại Trạm Căn cứ, sau đó đưa chiếc bộ đàm cho Fischer. Fischer nói với Hunt, ở phía dưới cách đó 3.475m: “Tất cả chúng tôi đã lên được đỉnh. Chúa ơi, tôi mệt quá”. Một vài phút sau Makalu Gau lên đến nơi cùng hai người Sherpa. Rob cũng ở đó, đang sốt ruột đợi Doug Hansen lên tới khi một đám mây kéo đến phủ lên triền đỉnh báo hiệu đêm xấu.

Theo Lopsang, trong khoảng thời gian mười lăm, hai mươi phút Fischer ở trên đỉnh núi, anh ta liên tục than phiền rằng mình không được khỏe – người hướng dẫn có sức chịu đựng bẩm sinh này hầu như chưa bao giờ than như vậy. Lopsang nhớ lại: “Scott nói cho tôi ông ấy quá mệt mỏi, ông ấy bệnh và cần thuốc cho cái dạ dày. Tôi đưa trà, nhưng ông ấy chỉ uống một ít, chỉ nửa tách. Do đó tôi nói cho ông ấy: ‘Scott, làm ơn đi, chúng ta trở xuống nhanh nào’. Và rồi chúng tôi leo xuống”.

Fischer bắt đầu leo xuống trước, khoảng 3 giờ 55. Lopsang thuật lại rằng

mặc dù Scott đã sử dụng khí oxy bổ sung trong toàn bộ thời gian leo lên và bình oxy thứ ba của anh ấy vẫn còn ba phần tư khi ông ta rời đỉnh núi, nhưng vì một lý do nào đó, Scott đã tháo mặt nạ ra và không sử dụng nữa.

Không bao lâu sau khi Fischer rời khỏi đỉnh núi, Gau và những người Sherpa của anh ta cũng trở xuống, và cuối cùng là Lopsang – để lại Hall một mình trên đỉnh chò Hansen. Một lúc sau khi Lopsang bắt đầu leo xuống, khoảng 4 giờ, Hansen rốt cuộc cũng hiện ra, đang rág hết sức, di chuyển chậm chạp một cách đau đớn qua khỏi chỗ dốc cuối cùng trên triền núi. Ngay khi trông thấy Hansen, Hall nhanh chóng đi xuống đón anh ta.

Thời điểm quay lại bắt buộc của Hall đã trôi qua đúng hai tiếng đồng hồ. Dựa vào bản tính bảo thủ và cực kỳ nguvin tắc của Hall, nhiều người trong nhóm của anh cảm thấy khó hiểu vì quyết định kỳ lạ này của anh ấy. Họ thắc mắc rằng tại sao Hall không bắt Hansen quay lại ở dưới thấp hơn nhiều ngay khi đã rõ là tay leo núi người Mỹ này bị trễ?

Đúng một năm trước đây, Hall đã yêu cầu Hansen quay lại tại Đỉnh Nam lúc 2 giờ 30 chiều, và việc bị từ chối khi đã đến rất gần đỉnh núi chính là điều thất vọng cùng cực đối với Hansen. Anh ta đã nhiều lần nói với tôi rằng anh ấy trở lại Everest năm 1996 phần lớn là do sự ủng hộ tích cực của Hall – anh ta nói Rob đã gọi cho anh ấy từ New Zealand cả “hơn chục lần” khuyên anh ta thử thêm một lần nữa – và lần này Doug tuyệt đối quyết tâm chinh phục được đỉnh núi. Anh ta nói với tôi ba ngày trước tại Trại Hai: “Tôi muốn hoàn thành việc này và tổng khứ nó ra khỏi cuộc đời tôi. Tôi không muốn phải quay trở lại đây nữa. Tôi đang trở nên quá già cho chuyện chết tiệt này”.

Do đó có lẽ cũng không quá khi cho rằng: vì Hall đã thuyết phục Hansen quay lại ngọn Everest này, sẽ vô cùng khó khăn cho anh ấy khi phải từ chối không cho Hansen leo lên tới đỉnh lần thứ hai. Guy Cotter, một hướng dẫn viên người New Zealand vốn đã chinh phục ngọn Everest cùng với Hall vào năm 1992, và là người hướng dẫn lên đỉnh của Hall vào năm 1995 khi Hansen thực hiện chuyến leo đầu tiên của mình, cảnh báo: “Thật khó để yêu cầu ai đó quay lại khi họ đang ở cao trên ngọn núi. Nếu một khách hàng thấy rằng đỉnh núi đã rất gần, và họ đã nhất quyết lên được đó, họ sẽ cười vào mặt bạn và tiếp tục leo lên”. Nhà leo núi kỳ cựu người Mỹ Peter Lev đã nói trên tạp chí Climbing sau những sự việc thảm khốc xảy ra trên ngọn Everest rằng: “Chúng tôi nghĩ rằng người ta trả tiền để chúng tôi đưa ra những quyết định đúng đắn, nhưng thật ra họ trả tiền là để được đưa lên đến đỉnh”.

Dù sao đi nữa, Hall đã không buộc Hansen quay lại vào lúc 2 giờ chiều – hay là lần tiếp theo, lúc 4 giờ, khi anh ấy gặp vị khách của mình ngay phía

dưới đỉnh núi. Theo Lopsang, thay vào đó Hall đã vòng tay Hansen qua cổ mình và giúp vị khách mệt lử này leo tiếp khoảng mười lăm mét cuối cùng để lên tới đỉnh. Họ ở lại đỉnh chỉ một hoặc hai phút rồi quay lại bắt đầu chuyến leo xuống rất dài.

Khi Lopsang trông thấy Hansen vấp ngã, anh ta đã dừng lại đủ lâu để chắc chắn rằng Doug [Hansen] và Rob [Hall] đã qua được khu vực gờ nguy hiểm ngay phía dưới đỉnh núi một cách an toàn. Sau đó, hăm hở đuổi theo Fischer vốn lúc này đã đi trước anh ta được hơn ba mươi phút, Lopsang tiếp tục leo xuống sườn núi, để Hansen và Hall lại tại đỉnh của Bắc Hillary.

Chỉ ngay sau khi Lopsang mất hút bên dưới Bắc đá, Hansen hình như cạn sạch oxy và quỵ xuống. Anh ta đã dùng cạn chút sức lực cuối cùng để lên được đỉnh núi – và giờ đây chẳng còn lại gì cho chuyến leo xuống. “Rất giống những gì đã xảy ra với Doug vào năm 1995”, Ed Viesturs, cũng giống như Cotter, năm đó làm người hướng dẫn lên đỉnh cho đoàn Fischer, nói: “Anh ta ổn trong suốt chuyến leo lên, nhưng ngay khi bắt đầu leo xuống anh ấy suy kiệt cả về thể chất cũng như tinh thần; anh ta biến thành một người sống dở chết dở, như thể anh ta đã sử dụng hết toàn bộ sức lực”.

Lúc 4 giờ 30 chiều và sau đó là 4 giờ 41, Hall gọi xuống bằng bộ đàm và nói rằng anh ấy và Hansen đang gặp khó khăn phía trên triền đỉnh và rất cần oxy. Vẫn còn hai bình dưỡng khí đây cho họ tại Đèo Nam; nếu Hall biết việc này hẳn anh ta đã có thể tìm thấy những bình khí khá nhanh và sau đó leo lên lại để đưa cho Hansen một bình mới. Nhưng Andy Harris, vẫn còn ở chỗ chứa oxy, đang trong cơn mất trí vì giảm oxy huyết, đã nghe được cuộc điện đàm và chen vào nói với Hall – một cách thiếu chính xác như đã nói với tôi và Mike Groom – rằng tất cả những bình khí ở Đỉnh Nam đã cạn.

Groom nghe thấy cuộc nói chuyện giữa Harris và Hall qua bộ đàm của mình khi anh ta đang leo xuống Triền Đông Nam cùng với Yasuko, ngay phía trên Ban công. Anh ta cố gắng gọi cho Hall để đính chính lại thông tin sai lầm đó và báo cho ông ấy biết rằng thật ra vẫn còn những bình khí oxy đầy tại Đỉnh Nam, nhưng Groom giải thích: “bộ đàm của tôi bị trục trặc. Tôi có thể nhận hầu hết các cuộc gọi đến, nhưng các cuộc gọi đi hầu như không thực hiện được. Một vài lần khi Rob nghe cuộc gọi của tôi, và tôi cố gắng chỉ cho ông ấy chỗ để những chiếc bình khí đầy, ngay lập tức tôi lại bị Andy chen ngang, cướp sóng để nói rằng không còn oxy tại Đỉnh Nam”.

Không biết chắc rằng có còn bình oxy ở đó không, Hall quyết định rằng cách hành động tốt nhất chính là tiếp tục ở lại với Hansen và cố gắng đưa người khách gần như không thể tự di chuyển này xuống mà không có dưỡng khí bổ sung. Nhưng khi họ xuống tới đỉnh của Bắc Hillary, Hall đã không

thể đưa Hansen xuống vách đá dựng đứng cao hơn 12m, và họ buộc phải dừng lại. Rob thông báo qua bộ đàm, nghe rõ tiếng hít thở không khí: “Một mình tôi có thể tự leo xuống được. Nhưng tôi không biết làm thế quái nào để đưa anh ta xuống nếu không có dưỡng khí bổ sung”.

Ngay trước 5 giờ, Groom đã có thể liên lạc với Hall và nói rằng thật sự vẫn còn dưỡng khí ở Đỉnh Nam. Mười lăm phút sau, Lopsang đến được Đỉnh Nam trên đường trở xuống và bắt gặp Harris⁵⁰. Vào lúc đó, theo Lopsang, rốt cuộc Harris chắc hẳn đã biết rằng ít nhất hai trong số những bình dưỡng khí được giấu ở đó vẫn còn đầy, bởi vì anh ta đã nhờ Lopsang giúp mình mang những bình khí cứu mạng này lên cho Hall và Hansen tại Bạc Hillary. Lopsang nhớ lại: “Andy nói sẽ trả tôi năm trăm đô la để mang những bình khí đó cho Rob và Doug. Tuy nhiên tôi có trách nhiệm lo cho đoàn của tôi. Tôi phải lo cho Scott. Do đó tôi nói cho Andy, không, tôi đi nhanh xuống”.

Đến 5 giờ 30, khi Lopsang rời Đỉnh Nam để tiếp tục trở xuống, anh ta trông thấy Harris – người chắc hẳn đã cực kỳ đuối sức, nếu đúng như những dấu hiệu mà tôi đã thấy khi gặp anh ta hai giờ trước đó tại Đỉnh Nam – đang lê bước nặng nhọc lên triền đỉnh để giúp Hall và Hansen. Đó là một hành động anh hùng đã khiến Harris trả giá bằng chính mạng sống của mình.

* * *

Vài trăm mét phía dưới, Scott Fischer đang vật lộn để leo xuống Triền Đông Nam, và ngày càng trở nên đuối sức. Ngay khi xuống được đỉnh của những bậc đá ở độ cao 8.656m, anh ta phải đối mặt với những vách đá ngấn nhưng đầy khó khăn nghiêng dọc theo triền núi. Vì quá kiệt sức không thể thực hiện các thao tác leo xuống bằng dây nên Fischer trượt thẳng xuống một dốc tuyết kế bên bằng miệng mình. Cách này dễ dàng hơn so với việc leo xuống theo những tuyến dây cố định, nhưng một khi anh ấy xuống thấp hơn những bậc đá, Fischer sẽ phải khó nhọc leo lên một con đường dốc gần 100 mét, băng qua tuyết dày tới đầu gối để có thể trở lại đường đi.

Tim Madsen, đang leo xuống cùng với nhóm của Beidleman, đã tình cờ thấy Fischer từ Ban công vào khoảng 5 giờ 20 khi ông bắt đầu leo lên. Madsen nhớ lại: “Anh ấy trông thật mệt mỏi. Anh ta bước được chừng chục bước, rồi ngồi xuống nghỉ, bước tiếp vài bước nữa, rồi lại nghỉ. Anh ấy di chuyển thật sự rất chậm chạp. Nhưng tôi trông thấy Lopsang ở phía trên Scott, đang từ triền núi leo xuống, và tôi biết rằng có anh ta ở đó trông nom, Scott sẽ ổn thôi”.

Theo Lopsang, anh ta bắt kịp Fischer vào khoảng 6 giờ chiều, ngay phía trên Ban công: “Lúc đó Scott không sử dụng oxy nên tôi đeo mặt nạ vào cho ông ấy. Ông ấy nói rằng: Tôi yếu quá rồi, yếu đến mức không thể đi xuống

được nữa. Bây giờ tôi sẽ nhảy xuống’. Ông ấy đã nói rất nhiều lần, hành động như một người điên, do vậy tôi cột ông ấy vào sợi dây, nhanh chóng, nếu không ông ấy sẽ nhảy xuống Tây Tạng mất”.

Giữ chắc Fischer với sợi dây dài khoảng 23 mét, Lopsang thuyết phục người bạn mình đừng nhảy và giúp ông ta di chuyển từ từ xuống Đèo Nam. Lopsang nhớ lại: “Cơn bão rất tồi tệ. Bùm! Bùm! Hai lần nghe như tiếng súng vậy, có sấm lớn. Hai lần sét đánh xuống rất gần chỗ tôi và Scott, rất lớn, rất đáng sợ”.

Hơn chín mươi mét bên dưới Ban công, rãnh tuyết thoải thoải mà họ đang thận trọng leo xuống nhường chỗ cho những vùng đá phiến sét dốc và xộp, và Fischer đã không thể xử lý được địa hình đầy thử thách này trong tình trạng suy yếu của mình. Lopsang nói: “Scott không thể leo xuống, tôi gặp khó khăn lớn. Tôi cố gắng khiêng, nhưng tôi cũng đã rất mệt. Scott thân to, tôi rất nhỏ; tôi không thể khiêng ông ta. Ông ấy nói cho tôi: ‘Lopsang, anh xuống đi. Xuống đi.’ Tôi trả lời ông ấy: ‘Không, tôi cùng ở đây với ông.’”

Đến khoảng 8 giờ tối, Lopsang đang ngồi chụm lại với Fischer trên một rìa đá phủ đầy tuyết thì Makalu Gau và hai người Sherpa của anh ta xuất hiện từ trong trận bão tuyết đang rít lên. Gau, gần như kiệt sức giống như Fischer, cũng không thể leo xuống những dải đá phiến sét khó khăn này, do đó những người Sherpa của anh ta đặt người leo núi Đài Loan này bên cạnh Lopsang và Fischer và sau đó tiếp tục leo xuống mà không có anh ta.

Lopsang nói: “Tôi ở với Scott và Makalu trong một giờ, có lẽ là lâu hơn. Tôi rất lạnh và rất mệt mỏi. Scott nói với tôi: ‘Anh trở xuống dưới và kêu Anatoli lên đây’. Do vậy tôi nói: ‘Được rồi, tôi trở xuống, tôi nhanh kêu người Sherpa và Anatoli lên’. Sau đó tôi tìm một chỗ tốt cho Scott và trở xuống”.

Lopsang để Fischer và Gau lại trên một rìa đá ở phía trên Đèo Nam 366m và vất vả trở xuống trong cơn bão. Không nhìn thấy đường đi, anh ta đi chệch xa khỏi con đường về phía tây và rốt cuộc xuống thấp dưới mặt của Đèo Nam trước khi nhận ra sai lầm của mình và buộc phải leo trở lên rìa bắc của Mặt Lhotse⁵¹ để xác định vị trí của Trại Bốn. Tuy nhiên, khoảng nửa đêm, anh ta đã về đến trại an toàn. Lopsang thuật lại: “Tôi đến lều của Anatoli. Tôi nói với anh ta: ‘Làm ơn, anh hãy leo lên trên đó, Scott đang rất yếu, ông ấy không thể đi được’. Sau đó tôi về lều của mình, lăn ra ngủ, ngủ như chết”.

Guy Cotter, một người bạn lâu năm của cả Hall và Harris, tình cờ ở cách Trạm Căn cứ Everest vài dặm vào buổi chiều ngày 10 tháng 5, nơi anh ta đang hướng dẫn một đoàn thám hiểm trên ngọn Pumori, và đã theo dõi các cuộc bộ đàm của Hall trong suốt ngày hôm đó. Đến 2 giờ 15 chiều, anh ta nói chuyện với Hall ở trên đỉnh và mọi chuyện có vẻ vẫn tốt. Tuy nhiên, lúc 4 giờ 30 Hall gọi xuống và nói Doug đã cạn dưỡng khí và không thể di chuyển được. Hall khẩn cầu mọi người đang ở trên núi và đang nghe máy bằng một giọng hồn hển và tuyệt vọng: “Tôi cần một bình dưỡng khí! Có ai đó không, làm ơn! Tôi cầu xin các bạn!”

Cotter trở nên hoảng hốt. Đến 4 giờ 53 anh ta gọi lên bằng bộ đàm và thúc giục Hall leo xuống Đỉnh Nam. Cotter nói: “Cuộc gọi đó chủ yếu là để thuyết phục ông ấy trở xuống và lấy thêm oxy, bởi vì chúng tôi biết rằng ông ấy sẽ không thể làm bất kỳ điều gì cho Doug mà không có oxy. Rob nói rằng ông ấy có thể tự mình trở xuống được, nhưng với Doug thì không”.

Nhưng bốn mươi phút sau, Hall vẫn còn ở với Hansen trên đỉnh của Bắc Hillary, không đi đâu cả. Suốt những cuộc gọi của Hall lúc 5 giờ 36 và sau đó là 5 giờ 57, Cotter van nài người bạn của mình để Hansen ở lại và trở xuống một mình. Cotter thừa nhận: “Tôi biết mình có vẻ tàn nhẫn khi kêu Rob bỏ lại khách hàng của mình, nhưng lúc đó rõ ràng bỏ lại Doug chính là lựa chọn duy nhất của anh ấy”. Tuy vậy Hall không hề nghĩ đến chuyện trở xuống mà không có Hansen.

Không có bất kỳ tin tức nào của Hall cho đến mãi giữa đêm hôm đó. Đến 2 giờ 46 sáng, Cotter thức dậy trong lều của mình dưới đỉnh Pumori khi nghe thấy những tín hiệu dài và đứt quãng, có thể là không có chủ ý: Hall đeo theo một chiếc micrô di động gắn vào chiếc quai vai trên chiếc ba lô của mình, chiếc micrô này đôi khi vô tình bị bật lên. Trong trường hợp này, theo Cotter: “Tôi nghĩ rằng Rob thậm chí cũng không biết mình đang gọi. Tôi có thể nghe ai đó la lên – có thể đó là Rob, nhưng tôi không thể chắc chắn bởi vì gió thổi quá lớn ở trên đó. Nhưng anh ấy nói gì đó giống như: ‘Tiếp tục di chuyển nào! Tiếp tục đi nào!’ có lẽ là với Doug, thúc giục anh ta tiếp tục”.

Nếu thực sự đúng vậy, điều này có nghĩa là đến sáng sớm hôm đó Hall và Hansen – có lẽ là được hộ tống bởi Harris – vẫn còn đang cố gắng leo từ Bắc Hillary xuống Đỉnh Nam trong cơn giông bão. Và nếu đúng như vậy thì có nghĩa là họ phải mất hơn mười giờ đồng hồ để leo xuống một đoạn triền núi mà thông thường những người leo xuống chỉ cần chưa tới nửa giờ.

Tất nhiên, đây là việc có tính suy diễn rất cao. Tất cả những gì có thể chắc chắn chính là việc Hall đã gọi xuống lúc 5 giờ 57 chiều. Vào lúc đó, anh ấy và Hansen vẫn còn ở trên Bắc Hillary; và đến 4 giờ 43 sáng ngày 11 tháng 5, khi gọi xuống Trạm Căn cứ lần nữa, anh ấy đã leo xuống tới Đỉnh

Nam. Và lúc đó cả Hansen và Harris đều không ở cạnh anh ấy.

Trong một loạt các cuộc gọi trong hơn hai giờ sau đó, Rob có vẻ lẫn lộn và không còn tỉnh táo, nghe rất đáng lo. Trong cuộc gọi lúc 4 giờ 43 sáng, anh ấy nói với Caroline Mackenzie, bác sĩ Trạm Căn cứ của chúng tôi, rằng hai chân của mình không còn đi được nữa, và rằng mình đã “quá lóng ngóng đến nỗi không di chuyển được”. Bằng một giọng chỉ vừa đủ nghe và rời rạc, Rob thốt lên: “Harold đã ở với tôi tối hôm qua, nhưng hình như anh ấy không còn ở với tôi lúc này. Anh ấy đã rất yếu”. Sau đó, rõ ràng đã bị mù người đi, anh ấy hỏi: “Harold có ở với tôi tối qua không? Cô có thể nói cho tôi biết được không?”⁵²

Lúc này Hall có hai bình oxy đầy, nhưng những chiếc van trên mặt nạ đã bị băng đóng nghẹt nên ông ấy không thể mở dưỡng khí. Tuy nhiên ông ấy nói mình đang cố gắng làm tan băng ở thiết bị oxy; theo Cotter, “điều này làm cho chúng tôi bớt căng thẳng hơn. Đó chính là điều lạc quan đầu tiên mà chúng tôi nghe được”.

Đến 5 giờ sáng, Trạm Căn cứ thực hiện một cuộc gọi điện thoại qua vệ tinh cho Jan Arnold, vợ của Hall, tại Christchurch, New Zealand. Cô đã leo đến đỉnh Everest cùng với Hall vào năm 1993, và cô ấy không hề ảo tưởng về tình trạng nghiêm trọng của chồng mình. Jan hỏi tương lại:

“Tim tôi nhói lại khi nghe thấy giọng anh ấy. Anh ấy rõ ràng đang nói lắp bắp. Giọng anh ấy nghe như Thiếu tá Tom⁵³ hay đại loại như vậy, nghe như anh ấy đang dần trôi đi xa. Tôi đã từng ở trên đó; tôi biết ở trong thời tiết xấu có thể sẽ như thế nào. Rob và tôi đã nói về việc không ai có thể cứu được mình trên triền đỉnh. Như chính anh ấy đã nói: “Giống như bạn đang ở trên mặt trăng vậy”“.

Đến 5 giờ 31, Hall uống 4mg dexamethasone và cho biết mình vẫn đang cố gắng làm cho chiếc mặt nạ sạch băng. Nói chuyện với Trạm Căn cứ, anh ấy liên tục hỏi về tình trạng của Makalu Gau, Fischer, Beck Weathers, Yasuko Namba, và những khách hàng khác của mình. Anh ấy dường như quan tâm nhất tới Andy Harris và liên tục hỏi xem anh ta đang ở đâu. Cotter nói họ cố gắng lái cuộc nói chuyện ra khỏi vấn đề về Harris, người gần như chắc chắn đã thiệt mạng, “bởi vì chúng tôi không muốn Rob có bất kỳ lý do gì để ở lại trên đó nữa. Có lần Ed Viesturs đã gọi lên từ Trại Hai và nói dối rằng: “Không phải lo lắng về Andy; anh ta đang ở đây với chúng tôi”.”

Một lát sau đó, Mackenzie hỏi Rob xem Hansen thế nào rồi. Hall trả lời: “Doug đã đi rồi”. Đó là tất cả những gì ông ấy nói, và cùng là những lời cuối cùng anh ấy đã nói về Hansen.

Ngày 23 tháng 5, khi David Breashears và Ed Viesturs lên được đến đỉnh, họ đã không tìm thấy dấu hiệu gì về thi thể của Hansen; tuy nhiên họ đã tìm thấy một chiếc rìu phá băng cắm ở phía trên cách Đỉnh Nam khoảng hơn mười lăm mét đứng, dọc theo một khu vực nhô ra của sườn núi nơi mà những sợi dây cố định kết thúc. Rất có thể là Hall hay Harris hoặc cả hai người đã xoay sở đưa Hansen xuống theo những sợi dây thừng đến điểm này, và đã để anh ta mất thăng bằng và ngã 2.134m xuống Mặt Tây Nam dốc đứng, bỏ lại chiếc rìu phá băng cắm vào sườn núi khi anh ta trượt xuống. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là sự phỏng đoán.

Điều gì có thể đã xảy ra với Harris thậm chí còn không rõ ràng hơn nữa. Dựa vào lời nói của Lopsang, những cuộc gọi qua bộ đàm của Hall và việc một chiếc rìu phá băng khác vốn được tìm thấy trên Đỉnh Nam đã được xác định chắc chắn là của Andy, chúng tôi có lý do để chắc chắn rằng Andy đã ở tại Đỉnh Nam cùng với Hall vào tối ngày 10 tháng 5. Tuy nhiên, ngoài điều đó ra, hầu như không ai biết gì nữa về việc người hướng dẫn trẻ tuổi này đã kết thúc cuộc đời mình như thế nào.

Đến 6 giờ sáng, Cotter hỏi Hall rằng mặt trời đã chiếu tới anh ấy chưa. “Gần như là tới rồi” – điều này thật tốt, bởi vì trước đó một lúc anh ta đã nói rằng mình đang run lên cầm cập vì cái lạnh khủng khiếp. Cùng với việc trước đó Hall nói rằng chân mình không cử động được, thì tin này khiến những người đang theo dõi phía dưới rất lo lắng. Tuy nhiên, thật kỳ diệu là Hall vẫn còn sống sau khi trải qua một đêm không có chỗ trú ẩn và dưỡng khí, ở độ cao 8.748m trong những cơn gió có sức tàn phá của một trận cuồng phong và cái lạnh -70°C .

Cũng trong cuộc gọi này, Hall lại hỏi thăm về Harris: “Ngoài tôi ra tôi qua có ai trông thấy Harold không?”. Khoảng ba tiếng sau đó Rob vẫn còn bị ám ảnh với ý nghĩ Andy ở đâu đó gần đó. Đến 8 giờ 43 sáng, anh ấy trầm ngâm trong bộ đàm: “Một vài dụng cụ của Andy vẫn còn ở đây. Tôi nghĩ chắc hẳn anh ấy đã đi tiếp trong đêm. Nghe nè, có ai giải thích giùm điều gì về anh ta không?”. Wilton cố gắng tránh câu hỏi này, nhưng Rob khẳng định tiếp tục: “Được rồi. Ý tôi là chiếc rìu, áo khoác và những thứ khác của anh ta vẫn còn ở đây”.

Viesturs trả lời từ Trại Hai: “Rob! Nếu anh có thể mặc áo khoác vào thì hãy mặc đi. Tiếp tục trở xuống và lo cho mình anh thôi. Mọi người còn lại sẽ lo cho những người khác. Hãy trở xuống đây đã”.

Sau khi cố gắng làm tan băng chiếc mặt nạ trong bốn giờ đồng hồ, Hall cuối cùng cũng làm cho nó hoạt động được, và đến 9 giờ sáng anh thở khí oxy bổ sung lần đầu tiên; lúc này Rob đã trải qua hơn mười sáu tiếng trên độ

cao 8.748m mà không có oxy. Gần một ngàn mét phía dưới, những người bạn của anh càng cố gắng thuyết phục anh ấy trở xuống. Wilton nài nỉ, nghe như cô ấy đang ngập trong nước mắt: “Rob, Helen ở Trạm Căn cứ đây. Anh hãy nghĩ về con của anh. Anh sẽ trông thấy mặt nó trong vài tháng nữa, vậy hãy tiếp tục xuống đi”.

Đã nhiều lần Hall tuyên bố rằng mình chuẩn bị trở xuống, và có lúc chúng tôi chắc chắn rằng anh ta rút cuộc đã rời khỏi Đỉnh Nam. Tại Trại Bốn, Lhakpa Chhiri và tôi run bần bật vì gió bên ngoài khu lều, nhìn chăm chăm lên một đốm nhỏ đang di chuyển chậm chạp xuống Triền Đông Nam ở trên cao. Tin rằng đó chính là Rob, cuối cùng cũng trở xuống, Lhakpa và tôi vỗ vào lưng nhau và khích lệ anh ấy. Nhưng một tiếng sau đó sự lạc quan của tôi đột nhiên biến mất khi tôi nhận ra rằng đốm nhỏ đó vẫn ở yên một chỗ: thực ra nó chỉ là một hòn đá – chỉ là một ảo giác khác do độ cao. Thật ra, Rob thậm chí chưa bao giờ rời khỏi Đỉnh Nam.

* * *

Khoảng 9 giờ 30 sáng, Ang Dorje và Lhakpa Chhiri rời Trại Bốn và bắt đầu leo lên Đỉnh Nam với một phích trà nóng và thêm hai bình oxy để dự tính cứu Hall. Họ đối mặt với một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn. Việc Boukreev cứu Sandy Pittman và Charlotte Fox trong đêm trước rất kinh hoàng và dũng cảm, nhưng nó vẫn không bằng những gì hai người Sherpa này đang dự định thực hiện: Pittman và Fox chỉ ở cách khu trại hai mươi phút đi bộ và trên một khu vực tương đối bằng phẳng; còn Hall cách Trại Bốn hơn 914m đứng – một chuyến leo một nhọc tám hoặc chín giờ đồng hồ trong điều kiện tốt nhất.

Và đây rõ ràng không phải là điều kiện tốt nhất. Gió đang thổi với vận tốc trên 74km/h. Cả Ang Dorje và Lhakpa đều đã lạnh cóng và mệt mỏi sau khi leo lên đỉnh và trở xuống chỉ mới trong ngày hôm trước. Hơn nữa, nếu bằng cách nào đó họ có thể đến được chỗ Hall, cũng đã là cuối buổi chiều khi họ đến được đó, chỉ còn một hay hai giờ đồng hồ là còn ánh sáng mặt trời để bắt đầu một thử thách còn khó khăn hơn nữa, đó là đưa Hall xuống. Nhưng lòng trung thành của họ đối với Hall lớn đến nỗi họ không quan tâm đến những điều này và bắt đầu hướng lên Đỉnh Nam càng nhanh càng tốt.

Không lâu sau đó, hai người Sherpa thuộc đoàn Mountain Madness – Tashi Tshering và Ngawang Sva Kya (một người nhỏ con và thanh mảnh, tóc đã bạc hết, bố của Lopsang) – và một người Sherpa thuộc đoàn Đài Loan cũng leo lên để đưa Scott Fischer và Makalu Gau xuống. Gần 650m phía trên Đèo Nam, ba người Sherpa này đã tìm thấy những người leo núi đã mất hết sức lực tại khu gờ đá mà Lopsang đã để họ lại. Mặc dù họ cho Fischer thử

oxy, nhưng ông ta vẫn không có phản ứng gì. Scott vẫn còn thở, yếu ớt, nhưng mắt của anh ta đã nhắm nghiền, và răng của anh ấy nghiền chặt. Cho rằng anh ấy đã hết hy vọng, họ để anh ta lại gờ đá và bắt đầu trở xuống với Gau, người mà, sau khi được cho uống trà nóng, thở oxy và nhận được sự giúp đỡ đáng kể từ ba người Sherpa này, đã có thể tự mình di chuyển khi được cột dây kéo xuống khu lều.

Ban ngày đã bắt đầu có nhiều nắng và quang đãng, nhưng gió vẫn rất dữ dội, và đến cuối buổi sáng phần phía trên ngọn núi bị những đám mây dày bao phủ. Ở dưới Trại Hai, đoàn IMAX thông báo rằng gió trên đỉnh núi nghe một phi đội Boeing 747, dù rằng họ ở cách đỉnh núi tới 2.134m. Trong lúc này, ở cao trên Triền Đông Nam, Ang Dorje và Lhakpa Chhiri kiên quyết leo lên chỗ Hall trong cơn bão ngày càng mạnh hơn. Tuy nhiên, đến 3 giờ chiều, khi vẫn còn cách Đỉnh Nam khoảng 213m, gió và cái lạnh dưới không độ đã quá sức đối với họ, và những người Sherpa này không thể leo cao thêm nữa. Đó là một cố gắng can đảm, nhưng nó đã thất bại – và khi họ quay lại để trở xuống, cơ hội sống sót của Hall đã hoàn toàn tan biến.

Trong suốt ngày 11 tháng 5, bạn bè và đồng đội của Hall đã không ngừng nài nỉ anh ấy cố gắng tự mình trở xuống. Đã vài lần Hall tuyên bố rằng mình đang chuẩn bị trở xuống, nhưng rồi lại thay đổi ý định và vẫn không nhúc nhích tại Đỉnh Nam. Đến 3 giờ 20 chiều, Cotter lúc đó đang ở Trạm Căn cứ Everest sau khi từ khu trại của mình bên dưới đỉnh Pumori đi lên – đã hét lên qua bộ đàm: “Rob, xuống khỏi triền núi ngay đi”.

Hall đáp trả lại, giọng có vẻ bức bối: “Nè, nếu tôi nghĩ mình có thể trèo xuống những sợi dây cố định với đôi tay bị bỏng lạnh thì tôi đã trở xuống từ sáu giờ trước rồi, anh bạn à. Hãy cho vài người lên đây với một phích lớn chứa thứ gì đó nóng đi – và tôi sẽ ổn thôi”.

“Chuyện là vậy anh bạn, những người leo lên đó ngày hôm nay đã gặp phải những cơn gió mạnh và phải quay lại, do đó chúng tôi nghĩ cơ hội tốt nhất cho anh là hãy leo xuống thấp hơn”. Cotter trả lời, cố gắng truyền đạt một cách thật tế nhị rằng cuộc cứu hộ đã bị hủy bỏ.

Rob nói: “Tôi có thể chịu được một đêm nữa nếu các anh cử lên đây vài người với một ít trà của người Sherpa. Hãy làm ngay trong sáng mai, không trễ hơn chín giờ ba mươi hoặc mười giờ”.

Cotter run rẩy: “Anh là một người mạnh mẽ, anh bạn. Chúng tôi sẽ cử lên cho anh vài người vào buổi sáng”.

Đến 6 giờ 20 tối, Cotter gọi cho Hall nói rằng Jan Arnold đang gọi tới qua điện thoại vệ tinh và đang chờ nối máy với ông ấy. Rob nói: “Đợi tôi một chút. Miệng tôi khô khốc. Tôi muốn ăn một ít tuyết trước khi nói chuyện

với cô ấy”. Một lát sau anh ta nôi máy lại và the the bằng một giọng chậm chạp và méo mó kinh khủng: “Em yêu. Anh hy vọng em đang cuộn tròn trên một chiếc giường ấm áp tuyệt vời. Em thế nào?”.

Arnold đáp lại: “Anh không biết em nhớ anh thế nào đâu. Nghe giọng anh có vẻ khỏe hơn là em tưởng... Anh có ấm không, anh yêu?”.

Hall trả lời, cố gắng không để vợ mình nghi ngờ: “Trong bối cảnh và độ cao này, anh khá là thoải mái”.

“Chân anh thế nào?”

“Anh chưa tháo giày ra để kiểm tra nhưng anh nghĩ có lẽ bị bỏng lạnh một chút...”.

“Em đang chờ để phục hồi sức khỏe cho anh khi anh về nhà. Em biết mọi người sẽ cứu được anh. Đừng nghĩ rằng anh chỉ có một mình. Em đang gửi tất cả những điều tốt đẹp lên cho anh!”

Trước khi cúp máy, Hall nói với vợ mình: “Anh yêu em. Ngủ ngon nhé em yêu. Đừng lo lắng quá”.

Đây chính là những lời cuối cùng của anh ấy. Những nỗ lực liên lạc bằng bộ đàm với Hall sau đó trong đêm và trong ngày hôm sau đều không nhận được trả lời. Mười hai ngày sau đó, khi Breashears và Viesturs leo lên Đỉnh Nam trên đường lên đỉnh, họ tìm thấy Hall nằm nghiêng qua phải trong một hốc băng nông, phần phía trên cơ thể anh bị chôn vùi dưới một đống tuyết.

Chương 18: TRIỀN ĐÔNG BẮC

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 1996

8.702 MÉT

Everest chính là hiện thân của sức mạnh tự nhiên. Để chống lại nó, một người phải vận dụng hết tất cả nghị lực của mình. Anh ta có thể nhìn thấy sự hân hoan trên khuôn mặt những đồng đội nếu như anh ta thành công. Anh ta có thể tưởng tượng ra sự rúng động trong giới leo núi do thành công của mình tạo ra; danh tiếng mà nó mang lại cho nước Anh; danh tiếng mà nó mang lại cho chính anh ta; sự thỏa mãn dài lâu cho chính bản thân anh ta, rằng mình đã làm cho cuộc sống của mình trở nên đáng sống hơn... Có lẽ anh ta chưa bao giờ thật sự hình dung được hết, nhưng trong đầu anh ta chắc chắn đã tồn tại ý tưởng “được ăn cả ngã về không”. Trong hai sự lựa chọn này – quay lại lần thứ ba, hay bỏ mạng – đối với Mallory, lựa chọn thứ hai dường như dễ dàng hơn. Sự đau đớn của lựa chọn đầu tiên sẽ ngoài sức chịu đựng của anh ta với tư cách là một con người, một nhà leo núi, và một nghệ sĩ.

Ngài Francis Younghusband

Thiên sử thi núi Everest

1926

Vào 4 giờ chiều ngày 10 tháng 5, vào khoảng thời gian Doug Hansen với cơ thể rệu rã đến được đỉnh núi nhờ Rob Hall khoác tay anh ta qua vai để diu lên, thì ba nhà leo núi quê tỉnh Ladakh ở miền bắc Ấn Độ gọi bộ đàm xuống cho người chỉ huy đoàn thám hiểm của họ, thông báo rằng họ cũng đang ở trên đỉnh Everest. Là thành viên của một đoàn thám hiểm ba mươi chín người do Lực lượng Cảnh sát biên giới Ấn Độ – Tây Tạng lập nên, Tsewang Smanla, Tsewang Paljor và Dorje Morup đã leo lên từ mạn Tây Tạng của ngọn núi theo Triền Đông Bắc – tuyến đường đã trở nên nổi tiếng sau sự mất tích của George Leigh Mallory và Andrew Irvine vào năm 1924.

Rời khỏi khu thượng trại của mình ở độ cao 8.300m theo một nhóm sáu người, những người Ladakh này đã không thể đi xa khỏi khu lều của họ cho mãi đến 5 giờ 45 sáng⁵⁴. Đến giữa chiều, vẫn còn cách đỉnh núi 305 mét đứng, họ bị nhận chìm trong cùng cơn bão mà chúng tôi gặp phải ở mạn kia của ngọn núi. Ba thành viên trong đoàn này đầu hàng và trở xuống vào khoảng 2 giờ chiều, nhưng Smanla, Paljor và Morup tiếp tục tiến lên bất chấp thời tiết đang xấu đi. “Họ bị cơn sốt chinh phục đỉnh núi điều khiển”, Harbhajan Singh – một trong ba người quay trở lại, đã giải thích.

Ba người còn lại đến được nơi mà họ tin là đỉnh núi vào lúc 4 giờ chiều, lúc đó những đám mây đã dày đến nỗi tầm nhìn bị giảm xuống còn chưa tới

30m. Họ gọi xuống cho Trạm Căn cứ của họ trên Sông băng Rongbuk để báo rằng họ đã ở trên đỉnh núi, và rồi người trưởng đoàn thám hiểm Mihindor Singh thực hiện một cú điện thoại vệ tinh về New Dehli và tự hào thông báo thắng lợi này cho Thủ tướng Narashima Rao. Ăn mừng thành công của mình, nhóm chinh phục đỉnh núi để lại những lá cờ cầu nguyện, khăn cầu nguyện (kata) và những chiếc móc leo núi (piton) lên nơi mà họ cho là điểm cao nhất, và rồi trở xuống trong bão tuyết đang mạnh lên nhanh chóng.

Thực ra, những người Ladakh này mới ở độ cao 8.702m khi họ quay lại, ở phía dưới đỉnh núi khoảng hai giờ đồng hồ, nơi mà vào thời điểm đó vẫn còn nhô cao lên khỏi những đám mây cao nhất. Việc họ dừng lại phía dưới mục tiêu của mình khoảng 152 mét mà không biết giải thích tại sao họ không trông thấy Hansen, Hall hoặc là Lopsang ở trên đỉnh, và ngược lại.

Sau đó, ngay sau khi trời tối, những người leo núi ở thấp hơn trên Triền Đông Bắc thông báo nhìn thấy hai ánh đèn pin ở vùng lân cận cao 8.626m, ngay bên trên vách đá khét tiếng khó khăn có tên là Bạc Hai, nhưng không ai trong số ba người Ladakh trở về lều của họ trong đêm hôm đó hoặc là gọi bộ đàm về nữa.

Đến 1 giờ 45 sáng hôm sau, ngày 11 tháng 5 – khoảng cùng lúc Anatoli Boukreev đang lùng sục điên cuồng khu Đèo Nam để tìm Sandy Pittman, Charlotte Fox và Tim Madsen – thì hai nhà leo núi Nhật Bản, được ba người Sherpa hộ tống, khởi hành lên đỉnh núi từ cùng thượng trại trên Triền Đông Bắc mà những người Ladakh đã sử dụng, bất chấp những cơn gió rất mạnh đang vùi dập đỉnh núi. Đến 6 giờ sáng, khi họ đi dọc theo mép một mũi đá dốc được gọi là Bạc Một, Eisuke Shigekawa 21 tuổi và Hiroshi Hanada 36 tuổi giật mình lùi lại khi trông thấy một trong những nhà leo núi Ladakh, có thể là Paljor, đang nằm trên tuyết, bị bông lạnh kinh khủng nhưng vẫn còn sống sau một đêm không có chỗ trú và dưỡng khí, đang rên rỉ lơ mơ. Không muốn bị ảnh hưởng đến chuyến leo lên của mình, đoàn Nhật Bản tiếp tục leo lên đỉnh.

7 giờ 15 sáng, họ đến chân của Bạc Hai, một mũi đá phiến dựng đứng vốn thường được leo lên bằng một chiếc thang nhôm do một nhóm Trung Quốc buộc vào vách đá năm 1975. Nhưng thật không may cho những người leo núi người Nhật này, chiếc thang này đã bị long ra và một phần đã rời ra khỏi vách đá, do đó bọn họ phải mất đến chín mươi phút để leo một cách vất vả lên vách đá cao khoảng hơn 6 mét này.

Ngay phía trên đỉnh của Bạc Hai họ bắt gặp hai người Ladakh khác, Smanla và Morup. Theo một bài báo trên tờ *Financial Times* của nhà báo

người Anh Richard Cowper, người đã phỏng vấn Hanada và Shigekawa ở độ cao 6.400m ngay sau chuyến leo lên đỉnh của họ, một người Ladakh “rõ ràng đã sắp chết, người còn lại đang co mình trong tuyết. Không ai nói lời nào. Họ không giúp nước, thực phẩm hay dưỡng khí. Đoàn Nhật Bản tiếp tục leo lên và sau đó khoảng 50 mét họ nghỉ ngơi và thay các bình oxy”.

Hanada kể lại với Cowper: “Chúng tôi không biết họ. Không, chúng tôi đã không đưa cho họ tí nước nào. Chúng tôi không nói gì với họ. Họ đã bị mắc bệnh độ cao rất nặng. Trông có vẻ như họ rất nguy hiểm”.

Shigekawa giải thích: “Chúng tôi đã quá mệt nên không thể giúp đỡ họ. Độ cao hơn 8.000m không phải là nơi có thể nói về đạo lý”.

Quay lưng lại với Smanla và Morup, đoàn Nhật Bản tiếp tục leo lên, vượt qua những lá cờ cầu nguyện và những chiếc móc leo núi do những người Ladakh để lại ở độ cao 8.702m và – với một sự gan lỳ phi thường – đến được đỉnh núi lúc 11 giờ 45 sáng trong một trận gió bão đang gào thét. Rob Hall lúc đó đang co ro trên Đỉnh Nam, chiến đấu để sống sót, ở bên dưới những người Nhật nửa giờ leo dọc theo Triền Đông Nam.

Suốt chuyến trở xuống theo Triền Đông Bắc đến thượng trại của họ, đoàn Nhật Bản một lần nữa lại thấy Smanla và Morup ở bên trên Bạc Hai. Lúc này, Morup dường như đã chết; Smanla, dù vẫn còn sống, cũng đang bị vướng vào một sợi dây cố định một cách vô vọng. Pasang Kami, một người Sherpa thuộc đội Nhật Bản – tháo Smanla ra khỏi sợi dây và tiếp tục leo xuống sườn núi. Khi họ trở xuống qua Bạc Một – nơi mà khi leo lên họ đã đi qua Paljor bị suy sụp và đang mê sảng trong tuyết – đoàn Nhật Bản không thấy dấu hiệu nào của người Ladakh thứ ba này.

Bảy ngày sau, đoàn thám hiểm Cảnh sát biên giới Ấn Độ –Tây Tạng thực hiện một cuộc chinh phục đỉnh núi nữa. Rời khỏi thượng trại của mình lúc 1 giờ 15 sáng ngày 17 tháng 5, hai người Ladakh và ba người Sherpa nhanh chóng bắt gặp thi thể đã đóng băng của những đồng đội của mình. Họ thuật lại rằng một trong số những người này, trong cơn đau quặn quại trước khi chết, đã xé nát hầu hết quần áo của mình trước khi đầu hàng cái chết. Smanla, Morup và Paljor bị bỏ lại ngọn núi nơi họ đã rơi xuống, và năm nhà leo núi này tiếp tục leo lên đỉnh Everest, và họ đã đến nơi vào lúc 7 giờ 40 sáng.

Chương 19: ĐÈO NAM

**7:30 SÁNG, NGÀY 11 THÁNG 5 NĂM
1996**

7.925 MÉT

*Lượn vòng và lượn vòng ngày càng rộng
Con chim ưng không thể nghe tiếng người chủ;
Mọi thứ rã rời; không giữ nổi tâm vòng lượn;
Thế giới chỉ còn là sự hỗn loạn,
Con thủy triều nhuộm máu dâng lên, và nơi nơi
Nghĩ lễ của sự ngây thơ cũng bị nhận chìm.*

William Butler Yeats
“Chuyển đi lần thứ hai”

Khi tôi đi loạng choạng về Trại Bốn vào khoảng 7 giờ 30 sáng Thứ bảy, ngày 11 tháng 5, thực tế những gì đã xảy ra vẫn còn đang diễn ra bắt đầu “thâm” với một sức mạnh gây tê liệt. Tôi đã suy nhược cả về thể chất lẫn tinh thần sau khi trải qua một giờ lùng sục khu Đèo Nam để tìm kiếm Andy Harris; cuộc tìm kiếm này khiến tôi tin rằng anh ấy đã thiệt mạng. Qua những cuộc gọi từ Đỉnh Nam của Rob Hall mà người đồng đội Stuart Hutchison của tôi vẫn theo dõi, rõ ràng là người trưởng đoàn của chúng tôi đang trong tình trạng tuyệt vọng, còn Doug thì đã thiệt mạng. Những thành viên thuộc đoàn của Scott Fischer bị lạc cả đêm hôm trước trên Đèo Nam cho biết rằng Yasuko Namba và Beck Wealters cũng đã chết. Còn Scott Fischer và Makalu Gau được tin chắc là đã chết hoặc cũng gần chết, 366 mét phía trên khu lều.

Đôi mắt với chuyện này, tâm trí tôi chùn lại và rơi vào trạng thái thờ ơ kỳ lạ và gần như vô cảm. Về mặt cảm xúc, tôi cảm thấy như bị mất hết cảm giác nhưng lại rất tỉnh táo; như thể tôi đã trốn vào một boong-ke sâu trong bộ óc của mình và đang nhìn ra đồng đồ nát ở xung quanh tôi qua một kẽ hở hẹp bọc thép. Khi tôi lặng người nhìn chăm chăm lên trời, dường như nó đã chuyển thành một sắc xanh nhạt nhạt lạ thường, tẩy trắng mọi thứ chỉ để lại những tàn tích mờ nhạt nhất của sắc màu. Đường chân trời lờ mờ được tô điểm bằng một ánh sáng giống như vàng hào quang lung linh và dao động trước mắt tôi. Tôi tự hỏi có phải mình đã bắt đầu rơi vào một tình trạng mất trí khủng khiếp ngày càng trầm trọng hơn?

Sau một đêm ở độ cao 7.925m mà không có dưỡng khí bổ sung, bây giờ tôi thậm chí còn yếu ớt và mệt mỏi hơn đêm hôm trước sau khi mới trở

xuống từ đỉnh núi. Trừ phi chúng tôi có được thêm oxy hay trở xuống trại thấp hơn, nếu không tôi biết rằng tôi và các bạn mình sẽ nhanh chóng suy yếu thêm.

Quy trình thích nghi nhanh đã được Hall và những người leo núi Everest hiện đại tuân theo là hết sức hiệu quả: nó cho phép những người leo núi bắt đầu chinh phục đỉnh sau khi đã trải qua một khoảng thời gian tương đối ngắn là bốn tuần ở phía trên độ cao 5.182m – bao gồm chỉ một chuyến tập huấn thích nghi ngủ lại đêm lên độ cao 7.315m.⁵⁵ Nhưng chiến thuật này dựa vào giả thiết tất mọi người được cung cấp dưỡng khí liên tục ở phía trên độ cao 5.182m. Khi oxy không còn nữa như trong trường hợp này, mọi tính toán đều trở nên sai lầm.

Đi tìm những người còn lại trong nhóm, tôi thấy Frank Fischbeck và Lou Kasischke đang nằm ở chiếc lều bên cạnh. Lou đang mê sảng và bị mù tuyết, hoàn toàn không nhìn thấy gì, không thể tự mình làm gì và đang lằm bằm đút quăng. Frank trông như thể đang trong tình trạng hoảng hốt dữ dội, tuy nhiên anh ấy đang làm hết sức mình để chăm sóc Lou. John Taske ở trong một chiếc lều khác cùng với Mike Groom; cả hai dường như đang ngủ hay ngất đi. Mặc dù cảm thấy đuối sức và vêu ớt, nhưng rõ ràng tôi cũng đỡ hơn tình trạng của tất cả những người khác, ngoại trừ Stuart Hutchison.

Khi đi từ lều này qua lều khác tôi cố gắng tìm một vài bình dưỡng khí, nhưng tất cả những bình tôi thấy đều đã cạn sạch. Chứng giảm oxy huyết đang diễn ra, kết hợp với sự mệt mỏi dữ dội làm cho cảm giác hỗn loạn và tuyệt vọng của tôi trầm trọng hơn. Do tiếng nylon bay phàn phật không ngừng trong gió, chúng tôi không thể nói chuyện từ lều này sang lều khác. Pin trong chiếc bộ đàm duy nhất còn lại của chúng tôi cũng gần hết. Một không khí hỗn loạn tột cùng tràn ngập khu trại, càng trầm trọng hơn bởi trong sáu tuần vừa qua, nhóm chúng tôi luôn được khuyến khích dựa hoàn toàn vào những người hướng dẫn, bỗng bây giờ đột ngột mất người chỉ huy. Rob và Andy không còn nữa; mặc dù vẫn còn Groom, nhưng nỗ lực tột qua đã khiến anh ấy suy kiệt khủng khiếp. Bị bỏng lạnh rất nặng, nằm không biết gì trong lều của mình, ít nhất vào lúc này Groom không thể nói được.

Vì tất cả những người hướng dẫn của chúng tôi đều đã gục ngã, Hutchison xung phong thế vào vị trí lãnh đạo còn trống. Là một thanh niên rất sung sức và nghiêm nghị, xuất thân từ tầng lớp thượng lưu của cộng đồng nói tiếng Anh tại Montreal, anh ta là một nhà nghiên cứu y khoa xuất sắc; cứ mỗi hai hay ba năm anh ta lại tham gia vào một đoàn thám hiểm leo núi lớn, thời gian còn lại anh ít leo núi. Khi cuộc khủng hoảng ngày càng trầm trọng hơn tại Trại Bốn, anh ấy đã làm hết sức mình để giải quyết tình hình.

Trong khi tôi đang cố gắng phục hồi sau chuyến tìm kiếm Harris không có kết quả, Hutchison đã tổ chức một đội bốn người Sherpa đi tìm kiếm thi thể của Weathers và Namba, những người bị bỏ lại tại rìa xa của Đèo Nam, nơi Anatoli Boukreev đã mang Charlotte Fox, Sandy Pittman và Tim Madsen về. Đội tìm kiếm người Sherpa, do Lhakpa Chhiri chỉ huy, khởi hành đi trước Hutchison. Anh này quá kiệt sức và mù mẫm đến nỗi quên không mang giày leo núi vào và định rời trại trong đôi giày lót nhẹ, đế bằng. Chỉ khi Lhakpa chỉ ra sai lầm ngớ ngẩn này, Hutchison mới quay về mang giày vào. Theo những chỉ dẫn của Boukreev, những người Sherpa nhanh chóng tìm ra hai thi thể trên một dốc tuyết xám đầy những tảng đá mòn, gần mép của Mặt Kangshung. Những người Sherpa vốn cực kỳ mê tín nên đoàn cứu hộ này dừng lại cách đó chừng hai mươi mét và đợi Hutchison.

Hutchison nhớ lại: “Cả hai xác chết này đã bị chôn vùi một phần. Ba lô nằm cách đó khoảng ba mươi mét, ở phía trên họ. Mặt và thân mình của họ bị tuyết bao phủ; chỉ có chân và tay hãy còn nhô lên phía trên. Gió vẫn đang thét gào khắp Đèo Nam. Thi thể thứ nhất mà anh ta bắt gặp hóa ra là của Namba, nhưng Hutchison không thể nhận ra đó là ai mãi cho đến khi anh ta quỳ xuống trong cơn gió bão và đập vỡ lớp băng cứng dày hơn bảy xăngtimét ra khỏi mặt bà ta. Sững sờ, anh ấy phát hiện ra rằng bà ấy vẫn còn thở. Cả hai chiếc găng tay đã bị mất, và đôi bàn tay trần của bà ấy dường như đã đông cứng lại. Mặt bà ta đã bị giãn đồng tử. Da mặt trắng bệch như sứ. Hutchison hồi tưởng lại: “Thật kinh khủng. Tôi cực kỳ sợ hãi. Bà ấy chỉ còn thoi thóp. Tôi không biết phải làm gì”.

Anh ta chú ý tới Beck đang nằm cách đó khoảng sáu mét. Đầu của Beck cũng bị bao phủ bởi một lớp sương giá dày. Những cục tuyết cỡ trái nho phủ đầy trên tóc và mí mắt anh ấy. Sau khi phủi sạch lớp tuyết khỏi mặt Beck, Hutchison nhận ra rằng anh chàng người Texas này cũng vẫn còn sống: “Tôi nghĩ Beck đang lầm bầm điều gì đó, nhưng tôi không thể nghe thấy được anh ta đang cố gắng nói gì. Chiếc găng tay phải đã bị mất và anh ấy bị bỏng lạnh nghiêm trọng. Tôi cố gắng giúp anh ta ngồi dậy nhưng anh ta không thể. Anh ta đã cận kề cái chết nhưng vẫn còn thở”.

Run bần bật, Hutchison đến những người Sherpa để xin lời khuyên của Lhakpa. Là một người dày dặn kinh nghiệm trên ngọn Everest và được những người Sherpa cũng như người phương Tây kính trọng, Lhakpa thuyết phục Hutchison để Beck và Yasuko ở lại nguyên đó. Thậm chí nếu như họ còn sống sót đến khi được kéo trở xuống Trại Bốn, họ cũng chắc chắn sẽ chết trước khi xuống đến Trạm Căn cứ và việc cố gắng thực hiện một cuộc cứu hộ như vậy sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng của những người leo núi còn lại trên Đèo Nam một cách vô ích; hầu hết những người này cũng sẽ gặp

đủ rắc rối để có thể tự trở xuống an toàn.

Hutchison cho rằng Lhakpa nói đúng – dù khó khăn thế nào đi nữa cũng chỉ có một lựa chọn duy nhất: để cho tự nhiên làm những điều tất yếu sẽ phải xảy đến với Beck và Namba, và giữ lại sức lực của cả nhóm để giúp đỡ những người thật sự còn có thể giúp đỡ được. Đây chính là cách hành động theo thứ tự nguy cấp điển hình. Khi Hutchison trở lại trại, anh ấy suýt nữa đã khóc và trông như một con ma. Theo sự thuyết phục của anh ấy, chúng tôi đánh thức Taske và Groom dậy và rồi tụ tập qua lều của họ để thảo luận về việc nên làm gì với Beck và Yasuko. Cuộc nói chuyện xảy ra sau đó thật đau khổ và ngập ngừng. Chúng tôi tránh nhìn vào mắt nhau. Tuy nhiên, sau năm phút, tất cả bốn người chúng tôi thống nhất: quyết định bỏ lại Beck và Yasuko ở nguyên nơi họ nằm của Hutchison chính là cách hành động thích hợp.

Chúng tôi cùng tranh luận về việc có trở xuống Trại Hai vào chiều hôm đó hay không, nhưng Taske khẳng định rằng chúng tôi sẽ không rời Đèo Nam trong khi Hall đang bị bỏ lại Đỉnh Nam. Anh ta tuyên bố: “Tôi thậm chí còn không nghĩ đến việc bỏ đi mà không có anh ấy”. Dù sao đi nữa, đó cũng là một điều có lý: Kasischke và Groom đã đuối sức đến nỗi vào lúc này không thể nghĩ đến việc đi bất kỳ đâu.

Hutchison nói: “Lúc đó tôi rất lo lắng là chúng tôi sẽ lặp lại những gì đã xảy ra trên đỉnh K2 vào năm 1986”. Vào ngày 4 tháng 7 năm đó, bảy người leo núi dày dặn kinh nghiệm – gồm cả nhà leo núi huyền thoại người Áo Kurt Diemberger – khởi hành chinh phục đỉnh núi cao thứ hai trên thế giới này. Sáu trong số bảy người này đã lên được đến đỉnh, nhưng trong khi trở xuống thì một cơn bão dữ dội đã ập đến những sườn núi trên cao của đỉnh K2, giữ chân các nhà leo núi tại trại của họ ở độ cao hơn 8.000m. Trong năm ngày trận bão tuyết tiếp diễn không ngừng, họ trở nên ngày càng yếu hơn. Cuối cùng khi bão tan, chỉ có Diemberger và một người nữa sống sót trở xuống được.

* * *

Sáng hôm Thứ bảy, khi chúng tôi thảo luận sẽ làm gì với Namba và Weathers và có nên trở xuống hay không, Neal Beidleman đang tập hợp đoàn của Fischer từ lều của họ và hò hét mọi người khởi hành rời Đèo Nam. Anh ta nói: “Tất cả mọi người đều đã đuối sức từ tối hôm trước đến nỗi thật sự khó khăn để có thể dựng nhóm chúng tôi dậy và bắt họ ra khỏi lều – thực tế tôi đã phải thoi một số người để bắt họ mang giày vào. Nhưng tôi kiên quyết rằng chúng tôi phải trở xuống ngay lập tức. Theo quan điểm của tôi, ở lại tại độ cao 7.925m lâu hơn cần thiết chỉ mang đến thêm khó khăn mà thôi.

Tôi có thể thấy rằng những người khác đang nỗ lực cứu Scott và Rob, do đó tôi tập trung vào việc giúp các khách hàng trở xuống khỏi Đèo Nam và xuống trại thấp hơn”.

Trong khi Boukreev vẫn còn ở lại phía sau tại Trại Bốn để đợi Fischer, Beidleman dẫn nhóm của mình từ từ leo xuống khỏi Đèo Nam. Ở độ cao 7.620m, anh ta dừng lại và tiêm cho Pittman một mũi Dexamethasone nữa, và sau đó tất cả mọi người dừng lại một lúc lâu tại Trại Ba để nghỉ ngơi và bổ sung nước. David Breashears, vốn đang ở Trại Ba khi nhóm của Beidleman đến, cho hay: “Khi tôi trông thấy những người đó, tôi hoàn toàn ngạc nhiên. Trông họ giống như mới trải qua một trận chiến kéo dài năm tháng trời. Sandy bắt đầu quì xuống – cô ấy khóc: ‘Thật là kinh khủng. Tôi bỏ cuộc. Tôi muốn được nằm xuống và chết!’ Tất cả bọn họ dường như đang ở trong tình trạng hoảng hốt dữ dội”.

Ngay trước khi trời tối, những người cuối cùng trong nhóm của Beidleman đang leo xuống phần băng dốc đứng của phần dưới Mặt Lhotse, thì cách đầu dưới cùng của những sợi dây cố định khoảng 150 mét, họ gặp một vài người Sherpa thuộc một đoàn thu dọn Nepal đang leo lên để trợ giúp họ. Khi tiếp tục trở xuống, một loạt những tảng đá bằng trái bưởi bay vèo vèo từ phía trên ngọn núi xuống và một trong những tảng đá này rơi trúng gáy một người Sherpa. Quan sát sự việc này từ phía trên đó một khoảng ngắn, Beidleman cho biết: “Tảng đá đã hạ gục anh ta”.

Klev Schoening nhớ lại: “Thật là kinh khủng. Cứ như thể anh ta đã bị một chiếc gậy bóng chày đánh trúng”. Sức mạnh của cú đòn đã khiến đầu anh ta lồm vào một lỗ to bằng đồng đô la bạc, làm anh ta bất tỉnh, và khiến cho tim và phổi anh ấy ngừng hoạt động. Khi anh ta rơi xuống và bắt đầu trượt xuống sợi dây thừng, Schoening nhảy ra phía trước anh ta và đã xoay sở cản được cú rơi này. Nhưng một lát sau đó, khi Schoening ẵm anh ta trên tay, một tảng đá thứ hai rơi xuống trúng người Sherpa này; một lần nữa anh ta lại bị trúng ngay gáy.

Bất chấp cú đập thứ hai, sau một vài phút anh chàng bị thương này há hốc miệng một cách hốt hoảng và bắt đầu thở lại. Beidleman đã hạ được anh ta xuống đáy Mặt Lhotse, nơi mười hai đồng đội của anh chàng Sherpa này gặp họ và đưa anh ta xuống Trại Hai. Lúc đó, Beidleman nói: “Klev và tôi chỉ nhìn nhau với thái độ khó tin. Nó giống như là: ‘Cái gì đang xảy ra vậy? Chúng ta đã làm gì khiến ngọn núi này trở nên giận dữ như vậy?’”

* * *

Trong suốt tháng 4 và đầu tháng 5, Rob Hall đã tỏ ra lo lắng một vài nhóm không đủ năng lực có thể sẽ lâm vào tình cảnh khó khăn, buộc nhóm

chúng tôi phải cứu họ, và do đó khiến cho cuộc chinh phục đỉnh núi thất bại. Giờ đây, thật trở trêu, chính nhóm của Hall đang gặp phải rắc rối nghiêm trọng, và những nhóm khác lại là những người phải đến trợ giúp. Không còn hiềm khích, ba nhóm như vậy – đoàn thám hiểm Alpine Ascents International của Todd Burleson, đoàn IMAX của David Breashears và đoàn thương mại của Mal Duff – ngay lập tức hoàn kế hoạch chinh phục đỉnh núi của họ lại để giúp đỡ những người leo núi bị thương nặng.

Ngày hôm trước – hôm Thứ sáu, ngày 10 tháng 5 – trong khi chúng tôi, những người thuộc đoàn của Hall và Fischer, đang leo từ Trại Bốn lên đỉnh núi, thì đoàn Alpine Ascents International do Burleson và Pete Athans dẫn đầu đang đến Trại Ba. Đến sáng Thứ bảy, ngay khi biết về thảm họa đang xảy ra ở phía bên trên, Burleson và Athans để các khách hàng của mình ở độ cao 7.315m lại cho người hướng dẫn thứ ba của họ là Jim Williams phụ trách và vội vã lên Đèo Nam để giúp đỡ.

Breashears, Ed Viesturs và những người còn lại thuộc đoàn IMAX cũng tình cờ ở tại Trại Hai vào lúc đó; Breashears ngay lập tức hoãn lại việc quay phim nhằm tập trung toàn bộ sức lực của đoàn vào nỗ lực cứu hộ. Đầu tiên anh ta nhắc tôi rằng vẫn còn pin dự trữ được cất ở một trong những lều của IMAX trên Đèo Nam; đến giữa buổi chiều tôi đã tìm được chúng, nhờ đó đoàn của Hall có thể thiết lập lại việc liên lạc qua bộ đàm với các trại ở thấp hơn. Sau đó, Breashears cung cấp số dưỡng khí dự trữ của đoàn mình – năm mươi bình trước đó đã được khó nhọc mang lên độ cao 7.925m – cho những người leo núi bị thương và những người cứu hộ chuẩn bị lên trên Đèo Nam. Mặc dù điều này có thể sẽ khiến cho dự án làm phim trị giá 5,5 triệu đô la của Breashears tiêu tan, nhưng anh ấy vẫn cung cấp lượng khí oxy hết sức cần thiết này mà không hề do dự.

Athans và Burleson đến được Trại Bốn vào giữa buổi sáng, ngay lập tức phân phát những bình dưỡng khí của IMAX cho những ai trong chúng tôi đang khổ sở vì thiếu oxy, sau đó chờ đợi tin tức về nỗ lực cứu hộ Hall, Fischer và Gau của những người Sherpa. Đến 4 giờ 35 chiều, Burleson đang đứng bên ngoài những chiếc lều thì anh ta chú ý thấy có một người nào đó đang đi chậm chậm đến khu trại với một dáng đi kỳ lạ như bị cứng đầu gối. Anh ta nói với Athans: “Nè Pete, xem kia! Ai đó đang đi lại trại”. Bàn tay phải của người này, trợ trụ trong gió lạnh, chìa ra như một chiếc chèo đồng cứng lạ lùng. Dù người đó có là ai đi nữa cũng khiến cho Athans nhớ đến những xác ướp trong các bộ phim kinh dị rẻ tiền. Khi cái xác ướp này đi vào đảo vào trong trại, Burleson nhận ra đó không phải là ai khác mà chính là Beck Weathers, người trở về từ cõi chết.

Đêm hôm trước, ngồi tụm lại cùng với Groom, Beidleman, Namba và

những thành viên khác trong đoàn, Weathers đã cảm thấy mình “ngày càng lạnh hơn. Tôi đã đánh mất chiếc găng tay phải. Mắt tôi đang đông cứng lại. Tay tôi cũng đang đông cứng lại. Tôi cảm thấy mình ngày càng thật sự tê cóng và rồi thật khó để có thể tập trung, và cuối cùng tôi đã không còn nhớ gì nữa”.

Suốt đêm hôm đó và gần như cả ngày hôm sau, Beck nằm đó trên băng, phơi mình trong những cơn gió tàn nhẫn, không nhúc nhích và chỉ còn thoi thóp sống. Anh ta không nhớ gì về việc Boukreev đến cứu Pittman, Fox và Madsen. Anh ta cũng không nhớ gì về việc Hutchison tìm thấy mình lúc buổi sáng và đã đập vỡ lớp băng trên mặt mình. Anh ấy vẫn tiếp tục hôn mê trong hơn mười hai giờ đồng hồ nữa. Sau đó, đến cuối buổi chiều ngày Thứ bảy, vì một lý do không ai biết được, một ánh sáng lóe lên trong trung tâm bộ não vô tri vô giác và anh ấy tỉnh táo trở lại.

Weathers nhớ lại: “Lúc đầu tôi nghĩ mình đang mơ. Khi mới tỉnh lại, tôi nghĩ mình đang nằm trên giường. Tôi không cảm thấy lạnh hoặc khó chịu. Tôi trở mình qua một bên, mở mắt ra, và tôi nhìn thấy cánh tay phải của mình. Sau đó tôi nhận thấy nó bị đông cứng đến thế nào, và điều đó đã giúp tôi tỉnh lại. Cuối cùng tôi nhồm dậy đủ để nhận thấy mình đang ở trong đồng băng dày chết tiệt và chẳng có ai đến cứu tôi cả. Thế nên tốt nhất tôi nên tự mình làm điều gì đó”.

Mặc dù Beck đã bị mù mắt phải và chỉ có thể tập trung nhìn bằng mắt trái trong vòng bán kính khoảng một mét, nhưng anh ta bắt đầu đi ngược gió, suy luận chính xác khu trại nằm ở hướng đó. Nếu như anh ta sai lầm, anh ấy sẽ ngay lập tức rơi xuống Mặt Kangshung, mép của nó chỉ cách đó gần mười mét theo hướng ngược lại. Khoảng chín mươi phút sau, anh ta gặp phải “một vài tảng đá trông xanh xanh và tròn nhẵn một cách kỳ lạ”, mà hóa ra chính là những chiếc lều của Trại Bốn.

Hutchison và tôi đang ở trong lều của mình theo dõi một cuộc bộ đàm từ Rob Hall trên Đỉnh Nam thì Burlson lao vào: “Bác sĩ! Chúng tôi cần sự giúp đỡ của ông!”, anh ta la lên gọi Stuart từ ngay ngoài cửa. “Hãy lấy dụng cụ y tế. Beck mới bước vào trại, và anh ta đang trong tình trạng nguy kịch”. Lặng đi trước sự hồi sinh phi thường của Beck, anh chàng Hutchison đã đuổi sức bò ra ngoài để trả lời Burlson.

Burlson, Athans và Hutchison đặt Beck vào một chiếc lều trống, bọc anh ta vào hai lớp túi ngủ với vài chai nước nóng, và đeo mặt nạ oxy vào mặt anh ấy. Hutchison thú thật: “Vào lúc đó, không ai trong chúng tôi nghĩ là Beck sẽ sống sót được qua đêm đó. Tôi hầu như không thể phát hiện ra nhịp đập nơi động mạch anh ta. Nó yếu như mạch đập của người gần chết vậy. Và

thậm chí nếu anh ấy thực sự sống sót đến ngày mai, tôi cũng không thể tưởng tượng được làm thế nào để đưa anh ta trở xuống”.

Đến lúc này ba người Sherpa leo lên để cứu Scott Fischer và Makalu Gau đã trở lại trại sau khi đưa Gau xuống; họ bỏ lại Fischer trên một rìa đá ở độ cao 8.291 m sau khi kết luận rằng không thể cứu anh ấy được nữa. Tuy nhiên, vừa mới trông thấy Beck bước vào lều sau khi bị bỏ lại vì cho là không thể qua khỏi, Anatoli Boukreev không đồng ý từ bỏ Fischer. Đến 5 giờ chiều, khi cơn bão mạnh lên thêm, anh chàng người Nga này một mình leo lên nhằm nỗ lực cứu anh ấy.

Boukreev nói: “Tôi tìm thấy Fischer lúc bảy giờ, có thể lúc đó là bảy giờ rưỡi hay tám giờ. Lúc đó trời đã tối. Bão rất mạnh. Chiếc mặt nạ oxy của anh ấy vẫn còn trên mặt nhưng chiếc bình dưỡng khí đã hết sạch. Anh ấy không đeo găng tay; hai tay hoàn toàn trơ trụi. Bộ áo liền quần mở phéc-mơ-tuya, để hở vai anh ấy, một cánh tay ở bên ngoài bộ quần áo. Tôi không thể làm được gì. Scott đã chết”. Lòng nặng trĩu, Boukreev kéo chiếc ba lô của anh ấy che qua mặt như một tấm vải liệm và để anh ta nằm lại trên rìa đá. Sau đó anh ta thu gom camera, rìu phá băng và chiếc dao nhíp ưa thích của Scott – những thứ mà sau này Beidleman đưa cho cậu con trai chín tuổi của Scott tại Scattle – và trở xuống trong cơn dông bão.

Trận gió bão vào tối hôm Thứ bảy thậm chí còn mạnh hơn trận bão ập vào Đèo Nam tối hôm trước. Khi Boukreev xuống tới Trại Bốn, tầm nhìn giảm xuống còn vài mét, và anh ta gần như không thể tìm thấy khu lều.

Lần đầu tiên được thở khí oxy nén (nhờ có đoàn IMAX) sau ba mươi giờ đồng hồ, tôi chìm vào một giấc ngủ nặng nhọc, chập chờn bất chấp tiếng ồn do chiếc lều bay phàn phật dữ dội gây nên. Ngay sau nửa đêm, tôi gặp một cơn ác mộng về Andy. Tôi đang mơ thấy anh ấy bị rơi xuống Mặt Lhotse kéo theo một sợi dây thừng, và hỏi gặng tại sao tôi không giữ lấy đầu dây còn lại thì Hutchison lay tôi dậy. Anh ấy phải hét lên trong sự găm thét của cơn bão: “Jon, tôi đang lo lắng về chiếc lều. Anh nghĩ là nó sẽ ổn chứ?”

Khi tôi lão đảo cố gắng vùng dậy khỏi những cơn mơ màng đầy bất an giống như một người chết đuối mới ngoi lên mặt biển, phải mất một phút tôi mới nhận ra tại sao Stuart lại lo lắng đến vậy: gió đã quật ngã nửa chiếc lều của chúng tôi, nó đang rung lên dữ dội trước những cơn gió mạnh liên tiếp. Vài chiếc cọc lều đã cong đi tệ hại, và ánh đèn pin của tôi cho thấy rằng hai trong số những đường may chính của lều đang có nguy cơ bị xé toạc ra. Các hạt tuyết nhỏ tràn đầy trong căn lều, bao phủ mọi thứ với sương giá. Gió thổi mạnh hơn bất kỳ những gì tôi đã từng trải qua ở bất kỳ đâu, thậm chí là trên Chóp băng Patagonia, một nơi nổi tiếng là nhiều gió nhất trên hành tinh. Nếu

chiếc lều bị xé nát trước lúc bình minh thì chúng tôi sẽ gặp rắc rối nghiêm trọng.

Stuart và tôi gom những đôi giày và tất cả quần áo lại và sau đó chui về hướng chịu gió của chiếc lều. Chống lưng và vai của chúng tôi vào những cây cọc đã bị hư hại, trong ba giờ sau đó, bất chấp sự mệt mỏi rã rời của mình, chúng tôi chống lại gió bão, giữ cho vòm lều bằng nylon xiêu vẹo đứng thẳng cứ như thể mạng sống của mình phụ thuộc vào nó. Tôi không thể xua đi ý nghĩ Rob đang ở trên Đỉnh Nam ở độ cao 8.748m, bình oxy đã cạn sạch, phơi mình ra hứng chịu tất cả sự tàn bạo của cơn bão mà không hề có bất kỳ chỗ trú nào – điều này thật khó chịu đến nỗi tôi cố gắng không nghĩ về nó nữa.

Ngay trước bình minh ngày Chủ nhật, 12 tháng 5, bình dưỡng khí của Stuart đã cạn. Anh nói: “Không có oxy tôi có thể cảm thấy cơ thể trở nên lạnh và giảm thân nhiệt. Tôi bắt đầu mất cảm giác ở bàn tay và bàn chân. Tôi lo rằng mình đang sa chân xuống vực, và có thể không xuống được khỏi Đèo Nam. Và tôi sợ rằng nếu không xuống được vào buổi sáng hôm đó, có thể tôi sẽ không bao giờ xuống được”. Đưa bình oxy của mình cho Stuart, tôi tìm kiếm xung quanh cho đến khi tìm được một bình khác còn được ít khí, và sau đó cả hai chúng tôi chuẩn bị thu dọn mọi thứ để trở xuống.

Khi tôi liêu bước ra ngoài, tôi thấy ít nhất một chiếc lều trống đã bị thổi bay hoàn toàn khỏi Đèo Nam. Sau đó, tôi chú ý thấy Ang Dorje đang đứng một mình trong cơn gió khủng khiếp, khóc nức nở không nguôi vì đã mất Rob. Sau chuyến thám hiểm, khi tôi kể cho người bạn Canada của Ang Dorje là Marion Boyd về sự đau buồn của anh ấy, Marion giải thích: “Ang Dorje coi việc giữ cho những người khác an toàn là vai trò của mình trên trái đất – anh ấy và tôi đã nói về điều này nhiều lần. Nó rất quan trọng với anh ấy về phương diện tôn giáo và việc chuẩn bị cho sự luân hồi. Mặc dù Rob là người chỉ huy của đoàn thám hiểm, nhưng Ang Dorje vẫn coi việc bảo đảm an toàn cho anh ta, Doug Hansen và những người khác là trách nhiệm của mình. Do vậy khi họ chết đi, anh ta không thể không tự trách chính mình”.

Hutchison sợ rằng Ang Dorje quản trí đến nỗi không chịu trở xuống nên đã nài nỉ anh ấy rời khỏi Đèo Nam ngay lập tức. Sau đó, lúc 8 giờ 30 sáng, tin rằng lúc này tất cả Rob, Andy, Doug, Scott, Yasuko và Beck chắc chắn đã chết, Mike Groom dù bị bỏng lạnh nghiêm trọng vẫn tự ép mình ra khỏi lều, liêu lĩnh tập hợp Hutchison, Taske, Fischbeck và Kasischke lại và bắt đầu dẫn bọn họ trở xuống núi.

Vì không còn hướng dẫn viên nào khác, tôi xung phong đảm nhận vai trò đó và đi chột đuôi của đoàn người. Khi nhóm người thất vọng náo nức đi

chuyển thành hàng một một cách chậm chạp từ Trại Bốn hướng xuống Mũi Geneva, tôi gắng hết sức mình ghé qua thăm Beck lần cuối: tôi cho rằng Beck đã chết vào tối qua. Tôi tìm thấy chiếc lều của anh ấy, đã bị cơn cuồng phong thổi sụp, và trông thấy cả hai cửa lều đều mở toang. Tuv nhiên, khi nhìn vào trong, tôi hoảng hốt thấy Beck vẫn còn sống.

Anh ta đang nằm ngửa dọc trên nền của chiếc lều đã bị sụp đổ, run rẩy dữ dội. Mặt anh ấy sưng phồng lên một cách gớm ghiếc, những vết bồng lạnh sâu và đen như mực phủ kín mũi và hai má anh ta. Cơn bão đã thổi bay hai chiếc túi ngủ khỏi người anh ta, khiến anh ấy trơ trụi trước cơn gió giá lạnh dưới không độ, và với đôi tay lạnh cóng của mình anh ta hoàn toàn không có khả năng giữ những chiếc túi lại hoặc là đóng cửa. “Chúa ơi!” anh ấy rên lên khi trông thấy tôi, nét mặt của anh ta quẫn quại há hốc miệng thể hiện sự đau đớn và tuyệt vọng. “Tôi phải làm gì để được giúp đây?” Anh ta đã gào thét để nhờ giúp đỡ trong hai ba tiếng nay, nhưng cơn bão đã thổi bay những tiếng kêu gào của anh ấy.

Beck đã thức dậy vào lúc nửa đêm và nhận ra rằng “cơn bão đã làm sập chiếc lều và đang xé nó ra thành từng mảnh. Cơn gió thổi đổ vách lều vào mặt tôi mạnh đến nỗi tôi không thở được. Nó cứ giảm đi được một chút rồi lại đè trở lại xuống mặt và ngực, giúp tôi tránh được cơn gió. Tệ nhất là cánh tay phải của tôi đang sưng lên, mà tôi lại đang đeo chiếc đồng hồ ngu xuẩn này. Tay tôi càng sưng lên, chiếc đồng hồ càng siết chặt hơn cho đến khi nó hầu như ngăn không cho máu lưu thông đến bàn tay tôi. Nhưng với hai bàn tay cực kỳ lóng ngóng, tôi không thể nào tháo cái thứ chết tiệt này ra được. Tôi la lên nhờ người giúp đỡ, nhưng không ai đến cả. Đó là một đêm dài dưới địa ngục. Ôi! Tôi rất vui khi nhìn thấy mặt anh khi anh thò đầu vào bên trong cửa”.

Ngay khi nhìn thấy Beck trong chiếc lều, tôi rất hoảng hốt vì tình trạng khủng khiếp của anh ấy; vô cùng hối hận vì chúng tôi đã làm cho anh ta thất vọng thêm một lần nữa, tôi suýt bật khóc. Cố nén tiếng nức nở của mình khi kéo hai chiếc túi ngủ lại che cho anh ta, đóng chặt cửa lều và cố gắng dựng lại chiếc lều đã bị tàn phá, tôi nói dối: “Đừng lo, anh bạn. Bây giờ mọi việc đã được kiểm soát rồi”.

Ngay sau khi làm cho Beck được thoải mái nhất, tôi gọi cho bác sĩ Mackenzie tại Trạm Căn cứ. Tôi van nài bằng giọng cuồng loạn: “Caroline! Tôi phải làm gì với Beck đây? Anh ấy vẫn còn sống, nhưng tôi nghĩ anh ấy không thể sống sót được lâu hơn nữa. Anh ấy thật sự đang rất yếu!”

Cô ấy trả lời: “Cố bình tĩnh nào, Jon. Anh cần phải trở xuống cùng với Mike và những người còn lại trong nhóm. Pete và Todd đâu? Anh hãy bảo

họ chăm sóc cho Beck. Còn anh hãy khởi hành xuống núi”. Diên đại, tôi đánh thức Athans và Bulerson dậy. Hai người ngay lập tức chạy qua lều của Beck mang theo một bi đông trà nóng. Khi tôi hồi hả ra khỏi lều để bắt kịp các đồng đội của mình, Athans đang chuẩn bị tiêm vào bắp đùi anh chàng Texas đang hấp hối này 4 miligram dexamethasone. Đó là những hành động đáng khen, nhưng không thể tưởng tượng nổi chúng sẽ giúp anh ta nhiều đến vậy.

Chương 20: MŨI GENEVA

**9:45 SÁNG, NGÀY 12 THÁNG 5 NĂM
1996**

7.894 MÉT

Một trong những thuận lợi của việc thiếu kinh nghiệm đối với những người sắp sửa trở thành vận động viên leo núi chính là anh ta không bị sa vào truyền thống và tiền lệ. Đối với anh ta, mọi thứ đều có vẻ đơn giản, và anh ta chọn cách giải quyết trực tiếp nhất cho những vấn đề mình gặp phải. Tất nhiên, thông thường, việc này khiến cho anh ta không thể đạt được sự thành công mà mình đang theo đuổi, và thỉnh thoảng nó dẫn đến những hậu quả bi thảm, nhưng chính anh ấy cũng không biết điều này khi bắt đầu chuyến phiêu lưu của mình. Maurice Wilson, Earl Denman, Klavs Becker-Larsen – không ai trong số họ biết gì nhiều về leo núi, nếu không họ đã không bắt đầu những sứ mệnh vô vọng của mình. Tuy nhiên, khi không bị kỹ thuật ràng buộc, chính lòng quyết tâm đã đưa họ đi xa...

Walt Unsworth

Everest

Mười lăm phút sau khi rời Đèo Nam vào sáng Chủ nhật, ngày 12 tháng 5, tôi bắt kịp các đồng đội của mình khi họ đang trèo xuống khỏi Mũi Geneva. Đó là một cảnh thảm hại: tất cả chúng tôi đuối sức đến nỗi cả nhóm phải mất một khoảng thời gian lâu đến khó tin chỉ để trèo chưa đến một trăm mét xuống một sườn tuyết ngay phía dưới. Tuy nhiên, điều đau đớn hơn cả chính là số người trong đoàn của chúng tôi: ba ngày trước, khi chúng tôi leo lên nơi này, chúng tôi có mười một người, giờ đây chỉ còn lại sáu.

Stuart Hutchison đi đoạn hậu, vẫn còn ở trên đỉnh Mũi Geneva khi tôi đến chỗ anh ấy, đang chuẩn bị trèo xuống dây dây cố định. Tôi nhận thấy anh ta không hề đeo kính bảo hộ. Mặc dù hôm đó là một ngày nhiều mây, nhưng bức xạ từ ngoại vũ trụ ở độ cao này có thể nhanh chóng khiến anh ta bị mù tuyết. Tôi la lên trong gió, chỉ vào mắt mình: “Stuart! Kính bảo hộ của anh!”

Anh ta đáp lại bằng giọng rất mệt: “Ồ, cảm ơn đã nhắc nhở. Nè, chừng nào anh còn ở đây, làm ơn kiểm tra chiếc đai của tôi? Tôi mệt đến nỗi không thể suy nghĩ rành mạch được nữa. Tôi sẽ rất cảm ơn nếu anh để mắt đến tôi”. Kiểm tra dây đai của anh ta, tôi lập tức nhận thấy chiếc khóa chỉ được cài hờ. Nếu anh ấy móc chiếc đai an toàn của mình vào dây cố định, nó sẽ bật ra vì sức nặng và khiến anh ấy ngã nhào xuống Mặt Lhotse. Khi tôi nói cho anh biết điều này, anh ấy nói: “À, đó cũng là những gì tôi nghĩ, nhưng tay tôi lạnh đến nỗi tôi không thể cài chặt nó lại được”. Kéo đôi găng tay ra trong cơn gió rét buốt, tôi nhanh chóng nịt lại chiếc đai quanh eo của anh ấy và giúp anh ta xuống Mũi Geneva sau những người khác.

Khi móc chiếc đai an toàn vào sợi dây cố định, anh ta buông chiếc rìu phá băng của mình xuống, sau đó để nó nằm trên những tảng đá khi bắt đầu leo xuống. Tôi la lên: “Stuart! Chiếc rìu của anh”.

Anh ta hét lên đáp lại: “Tôi mệt quá không mang theo nó được. Cứ để nó ở đó đi”. Tôi cũng đuối sức đến nỗi không tranh luận với anh ta nữa. Tôi để chiếc rìu ở nguyên đó, móc người vào sợi dây thừng và theo Stuart trượt xuống sườn núi dốc đứng của Mũi Geneva.

Một giờ đồng hồ sau đó chúng tôi tới được đỉnh của Dải Vàng, và tình trạng tắc nghẽn diễn ra sau đó khi từng người một thận trọng leo xuống vách đá vôi thẳng đứng. Khi tôi đứng đợi ở cuối hàng, vài người Sherpa thuộc nhóm của Pischer bắt kịp chúng tôi. Lopsang Jangbu, gần như điên dại vì đau buồn và mệt nhọc, cũng ở trong nhóm này. Đặt tay lên vai anh ta, tôi nói với anh ấy rằng mình rất tiếc về Scott. Anh ấy đấm ngực và nghẹn ngào trong nước mắt: “Tôi thật xui xẻo, rất xui xẻo. Scott đã chết; đó là lỗi của tôi. Tôi thật xui xẻo. Đó là lỗi của tôi. Tôi thật xui xẻo”.

* * *

Tôi lê thân mình phờ phạc vào Trại Hai khoảng 1 giờ 30 chiều. Mặc dù tính ra tôi vẫn còn ở cao hơn mực nước biển 6.492m, nhưng nơi này rõ ràng có cảm giác khác hẳn so với Đèo Nam. Con gió khủng khiếp đã hoàn toàn dịu đi. Thay vì run rẩy và lo lắng sẽ bị bỏng lạnh, giờ đây tôi đang toát mồ hôi dưới cái nắng cháy da. Tôi không còn cái cảm giác rằng dường như mình đang cố bám víu sự sống bằng một sợi chỉ đã sờn.

Tôi trông thấy chiếc lều bừa bộn của chúng tôi đã biến thành một bệnh viện dã chiến, với các nhân viên chính là Henrik Jessen Hansen, một bác sĩ người Đan Mạch thuộc đoàn của Mal Duff và Ken Kamler, một khách hàng và là một bác sĩ thuộc đoàn của Todd Burleson. Đến 3 giờ chiều, khi tôi đang uống trà, sáu người Sherpa hối hả đưa anh chàng Gau trông như đang bị hôn mê vào trong lều và các bác sĩ lao vào điều trị.

Họ ngay lập tức đặt anh ta nằm xuống, cởi đồ anh ấy ra, và tiêm một ống VI vào tay anh ta. Kiểm tra đôi tay và chân lạnh cứng, trắng nhờ như màu chiếc bông tắm bẩn của anh ta, Kamler nhận xét dứt khoát: “Đây là trường hợp bỏng lạnh nghiêm trọng nhất mà tôi từng thấy”. Khi anh ấy hỏi Gau liệu mình có thể chụp hình lại tứ chi của anh ta để làm tư liệu không, anh chàng leo núi người Đài Loan đồng ý với một nụ cười tươi; giống như một người lính đang khoe những vết thương trong chiến đấu, anh ấy trông như rất tự hào về những vết thương kinh khủng của mình.

Chín mươi phút sau đó, các bác sĩ vẫn còn đang chữa trị cho Makalu thì giọng của David Breashears vang lên qua bộ đàm: “Chúng tôi đang trên

đường trở xuống cùng với Beck. Chúng tôi sẽ đưa anh ta xuống Trại Hai trước khi trời tối”.

Một hồi lâu tôi mới nhận ra rằng Breashears đã không nói về việc mang một xác chết xuống núi; anh ta và các đồng đội của mình đang đưa Beck còn sống trở xuống. Tôi không thể tin được chuyện đó. Khi tôi rời Đèo Nam cách đây bảy giờ đồng hồ, tôi sợ rằng anh ấy sẽ không thể qua khỏi buổi sáng đó.

Bị bỏ rơi lại cho chết một lần nữa, Beck đã đơn giản không chịu đầu hàng số phận. Sau này Pete Athans cho tôi biết rằng ngay sau khi anh ấy tiêm dexamethasone cho Beck, anh ta đã hồi phục lại một cách đáng ngạc nhiên. “Khoảng mười giờ rưỡi chúng tôi mặc đồ vào cho anh ấy, đeo dây đai của anh ta vào, và nhận ra rằng anh ấy có thể tự đứng và đi được. Tất cả chúng tôi đều khá ngạc nhiên”.

Họ bắt đầu xuống khỏi Đèo Nam với Athans đi ngay phía trước Beck, nói cho anh ta biết phải đặt chân ở đâu. Beck quàng một cánh tay lên vai Athans, Burleson nắm chặt chiếc đai leo núi của anh chàng người Texas này từ phía sau, và họ lê bước chậm chậm xuống ngọn núi. Athans nói: “Đôi khi chúng tôi phải giúp đỡ anh ấy khá nhiều, nhưng thực sự anh ấy đã di chuyển rất tốt”.

Ở độ cao 7.620m, khi đến phía trên những vách đá vôi của Dải Vàng, họ gặp Ed Viesturs và Robert Schauer, và những người này đã đưa Beck xuống khỏi vách đá dốc đứng một cách hiệu quả. Tại Trại Ba họ nhận được sự giúp đỡ của Breashears, Jim Williams, Veikka Gustafsson và Araceli Segarra; thật ra tám người leo núi khỏe mạnh này đã đưa anh chàng Beck tàn tật nghiêm trọng này xuống Mặt Lhotse nhanh hơn đáng kể so với khoảng thời gian mà tôi và các đồng đội của mình đã leo xuống hồi sáng sớm hôm đó.

Khi tôi nghe thấy Beck đang trên đường trở xuống, tôi trở về lều của mình, mệt nhọc mang đôi giày leo núi vào và bắt đầu di chuyển chậm chạp lên đến gặp nhóm cứu hộ, hy vọng sẽ gặp họ trên những đoạn thấp của Mặt Lhotse. Tuy nhiên, chỉ hai mươi phút phía trên Trại Hai, tôi ngạc nhiên khi gặp toàn bộ nhóm. Mặc dù đang được các đồng đội kéo đi, nhưng Beck vẫn tự mình di chuyển được. Breashears và những người khác đưa anh ta xuống con sông băng với tốc độ nhanh đến nỗi trong trạng thái tồi tệ của mình, tôi khó theo kịp họ.

Beck được đặt xuống bên cạnh Gau trong chiếc lều bệnh xá, và các bác sĩ bắt đầu cởi quần áo của anh ấy ra. Bác sĩ Kamler thốt lên khi trông thấy bàn tay phải của Beck: “Anh ta bị bỏng lạnh còn nghiêm trọng hơn Makalu”. Ba giờ đồng hồ sau đó, khi tôi bò vào túi ngủ của mình, các bác sĩ vẫn còn đang

cẩn thận làm âm tứ chi của Beck trong một chậu nước ấm, làm việc trong ánh sáng phát ra từ những chiếc đèn pin đeo đầu của họ.

Sáng hôm sau – Thứ hai ngày 13 tháng 5 – tôi rời khu lều ngay khi trời bắt đầu sáng, và đi 4km vượt khe nứt sâu của Thung lũng Tây đến mép của Thác băng. Tại đó, theo chỉ dẫn qua bộ đàm của Guy Cotter từ Trạm Căn cứ, tôi tìm kiếm một khu vực băng phẳng mà máy bay trực thăng có thể đáp xuống được.

Suốt những ngày hôm trước, Cotter đã cố gắng liên lạc qua vệ tinh để thu xếp một chuyến di tản bằng máy bay trực thăng từ mạn thấp của Thung lũng, để tránh cho Beck khỏi phải leo xuống những chiếc thang và những sợi dây thừng nguy hiểm nơi Thác băng vốn sẽ rất khó khăn và nguy hiểm với đôi tay bị thương nghiêm trọng như của anh ta. Trước đây trực thăng đã từng hạ cánh ở Thung lũng Tây vào năm 1973, khi một đoàn thám hiểm người Ý sử dụng hai chiếc để vận chuyển đồ đạc từ Trạm Căn cứ lên. Tuy nhiên, người ta vẫn xem hoạt động của trực thăng ở đây là cực kỳ nguy hiểm vì đã chạm đến giới hạn tầm bay. Một trong hai chiếc máy bay của người Ý đã đâm sầm xuống con sông băng. Hai mươi ba năm kể từ khi đó, không có ai thử đáp trực thăng xuống phía trên Thác băng một lần nữa.

Tuy nhiên Cotter rất kiên trì và nhờ những nỗ lực của anh ta mà Đại sứ quán Mỹ đã thuyết phục được quân đội Nepal tổ chức một cuộc cứu hộ bằng trực thăng tại Thung lũng Tây. Khoảng 8 giờ sáng Thứ hai, khi tôi đang tìm kiếm một bãi đáp trực thăng có thể chấp nhận được giữa những tảng *serac* ngổn ngang tại mép của Thác băng mà không có kết quả gì, thì giọng Cotter vang lên qua chiếc bộ đàm: “Jon, trực thăng đang đến đó. Nó sẽ đến đó vào bất cứ lúc nào. Tốt nhất anh hãy nhanh chóng tìm cho nó một chỗ đáp”. Hy vọng tìm được một địa hình bằng phẳng ở phía cao hơn của con sông băng, chẳng bao lâu tôi gặp Beck đang được Athans, Burleson, Gustafsson, Breashears, Viesturs và những người còn lại của đoàn IMAX dắt xuống Thung lũng bằng dây cột ngang eo.

Breashears, vốn đã làm việc với nhiều máy bay trực thăng trong suốt sự nghiệp làm phim xuất sắc và lâu năm của mình, ngay lập tức tìm được một bãi đáp nằm giữa hai khe vực rộng ở độ cao 6.053m. Tôi cột một chiếc khăn kata lụa vào một chiếc gậy tre như một thiết bị báo hướng gió, trong khi đó Breashears – sử dụng một chai Kool-Aid đỏ như thuốc nhuộm – vẽ một dấu X khổng lồ trên tuyết ngay giữa bãi đáp. Vài phút sau đó, Makalu Gau xuất hiện, được sáu người Sherpa cáng xuống con sông băng trên một miếng nhựa. Một lát sau chúng tôi nghe thấy tiếng kêu tạch-tạch-tạch của cánh quạt trực thăng đang quay dữ dội trong không khí loãng.

Trung tá quân đội Nepal, Madan Khatri Chhetri điều khiển chiếc trực thăng B2 Squirrel màu lục sẫm – đã được bỏ bớt nhiên liệu và những thiết bị không cần thiết – thực hiện hai cú đáp, nhưng cả hai lần đều phải dừng lại vào phút cuối. Tuy nhiên khi cố lần thứ ba, Madan cũng hạ được chiếc Squirrel một cách không vững chãi trên con sông băng với chiếc đuôi thò ra một khe vực sâu không đáy. Giữ cho cánh quạt quay hết tốc lực, và không khí nào rời mắt khỏi bảng điều khiển, Madan giơ một ngón tay lên, ra hiệu rằng ông ấy chỉ có thể chờ theo một hành khách; ở độ cao này thêm bất kỳ ai cũng có thể khiến anh ta đâm sầm xuống trong khi cất cánh.

Đôi chân bị bỏng lạnh của Gau mới được làm ấm tại Trại Hai, nên anh ta không còn có thể đi hay thậm chí là đứng được nữa. Do đó Breashears, Athans và tôi nhất trí rằng tay leo núi người Đài Loan sẽ là người đi trước. Tôi hét lên với Beck trong tiếng gầm của động cơ trực thăng: “Rất tiếc, có lẽ anh ấy sẽ có thể thực hiện chuyên bay thứ hai”. Beck gật đầu bình thản.

Chúng tôi kéo Gau vào phía đuôi của chiếc trực thăng, và cỗ máy cất cánh ngập ngừng lên không trung. Ngay khi càng trực thăng nhấc lên khỏi con sông băng, Madan hướng mũi máy bay về phía trước, hăng một cái như viên đá rơi khỏi mép của Thác băng, và bay đi khuất bóng. Một sự im lặng giờ đây bao trùm lấy thung lũng.

Ba mươi phút sau đó chúng tôi đang đứng quanh bãi đáp, thảo luận làm thế nào để đưa Beck xuống thì nghe thấy một tiếng tạch-tạch-tạch yếu ớt vang lên từ thung lũng phía dưới. Từ từ tiếng động này ngày càng lớn hơn, và sau đó một chiếc trực thăng nhỏ màu xanh xuất hiện. Madan bay một quãng ngắn lên Thung lũng trước khi vòng chiếc máy bay trở lại, để cho mũi chiếc máy bay hướng xuống phía dưới Thung lũng. Rồi thì, không chút chần chừ, ông ta cho chiếc Squirrel đáp xuống một lần nữa tại chỗ đánh dấu chữ X màu đỏ bằng Kool Aid. Breashears và Athans vội vã đưa Beck lên máy bay. Vài giây sau, chiếc trực thăng cất cánh, bay vút về hướng tây của đỉnh Everest như một con chuồn chuồn bằng sắt lạ kỳ. Một giờ sau đó, Beck và Makalu Gau được đưa đến điều trị tại một bệnh viện ở Kathmandu.

Khi chuyên giải cứu đã kết thúc, tôi ngồi lại một mình khá lâu trên tuyết, nhìn xuống đôi giày ống của mình, cố gắng suy nghĩ và giải thích lại chuyện gì đã xảy ra bảy mươi hai tiếng đồng hồ trước đó. Làm sao mà mọi thứ lại trở nên mất kiểm soát đến như thế? Làm sao mà Andy, Rob, Scott, Doug và Yasuko lại bỏ mạng như vậy được? Nhưng mặc dù đã cố gắng, tôi không thể tìm được câu trả lời. Sự thảm khốc của tai họa này lớn hơn tất cả những gì mà tôi có thể hình dung, vì thế trí óc của tôi dường như mù đi và không nghĩ gì được nữa. Tôi quyết định từ bỏ hy vọng tìm hiểu những gì đã xảy ra, và đeo ba lô lên vai, leo xuống sự mê hoặc lạnh giá của con Sông Băng, cần

thận như một con mèo trong chuyến đi cuối cùng qua mê cung những tầng *serac* có thể đổ sụp bất cứ lúc nào.

Chương 21: TRẠM CĂN CỨ EVEREST

NGÀY 13 THÁNG 5 NĂM 1996

5.364 MÉT

Thế nào công chúng cũng muốn tôi có một nhận định chín chắn về chuyến thám hiểm thất bại vào lúc đoàn chúng tôi gần như sắp đạt đến mục tiêu của mình...

Amundsen đi thẳng tới đó, trở thành người đầu tiên đến nơi, rồi quay trở về mà không mất bất cứ một thủy thủ nào cả và ông ta cùng đoàn của mình cũng không phải chịu thêm một áp lực nào khác hơn một ngày thám hiểm vùng cực bình thường. Trong khi đó, chuyến thám hiểm của chúng tôi phải đối mặt với những thách thức chết người, viết nên huyền thoại về sức chịu đựng con người, lưu danh muôn đời, được chúc phúc của công chúng và trong các buổi lễ ở nhà thờ; ấy vậy mà cuối cùng khi đến được Nam cực, chúng tôi nhận ra rằng chuyến đi của mình đã công toi và nhiều thủy thủ giỏi nhất đã bỏ mạng giữa vùng cực giá này. Thật là lố bịch nếu phớt lờ điều trái khoáy này: vì thế viết một quyển sách mà không đề cập gì đến nó chỉ tốn công vô ích mà thôi

Apsley Cherry-Garrard

The Worst Journey in the World,

một tường thuật về chuyến thám hiểm bi kịch đến Nam cực năm 1912
của Falcon Scott.

Tôi đến Thác băng Khumbu vào sáng Thứ hai, ngày 13 tháng 5. Đang bước xuống con dốc cuối cùng, tôi thấy Ang Tshering, Guy Cotter và Caroline Mackenzie đang đứng đợi tôi tại rìa Thác. Guy đưa cho tôi một ly bia trong khi Caroline ôm chầm lấy tôi. Sau đó tôi nhận ra mình đang ngồi trên mặt băng, hai tay ôm lấy mặt khóc nức nở như chưa bao giờ được khóc kể từ khi tôi còn bé. Bây giờ không còn nguy hiểm nữa, áp lực khủng khiếp của những ngày đã qua không còn đè nặng trên vai, tôi bắt đầu khóc cho những bạn đồng hành xấu số của mình, tôi khóc vì biết ơn rằng mình còn sống, vì cảm thấy thật kinh khủng khi đã sống sót trong khi những người khác phải bỏ mạng.

Đến trưa ngày Thứ ba, Neal Beidleman chủ trì một buổi lễ tưởng niệm tại trại của đoàn Mountain Madness. Cha của Lopsang Jangbu, vị lạt-ma Ngawang Sya Kya, đốt những cây nhang bách xù và lầm rầm đọc kinh dưới bầu trời ảm đạm xám xanh. Neal nói vài lời, Guy hồi tưởng lại trong khi Anatoli Boukreev khóc cho sự ra đi của Scott Fischer. Tôi đứng dậy và nhắc lại vài kỷ niệm về Doug Hansen trong đứt quãng. Pete Schoening cố gắng động viên mọi người nhìn về phía trước, đừng nặng lòng nữa với những chuyện đã qua. Nhưng khi buổi lễ chấm dứt và mọi người chúng tôi đều lui

về lều của mình, một bầu không khí tang tóc bao trùm lên toàn bộ Trạm Căn cứ.

Sáng sớm ngày hôm sau, một chiếc trực thăng đến di tản Charlotte Fox và Mike Groom. Chân của hai người này đều bị bỏng lạnh nghiêm trọng và có thể bị nặng hơn nếu họ cố gắng tự đi một mình. Vì cũng là bác sĩ nên John Taske sẽ tháp tùng theo trực thăng để chăm sóc cho hai bệnh nhân này. Sau đó, ngay trước buổi trưa, Helen Wilton và Guy Cotter ở lại để thu dọn lều của đoàn Adventure Consultants trong khi Lou Kasischke, Stuart Hutchison, Frank Fischbeck, Caroline Mackenzie và tôi bắt đầu lê bước chậm chạp xuống Trạm Căn cứ, chuẩn bị về nhà.

Đến Thứ năm ngày 16 tháng 5, chúng tôi được trực thăng đưa từ Pheriche đến làng Syangboche, ngay phía trên Namche Bazaar. Khi chúng tôi đang đi ngang qua đường băng đất nện để đợi chuyến bay thứ hai đến Kathmandu, thì bỗng ba người đàn ông Nhật Bản có khuôn mặt tái mét tiến đến chúng tôi. Người đầu nói tên anh ta là Muneo Nukita – một tay leo núi Himalaya chuyên nghiệp với hai lần chinh phục thành công đỉnh Everest – và sau đó lịch sự nói rằng anh đang làm hướng dẫn viên kiêm thông dịch cho hai người đàn ông kia, một là chồng của Yasuko Namba tên Kenichi Namba, người còn lại là anh trai của nhà leo núi xấu số này. Trong bốn mươi lăm phút sau đó, họ hỏi nhiều câu hỏi mà đa số tôi không trả lời được.

Vào lúc đó, tin tức về cái chết của Yasuko được báo chí giật tít trên khắp nước Nhật. Thật ra vào ngày 12 tháng 5 – chưa đầy hai mươi bốn giờ sau khi Yasuko mất tích trên Đỉnh Nam – một chiếc trực thăng đã đáp xuống giữa Trạm Căn cứ và mang theo hai phóng viên người Nhật đeo mặt nạ oxy. Vớ ngay lấy người đầu tiên mà họ gặp – một nhà leo núi người Mỹ tên Scott Darsney – họ yêu cầu cung cấp thông tin về Yasuko. Còn bây giờ, bốn ngày sau đó, Nukita cảnh báo về một đoàn phóng viên truyền hình và báo chí đang đợi chúng tôi tại Kathmandu.

Vào cuối buổi chiều, chúng tôi chen lên ngồi trên chiếc trực thăng Mi-17 khổng lồ rồi bay lên trên những đám mây. Một giờ sau, chiếc trực thăng đáp xuống phi trường quốc tế Tribhuvan. Khi ra khỏi cửa, chúng tôi bước vào một rừng micrô và máy ảnh. Vốn là một phóng viên [chuyên đi phỏng vấn người khác] nên tôi cảm thấy rất bổ ích khi được trải qua kinh nghiệm làm người bị phỏng vấn. Đám đông nhà báo, chủ yếu là Nhật Bản, muốn có một bản tường thuật chi tiết về tấn thảm kịch, với đầy đủ cả anh hùng lẫn quái vật. Nhưng sự hỗn loạn và đau khổ mà tôi đã chứng kiến không dễ chuyển thành lời. Sau hai mươi phút bị quay chín nhừ, tôi được lãnh sự David Schensted thuộc Đại sứ quán Hoa Kỳ giải vây và đưa đến khách sạn Garuda.

Sau đó, nhiều phóng viên nữa và cả các quan chức cao có ở Bộ Du lịch tiếp tục phỏng vấn. Đến chiều Thứ sáu, tôi đi lang thang dọc theo các ngõ hẻm ở quận Thamel của Kathmandu, tìm kiếm một cái gì đó khả dĩ giúp tôi thoát khỏi tình trạng trầm uất ngày càng nặng. Tôi đưa cho một cậu bé người Nepal gầy nhom một vốc tiền xu và nhận được một túi nhỏ xíu bọc bằng giấy có in hình một con cọp đang gầm gừ. Trở về phòng khách sạn, tôi đồ các thứ bên trong lên một miếng giấy quấn thuốc lá. Những mầm cây màu xanh nhạt dính đầy nhựa thông và sực mùi trái cây thối rữa. Tôi cuộn một điếu, hút hết sạch nhưng vẫn chưa có cảm giác gì. Thế là tôi quấn thêm một điếu lớn khác và hút được nửa điếu trước khi cảm thấy căn phòng đang quay vòng quanh mình. Thế là tôi dụi ngay điếu thuốc.

Tôi nằm trần trụi trên giường và nghe tiếng đêm đang trôi qua bên ngoài khung cửa sổ. Tiếng leng keng của chiếc xe kéo ricksha xen lẫn cùng tiếng còi ô tô, tiếng rao hàng của một người bán dạo, tiếng phụ nữ cười, tiếng nhạc từ quán bar kế cận. Nằm thẳng người ra, không thể di chuyển được vì quá cao, tôi nhắm mắt lại, để cho khói thuốc nóng bao trùm lấy tôi. Tôi cảm thấy mình như đang dần tan chảy vào tấm đệm bên dưới. Một hàng các nhân vật hoạt hình xinh đẹp có mũi to trôi lững lờ qua trước mắt tôi trong ánh sáng của bóng đèn neon.

Khi xoay đầu sang một bên, tai tôi bỗng chạm vào một vệt ẩm ướt; tôi nhận ra rằng nước mắt đang lăn chã rơi trên mặt mình và làm ướt những tấm khăn trải giường bên dưới. Tôi cảm thấy nổi hổ thẹn và đau đớn, từ một chỗ nào đó sâu thẳm trong tôi, cứ sùng sục dâng lên trong xương sống của mình, rồi tràn ra ngoài hết đợt này đến đợt khác...

* * *

Ngày 19 tháng 5, tôi bay về Mỹ, mang theo hai túi đồ của Doug Hansen để trả lại cho những người yêu thương của anh ấy. Tại phi trường Seattle, tôi gặp hai con của anh ấy, Angie và Jaime; bạn gái của anh, Karen Marie; và những thành viên gia đình và bạn bè khác. Tôi cảm thấy thật ngốc nghếch và chẳng thể nào thốt nên lời khi phải chứng kiến những giọt nước mắt của họ.

Hít thở bầu không khí đặc của biển mang theo hương vị của thủy triều thấp, tôi bỗng cảm thấy ngạc nhiên trước sự màu mỡ và vị quyến rũ ẩm thấp của Seattle vào mùa xuân. Linda và tôi, chậm chạp và ngập ngừng, dần làm quen lại với nhau. Tôi đã sụt hơn 11kg trong thời gian tại Everest nhưng bây giờ tôi nhanh chóng phục hồi. Những thú vui bình thường của cuộc sống ở nhà – ăn sáng cùng vợ, ngắm hoàng hôn trên Puget Sound, thức dậy nửa đêm và đi chân trần đến nhà tắm ấm áp – đã mang đến cho tôi một niềm vui vô ngần. Nhưng những cảm xúc ấy đôi khi bị những ám ảnh dai dẳng của

Everest xen ngang, nhưng sự ám ảnh ấy giờ cũng dần phai theo thời gian.

Day dứt với mặc cảm tội lỗi của mình, tôi đã chần chừ không gọi cho bạn gái của Andy Harris, cô Fiona McPherson, và vợ của Rob Hall, Jan Arnold lâu đến nỗi cuối cùng họ đã gọi cho tôi trước từ New Zealand. Khi đó, tôi đã không thể nói gì cả để làm dịu cơn tức giận và sự hoang mang của Fiona. Còn ngược lại với Jan, cô đã dành nhiều thời gian hơn để an ủi tôi.

Tôi vẫn luôn biết rằng leo núi là một sự theo đuổi nhiều rủi ro. Tôi chấp nhận rằng nguy hiểm là một phần không thể thiếu của cuộc chơi – không có nó, leo núi sẽ chẳng khác gì mấy so với hàng trăm trò tiêu khiển nhạt nhẽo và tầm thường khác. Vén bức màn bí mật của cái chết hay nhìn trộm một chút qua bức tường ngăn cách của nó mang lại cho người ta một sự phấn khích nhất định. Tôi tin chắc chắn rằng leo núi là một loại hình vận động tuyệt vời, không phải vì nó an toàn mà ngược lại chính vì những hiểm nguy vốn có của nó.

Tuy nhiên mãi cho đến khi đến Himalaya tôi mới tận mắt chứng kiến cái chết ở một khoảng cách gần như vậy. Quý tha ma bắt, trước đó tôi thậm chí còn chưa bao giờ đi dự một đám tang nào cả. Cái chết trở thành một khái niệm mang tính giả thuyết dễ chịu đối với tôi, một ý tưởng chỉ để ngẫm nghĩ một cách mơ hồ, trừu tượng. Không sớm thì muộn, sự ngây thơ đầy may mắn như vậy cũng sẽ không còn nhưng khi nó cuối cùng xảy ra thì cú sốc lại bị nhân lên bởi cái chết của quá nhiều người: tổng cộng, Everest đã cướp đi sinh mạng của mười hai người cả thảy trong mùa xuân năm 1996, một mùa leo núi kinh khủng nhất kể từ khi các nhà leo núi lần đầu tiên đặt chân lên đỉnh 75 năm trước.

Trong số sáu người cùng đoàn với tôi, chỉ có Mike Groom và tôi quay trở về: bốn bạn đồng hành khác mà tôi đã cùng cười đùa, nôn ọe và nói chuyện thân tình thâu đêm suốt sáng đã mất mạng. Hành động của tôi khi ấy – hay việc tôi không hành động gì cả – đóng vai trò trực tiếp trước cái chết của Andy Harris. Và khi Yasuko Namba đang chết dần trên đèo Nam, tôi chỉ cách cô ấy có 320m, nằm rúc trong lều, quên bẵng đi nỗ lực chống chọi của Yasuko mà chỉ lo đến sự an toàn của bản thân. Nỗi ám ảnh này không phải là thứ tôi có thể gột rửa ra khỏi tâm trí mình chỉ sau vài tháng đau buồn hoặc ân hận được.

Cuối cùng tôi cũng chia sẻ sự lo lắng, day dứt kéo dài này của mình cho Klev Schoening, người đang sống không cách xa nhà tôi lắm. Klev nói rằng anh cũng thấy thật kinh khủng vì số người chết nhiều như vậy nhưng không giống tôi, anh không có mặc cảm ‘tội lỗi của người sống sót’. Klev giải thích: “Trên Đèo Nam buổi tối hôm ấy, tôi đã dùng hết mọi cách để cứu

mình và mọi người. Đến lúc quay trở lại lều, tôi không còn lại gì cả. Tôi bị bỏng lạnh hết một bên giác mạc, và gần như mù. Tôi còn bị giảm thân nhiệt nghiêm trọng, mê sảng và run rẩy không kiểm soát được. Mất Yasuko là một điều khủng khiếp, nhưng lương tâm tôi cảm thấy thanh thản về điều đó bởi sâu thẳm trong tim mình tôi hiểu rằng tôi không thể làm gì khác để cứu cô ấy được nữa. Anh cũng đừng nên nghiêm khắc với bản thân mình quá mức. Đó là một cơn bão tồi tệ. Trong hoàn cảnh của anh lúc đó, liệu anh có thể làm gì được cho cô ấy?”.

Tôi đồng ý là có lẽ là không. Nhưng trái với Schoening, tôi sẽ không bao giờ chắc chắn được câu trả lời cả. Và sự thanh thản mà anh nói đến, tôi cũng không thể có được.

* * *

Bởi vì có quá nhiều nhà leo núi kỳ cựu và chuyên nghiệp đến chinh phục đỉnh Everest nên ngày nay nhiều người cho rằng một thảm kịch kinh hoàng như vậy là điều không thể xảy ra. Nhưng không ai tưởng tượng nổi đoàn thám hiểm do Rob Hall hướng dẫn lại chính là trung tâm của một thảm kịch đó. Hall sắp xếp quy trình hoạt động an toàn nhất, chặt chẽ nhất trên Everest, không chừa một ai cả. Là một người làm việc theo nguyên tắc nhiều lúc đến mù quáng, Hall xây dựng những hệ thống chi tiết đảm bảo rằng một thảm kịch như vậy sẽ không xảy ra. Vậy rốt cuộc điều gì đã xảy ra? Làm sao giải thích được chuyện đó, không chỉ đối với những người thân yêu bị bỏ lại mà cả công luận dò xét nữa?

Có lẽ chính sự ngạo mạn, kiêu căng có liên quan đến chuyện này. Hall đã trở nên quá quen thuộc với việc đưa các nhà leo núi ở đủ mọi cấp độ lên xuống ngọn Everest đến mức có lẽ anh đã hơi chủ quan và tự phụ. Đã vài lần Hall khoe rằng anh có thể đưa bất kỳ một người nào có thể trạng tương đối chấp nhận được lên đỉnh núi và những thành tích của Hall dường như cũng chứng minh cho điều đó. Hall cũng chứng tỏ một khả năng đặc biệt vượt qua được những thách thức và khó khăn.

Chẳng hạn, vào năm 1995, Hall và các hướng dẫn viên của mình không chỉ phải xử lý những vấn đề của Hansen trên đỉnh núi mà họ còn phải đối mặt với việc một khách hàng khác là Chantal Mauduit, một nhà leo núi người Pháp nổi tiếng, hoàn toàn gục ngã trong nỗ lực lần thứ 7 chinh phục đỉnh Everest mà không cần bình dưỡng khí. Mauduit bất tỉnh, trở nên lạnh ngắt ở độ cao 8.747m và phải được khiêng và kéo lê từ Đỉnh Nam xuống Đèo Nam như “một bao khoai tây”, theo lời kể lại của Guy Cotter. Sau khi tất cả các nhà leo núi đều trở về an toàn từ lần chinh phục đó, có lẽ Hall đã nghĩ rằng giờ đây không gì anh không thể giải quyết được.

Tuy nhiên, trước mùa leo núi năm nay, Hall bỗng may mắn một cách lạ thường khi thời tiết rất tốt và có lẽ nó đã làm sai lệch đi phán đoán của anh. David Breashears, người đã tham gia hơn một tá các cuộc thám hiểm Himalaya và đã ba lần chinh phục đỉnh Everest, xác nhận rằng: “Hết mùa leo núi này đến mùa leo núi khác, lúc nào Rob cũng gặp thời tiết thuận lợi vào ngày chinh phục đỉnh. Chưa bao giờ anh ấy gặp một cơn bão nào trên núi cao cả”. Thật ra, cơn gió bão ngày 10 tháng 5 mặc dù dữ dội thật nhưng chẳng có gì bất thường cả. Đó chỉ là một cơn gió bão điển hình trên Everest mà thôi. Nếu xảy ra chậm khoảng hai tiếng, có lẽ chẳng ai thiệt mạng cả. Ngược lại, nếu như cơn gió bão ấy đến sớm chừng một tiếng đồng hồ, có thể nó đã cướp đi 18 đến 20 sinh mạng, trong đó có cả tôi.

Chắc chắn là thời gian cũng có liên quan đến tấn thảm kịch này như thời tiết vậy, và người ta không thể đổ lỗi chuyện này cho tự nhiên được. Việc trì hoãn ở chỗ các dây cố định là hoàn toàn có thể dự tính và ngăn chặn được trước. Ngoài ra, việc xác định trước thời điểm quay lại cũng đã hoàn toàn bị bỏ qua.

Việc kéo dài thêm thời điểm quay lại có thể một phần là hậu quả của sự cạnh tranh đối địch giữa Fischer và Hall. Từ năm 1996 trở về trước Fischer chưa từng hướng dẫn khách hàng leo núi. Xét ở khía cạnh kinh doanh, Fischer phải chịu một áp lực rất lớn là phải thành công. Vì thế, anh rất nỗ lực đưa cho được khách hàng của mình lên đỉnh Everest, đặc biệt là một khách hàng nổi tiếng như Sandy Hill Pittman.

Tương tự như vậy, bởi vì năm 1995 Hall đã không đưa được ai lên núi, do đó nếu mùa leo núi 1996 anh cũng thất bại nữa thì sẽ không tốt cho công việc kinh doanh – nhất là khi Fischer lại thành công. Scott có khả năng lôi cuốn mọi người và tính cách hấp dẫn đó của anh được Jane Bromet tiếp thị rất khéo léo. Fischer đang nỗ lực hết mình để giành lấy phần bánh của Rob, và Rob biết rõ điều đó. Vì vậy, việc yêu cầu khách hàng của mình phải quay lại trong khi khách của Fischer lại đang được hỗ trợ tiến lên đỉnh có thể đủ khó chịu để làm mờ đi lý trí và phán đoán của Rob.

Thêm vào đó, một vấn đề không thể không đề cập đến là cả Hall, Fischer, và tất cả những người còn lại đều buộc phải đưa ra những quyết định hệ trọng trong điều kiện cơ thể đang bị thiếu oxy trầm trọng. Khi suy ngẫm về vấn đề này, nhất thiết chúng ta cần phải nhớ rằng trí tuệ minh mẫn không thể có được ở độ cao từ 8.839m trở lên.

Sau một sự cố nào đó, người ta thường dễ dàng nhìn nhận lại vấn đề sáng suốt hơn. Dư luận bị sốc trước số nạn nhân của vụ leo núi và đã nhanh chóng đưa ra những chính sách và quy trình để đảm bảo rằng một thảm kịch như

vậy sẽ không lặp lại nữa. Chẳng hạn, người ta đề xuất rằng tiêu chuẩn tỷ lệ người hướng dẫn – khách hàng để chinh phục đỉnh Everest là một – một, nghĩa là một khách hàng phải leo chung với người hướng dẫn của mình và phải gắn dây nối với người hướng dẫn ấy suốt cuộc hành trình lên đỉnh.

Có lẽ cách đơn giản nhất để giảm thiểu những tai họa này trong tương lai là cấm sử dụng bình oxy trừ những trường hợp y tế khẩn cấp. Vài cá nhân liều mạng có thể sẽ thiệt mạng trong cuộc chinh phục đỉnh Everest mà không có bình oxy, nhưng phần lớn các nhà leo núi có kinh nghiệm khác sẽ buộc phải quay lại khi đến giới hạn chịu đựng của cơ thể trước khi họ gặp phải rắc rối nghiêm trọng. Ngoài ra, quy định không mang theo bình oxy sẽ có một cái lợi nữa là sẽ tự động giảm đáng kể rác thải và số người muốn chinh phục đỉnh Everest nếu người ta biết rằng bình oxy không được phép sử dụng khi leo núi.

Nhưng việc hướng dẫn chinh phục đỉnh Everest là một ngành kinh doanh chưa được kiểm soát chặt chẽ, nằm dưới sự quản lý của những bộ máy quan liêu rườm rà, và đặc biệt trang bị còn nghèo nàn, chưa thể kiểm tra được trình độ và khả năng của các hướng dẫn viên lẫn các nhà leo núi. Thêm vào đó, Nepal và Trung Quốc – hai quốc gia kiểm soát con đường lên đỉnh – còn rất nghèo. Do mong muốn thu hút được nguồn ngoại tệ mạnh, chính phủ hai nước này lúc nào cũng sẵn lòng cấp phép càng nhiều càng tốt cho nhu cầu của thị trường và rất miễn cưỡng áp dụng các chính sách nào có khả năng ảnh hưởng đến nguồn doanh thu của họ.

Phân tích những sai lầm đã xảy ra trên đỉnh Everest là một việc làm có ích. Một cách cảm quan, người ta có thể cho rằng nó sẽ giúp giảm được số người thiệt mạng sau này. Nhưng nếu xét ở một khía cạnh logic hơn thì đó chỉ là những suy nghĩ viển vông nếu tin rằng mô xê chi tiết những sự kiện bi thảm năm 1996 thực sự có thể giảm được tỷ lệ tử vong trong tương lai. Sự thúc giục phải phân tích hàng loạt sai lầm ngớ ngẩn để “rút ra bài học kinh nghiệm”, xét cho cùng chỉ là cách để người ta phủ nhận và tự lừa dối chính mình. Nếu bạn có thể tự thuyết phục được mình rằng Rob Hall chết vì những sai lầm ngu ngốc liên tiếp của anh và bạn đủ thông minh để không lặp lại chúng, bạn sẽ cảm thấy dễ dàng hơn cho chuyến chinh phục đỉnh Everest của mình, mặc dù có những bằng chứng khá thuyết phục rằng làm vậy là một điều xuẩn ngốc.

Thật ra, kết cục bi thảm trong mùa leo núi 1996 đứng ở nhiều góc độ chỉ đơn thuần là công việc kinh doanh như thường lệ. Mặc dù số người chết trong mùa xuân năm ấy đạt kỷ lục trên Everest, nhưng con số 12 nạn nhân chỉ chiếm 3% trong số 398 nhà leo núi đã leo lên cao hơn Trạm Căn cứ – thật ra như vậy vẫn thấp hơn một chút so với tỉ lệ chết thống kê được trong

lịch sử chinh phục Everest là 3,3%. Hoặc nhìn theo một cách khác nữa, từ năm 1921 đến tháng 5 năm 1996, 144 người đã chết và đỉnh Everest đã được chinh phục 630 lần – tức là tỉ lệ tử vong là một trên bốn. Trong khi đó mùa xuân vừa rồi, 12 nhà leo núi chết và 84 người lên đến được đỉnh – tỉ lệ là một trên bảy. So sánh với những tiêu chuẩn lịch sử này thì năm 1996 là một năm an toàn hơn thông thường.

Thật ra mà nói thì việc leo lên đỉnh Everest là một việc làm nguy hiểm bất thường và rõ ràng lúc nào cũng chứa đựng nguy hiểm, cho dù là đối với những tay mới chập chững vào nghề hay những nhà leo núi đẳng cấp thế giới. Người ta cũng nên chú ý đến một chi tiết là trước cái chết của Hall và Fischer, đỉnh Everest đã từng cướp đi sinh mạng của khá nhiều nhà leo núi kỳ cựu như Peter Boardman, Joe Tasker, Marty Hoey, Jake Breitenbach, Mick Burke, Michel Parmentier, Roger Marshall, Ray Genet, và George Leigh Mallory.

Còn đối với loại hình leo núi có người hướng dẫn, đến năm 1996 tôi nhanh chóng nhận ra rằng ít khách leo núi (tính cả tôi) thật sự đánh giá được hết áp lực của những nguy hiểm mà chúng tôi phải đối mặt – sự mong manh của lần ranh giới hạn mà con người có thể duy trì được từ sự sống ở độ cao từ 7.620m trở lên. Những tay nhát gan nào ôm giấc mộng Everest cần phải nhớ rằng khi có sự cố xảy ra phía trên Vùng Chết – và không sớm thì muộn cũng có chuyện xảy ra – ngay cả những hướng dẫn viên leo núi khỏe mạnh nhất thế giới cũng có thể bất lực, không cứu được khách hàng của họ. Thật vậy, sự kiện năm 1996 đã cho thấy những hướng dẫn viên khỏe nhất thế giới đôi khi cũng bất lực trong việc cứu sống chính tính mạng của họ. Bốn bạn đồng hành của tôi đã chết không phải vì thiết kế hệ thống của Rob Hall có khuyết điểm gì – thật ra không ai có được sự tổ chức tốt hơn Hall – mà bởi vì trên Everest, bản chất là các hệ thống dễ gặp sự cố hơn.

Trong vô số những phân tích, điều tra sau tấn thảm kịch, người ta dễ dàng bỏ qua một yếu tố là leo núi chưa bao giờ là một việc an toàn, tuân theo quy luật và có thể dự đoán được. Đây là một hoạt động đề cao sự mạo hiểm. Những vận động viên nổi tiếng nhất của môn thể thao này bao giờ cũng là những người can đảm thực hiện những thử thách nguy hiểm nhất và có thể chinh phục được chúng. Các nhà leo núi là một sinh vật đơn giản không mang cá tính thận trọng một cách thừa thãi. Và điều này thật sự rất đúng với các nhà leo núi Everest: lịch sử đã cho thấy rằng khi nhận ra một cơ hội để chinh phục đỉnh cao nhất của thế giới, thật ngạc nhiên là nhiều người nhanh chóng bỏ qua óc phán đoán đúng đắn của lý trí. Như Tom Hornbein, một nhà leo núi 33 tuổi, đã cảnh báo sau khi lên được Triền Tây: “Cuối cùng những gì đã xảy ra trên Everest mùa này chắc chắn cũng sẽ lặp lại nữa mà thôi”.

Để minh chứng cho việc người ta thường chẳng rút ra thêm bài học gì từ những sai lầm ngày 10 tháng 5, chúng ta không cần nhìn đâu xa hơn những tuần tiếp ngay sau đó.

* * *

Vào ngày 17 tháng 5, hai ngày sau khi đội của Hall rời Trạm Căn cứ, bên phía Tây Tạng của ngọn núi, một người Áo tên Reinhard Wlasich cùng người đồng đội người Hungary đã leo lên thượng trại của họ ở độ cao 8.300m trên sườn Đông Bắc mà không dùng bình oxy. Ở đây, họ dùng ngôi lều bị bỏ lại trong chuyến thám hiểm xấu số Ladakhi. Sáng ngày hôm sau, Wlasich than phiền rằng anh cảm thấy không khỏe, sau đó thì bị bất tỉnh. Một bác sĩ Na Uy tình cờ có mặt khi ấy đã xác định rằng nhà leo núi người Áo này bị cả phù não lẫn phù phổi. Mặc dù đã được vị bác sĩ cho thở oxy và chữa trị, thế nhưng đến tối thì Wlasich qua đời.

Trong khi đó, bên sườn Nepal của Everest, đoàn thám hiểm IMAX của David Breashears tập hợp lại và thảo luận. Bởi vì đã đổ 5 triệu rưỡi đô la vào dự án quay phim này, đoàn IMAX quyết tâm sẽ bám trụ lại ngọn núi và thực hiện một chuyến lên đến đỉnh Everest. Với sự tham gia của Breashears, Ed Viesturs và Robert Schauer, rõ ràng họ là đoàn leo núi giỏi nhất và có khả năng nhất lúc bấy giờ. Và mặc dù đã bỏ ra phân nửa số bình oxy dự trữ của mình cho chuyến cứu hộ và cho các nhà leo núi khi cần, họ vẫn còn đủ nhờ vào số bình để lại của các đoàn đã rời ngọn núi.

Vợ của Ed là Paula Barton Viesturs đang điều hành việc liên lạc bộ đàm với tư cách Quân lý Trạm Căn cứ cho đoàn IMAX khi thảm kịch xảy ra vào ngày 10 tháng 5. Là bạn của cả Hall và Fischer, cô đã bị sốc và suy sụp. Paula cũng cho rằng sau một bi kịch kinh khủng như vậy, đoàn IMAX sẽ tự động thu gom đồ đạc và quay về nhà. Sau đó, cô tình cờ nghe được một cuộc gọi giữa Breashears và một nhà leo núi khác, trong đó người đứng đầu đội IMAX đã tuyên bố một cách dứt khoát rằng đội IMAX sẽ nghỉ vài ngày tại Trạm Căn cứ và sau đó thì tiến thẳng lên đỉnh núi.

“Sau tất cả những gì đã xảy ra, tôi không thể tin được là họ thật sự lại đi lên trên đây nữa”, Paula thổ lộ. “Khi nghe cuộc điện đàm đó, tôi cảm thấy vô cùng tức giận”. Paula đã tức đến nỗi cô rời khỏi Trạm Căn cứ, đi bộ xuống Tengboche và ở đó trong năm ngày để bình tâm lại.

Đến Thứ tư, ngày 22 tháng 5, đội IMAX đến được Đèo Nam trong thời tiết đẹp. Đội đã nghỉ lại qua đêm ở đó. Ed Viesturs, nhân vật chính trong phim, lên được đỉnh lúc 11 giờ sáng Thứ năm mà không cần dùng bình oxy. Breashears lên đỉnh hai mươi phút sau, tiếp đến là Araceli Segarra, Robert Schauer và người Sherpa Jamling Norgay – con trai của nhà leo núi đầu tiên,

Tenzing Norgay, và thành viên thứ 9 của dòng họ Norgay chinh phục được đỉnh Everest. Tổng cộng có 16 nhà leo núi lên đến đỉnh ngày hôm ấy, bao gồm cả anh chàng người Thụy Điển đạp xe từ Stockholm đến Nepal Göran Kropp và người Sherpa Ang Rita, người đánh dấu chuyến chinh phục đỉnh Everest lần thứ 10 trong lần này.

Trên đường lên đỉnh, Viesturs đã đi ngang qua hai cái xác đông cứng của Fischer và Hall. “Cả Jean (vợ của Fischer) và Jan (vợ của Hall) đều nhờ tôi mang vài kỷ vật gì về cho họ”. Viesturs kể lại một cách ngượng ngùng. “Tôi biết Scott có đeo chiếc nhẫn cưới trên cổ và tôi cũng muốn mang nó về cho Jeannie, nhưng tôi không đành lòng đào bới quanh xác của Scott. Tôi không làm như vậy được”. Vì thế, thay vì mang một thứ gì đó của anh ấy về, Viesturs đã ngồi xuống một mình kế bên Fischer vài phút trên đường trở xuống. “Scott, khỏe không anh bạn?” Ed buồn bã hỏi thăm người bạn của mình. “Chuyện gì đã xảy ra vậy?”.

Vào chiều Thứ sáu, ngày 24 tháng 5, khi đội IMAX đang từ Trại Bốn xuống Trại Hai, họ gặp các thành viên còn lại của đoàn Nam Phi – gồm có Ian Woodall, Cathy O’Dowd, Bruce Herrod cùng bốn người Sherpa – ở Dải Vàng; họ đang trên đường lên Đèo Nam để chinh phục đỉnh Everest. “Bruce nhìn khỏe, sắc mặt tốt”, Breashears nhớ lại. “Anh ta bắt chặt tay tôi, chúc mừng chúng tôi, rồi nói rằng anh ta cảm thấy rất khỏe. Đi được nửa tiếng nữa, chúng tôi gặp Ian và Cathy, họ đang đứng gục, chống người trên những chiếc rìu phá băng của họ, nhìn rất tệ”.

“Tôi quyết định nán lại với họ một chút”, Breashears nói tiếp. “Tôi biết là họ rất non kinh nghiệm, vì vậy tôi mới nói, “Nhớ cẩn thận nhé. Các bạn thấy chuyện gì xảy ra ở đây hồi đầu tháng rồi đấy. Các bạn nhớ là lên núi thì dễ, xuống mới là khó đó”.

Đêm ấy, đoàn người Nam Phi tiến lên đỉnh núi. O’Dowd và Woodall rời lều khoảng hai mươi phút sau nửa đêm với ba người Sherpa mang bình oxy cho họ là Pemba Tendi, Ang Dorje, và Jangbu. Dường như Herrod rời trại vài phút sau đó với nhóm chính, nhưng anh ta tụt lại ngày càng xa khi leo lên. Đến Thứ bảy, ngày 25 tháng 5, lúc 9 giờ 50 sáng, Woodall gọi điện cho Patrick Conroy, người trực tổng đài điện thoại tại Trạm Căn cứ, để báo lại rằng là anh ta đang ở trên đỉnh với Ang Dorje và Jangbu. Woodall nói rằng Herrod, người không mang theo máy bộ đàm, đang ở đâu bên dưới một quãng.

Herrod là người mà tôi gặp nhiều lần trên núi. Anh mới 37 tuổi, thân thiện và có dáng người vạm vỡ. Mặc dù chưa có kinh nghiệm về leo núi cao, thể nhưng Herrod là một nhà leo núi giỏi và đã trải qua 18 tháng ở vùng Nam cực lạnh giá để làm việc như một nhà địa vật lý – anh ấy rõ ràng là nhà

leo núi giỏi nhất trong đoàn Nam Phi. Từ năm 1988, Herrod đã làm việc rất chăm chỉ để trở thành một nhiếp ảnh gia tự do và anh hy vọng rằng chinh phục thành công đỉnh Everest sẽ giúp anh có được một sức đẩy cần thiết.

Nhưng hóa ra khi Woodall và O'Dowd ở trên đỉnh thì Herrod vẫn còn ở tít bên dưới, anh ta đang đánh vật để leo lên Triền Đông Nam với một tốc độ chậm đến mức nguy hiểm. Khoảng 12 giờ 30 trưa, anh gặp Woodall, O'Dowd và ba người Sherpa khi họ đang trên đường trở xuống. Ang Dorje đưa cho Herrod một máy điện đàm và hướng dẫn nơi để bình oxy cho anh, sau đó Herrod tự lên đỉnh một mình. Mãi đến 5 giờ chiều Herrod mới lên được đỉnh núi, bảy tiếng sau những người khác, vào lúc mà Woodall và O'Dowd đã yên ổn trong lều của mình tại Đèo Nam.

Tình cờ lúc đó, khi Herrod đang gọi xuống Trạm Căn cứ để báo rằng anh đã lên đến đỉnh Everest thì bạn gái của anh, cô Sue Thompson, cũng gọi điện thoại vệ tinh cho Conroy từ London. Thompson nhớ lại: “Khi Patrick nói với tôi rằng Bruce đang ở trên đỉnh, tôi nói: ‘Chết tiệt! Trễ thế này rồi mà anh ấy còn trên đỉnh sao? – 5 giờ 50 chiều rồi. Tôi không thích điều này’.

Sau đó, Conroy chuyển điện thoại của Thompson lên cho Herrod lúc này đang trên đỉnh Everest. “Bruce nghe vẫn còn tỉnh táo”. Thompson nói. “Anh ấy biết rằng mình đã mất nhiều thời gian để lên đến đỉnh, nhưng anh ấy dường như vẫn bình thường, vẫn còn biết tháo mặt nạ oxy ra để nói chuyện. Anh ấy thậm chí vẫn không có dấu hiệu gì là không thở được”.

Tuy nhiên, Herrod đã mất 17 giờ đồng hồ để đi từ Đèo Nam lên đỉnh Everest. Mặc dù gió không thổi nhiều, thế nhưng lúc ấy mây bắt đầu phủ đầy đỉnh núi và bóng tối đang lan dần. Hoàn toàn một mình trên nóc nhà của thế giới, cực kỳ mệt mỏi, Herrod hẳn đã cạn sạch oxy hoặc cũng gần như hết. “Việc anh ấy ở một mình trên đó trễ đến vậy là rất điên rồ”, một bạn đồng hành cũ của anh tên Andy de Klerk nói. “Thật là kỳ quái”.

Herrod đã ở trên Đèo Nam từ tối ngày 9 tháng 5 cho đến ngày 12 tháng 5. Anh đã biết được sự dữ tợn của cơn bão ngày hôm đó, anh cũng nghe được những cuộc điện đàm kêu cứu tuyệt vọng, chứng kiến Beck Weathers bị tàn phế do bỏng lạnh nặng. Trong chuyến leo lên ngày 25 tháng 5, Herrod đã đi qua xác của Scott Fischer và nhiều giờ sau đó tại Đỉnh Nam, hẳn anh cũng đã nhìn thấy đôi chân bất động của Rob Hall. Tuy nhiên rõ ràng là những xác chết ấy không gây ra được chút ấn tượng gì với Herrod bởi vì mặc dù đi rất chậm và thời gian đã trễ nhưng Herrod vẫn tiếp tục leo lên.

Không có liên lạc nào từ Herrod nữa kể từ cuộc gọi cuối lúc 5 giờ 15 từ đỉnh núi. “Chúng tôi mở bộ đàm ngồi đợi anh ấy tại Trại Bốn”, O'Dowd giải thích trong một lần phỏng vấn đăng trên tờ *Johannesburg Mail & Guardian*.

“Chúng tôi mệt mỏi khủng khiếp và cuối cùng ngủ thiếp đi. Khi tôi thức giấc sáng hôm sau vào khoảng 5 giờ sáng, và Herrod vẫn không gọi điện về, tôi biết chúng tôi đã mất anh ấy”.

Hiện nay Bruce Herrod được xem là đã chết, cái chết thứ 12 trong mùa leo núi.

Thay lời kết: SEATTLE

NGÀY 29 THÁNG 11 NĂM 1996

82 MÉT

Giờ đây tôi mơ về cái chạm tay dịu dàng của người phụ nữ, về tiếng chim ca riu rít, về mùi hương của đất vỡ vụn trong tay tôi, và về màu xanh rục rờ của những mầm cây tôi đã dụng công vun trồng. Tôi đang tìm mua một mảnh đất và tôi sẽ thả nai, heo rừng và chim trong đó. Tôi sẽ trồng cây dương, cây ngô đồng. Tôi sẽ xây một cái hồ, thả vịt và cá và trong ánh hoàng hôn mỗi chiều, tôi sẽ cho chúng ăn. Sẽ có những con đường nhỏ băng qua khu rừng này. Tôi và em sẽ chìm đắm trong lớp đất mềm mại. Chúng tôi sẽ đến bên bờ nước và nằm trên cỏ. Tôi sẽ cho gắn một tấm bảng ghi rằng, “NÀY BỌN NHÓC, ĐÂY LÀ MỘT THẾ GIỚI THẬT SỰ MÀ CHÚNG TA ĐANG SỐNG – B. TRAVEN...”

Charles Bowden

Blood Orchid

Nhiều người có mặt trên đỉnh Everest vào cuối tháng 5 đã nói với tôi rằng họ đã xoay sở vượt qua được tấn thảm kịch đó. Đến giữa tháng 11, tôi nhận được một bức thư của Lou Kasischke, trong đó anh viết:

Phải mất vài tháng tôi mới tìm lại được cái nhìn tích cực hơn. Nhưng rồi thì tôi cũng đã có. Everest chính là kỷ niệm tồi tệ nhất trong cuộc đời của tôi. Nhưng đó là chuyện quá khứ. Bây giờ là bây giờ. Tôi tập trung vào mặt tích cực. Tôi đã học được những điều quan trọng về cuộc sống, về chính bản thân mình và nhiều điều khác. Tôi cảm thấy rằng bây giờ tôi đã có một định hướng rõ ràng hơn cho cuộc đời. Giờ đây tôi nhìn mọi việc bằng một ánh mắt khác trước kia.

Lou vừa đến thăm Beck Weathers tại Dallas trong một tuần. Sau khi được di tản bằng trực thăng từ Thung lũng Tây, Beck trải qua phẫu thuật cắt bỏ phần nửa cánh tay phải và năm ngón tay của bàn tay trái. Mũi của anh cũng bị cắt bỏ và chỉnh hình thẩm mỹ bằng các mô ở tai và trán. Lou trầm ngâm khi kể lại rằng chuyện viếng thăm Beck

vừa buồn vừa thắng lợi. Thật đau lòng khi thấy Beck như vậy: mũi phải phẫu thuật chỉnh hình lại, sẹo đầy trên mặt, anh phải chịu tàn phế cả đời. Beck tự hỏi không biết anh có thể quay lại làm bác sĩ hay những nghề tương tự như thế được không. Nhưng cũng thật tuyệt vời khi xem một người có thể chấp nhận tất cả những điều này và sẵn sàng tiếp tục sống như thế nào. Beck đang chinh phục sự khó khăn này. Và anh sẽ chiến thắng.

Beck luôn dành những điều tốt đẹp khi nói về mọi người. Anh không đổ lỗi cho ai cả. Có thể bạn không cùng quan điểm chính trị với Beck, nhưng

bạn sẽ cảm thấy tự hào như tôi khi thấy Beck đã đổi mặt với chuyện này như thế nào. Một ngày nào đó, như thế nào đó, cuộc đời sẽ tươi sáng hơn cho Beck.

Tôi vui mừng khi Beck, Lou và những người khác dường như có thể nhìn được vào mặt tươi sáng của những trải nghiệm đã qua – và tôi cảm thấy ghen tị với họ. Có lẽ sau một thời gian nữa tôi cũng sẽ nhận ra những điều tốt hơn từ quá nhiều cay đắng đó, nhưng hiện tại thì tôi vẫn chưa thể.

Khi tôi đang viết những dòng này, đã nửa năm trôi qua kể từ khi tôi từ Nepal trở về và không ngày nào trong sáu tháng vừa rồi mà Everest lại không chiếm trọn tâm trí tôi vài giờ, ngay cả trong giấc ngủ: hình ảnh về cuộc leo núi và kết cục của nó len lỏi cả vào trong những giấc mơ của tôi.

Sau khi bài viết của tôi về chuyến leo núi được đăng trên số tháng 9 của tờ *Outside*, tạp chí nhận được một lượng lớn đột biến thư từ gửi về liên quan đến bài viết. Hầu hết bày tỏ sự chia sẻ và ủng hộ với những người quay về, nhưng cũng có nhiều thư chỉ trích chúng tôi một cách gay gắt. Chẳng hạn, một luật sư ở Florida đã phát biểu:

Tất cả những gì tôi có thể nói là tôi đồng ý với ông Krakauer khi ông ta viết, “Hành động của tôi – hay việc tôi không hành động gì cả – đóng vai trò trực tiếp trong cái chết của Andy Harris”. Tôi cũng đồng ý khi ông ta nói rằng, ‘[ông ta] chỉ cách đó 320 mét, nằm trong lều, và chẳng làm gì cả...’. Tôi không thể hiểu nổi một con người như ông ta lại có thể chấp nhận được mình như vậy.

Một trong những bức thư bày tỏ sự tức giận nhất – và cũng không dễ chịu khi đọc – đến từ những người thân của người quá cố. Chị gái của Scott Fischer, Lisa Fischer-Luckenbach, đã viết:

Dựa trên những gì ông viết, ÔNG có vẻ chắc chắn có được cái khả năng phi thường là biết được chính xác những gì đã diễn ra trong tâm trí và trái tim của mọi người trong đoàn leo núi. Giờ đây, về nhà an toàn và mạnh khỏe, ÔNG đi phán xét ý kiến của người khác, phân tích ý định, cách cư xử, tính tình và động cơ của họ. Ông nhận xét về những gì LỄ RA phải được các trưởng đoàn, người Sherpa và khách hàng thực hiện, rồi lại đưa ra những lời kết tội ngạo mạn cho những sai sót của họ. Tất cả đều là ý kiến của Jon Krakauer, người đã trườn về lều của mình vì sự an toàn và sống sót của bản thân sau khi nhận thấy những dấu hiệu của một bất trắc sắp xảy ra...

Nhìn thử qua những gì ông đang làm, tôi có cảm giác là ông tỏ ra BIẾT TUỐT. Thật ra SUY ĐOÁN của ông về điều xảy ra với Andy Harris đã sai, gây ra nhiều đau đớn và tủi khổ cho gia đình và bạn bè của anh ấy. Và bây giờ ông lại phủ nhận nhân cách của Lopsang bằng những miêu tả bá láp của

mình về anh ấy.

Những gì tôi đang đọc cho thấy cái tôi CỦA CHÍNH ÔNG đang điên cuồng cố gắng giải thích chu vện gì đã xảy ra. Sự phân tích, chỉ trích, đánh giá hay giả định đều sẽ chẳng giúp mang lại sự bình an cho ông đâu. Sẽ không có câu trả lời nào cả. Và đó cũng không phải là lỗi của một ai. Không ai có thể bị đổ lỗi cả. Mỗi người nơi đó đều đã cố gắng hết sức mình trong điều kiện và hoàn cảnh đó. Không ai muốn làm tổn thương người khác cả. Và cũng không ai muốn chết.

Bức thư này đặc biệt làm tôi đau lòng vì khi ấy tôi vừa mới nhận được tin báo là danh sách người chết vừa có thêm cái tên Lopsang Jangbu. Vào tháng 8, sau khi đã qua đợt gió mùa trên dãy Himalaya, Lopsang quay lại Everest để hướng dẫn một khách hàng người Nhật leo theo con đường Đèo Nam và Triền Đông Nam. Đến ngày 25 tháng 9, khi họ đang leo từ Trại Ba lên Trại Bốn để chuẩn bị tiến lên đỉnh, một trận tuyết lở đã nuốt chửng Lopsang, một người Sherpa khác, và một nhà leo núi người Pháp ngay dưới Mũi Geneva, sau đó cuốn họ xuống Mặt Lhotse. Lopsang ra đi, để lại một người vợ trẻ và đứa con mới hai tháng tuổi ở Kathmandu.

Ngoài ra còn có thêm một tin xấu khác. Ngày 17 tháng 5, sau khi nghỉ hai ngày tại Trạm Căn cứ khi vừa xuống từ đỉnh Everest, Anatoli Boukreev leo một mình lên đỉnh Lhotse. Anh ấy nói với tôi: “Tôi mệt lắm, nhưng tôi đi vì Scott”. Tiếp tục cuộc chinh phục cả thảy 14 đỉnh núi cao trên 8.000m của thế giới, tháng 9 năm đó, Boukreev đến Tây Tạng và leo lên cả hai đỉnh Cho Oyu và đỉnh Shisha Pangma cao 8.014m. Nhưng đến giữa tháng 11, trong một lần về thăm nhà ở Kazakhstan, chiếc xe buýt mà Boukreev đang đi gặp tai nạn giao thông. Người tài xế bị chết còn anh bị thương nặng ở đầu, trong đó một mắt của anh bị hỏng nặng và có thể bị hư vĩnh viễn.

Ngày 14 tháng 10, năm 1996, trên diễn đàn của Nam Phi về Everest, người ta thấy có đăng một đoạn văn sau:

Tôi là một đứa trẻ Sherpa mồ côi. Cha tôi bị chết ở Thác băng Khumbu vào cuối thập niên 1960 khi đang cống hàng cho một đoàn leo núi. Mẹ tôi cũng qua đời năm 1970 ngay dưới Pheriche khi trái tim của bà không chịu nổi kiện hàng bà đang gửi cho một đoàn thám hiểm. Ba anh chị em của tôi chết vì những nguyên nhân khác nhau, còn tôi và một người chị thì được hai gia đình ở châu Âu và Hoa Kỳ nhận làm con nuôi.

Tôi chưa từng quay lại quê hương của mình vì tôi có cảm giác rằng nó đã bị nguyên rủa. Tổ tiên tôi đến vùng Solo-Khumbu để tránh sự ngược đãi ở vùng đồng bằng. Và tại nơi đó, họ đã tìm ra vùng đất thiêng liêng được Thánh mẫu của thế giới – Sagarmathaji bảo hộ. Ngược lại, họ phải bảo vệ

vùng đất thiêng này khỏi sự xâm nhập của những kẻ ngoại lai.

Thế nhưng dân tộc tôi đã không làm như vậy. Họ giúp đỡ người bên ngoài tìm đường vào vùng đất thiêng và đã xúc phạm cơ thể thiêng liêng của nữ thần khi đứng trên đầu của Người, tụ tập trong chiến thắng và làm ô ố bầu ngực của Người. Một vài người trong bọn họ đã phải trả giá bằng sự hiến tế chính sinh mạng của mình, một số khác thoát chết trong gang tấc hoặc phải đánh đổi bằng cuộc sống của những người khác...

Vì vậy tôi tin rằng ngay cả người Sherpa cũng phải chịu trách nhiệm trong tấn thảm kịch năm 1996 trên “Sagarmatha”. Tôi không hối tiếc vì đã không quay về quê hương vì tôi biết rằng những người dân sống nơi đó đã bị nguyên rủa, và cả những tên giàu có, ngạo mạn từ bên ngoài vào, những người cho rằng họ có thể chinh phục được cả thế giới. Hãy nhớ đến bi kịch Titanic. Ngay cả chiếc tàu được cho là không thể chìm cũng bị chìm, vậy thì những tên ngốc trần tục như Weathers, Pittman, Pischer, Lopsang, Tenzing, Messner, Bonington có là gì khi đứng trên mặt của “Thánh mẫu của thế giới”. Vì việc đó mà tôi đã thề sẽ không bao giờ quay lại quê hương của mình và tham gia vào việc xúc phạm thần thánh đó.

* * *

Dường như Everest đã làm tan nát cuộc sống của nhiều người. Nhiều mối quan hệ đã bị đổ vỡ. Người vợ của một trong những nạn nhân đã phải nhập viện vì bị trầm uất. Lần cuối tôi nói chuyện với một bạn đồng hành, cuộc sống của anh này đã bị xáo trộn hoàn toàn. Anh nói rằng sự căng thẳng khi phải đối mặt với những dư chấn từ chuyến leo núi có nguy cơ đe dọa cuộc sống hôn nhân của anh. Anh không thể tập trung làm việc được và bị những người lạ mặt sỉ vả và lăng mạ.

Khi quay về Manhattan, Sandy Pittman nhận ra rằng cô đã trở thành tâm điểm cho sự tức giận của công chúng về những gì xảy ra trên đỉnh Everest. Tạp chí *Vanity Fair* đăng một bài báo giễu cợt Pittman trong số tháng 8 năm 1996. Một đoàn quay phim của chương trình truyền hình lá cải *Hard Copy* đã đợi sẵn Pittman ngay trước cửa nhà của cô. Nhà văn Christopher Buckley dùng chuyến đi của Pittman làm điểm nhấn cho mục hài hước trên trang cuối của tờ *The New Yorker*. Đến mùa thu thì tình hình tồi tệ đến mức Pittman đã thổ lộ trong nước mắt với bạn mình là con trai của cô bị trêu chọc và tẩy chay ở ngôi trường tư mà cậu đang theo học. Pittman hoàn toàn ngạc nhiên và cảm thấy choáng váng trước mức độ tức giận mà công chúng trút lên Everest – và việc hầu hết sự tức giận ấy đều nhắm vào cô.

Còn đối với Neal Beidleman, anh đã cứu sống được năm khách hàng bằng cách hướng dẫn họ xuống núi, nhưng anh luôn cảm thấy ám ảnh bởi cái

chết của một khách hàng mà anh bất lực, không làm gì được dù vị khách này không thuộc đội của anh và vì thế anh cũng không có trách nhiệm trực tiếp.

Tôi trò chuyện với Beidleman sau khi chúng tôi đã yên ổn quay về nhà. Beidleman nhớ lại những gì mà anh cảm thấy khi ở ngoài trời trên Đèo Nam, co ro cùng nhóm của mình trong cơn gió khủng khiếp, cố gắng giành giật lấy sự sống cho mọi người trong cơn tuyệt vọng. Anh nhớ lại, “Ngay khi trời đủ sáng để chúng tôi xác định được vị trí của khu lều, tôi đã nói đại khái là, ‘Này, khoảng lặng của cơn bão này không kéo dài lâu đâu, chúng ta phải ĐI THÔI!’ Tôi phải la hét để mọi người tiếp tục di chuyển, nhưng rõ ràng là nhiều người không đủ sức để đi nữa, thậm chí là cả đứng lên”.

“Nhiều người khóc. Tôi nghe ai đó la lên, ‘Đừng để tôi chết ở đây!’ Rõ ràng là phải hành động ngay hoặc không còn cơ hội nào nữa. Tôi cố gắng kéo Yasuko đứng dậy. Cô ấy bám lấy tay tôi, nhưng yếu đến nỗi không thể đứng thẳng chân lên được. Tôi bắt đầu bước đi, kéo lê cô ấy được vài bước thì tay cô ấy buông dần rồi tụt ra. Tôi phải tiếp tục đi. Phải có ai đó về được đến lều để gọi giúp đỡ, nếu không mọi người sẽ chết hết”.

Beidleman dừng lại. “Nhưng tôi không thể không nghĩ về Yasuko”, anh nói tiếp, giọng nhỏ dần. “Cô ấy thật bé nhỏ. Tôi vẫn còn cảm thấy những ngón tay của cô ấy bám lấy cánh tay tôi và rồi buông ra. Tôi thậm chí đã không quay lại nhìn nữa”.

Lời chú

Bài báo của tôi trên tạp chí *Outside* làm một số người được tôi nhắc đến giận dữ, và làm đau lòng bạn bè và gia đình của một vài nạn nhân. Tôi thành thật lấy làm tiếc về điều đó – tôi không có ý làm tổn thương ai cả. Mục đích của tôi khi viết bài báo, và ở mức cao hơn là quyển sách này, là tường thuật lại những gì đã xảy ra trên ngọn núi một cách chính xác và thành thật nhất mà tôi có thể, và theo một lối thông cảm và tôn trọng. Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng câu chuyện này cần phải được kể lại. Hiển nhiên không phải ai cũng cảm thấy như vậy. Vì thế tôi xin lỗi những người đã bị tổn thương vì lời nói của tôi.

Ngoài ra, tôi cũng muốn bày tỏ lời chia buồn sâu sắc của mình đến Fiona McPherson, Ron Harris, Mary Harris, David Harris, Jan Arnold, Sarah Arnold, Eddie Hall, Millie Hall, Jaime Hansen, Angie Hansen, Bud Hansen, Tom Hansen, Steve Hansen, Diane Hansen, Karen Marie Rochel, Kenichi Namba, Jean Price, Andy Fischer-Price, Katie Rose Fischer– Price, Gene Fischer, Shirley Fischer, Lisa Pischer-Luckenbach, Rhonda Fischer Salemo, Sue Thompson và Ngawang Sya Kya Sherpa.

Trong quá trình xây dựng quyển sách này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ vô giá từ nhiều người, đặc biệt là Linda Mariam Moore và David S. Roberts. Những lời khuyên của họ không chỉ hết sức hữu ích cho tập sách này mà hơn nữa, nếu không có sự hỗ trợ và động viên của họ, tôi sẽ chẳng bao giờ kiếm sống bằng công việc viết lách này cũng như gắn bó với nó trong những năm qua.

Trên đỉnh Everest, tôi cũng đã nhận được sự giúp đỡ từ những người bạn Caroline Mackenzie, Helen Wilton, Mike Groom, Ang Dorje Sherpa, Ang Tshering Sherpa, Kami Sherpa, Tenzing Sherpa, Arita Sherpa, Chuldum Sherpa, Ngavvang Norbu Sherpa, Pemba Sherpa, Tendi Sherpa, Beck Weathers, Stuart Hutchison, Frank Fischbeck, Lou Kasischke, John Taske, Guy Cotter, Nancy Hutchison, Susan Allen, Anatoli Boukreev, Neal Beidleman, Jane Bromet, Ingrid Hunt, Ngima Kale Sherpa, Sandy Hill Pittman, Charlotte Fox, Tim Madsen, Pete Schoening, Klev Schoening, Lene Gammelgaard, Martin Adams, Dale Kruse, David Breashears, Robert Schauer, Ed Viesturs, Paula Viesturs, Liz Cohen, Araceli Segarra, Sumivo Tsuzuki, Laura Ziemer, Jim Litch, Peter Athans, Todd Burleson, Scott Darsney, Brent Bishop, Andy de Klerk, Ed February, Cathy O'Dowd, Deshun Deysel, Alexandrine Gaudine, Philip Woodall, Makalu Gau, Ken Kamler, Charles Corfield, Becky Johnston, Jim Williams, Mal Duff, Mike

Trueman, Michael Burns, Henrik Jessen Hansen, Veikka Gustafsson, Henry Todd, Mark Pfetzer, Ray Door, Gôran Kropp, Dave Hiddleston, Chris Jillet, Dan Mazur, Jonathan Pratt, và Chantal Mauduit.

Tôi rất biết ơn các biên tập viên của mình tại Nhà xuất bản Villard Books/Random House, David Rosenthal và Ruth Fecych. Tôi cũng xin cảm ơn Adam Rothberg, Annik LaFarge, Dan Rembert, Diana Frost, Kirsten Raymond, Jennifer Webb, Melissa Milsten, Dennis Ambrose, Bonnie Thompson, Brian McLendon, Beth Thomas, Caroline Cunningham, Dianne Russell, Katie Mehan, và Suzanne Wickham. Randy Rackliff đã tạo ra những bản khắc gỗ tuyệt vời.

Quyển sách này vốn ban đầu là phần việc tôi được tạp chí *Outside* giao cho. Tôi muốn bày tỏ sự biết ơn đặc biệt đến Mark Bryant, người đã hiệu đính các tác phẩm của tôi với sự thông minh và nhạy cảm hiếm có trong mười lăm năm qua, và Larry Burke, người đã cho xuất bản những tác phẩm đó. Tác phẩm Everest của tôi cũng nhận được sự đóng góp của Brad Wetzler, John Alderman, Katie Arnold, John Tayman, Sue Casey, Greg Cliburn, Hampton Sides, Amanda Stuermer, Lorien Warner, Sue Smith, Cricket Lengvel, Lolly Merrell, Stephanie Gregory, Laura Hohnhold, Adam Horowitz, John Galvin, Adam Hicks, Elizabeth Rand, Chris Czmyrid, Scott Parmalee, Kim Gattone, và Scott Mathews.

Tôi cũng chịu ơn của người đại diện xuất sắc của tôi, John Ware. Tôi xin cảm ơn David Schensted và Peter Bodde ở Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Kathmandu, Lisa Choegyal của Tiger Mountains, và Deepak Lama thuộc Wilderness Experience Trekking vì sự giúp đỡ của họ sau khi bị kịch xảy ra.

Ngoài ra, tôi cũng rất biết ơn Tom Hornbein, Bill Atkinson, Madeleine David, Steve Gipe, Don Peterson, Martha Kongsgaard, Peter Goldman, Rebecca Roe, Keith Mark Johnson, Jim Clash, Muneo Nukita, Helen Trueman, Steve Swenson, Conrad Anker, Alex Lovve, Colin Grissom, Kitty Calhoun, Peter Hackett, David Shlim, Brownie Schoene, Michael Chessler, Marion Boyd, Graern Nelson, Stephen P. Martin, Jane Tranel, Ed Ward, Sharon Roberts, Matt Hale, Roman Dial, Peggy Dial, Steve Rottler, David Trione, Deborah Shaw, Nick Miller, Dan Cauthorn, Greg Collum, Dave Jones, Fran Kaul, Deille Havlis, Lee Joseph, Pat Joseph, Pierret Vogt, Paul Vogt, David Quammen, Tim Cahill, Paul Theroux, Charles Bowden, Alison Lewis, Barbara Detering, Lisa Anderheggen-Leif, Helen Forbes, và Heidi Baye vì lòng hiếu khách, sự thân thiện, cảm hứng, thông tin và những lời khuyên giá trị.

Tôi cũng nhận được sự giúp đỡ của các nhà văn và nhà báo Elizabeth Hawley, Michael Kennedy, Walt Unsworth, Sue Park, Dile Seitz, Keith

McMillan, Ken Owen, Ken Vernon, Mike Loewe, Keith James, David Beresford, Greg Child, Bruce Barcott, Peter Potterfield, Stan Armington, Jennet Conant, Richard Cowper, Brian Blessed, Jeff Smoot, Patrick Morrow, John Colmery, Meenakshi Ganguly, Jennifer Mattos, Simon Robinson, David Van Biema, Jerry Adler, Rod Nordland, Tony Clifton, Patricia Roberts, David Gates, Susan Miller, Peter Wilkinson, Claudia Glenn Dowling, Steve Kroft, Joanne Kaufman, Howie Masters, Forrest Sawyer, Tom Brokaw, Audrey Salkeld, Liesl Clark, Jeff Herr, Jim Curran, Alex Heard, và Lisa Chase.

KHEN TẶNG

“Một trong những quyển sách mạo hiểm hay nhất của mọi thời đại.”

– Nhật Báo *Wall Street Journal*

“Được viết trong đau khổ tận cùng và chân thật đến từng chi tiết, *Tan biến* là một tác phẩm vừa thô mộc vừa sống động”.

– Nhật báo *Washington Post*

“Đặc sắc, đầy ám ảnh... Krakauer không những là một nhà leo núi hàng đầu thế giới mà còn có thể là nhà văn tiếng Anh xuất sắc nhất khi viết về môn thể thao nguy hiểm chết người này”.

– Nhật báo *San Francisco Examiner*

“Trong quyển sách hết sức xúc động này, Krakauer đã mô tả một kinh nghiệm kinh khủng đến rợn người, có thể thuyết phục cả những tay leo núi cuồng nhiệt nhất xuống núi, trở về nhà”.

– Tạp chí *Sports Illustrated*

“Một quyển sách cảm động”.

– Tạp chí *Outside*

“*Tan biến* đang được xem là ‘một trong những tác phẩm phiêu lưu mạo hiểm đáng nhớ nhất’, và quyển sách này xứng đáng với sự vinh danh ấy... Krakauer đã xuất sắc lựa chọn nhiều phương pháp để kể lại câu chuyện của mình”.

– Tạp chí *Elle*

“Krakauer đã giới thiệu các nhân vật trong quyển sách của mình cho đến khi độc giả quen thuộc, rồi dần dắt họ cùng các nhà leo núi của mình tiến lên khu vực được gọi là ‘Vùng Chết’ ở độ cao trên 7.620m”.

– Báo *San Francisco Chronicle*

“Thời gian như ngừng lại khi Krakauer, với giọng văn đầy lôi cuốn và cảm động, tường thuật lại từng phút một những gì đã xảy ra. Phần lớn các sự kiện đó gây ra những đau đớn cực độ nơi người đọc... Một câu chuyện được kể lại một cách tuyệt vời”.

– Tập san *Kirkus Reviews*

“[Krakauer] đã chứng tỏ bản lĩnh của mình trong thể loại văn xuôi khi tường thuật lại quãng thời gian trên đỉnh Everest... Ông đã lặng lẽ gây sự hồi hộp ngày càng tăng cho độc giả khi họ theo dõi chuyến leo núi xấu số từ giai đoạn chuẩn bị và tập dượt cho cuộc phiêu lưu, cho đến từng chi tiết của cơn bão định mệnh, rồi cuối cùng là cái chết và nỗi đau đớn tột cùng...”.

– Tuần báo *The New York Observer*

“*Tan biến* có thể được xem là một quyển tiểu thuyết được trau chuốt kỹ – Các nhân vật chính được phát triển trong một cốt truyện lôi cuốn đến mức thật khó lòng bỏ quyển sách xuống”

– Tập san *Amazon Reviews*

“Chuẩn bị xếp thêm một quyển sách leo núi kinh điển trên kệ sách nhà bạn... Khả năng tạo cảm xúc trong các tác phẩm của Krakauer sẽ khiến bạn ngạc nhiên”.

– Nhật báo *Los Angeles Times*

“[Một] tường thuật hấp dẫn về những sự kiện dẫn đến cái chết của hai hướng dẫn viên leo núi Rob Hall và Scott Fischer, phụ tá Andy Harris và hai khách hàng”.

– Nhật báo *Boston Herald*

“[Một] bản phân tích hấp dẫn về tấn thảm kịch”.

– Nhật báo *The Tennessean*

“*Tan biến*... tường thuật lại những gì đã xảy ra đầy mãnh liệt và căng

thắng. Đây là một quyển sách sẽ tiêu tốn của các độc giả nhiều thời gian, bởi họ sẽ khó lòng đặt nó xuống... được tường thuật lại một cách tài tình”.

– Nhật báo *Rocky Mountain News*

“Khi nói về những con người và sự việc xảy ra trên Everest mùa xuân vừa rồi, Krakauer đã tỏ ra sắc sảo và chặt chẽ trong câu chuyện thành thật và thuyết phục của mình”.

– Nhật báo *The Times-Picayune*

“Nhờ được nghiên cứu kỹ lưỡng và trình bày khéo léo, *Tan biến* đã tránh được sự cường điệu và buộc tội thái quá vốn đã ảnh hưởng nặng nề trong những bản tường thuật khác. Thay vào đó, quyển sách đã đưa ra những dữ kiện và chi tiết một cách tự nhiên, xác thực, và gần như lạnh lẽ. Vì thế, chuyện có được một giọng văn xúc động sâu sắc để vinh danh lòng dũng cảm của những con người có mặt trên ngọn núi ấy, đồng thời cũng đặt ra những câu hỏi sâu sắc và không dễ trả lời được về hành động của con người khi khủng hoảng xảy ra”.

– Tập san *Nashville Book Page*

“Krakauer đã mang đến một cái nhìn mới mẻ về thảm kịch trong tác phẩm xuất sắc *Tan biến* của ông. Trong quyển sách này, ông đã khéo léo đi vào phân tích những hiểu lầm, tính toán sai và lòng nhiệt tình sai lệch mà các thành viên trong đoàn leo núi của ông đã mắc phải và phải trả giá bằng chính sinh mạng của họ. Xét về mọi mặt, tác phẩm này xứng đáng kế thừa quyển *Into the Wild* nổi tiếng của Krakauer”.

– Nhật báo *The Cleveland Plain Dealer*

“Một tường thuật đầy căng thẳng và đau đớn về mùa leo núi tàn khốc nhất trong lịch sử đỉnh Everest... Krakauer đã thể hiện cái nhìn khó chịu về những hệ quả mà công nghệ, quảng cáo và tình trạng thương mại hóa gây ra đối với môn leo núi”.

– Tập san *Wisconsin State-Journal*

“Cũng như trong tác phẩm *Into the Wild* nổi tiếng trước đây, lần này Krakauer cũng vận dụng cách kể chuyện thấu đáo, đề cập đến từng chi tiết

và một giọng văn khiêm tốn, rõ ràng để dựng lại câu chuyện của mình”.

– Nhật báo *The Hartford Courant*

“Sự dữ dội của tấn thảm kịch thật ám ảnh, và lối hành văn hình ảnh của Krakauer khiến độc giả cảm thấy như đang tham gia vào câu chuyện”.

– Tạp chí *Publishers Weekly*

Notes

[←1]

Không phải tất cả mọi người có mặt trên núi Everest vào mùa xuân năm 1996 đều được ghi trong danh sách.

[←2]

Ramen: một loại mì Nhật Bản, có nguồn gốc từ Trung Hoa (chú thích – ND)

[←3]

The Western Cwm, đọc là /kum/, do George Leigh Mallory đặt tên trong Chuyến thám hiểm Everest năm 1921, khi ông thấy thung lũng này lần đầu tiên từ Lho La, một đèo cao nằm ở biên giới Nepal – Tây Tạng. Cwm là một từ xứ Wales, chỉ một thung lũng hay một dải vòng.

[←4]

Dụng cụ của những người vẽ bản đồ địa hành dùng để đo các góc chiều ngang và chiều thẳng đứng.

[←5]

Các cuộc đo đạc hiện đại sử dụng tia laser và các bộ truyền tính hiệu vệ tinh siêu hạng Doppler đã tăng kết quả đo đạc này lên 8m – 8.848m, đây là độ cao được chấp nhận hiện nay.

[←6]

Các đỉnh núi cao nhất thuộc mỗi châu lục bao gồm: Everest cao 8.848m (Châu Á), Aconcagua cao 6.960m (Nam Mỹ), McKinley (cũng có tên là Denali) cao 6.193,5m (Bắc Mỹ), Kilimanjaro cao 5.895m (Châu Phi), Elbrus cao 5.642m (Châu Âu), Vinson Massif cao 4.898m (Nam cực), Kosciusko cao 2.230m (Châu Úc). Sau khi Dick Bass chinh phục được tất cả bảy ngọn núi này, một nhà leo núi người Canada – Patrick Morrow tranh luận rằng đỉnh cao nhất Châu Đại Dương (vùng đất bao gồm cả Úc) không phải là đỉnh Kosciusko mà là một đỉnh núi khó hơn nhiều tại tỉnh Irian Barat của Indônêsi – đỉnh Carstensz Pyramid cao 5040m; Bass không phải là người đầu tiên chinh phục bảy ngọn núi cao nhất mà chính là ông. Đã có không ít người cho rằng có một thử thách còn khó khăn hơn việc chinh phục các đỉnh núi cao nhất ở mỗi châu lục là leo lên đỉnh núi cao thứ nhì ở mỗi châu lục đó, một số đỉnh trong số này rất khó chinh phục.

[←7]

Bass đã phải mất bốn năm để chinh phục Thất Đỉnh

[←8]

(hay Sahib) là từ người Sherpa dùng để gọi những người leo núi nước ngoài (ban đầu chỉ có những người da trắng), mang nghĩa nguyên thủy là ông/bà chủ (chú thích – ND).

[←9]

Đá mani là những khối đá phẳng, nhỏ được chạm khắc một cách tỉ mỉ các ký hiệu tiếng Phạn thể hiện lời cầu khẩn của các tín đồ Phật giáo Tây Tạng: Om mani padme hum (An ma ni bát di hồng) và được đặt dọc theo phần giữa các đường đi để tạo thành những bức tường mani dài và thấp. Nghi lễ của các tín đồ Phật giáo yêu cầu khách du lịch phải đi bên trái các bức tường mani.

[←10]

Phần lớn các con bò yak mà người ta trông thấy ở dãy Himalya thực ra chính là dzopkyo – những con bò lai giữa bò yak đực và bò thường (dzom) cái. Ngoài ra, những con yak cái thuần chủng được gọi chính xác là nak. Tuy nhiên, hầu hết người phương Tây không thể phân biệt được các con vật có bộ lông xồm xoàm này và gọi tất cả chúng là yak.

[←11]

Shangri-la là một địa danh không có thật, được miêu tả trong tác phẩm *Thiên đường đã mất* của James Milton vào năm 1933 (chú thích – ND).

[←12]

Mặc dù có quan hệ gần gũi nhưng không giống như tiếng Tây Tạng, tiếng Sherpa không có ngôn ngữ viết, vì thế người phương Tây buộc lòng phải thể hiện tiếng Sherpa dưới dạng phiên âm. Và cũng vì lý do này mà từ ngữ và tên bằng tiếng Sherpa thường không thống nhất về cách viết; chẳng hạn, trong một số trường hợp, địa danh Tengboche cũng có thể được viết là Tengpoche. Những trường hợp đa dạng biến thể này rất thường xảy ra trong các từ Sherpa.

[←13]

Tên theo tiếng Tây Tạng của Everest là Jomolungma và theo tiếng Nepal là Sagarmatha, thế nhưng hầu như mọi người Sherpa đều sử dụng cái tên Everest trong các cuộc nói chuyện hàng ngày– thậm chí ngay cả khi trao đổi với những người Sherpa khác.

[←14]

NFL – National Football League: Giải vô địch quốc gia môn bóng đá Mỹ (ND).

[←15]

Có mười bốn đỉnh núi được coi là đỉnh 8.000m: đó là các ngọn núi cao hơn 8.000m so với mực nước biển. Mặc dù ở một mức độ nào đó việc gọi tên như vậy có phần áp đặt, các nhà leo núi cũng có được uy tín/ danh tiếng đặc biệt khi chinh phục được các đỉnh núi này. Người đầu tiên chinh phục được tất cả mười bốn ngọn núi 8.000m này là Reinhold Messner vào năm 1986. Đến nay, mới chỉ có bốn nhà leo núi khác lặp lại được kỳ công này.

[←16]

Ngay từ những cuộc leo núi Everest đầu tiên, hầu hết các đoàn thám hiểm– thương mại cũng như phi thương mại– đã nhờ những người Sherpa mang hàng hóa lên núi. Là những khách leo núi trong một số chuyến đi có người hướng dẫn, chúng tôi không hề mang hàng hóa ngoại trừ một số lượng nhỏ các đồ dùng cá nhân và xét về mặt này chúng tôi khác xa những đoàn thám hiểm thời xa xưa.

[←17]

Bergschrund là thuật ngữ chỉ một vết nứt sâu xác định điểm tận cùng phía trên của một sông băng. Nó xảy ra do sông băng trượt khỏi các vách dốc ở ngay phía trên, tạo ra một kẽ hở lớn giữa sông băng và núi đá.

[←18]

Một trò thách đố của một số quý tộc Nga, được đặt cược bằng chính sinh mạng– bỏ một viên đạn vào súng lục ổ quay, xoay rồi bóp cò. Xác suất trúng đạn là $1/6$ (ND).

[←19]

Mặc dù tôi sử dụng từ “thương mại” để chỉ bất kỳ đoàn thám hiểm nào được tổ chức nhằm kiếm tiền, nhưng không phải đoàn thám hiểm thương mại nào cũng có người hướng dẫn. Chẳng hạn, Mal Duff– vốn chỉ thu khách hàng của mình một khoản phí ít hơn rất nhiều so với 65.000 đô la mà Hall và Fischer yêu cầu– cung cấp trường đoàn và những thứ cần thiết để leo lên ngọn Everest (như lương thực, lều trại, bình oxy, dây cố định, các nhân viên hỗ trợ người Sherpa, v.v.) nhưng lại không có người hướng dẫn: người leo núi trong nhóm của anh ta được xem là đã có những kỹ năng cần thiết để tự mình leo lên và xuống ngọn Everest an toàn.

[←20]

Một chú gà trong truyện cùng tên, bị một quả sồi rơi trúng đầu và hoảng hốt thông báo cho cả ngôi làng rằng bầu trời sắp sụp xuống (ND).

[←21]

Móc hình chữ D có khóa hay lưỡi gà ở miệng (ND).

[←22]

Những cọc nhỏ bằng nhôm dài gần 80cm được sử dụng để cố định dây thùng và thang vào các con dốc đầy tuyết. Nếu địa hình là băng đá cứng, một loại “vít tuyết” được dùng đến. Những con “vít tuyết” này rộng, có ren, và dài đến 25cm để có thể gắn sâu vào trong băng tuyết cứng.

[←23]

Mặc dù trước đây Yasuko đã từng sử dụng để đỉnh trong các cuộc leo núi Aconcagua, McKinley, Elbrus, và Vinson, nhưng không có cuộc leo núi nào trong số này liên quan nhiều (nếu có) đến việc leo núi băng: địa hình của các dãy núi trên hầu như gồm toàn dốc băng tương đối thoải hay các sườn núi đầy sỏi.

[←24]

Một kiểu chơi chữ của từ Everest (ND).

[←25]

Belay là một thuật ngữ trong leo núi dùng để chỉ việc giữ chắc một sợi dây thừng để đảm bảo an toàn cho những người đồng đội của mình khi họ leo.

[←26]

National Park Service: một ủy ban thuộc Bộ Nội vụ Hoa kì. Dịch vụ Công viên Quốc gia có nhiệm vụ bảo tồn các cảnh quan tự nhiên, môi trường hoang dã, các di tích và hiện vật lịch sử. Bên cạnh đó, ủy ban cũng chịu trách nhiệm quản lý các dịch vụ tham quan các điểm này cho công chúng (ND).

[←27]

Mặc dù chuyến thám hiểm của Neby được gọi là “solo”. Nhưng anh ta đã thuê 18 người Sherpa để thò hàng hóa, dây cố định, dựng trại và dẫn đường cho anh ta.

[←28]

Chỉ những vận động viên có tên trong giấy phép chính thức được cấp phép – với lệ phí 10.000 đô la mỗi người – được leo lên cao hơn Trạm Căn cứ. Quy định này được áp dụng hết sức chặt chẽ. Những trường hợp vi phạm sẽ bị phạt rất nặng và trục xuất ra khỏi Nepal

[←29]

Không nên nhầm lẫn anh ta với người Sherpa cùng tên trong đoàn thám hiểm Nam Phi. Ang Dorje – giống như Pemba, Lhakpa, Ang Tshering, Ngawang, Dawa, Nima và Pasang – là những tên gọi rất phổ biến của những người Sherpa. Việc nhiều người trên ngọn Everest vào năm 1996 là một nguyên nhân dẫn tới sự nhầm lẫn

[←30]

Sirda là chức danh chỉ người thủ lĩnh Sherpa, chịu trách nhiệm về những người Sherpa khác trong đoàn. Đoàn của Hall có một người chỉ huy tại Trạm Căn cứ tên là Ang Tshering chịu trách nhiệm quản lý tất cả những người Sherpa mà đoàn thám hiểm thuê; Ang Dorje, người thủ lĩnh leo núi, báo cáo trực tiếp cho Ang Tshering nhưng giám sát những người Sherpa khi họ đang leo núi phía trên Trạm Căn cứ

[←31]

Nguyên nhân của chứng bệnh được cho là do sự thiếu hụt oxy, cùng với áp lực tăng cao trong các động mạch phổi đã làm cho các dịch trong động mạch tràn vào phổi

[←32]

Mặc dù được tuyên truyền rộng rãi là “đường truyền tương tác, trực tiếp giữa Everest và World Wide Web”, thế nhưng những hạn chế về mặt kỹ thuật đã khiến các phóng viên ở Trạm Căn cứ thậm chí không thể vào Internet được. Thay vào đó, họ gửi bài về tòa soạn bằng fax hoặc đọc qua điện thoại vệ tinh. Sau đó, chúng được nhập liệu và đưa lên mạng bởi các biên tập viên ở New York, Boston, và Seattle. Email được nhận tại Kathmandu, sau đó in ra và chuyển lên Trạm Căn cứ bằng bò yak. Tương tự như vậy, hình ảnh trên web đầu tiên được chuyển xuống núi bằng bò yak, rồi gửi chuyển phát nhanh đến New York. Các cuộc trò chuyện trực tuyến được thực hiện nhờ vào điện thoại vệ tinh và các nhân viên đánh máy tại New York.

[←33]

PBS – Public Broadcasting Service: mạng lưới các kênh truyền hình công cộng ở Hoa Kỳ (chú thích – ND)

[←34]

Nhiều tờ báo và tạp chí nhầm tôi là một phóng viên của trang Outside Online. Sự nhầm lẫn này bắt đầu từ lúc Jane Bromet phỏng vấn tôi và cho đăng nội dung cuộc phỏng vấn lên trang web Outside Online. Tuy nhiên, tôi không hề có chút liên hệ nào với Outside Online. Tôi đến Everest dịp này theo sự phân công công tác của Tạp chí Outside, một thực thể độc lập có trụ sở tại Santa Fe, New Mexico, có hợp tác ở mức độ hạn chế với trang Outside Online (đặt trụ sở tại Seattle) để xuất bản tờ tạp chí dưới dạng điện tử trên Internet. Tuy nhiên, cả tạp chí Outside và Outside Online hoàn toàn độc lập với nhau đến mức tôi không hề biết rằng Outside Online có cử phóng viên tới Everest mãi đến khi tôi đến Trạm Căn cứ.

[←35]

Một loại áo da có mũ trùm đầu của người Eskimo

[←36]

Cây đậu thần của Jack: câu chuyện cổ tích kể về một cậu bé tên Jack tình cờ có được hạt giống của một loại đậu kỳ lạ, có thể mọc cao thành một chiếc thang, dẫn cậu vào một thế giới khác (Chú thích – ND)

[←37]

Jumar (còn được gọi là thiết bị leo cơ học) là một dụng cụ có kích thước bằng chiếc vít kẹp chặt sợi dây thừng bằng một cam kim loại. Chiếc cam này cho phép chiếc jumar di chuyển lên phía trên mà không bị cản lại, nhưng lại kẹp chặt lấy sợi dây thừng khi bị kéo xuống. Vì vậy, về cơ bản, bằng cách trượt thiết bị này lên, vận động viên leo núi có thể leo lên sợi dây cố định.

[←38]

Các lá cờ cầu nguyện được in những bài chú linh thiêng của Phật giáo – phổ biến nhất là Om mani padme hum – được gửi lên Đức Phật qua mỗi lần phất phới của ngọn cờ. Thường thì những lá cờ cầu nguyện còn có hình một con ngựa có cánh cùng với những lời cầu nguyện; ngựa là một sinh vật thiêng liêng trong vũ trụ quan của người Sherpa và người ta tin rằng ngựa sẽ đem những lời cầu nguyện lên trời với tốc độ đặc biệt. Người Sherpa gọi những lá cờ cầu nguyện này là lung ta, nghĩa là “ngựa gió”.

[←39]

Bình luận viên của Hiệp hội Bóng đá Quốc gia Hoa Kỳ (ND).

[←40]

Bromet đã rời Trạm Căn cứ vào giữa tháng 4 và trở về Seattle, nơi cô tiếp tục cập nhật những bài báo nhanh trên Internet về chuyến thám hiểm của Fischer cho tờ Outside Online; cô ấy chủ yếu dựa vào những cuộc điện thoại cập nhật thường xuyên của Fischer để cung cấp thông tin cho bài báo của mình.

Những bình oxy đã hết chất đầy trên Đèo Nam đã tích tụ tại đây từ những năm 1950, tuy nhiên nhờ chương trình dọn rác bắt đầu từ năm 1994 bởi đoàn thám hiểm Sagarmatha Environmental của Fischer, bây giờ những bình này đã ít hơn so với trước kia. Phần lớn công lao thuộc về một thành viên của đoàn thám hiểm đó có tên là Brent Bishop (con trai của ông Barry Bishop quá cố, một nhà nhiếp ảnh lỗi lạc của kênh National Geographic, vốn đã chinh phục đỉnh núi vào năm 1963); Brent đã khởi xướng một chính sách khuyến khích cực kỳ thành công do công ty Nike tài trợ, theo đó những người Sherpa sẽ được thưởng một khoản tiền mỗi khi họ mang được một bình oxy từ Đèo Nam xuống. Trong số những công ty tham gia hướng dẫn lên ngọn Everest, công ty Adventure Consultants của Rob Hall, Mountain Madness của Scott Fischer và Alpine Ascents International của Todd Burleson đã nhiệt tình hưởng ứng chương trình của Bishop, kết quả là họ đã mang xuống được hơn 800 bình oxy kể từ năm 1994 đến năm 1996.

[←42]

Những khách hàng vắng mặt trong nhóm leo lên đỉnh của Fischer gồm có Dale Kruse ở lại Trạm Căn cứ để phục hồi sau lần mắc chứng HACE gần đây nhất, và Pete Schoening – nhà leo núi kỳ cựu 68 tuổi – được yêu cầu không leo lên quá Trại Ba sau khi kết quả điện tâm đồ của ông được các bác sĩ Hutchison, Taske và Mackenzie chẩn đoán rằng nhịp tim của ông có một bất thường nghiêm trọng tiềm ẩn.

[←43]

Hầu hết những người Sherpa leo núi trên ngọn Everest vào năm 1996 đều muốn có cơ hội lên tới đỉnh. Động cơ của họ cũng đa dạng như của vận động viên leo núi phương Tây; nhưng ít nhất có một phần là vì sự đảm bảo công việc: như Lopsang giải thích: “Sau khi một người Sherpa chinh phục được đỉnh Everest, anh ta sẽ dễ dàng kiếm việc. Mọi người đều muốn thuê anh ta”.

[←44]

Terai: một khu vực đầm lầy nằm dưới chân dãy Himalaya thuộc Bắc Ấn Độ và Nam Nepal (ND)

[←45]

Chiếc điện thoại đã không hề hoạt động tại Trại Bốn.

[←46]

Pittman và tôi đã thảo luận việc này và nhiều sự kiện khác trong một cuộc nói chuyện dài bảy mươi phút sáu tháng sau khi trở về từ Everest. Ngoài việc làm rõ một số điểm nhất định liên quan đến chuyện kéo dây này, cô ta yêu cầu tôi không được trích dẫn bất cứ phần nào của cuộc nói chuyện vào cuốn sách, và tôi đã tôn trọng lời yêu cầu này.

[←47]

Phẫu thuật RK là một phương pháp phẫu thuật để điều chỉnh tật cận thị. Bác sĩ sẽ thực hiện một loạt vết rạch hình nan hoa từ cạnh ngoài của giác mạc vào trong trung tâm, và do đó làm cho giác mạc trở nên phẳng hơn.

[←48]

Một cụm từ tiếng Hoa (công hợp) có nghĩa là “cùng nhau làm việc”, lần đầu tiên được Rewi Allye, người New Zealand, sử dụng. Đây cũng là khẩu hiệu của Đội biệt kích Carlson trong Thế chiến thứ hai. Đơn vị này được thành lập 7 tuần sau trận Trân Châu Cảng và những chiến công của họ được ghi trong quyển sách Gung Ho! của W.S. Francois. Khi quyển sách này được chuyển thể thành phim với sự tham gia diễn xuất của diễn viên gạo cội Randolph Scott, thuật ngữ Gung Ho được nhiều người biết đến. Ngày nay, từ này có nghĩa là quá hăng hái một cách liều lĩnh (ND).

[←49]

Mặc dù một người leo núi khỏe mạnh có thể phải cần ba giờ đồng hồ để leo 305 mét đứng, nhưng trong trường hợp này đoạn đường hầu như là địa hình bằng phẳng; do đó cả nhóm đã có thể vượt qua trong khoảng mười lăm phút nếu họ biết khu trại nằm ở đâu.

[←50]

Mãi đến lúc tôi phỏng vấn Lopsang ở Seattle vào ngày 25 tháng 7 năm 1996, tôi mới biết rằng anh ta đã trông thấy Harris vào ngày 10 tháng 5. Mặc dù trước đây tôi đã nhiều lần nói chuyện với Lopsang, nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc hỏi anh ta xem có gặp Harris trên Đỉnh Nam không, bởi vì vào lúc đó tôi vẫn chắc rằng tôi đã nhìn thấy Harris tại Đèo Nam, 914m dưới Đỉnh nam vào lúc 6 giờ 30 tối. Hơn nữa, trước đó Guy Cotter cũng đã hỏi Lopsang rằng trước đó có trông thấy Harris không, và vì một lý do nào đó – có lẽ do hiểu lầm câu hỏi – lần đó Lopsang đã nói không.

[←51]

Sáng sớm hôm sau trong khi đang lùng sục trên Đèo Nam để tìm kiếm Andy Harris, tôi đã tình cờ thấy những dấu đinh lò mờ do Lopsang để lại trên vùng băng dẫn lên trên từ mép cửa Mặt Lhotse và đã tưởng rằng chúng là những dấu đinh của Harris hướng xuống Mặt Lhotse – đó chính là lý do tôi nghĩ rằng Harris đã trực chân khỏi mép vực của Đèo Nam.

[←52]

Tôi đã thuật lại rất chắn chắn rằng tôi đã trông thấy Harris trên Đèo Nam lúc 6 giờ 30 tối, ngày 10 tháng 5. Khi Hall nói rằng Harris đang ở với mình trên Đỉnh Nam – khoảng 914m ở phía trên nơi tôi nói tôi đã trông thấy anh ta – hầu hết mọi người, vì sự sai lầm của tôi, đã nhầm lẫn cho rằng lời nói của Hall chỉ là lời nói không mạch lạc của một người mệt lử và đã bị giảm oxy huyết trầm trọng.

[←53]

Tên của một phi công vũ trụ luôn lo lắng rằng mình sẽ trở nên nổi tiếng trên toàn thế giới, trong đĩa đơn Space Oddity (1969) của David Bowie (ND).

[←54]

Để tránh nhầm lẫn, tất cả thời gian trích dẫn trong chương này đã được đổi thành giờ Nepal, mặc dù những sự việc tôi miêu tả diễn ra tại Tây Tạng. Giờ ở Tây Tạng thuộc múi giờ Bắc Kinh, nó nhanh hơn giờ Nepal hai giờ mười lăm phút – chẳng hạn 6 giờ sang ở Nepal sẽ là 8 giờ sang ở Tây Tạng.

Năm 1996, đoàn của Rob Hall chỉ trải qua tám đêm tại Trại Hai (6.492m) hoặc cao hơn trước khi bắt đầu chinh phục đỉnh núi từ Trạm Căn cứ. Ngày nay đây là một khoảng thời gian thích nghi điển hình. Trước năm 1990, những người leo núi thường trải qua khoảng thời gian dài hơn nhiều tại Trại Hai hoặc cao hơn – bao gồm ít nhất một chuyến tập huấn thích nghi ngắn lên độ cao 7.925m – trước khi bắt đầu leo lên đỉnh núi. Mặc dù giá trị của việc thích nghi ở độ cao đến tận 7.925m vẫn còn không chắc chắn (những hậu quả tai hại của việc ở trên một độ cao như vậy có thể còn nhiều hơn những lợi ích mà nó mang lại), nhưng không ai nghi ngờ rằng việc kéo dài thêm khoảng thời gian thích nghi hiện tại là tám hoặc chín đêm ở độ cao từ 6.400m đến 7.315m sẽ đem lại độ an toàn cao hơn.